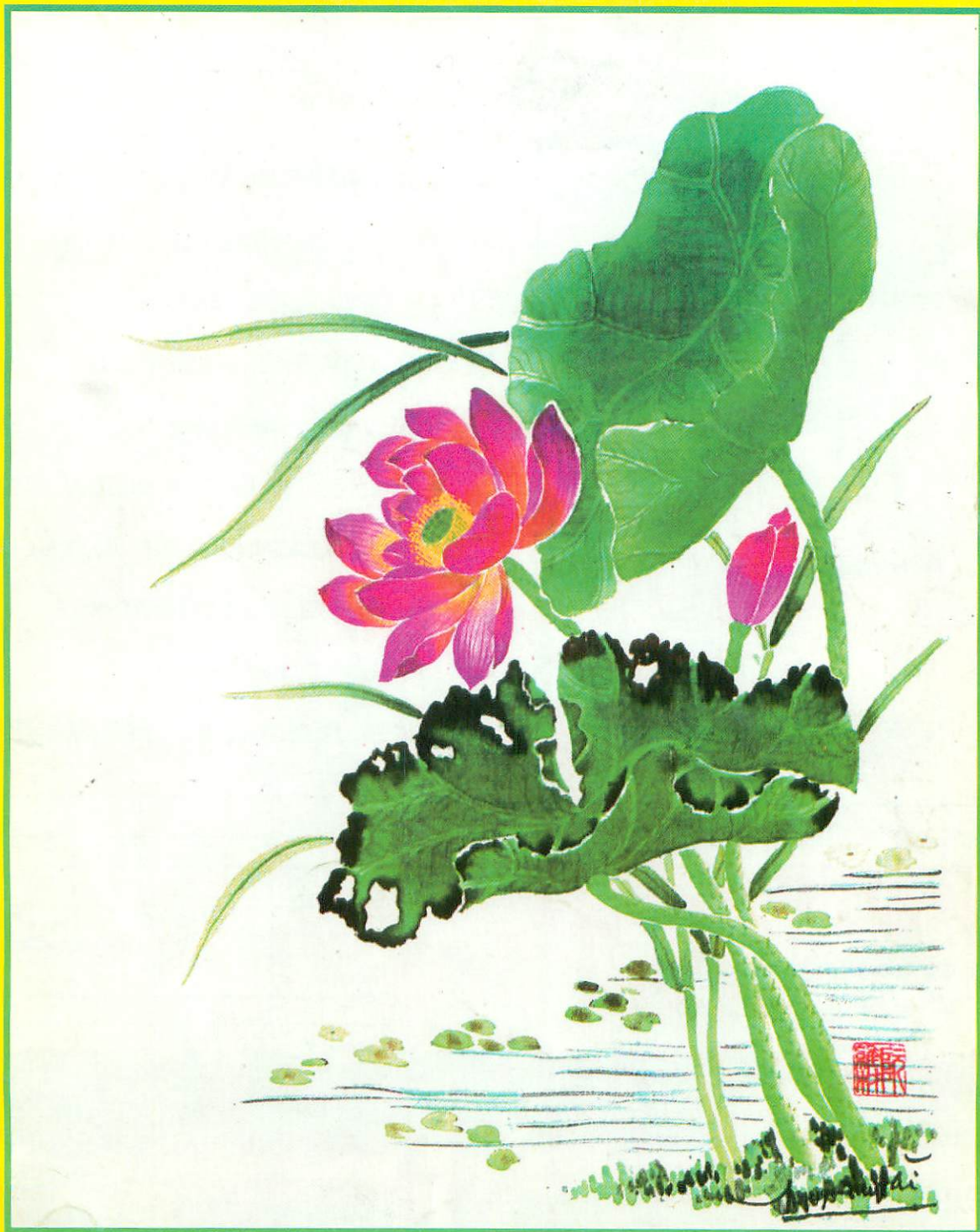


PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận của Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo
và Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ



SỐ
11

Kinh Mừng Phật Đản 2541

Bác Sĩ Nha Khoa TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG

Hội viên Americal Dental Association
Hội viên Academy Of General Dentistry
Hội viên California Dental Association



- ☐ DÙNG MÁY SIÊU ÂM (ULTRASONIC)
- ☐ KHÁM RĂNG TỔNG QUÁT VÀ ĐỊNH KỲ
- ☐ TRỊ BỆNH NƯỚC RĂNG
- ☐ NHA KHOA PHÒNG NGỪA
- ☐ CHỮA, NHỔ RĂNG CHO TRẺ EM VÀ NGƯỜI LỚN
- ☐ NHA KHOA THẨM MỸ DÙNG U.V. LIGHT SỬA VÀ LÀM ĐẸP CÁC RĂNG CỦA HƯ, XẤU HOẶC HỖ
- ☐ TẨY TRẮNG RĂNG (BLEACHING)
- ☐ LÀM ĐỦ LOẠI RĂNG GIẢ
(FIXED, REMOVABLE PROSTHODONTIC)

VÙNG SAN FERNANDO VALLEY



(818) 708-7280

18554 Sherman Way
Reseda, CA 91335

Roscoe			
Saticoy			
Sherman Way			
Vanowen	Wilbur	Amigo	Reseda

← NHA SĨ TRẦN NGỌC TÂM HƯƠNG

Giờ làm việc:

THỨ BA - THỨ BẢY: 9AM - 7PM

CHỦ NHẬT: 9AM - 4PM

NGHỈ THỨ HAI

Nhận BẢO HIỂM, MEDICAL, TRẢ GÓP
Xử dụng máy móc tối tân
và kỹ thuật hiện đại để phòng ngừa bệnh
truyền nhiễm trong khi điều trị.

**KHÁM BỆNH THEO HẸN. ĐẶC BIỆT VĂN PHÒNG MỞ CỬA NGÀY CHỦ NHẬT.
Trường hợp khẩn cấp, xin đến thẳng văn phòng.**

CÔNG TY ĐỊA ỐC VÀ TÀI TRỢ

Imperial Realty

20201 SHERMAN WAY # 106B
CANOGA PARK, CA 91306



TONY TOÀN BÙI
BROKER/OWNER
Pager: (818) 420-4848

Tel: (818) 700-1111

HELEN HOA PHAN
BROKER ASSOCIATE

DENNIS NGUYEN
BROKER ASSOCIATE

JOHN NGUYEN
REALTOR ASSOCIATE

PAULA NGUYEN
REALTOR ASSOCIATE

BORA NGAY
REALTOR ASSOCIATE

- * ĐÃ TỪNG ĐƯỢC SỰ TÍN NHIỆM CỦA QUÍ THÂN CHỦ TỪ 14 NĂM QUA.
- * CHỈ CẦN KHOẢNG \$5,000 QUÍ VỊ CÓ THỂ LÀM CHỦ CĂN NHÀ. TIỀN HÀNG THÁNG VẪN RẺ HƠN MƯỜN NHÀ.
- * ĐẶC BIỆT CHUYÊN GIẢI QUYẾT VỚI LENDER NHỮNG CĂN NHÀ GIÁ TRỊ THẤP HƠN SO VỚI NỢ MÌNH ĐANG TRẢ, HOẶC BÁN NHÀ KHÔNG TRẢ LỆ PHÍ.
- * KINH NGHIỆM NHIỀU NĂM THƯƠNG LƯỢNG VỚI LENDER CÁC VẤN ĐỀ MÀ HẦU HẾT CHÚNG TA ĐỀU GẶP PHẢI.
- * PHÂN LỜI THẤP, CƠ HỘI REFINANCE ĐỂ GIẢM TIỀN HÀNG THÁNG.

CÓ CHƯƠNG TRÌNH FHA VÀ VA.

ĐẶC BIỆT:

**CÓ THỂ VAY \$25,000 ĐỂ SỬA CHỮA NHÀ
CỬA TRONG VÒNG 2 TUẦN**

MASOOD MOHAMMADI
REALTOR ASSOCIATE

DAVID VU
MANAGER

KEVIN VU
BROKER ASSOCIATE

TIFFANY VU
REALTOR ASSOCIATE

HOWARD HAI VU
REALTOR ASSOCIATE

BINH NGO
REALTOR ASSOCIATE

ĐẾN VỚI CHÚNG TÔI LÀ GIẢI QUYẾT ĐƯỢC HẾT MỌI SỰ KHÓ KHĂN CỦA QUÝ VỊ

Phật-Học-Viện Quốc-Tên

9250 Columbus Ave.
North Hills, CA 91343 - U.S.A.
Tel. (818) 893-5317

- ☼ - Là nơi có đủ các loại kinh sách giá trị và pháp khí để cung ứng nhu cầu cho những hành giả tu học đạo giác ngộ giải thoát.
- ☼ - Là nơi đào tạo nhân tài Phật giáo để phục vụ đạo pháp và dân tộc.
- ☼ - Là nơi bồi dưỡng trí tuệ và từ bi cho người có ý chí cầu ti trên đường thánh thiện hóa thân tâm.



TEL. (818) 347-1222
PAGER. (818) 372-4961
RES. (818) 704-7056
FAX. (818) 347-3924

NATIONWIDE REALTY

19762 Sherman Way., Canoga Park, CA 91306

MUA BÁN VÀ TÀI TRỢ ĐỊA ỐC

CHUYÊN MÔN

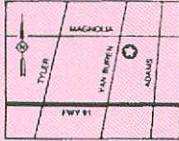
- Giúp đồng hương mua bán nhà đất, cơ sở thương mại và chung cư.
- Giúp đồng hương vay tiền để mua nhà, sửa nhà hay tái tài trợ. Đặc biệt thiết lập mọi thủ tục cần thiết cho quý vị mới mua nhà lần đầu để có đủ điều kiện vay tiền mặc dù chưa đủ credit.
- Thương lượng với ngân hàng giúp giải quyết những bất động sản mà giá trị thấp hơn so với số nợ phải trả hoặc bán nhà mà không cần phải trả lệ phí.

NHIỀU KINH NGHIỆM — RẤT THÀNH THẬT
TẬN TÂM — KÍN ĐÁO — NHANH CHÓNG

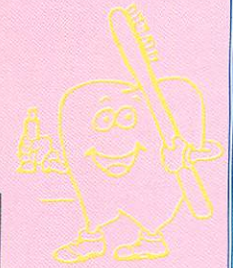
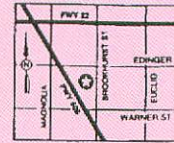
TRUNG TÂM NHA KHOA PACIFIC DENTAL GROUP, INC.

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

Nguyễn Thị Ngọc Liên, D.D.S.



* Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA.
* Hội Viên Của A.D.A., C.D.A., O.C.D.S.



ĐỊA ĐIỂM 1

3693 VAN BUREN Blvd.
RIVERSIDE, CA 92503
(909) 785-5858

HÃY GỌI:

1-800 RĂNG TỐT
1-800-726-4868

ĐỊA ĐIỂM 2

16051-D BROOKHURST St.
FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
(714) 775-5858 - (góc Edinger)

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, nhổ răng, tiểu giải phẫu.
- * Lấy gân máu.
- * Trị bệnh nướu răng: Nướu sưng, chảy máu, hôi miệng.
- * Làm răng giả các loại: Dính liền hay tháo rời.

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Ngừa sâu răng và theo dõi trẻ em trong thời kỳ thay răng để tránh răng mọc lệch lạc.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng sứt mẻ, thưa hay đổi màu bằng Cosmetic Bonding hay Porcelain Veneer.

CHÍNH RĂNG

- * Chữa răng hô, móm, mọc lệch lạc bằng niềng răng.

Giờ mở cửa:

THỨ HAI - THỨ BẢY
10 am -- 6 pm

Điều kiện dễ dàng cho quý vị trả tiền mặt.
Nhận MEDICAL - INSURANCE - VISA
MASTER CARD - CASH

- Nhẹ nhàng - Tận tâm - Kỹ lưỡng.
- Phòng mạch sạch sẽ thoải mái.
- Chữa trị theo kỹ thuật hiện đại nhất.
- Dụng cụ được khử trùng theo tiêu chuẩn OSHA để tránh lây bệnh truyền nhiễm.

ĐẶC BIỆT: Văn phòng chúng tôi có máy điện tử nhỏ RỌI RĂNG để bệnh nhân biết rõ tình trạng của răng và được giải thích hướng dẫn chữa trị chính xác.

All Real Estate Funding

CÔNG TY TÀI TRỢ ĐỊA ỐC CHUYÊN NGHIỆP

19762 Sherman way., Canoga Park, CA 91306
(góc đường Corbin & Sherman Way)

Tel. (818) 347-9798 * Fax. (818) 347-3924

Công Ty Địa Ốc và Tài Trợ

uy tín và nhiều kinh nghiệm nhất trong vùng San Fernando Valley và phụ cận. Tận tình giúp quý vị mua bán bất động sản, vay tiền và mượn tiền từ các ngân hàng hay các nhà đầu tư địa ốc.



QUÝ VỊ CẦN VAY TIỀN

Mua Nhà * Refinance

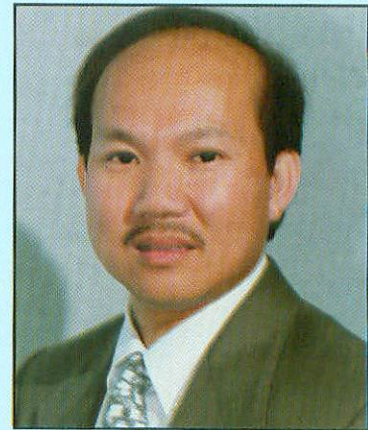


Xin Gọi

ALL REAL ESTATE FUNDING

ĐẶC BIỆT

- LỆ PHÍ NHẸ, TIỀN LỜI THẤP
- TIỀN PHÍ TỔN KHI HỒ SƠ HOÀN TẤT SẼ ĐÚNG NHƯ LÚC BAN ĐẦU QUÝ VỊ ĐÃ ĐỒNG Ý.
- NHIỀU CHƯƠNG TRÌNH THÍCH HỢP CHO MỌI HOÀN CẢNH.
- 30 NĂM CỐ ĐỊNH: 7.25%
- 15 NĂM CỐ ĐỊNH: 6.75%



RICHARD MƯỜI TRƯƠNG
BROKER / OWNER



MONA MƯỜI TRƯƠNG
REAL ESTATE BROKER
SR. LOAN OFFICER

UY TÍN * TẬN TÂM * NHANH CHÓNG * KINH NGHIỆM

Tạp Chí
PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

Cơ quan ngôn luận
của Văn Phòng II Viện Hóa Đạo
và GHPGVNTNHN-HK



Chủ nhiệm:

H.T. Thích Đức Niệm

Chủ bút: **Quảng Thành**

Phụ tá chủ bút: **Tâm Huy**

Tổng thư ký: **Tâm Quang**

Thủ quỹ: **Thanh Chánh**



Đăng quảng cáo xin liên lạc:

Sư Cô Diệu Tánh

☎ : (818) 893-5317



Ngân chi phiếu xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

9250 Columbus Ave.,

North Hills, CA 91343-USA

☎ : (818) 893-5317



Thư từ và bài đăng báo xin gửi về:

PHẬT GIÁO HẢI NGOẠI

P.O. BOX 7659

Van Nuys, CA 91409-7659 USA

☎ : (818) 893-5317

*Bài vở đăng tải trên PGHN không nhất
thiết phản ảnh quan điểm của tòa soạn.*

*Bài gửi đăng PGHN xin đánh máy hay
viết tay rõ ràng để đọc để tránh nhầm lẫn
về nội dung cũng như hình thức bài gốc.*

*Ngoài bút hiệu, xin ghi tên thật và địa
chỉ, điện thoại để tòa soạn có thể liên lạc
khi cần.*



SỐ 11, KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN PL 2541, THÁNG 05/1997

Mục Lục

Thư Kêu Gọi của <i>Tòa Soạn PGHN</i>	2
Thông điệp Phật Đản của GHPGVNTNHN-HK	3
Phật Đản với chúng ta, <i>HT Thích Đức Niệm</i>	5
Đóa Hoa Chân Lý, thơ <i>HT Thích Đức Nhuận</i>	7
Đức Phật, thơ <i>Thuyền Ấn</i>	7
Dẫn vào thế giới Thiền học của TS Liễu Quán, <i>Huỳnh Kim Quang</i>	8
Mơ về Phố Nội, thơ <i>Hạ Uyên</i>	12
Nền tảng Phật Triết trong Luận tạng Pàli, <i>Hoàng Hà Thanh</i>	13
Tư tưởng Phật giáo trong thi văn đời Lý, <i>HT Thích Thắng Hoan</i>	19
Khởi tâm, thơ <i>Quảng Thọ</i>	26
Tách nhân quyền khỏi kinh tế dẫn tới..., <i>Lý Đại Nguyên</i>	27
Xuân-Hạ-Thu-Đông, Mẹ vẫn đợi ngày Xuân mới, thơ <i>Vũ Hối</i>	31
Một vài nhận xét về Đạo Phật, <i>Đông Phương Mai Lý Cang</i>	32
Nhân quả Xuất thế gian, <i>Thiện Bửu</i>	35
Trái tim Bồ tát, Xuân thiền tự, thơ <i>Thúy Trúc</i>	41
Ai người hào kiệt, Chẳng đi về đâu, thơ <i>Ngô Hưng</i>	42
Cuộc du hành sang Lạp Tát của Tây Tạng, <i>HT Thích Trí Chơn</i>	43
Phật giáo và Y khoa trị liệu, BS <i>Trần Xuân Ninh</i>	46
Quá bước, thơ <i>T. Tâm Văn</i>	50
Thương về Quốc Học xa xưa, <i>Thái Văn Kiềm</i>	51
Trong thoáng gặp thiên thu, thơ <i>Như Yến</i>	57
Sư Vạn Hạnh và Pháp nạn, Quốc nạn, <i>Thiện Ngọc</i>	58
Quan niệm Sử học & Triết học của Duy Thức, <i>Th. Thắng Hoan</i>	61
Đường tu, thơ <i>Tín Nghĩa</i>	65
Một nền văn hóa nhân bản thực sự, <i>Thích Tâm Quang dịch</i>	66
Thằng bé, truyện ngắn <i>Diệu Nga</i>	69
Đứng ngắm rừng cây đêm tuyết phủ, thơ <i>Robert Frost, Lê Vân dịch</i>	76
Vũ trụ chỉ là một khái niệm, <i>Minh Giác Nguyễn Học Tài</i>	77
Huyền nghi, Vong, thơ <i>Phù Du</i>	81
Đứng trên tất cả, <i>Vĩnh Hảo</i>	82
Tin tức sinh hoạt của <i>Giáo Hội trong và ngoài nước</i>	92
Hình ảnh sinh hoạt	98
Tri ân	99
Thư mục kinh sách của Phật Học Viện Quốc Tế	100
Quảng cáo	105

Hình bìa: Mùa Sen Nở, của Bác sĩ Nguyễn Duy Tài

THƯ KÊU GỌI CỦA TÒA SOẠN PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

Kính bạch chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa, Đại-Đức Tăng Ni,

Kính thưa quý độc-giả Phật-tử, quý vị văn thi hữu cùng quý thân chủ quảng cáo trên báo Phật-Giáo Hải-Ngoại.

Trước hết, tòa soạn chúng tôi một lần nữa niệm ân thành tình hỗ trợ vật chất và tinh thần quý báu của quý vị trong thời gian qua ; nhờ vậy mà PGHN còn tiếp tục tồn tại đến ngày hôm nay. Tuy nhiên, PGHN cuối cùng lại rơi vào một thông lệ rất bất bênh, đó là : biến thành loại báo biểu vô điều kiện (free). Điều này xét ở khía cạnh lạc quan, chúng ta thấy nó thể hiện được sự cởi mở, khoáng đạt của tinh thần nhà chùa. Nhưng thực tế thì đó lại là một vấn nạn mà nhân viên tòa soạn là những người trực tiếp phải đối đầu.

Với số lượng in mỗi số là 5,000 bản, cộng thêm cước phí để gửi báo biểu đi khắp thế giới (tiền cước phí bằng 1/3 tiền in báo), quả là tòa soạn PGHN thật vô cùng khó khăn. Sự đóng góp của một số Chư Tôn Đức và Phật-tử (được liệt kê mỗi kỳ trong mục TRI-ÂN) cũng như sự ủng hộ của các thân chủ quảng cáo, đã biểu hiện cả nhiệt tình đối với PGHN ; tuy nhiên, so với mức chi ra, hãy còn là con số khiêm nhường có thể nhận thấy rõ.

Vậy, hôm nay PGHN xin có thư này đến toàn thể Chư Tôn Đức và quý độc-giả Phật-tử gần xa, thiết tha kêu gọi sự hỗ trợ tích cực của quý vị để duy trì sự sống còn của tờ báo. Chư Tôn Đức, chư Phật-tử và thân chủ quảng cáo từng ủng hộ tịnh tài cho PGHN, xin hoan hỷ tiếp tục ủng hộ ; quý Phật-tử chưa có cơ hội đóng góp, xin hoan hỷ phát tâm góp phần vào để cứu vớt các chi phí quá lớn của tờ báo. Dĩ nhiên, đây chưa phải là giải pháp hay nhất để giải quyết tình trạng tài chánh bất bênh của tòa soạn, nhưng còn nước thì còn tát. Muốn sự trồng cây vào nhiệt tâm của quý vị. Thành thật tri ân.

Nam-Mô Công-Đức-Lâm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát

TÒA - SOẠN PHẬT - GIÁO HẢI - NGOẠI

GÓP PHẦN ỦNG HỘ MUA BÁO DÀI HẠN

(Mỗi năm 3 số nhằm Lễ Phật-Đản, Lễ Vu-Lan và Tết Nguyên-Đán)

- ✈ Độc-giả ở Hoa-Kỳ và Gia-Nã-Đại, gửi báo bằng đường bay (air mail) **15MK một năm.**
- ✈ Độc-giả ở các Châu Á, Âu và Úc, gửi báo bằng đường bay (air mail) **20MK một năm.**

☺ Ủng hộ vô điều kiện được ghi phương danh ở mục TRI AN của tập san.

✉ Ngân phiếu ủng hộ, hoặc mua báo dài hạn xin để : **PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI**

✉ *Thư từ mua báo hoặc ủng hộ báo* xin gửi về địa chỉ :

PHẬT-GIÁO HẢI-NGOẠI

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A

☎ Điện thoại: **(818) 893-5317**

Thông Điệp Phật Đản 2541 - 1997

CỦA HỘI ĐỒNG ĐẠI DIỆN
GIÁO-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM THỐNG-NHẤT HẢI-NGOẠI TẠI HOA-KY
VĂN PHÒNG II VIỆN-HÓA-ĐẠO
NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Hòa-Thượng, Thượng-Tọa,
Đại-Đức Tăng Ni,
Kính thưa Quý vị quan khách,
Kính thưa toàn thể đồng bào Phật tử,
Kính thưa Quý vị,

Cùng với hàng triệu Phật giáo đồ khắp nơi trên thế giới, không phân biệt quốc gia, chủng tộc, văn hóa, xã hội, chính trị, hôm nay chúng ta thành kính cử hành đại lễ Khánh Đản Đức Từ-Phụ Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.

Cử hành đại lễ Khánh Đản của Ngài mỗi năm, không phải chúng ta chỉ biểu lộ lòng tri ân, tôn kính, ngưỡng mộ của mình mà quan trọng hơn, là chiêm nghiệm, tu tập và phát triển những giá trị từ cuộc đời và giáo lý của Ngài để thăng hoa cuộc sống mang lại an lạc cá nhân, hạnh phúc gia đình, phúc lợi xã hội và hòa bình thế giới.

Từ bảy bước chân đầu tiên trong vườn Lâm-Tỳ-Ni cách đây trên 25 thế kỷ, đức Phật đã khai mở Con Đường Lớn cho nhân loại mà cho đến ngày nay, đã xuyên suốt khắp nơi qua các lục địa của thế giới, dẫn đến sự sáng tạo cho nhân loại một nền văn hóa mang sắc thái đặc thù Phật giáo về nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc và một nền văn học đồ sộ bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau. Một sử gia và cũng là một nhà văn, một triết gia, một nhà cải cách xã hội nổi tiếng người Anh, ông H.G. Wells, đã có lý khi đưa ra nhận xét rằng "Phật giáo đã mang lại tiến bộ cho nền văn hóa chân chính và văn minh thế giới nhiều hơn bất cứ ảnh hưởng nào khác trong quá trình phát triển nhân loại.

Nhưng trên hết, Con Đường Lớn do đức Phật khai mở từ hơn 25 thế kỷ qua, là con đường dẫn đến sự an lạc cho con người trong một khung

cảnh thế giới hòa bình. Nổi thống khổ lớn nhất của nhân loại trong quá khứ cũng như vẫn còn là một cơn ác mộng trong tương lai là chiến tranh, hận thù và bạo lực mà nguồn gốc là Tham, Sân, Si. Với tinh thần Từ-Bi và Trí-Tuệ, đức Phật kêu gọi phát triển lòng thương rộng lớn đối với mọi người mọi vật và cuộc sống chung quanh cùng lúc với sự nhận thức được chân lý và tánh vô thường của cuộc đời để hóa giải những cực đoan trong quan điểm, những tranh chấp về quyền lợi và những xung đột dẫn đến hận thù. Chính được nấy mầm từ một tinh thần như thế mà vào những năm tháng cuối cùng của thế kỷ này, điểm tích cực nhất trong sự tiến bộ và văn minh của nhân loại không phải ở sự phát triển của khoa học kỹ thuật mà chính ở sự nhận thức của hầu hết mọi người, đặc biệt là các quốc gia siêu cường, rằng chiến tranh, bạo lực, hận thù là những tai họa của nhân loại.

Trong ý nghĩa đó, tinh thần Từ-Bi, Trí-Tuệ của đức Phật không những là Con Đường Lớn của tương lai hòa bình thế giới mà còn là Con Đường Lớn của tương lai hạnh phúc Việt-Nam, nơi vẫn còn bị vây hãm và ngự trị bởi bạo lực và hận thù.

Để cúng dường ngày Khánh Đản Đức Từ-Phụ Thích-Ca và cũng để gieo trồng những hạt giống an lạc hạnh phúc cho bản thân, gia đình và đất nước, những người Phật tử Việt-Nam chúng ta hãy phát nguyện sống đúng theo tinh thần Từ-Bi, Trí-Tuệ của đức Phật, biết trái lòng ra để thương yêu mọi người mọi vật và cuộc sống chung quanh cũng như nhận thức được chân lý và lẽ vô thường của cuộc đời để không tham đắm dục lạc, để hóa giải những cực đoan, tranh chấp và để không tạo ra những ác nghiệp.

Nguyện cầu cho tất cả chúng ta và tất cả mọi người được luôn luôn thân tâm an lạc.

Thay Mặt Hội Đồng Đại Diện
GHPGVNTNHN-HK và Văn Phòng II Viện-Hóa-Đạo
Tỳ-kheo **THÍCH-ĐỨC-NIỆM**

Phật Đản với Chúng Ta

Thích-Đức-Niệm

Cách đây hơn 25 thế kỷ, đức Phật ra đời đã mang lại nguồn sống an lạc và hy vọng thăng hoa kiếp sống cho khắp cả trời người. Đã hàng bao ngàn năm trước khi đức Phật Thích-Ca ra đời, nhân loại chỉ biết sống theo những tà thuyết thần đạo. Ngày ngày máu các sinh vật cuộn chảy để hiến dâng cho các thần linh không tưởng. Con người chỉ biết cúi đầu tuân theo những giáo điều phi lý bất công mà các tà thuyết thần giáo đã an bài. Họ tự thấy bất lực, tuyệt vọng không có phương cách nào hay khả năng gì để có thể vượt thoát vươn lên. Đời sống nhân loại ngày một thêm tăm tối không có lối thoát, không ý thức biết tin vào khả năng chính mình. Tiếng kêu rống dấy dựa của những con vật bị giết để tế thần linh cầu phước làm rung động lòng nhân từ của người đức hạnh. Thái tử Tất-Đạt-Đa đã ra đời, lớn lên trong hoàn cảnh đó. Khi nhận chân cuộc sống nhân sinh, Ngài đã vất bỏ tất cả vinh hoa phú quý quyền uy danh vọng của bậc đế vương để tìm đường tu giác ngộ giải thoát. Sau khi thành Phật, Ngài đã đem trọn đời mình hiến dâng cho sự nghiệp giáo hóa độ sanh. Ròng rã suốt 49 năm hóa độ, Ngài đã truyền trao cho nhân loại tư tưởng giác ngộ, khai phóng tâm linh, đưa con người đến chơn thiện mỹ. Đức Phật đã cho chúng sanh tự nhận chân chính mình để khai triển khả năng thánh thiện, thăng tiến trên con đường giác ngộ giải thoát.

Đời Ngài là tấm gương sáng cho muôn đời nhân loại noi theo. Giáo lý Ngài là kho tàng tư tưởng giác ngộ vô tận, chúng sanh nương theo đó để khai phát khả năng chơn-ngã từ-bi hỷ-xả vị-tha, hầu xây dựng đời sống tiến bộ an lạc hạnh phúc hiện tại và giác ngộ giải thoát trong tương lai. Bất cứ ai, nếu biết xoay lại tự quán chiếu chính mình, lấy giáo lý đức Phật làm phương châm sinh hoạt, thì sẽ cảm nhận ngay cuộc sống tiến bộ từ khổ đau tăm tối chuyển hóa đến an lạc hiền hòa sáng sủa.

Chúng ta đang đứng trước ngưỡng cửa của thế kỷ 21, một thế kỷ mới sắp mở tung, trong đó sẽ có biết bao hình thái diễm ảo đổi mới. Dù đổi mới thế nào đi nữa, mà chính tâm tánh con người không đổi mới theo tinh thần từ-bi hỷ-xả vị-tha và trí huệ thì rồi cũng sẽ tạo ra những bất hạnh cho xã hội nhân loại như thế kỷ 20. Khoa học ngày một phát triển không ngừng. Phương tiện vật chất cho đời sống nhân sinh ngày thêm tiện nghi phong phú. Nhưng về phương diện tâm linh đạo đức thì chưa thấy có hiện tượng tiến bộ nào đáng để khích lệ tin tưởng. Lòng tham lam, sân hận, si mê, ngã mạn, ích kỷ vẫn còn ngự trị chắc nịch trong mỗi con người, thì nụ cười và niềm hy vọng sáng tươi của nhân loại rồi cũng sẽ ngấn ngủ mai một, nhường lại cho khổ đau trầm thống tung hoành triển miên. Con người là chủ nhân ông trong cuộc thế nhân sinh, thịnh suy, vui khổ

chính do con người. Con người không thay đổi tâm tánh chuyển ác sang thiện thì xã hội không thể nào đổi thay từ hận thù chiến tranh đến thanh bình hạnh phúc. Đây là điều đáng để cho chúng ta suy tư về một tương lai của nhân loại trong thế kỷ mới.

Đức Phật ra đời cách đây đã hơn 2500 năm, Ngài tuyên bố : “Tất cả mọi người đều có Phật tánh, đều sẽ thành Phật. Tất cả mọi người đều có dòng máu cùng đỏ, dòng nước mắt cùng mặn”. Nên tất cả mọi người đều có quyền sống bình đẳng. Nhưng thực tế nhìn lại quê hương Việt-Nam chúng ta vẫn hiển bày một xã hội bất công tham nhũng hận thù đối trụy. Mặc dù đất nước đã chấm dứt chiến tranh hơn hai mươi năm, kẻ chuyên quyền thống trị miệng không ngớt tuyên bố cách mạng khoan hồng, độc lập tự do hạnh phúc, mà thực tế người dân vẫn còn bị kềm kẹp, áp bức, tù đầy, đói khổ, nô lệ và còn có tánh cách tệ nhị thâm độc hơn. Rõ ràng là các nhà trí thức chánh kiến, những nhà lương tâm ưu tư cho đất nước dân tộc, những bậc lãnh đạo tinh thần như Hòa-Thượng Huyền-Quang, Hòa-Thượng Quảng-Độ, các tổ chức gia đình Phật tử, Chùa Viện hiện vẫn còn bị chiếm dụng, những người dân lao động bị sỉ nhục bởi chủ nhân ông ngoại bang. Tiếng kêu than của người dân vẫn bị chà đạp áp bức bóp nghẹt.

Trái đã gần một phần tư thế kỷ, cộng sản Việt-Nam chuyên quyền thống trị đất nước, chưa tỏ ra thực tế thúc thời cởi mở để bước lên con đường tiến bộ. Do đó đưa đến hệ quả khó tránh khỏi là, dân tình sẽ

còn tiếp tục đói khổ, đất nước sẽ còn tiếp tục đổ nát lạc hậu, người dân chán nản, thế hệ trẻ trong và ngoài nước mất tin tưởng ở nhà nước độc quyền lãnh đạo, không cho họ có cơ hội đem tài năng góp phần phụng sự kiến thiết xứ sở, ngổ hầu mở ra kỷ nguyên dân chủ phú cường, để cùng hưởng lên trong ánh sáng văn minh cộng đồng nhân loại. Bản chất cộng sản vẫn là tự mãn với mô kiến thức cằn cỗi, bằng những ngôn từ hư dối để mê dân tiếp tục sống trong ảo vọng, tù hãm bước thăng tiến của dân tộc, biến toàn dân Việt nô dịch cho đáng. So với các nước lạc hậu trên thế giới, Việt-Nam vẫn là một nước lạc hậu đáng thương hại. Đây là điều bất hạnh lớn lao cho cả một dân tộc !

Giáo lý đức Phật là giáo lý giác ngộ giải thoát có khả năng đưa người từ mê đến ngộ, từ khổ đến vui. Tinh thần đức Phật là tinh thần bình đẳng vị tha, bao dung chuyển hóa. Tâm nguyện đức Phật là tâm nguyện đại bi cứu khổ để tiến hóa. Kinh Pháp-Hoa Phật nói : Ta ra đời vì một nhân duyên lớn là, khai thị cho chúng sanh nhận thức rõ tri kiến Phật trong mỗi con người, để từ đó giác ngộ giải thoát.

Hôm nay chúng ta kỷ niệm Phật-Đản, điều ý nghĩa nhất, nguyện lấy giáo lý đức Phật làm lẽ sống, lấy tinh thần Phật để phục vụ nhân sanh, phát triển từ bi, trí huệ, dũng mãnh, vận dụng khả năng tận tâm phục vụ Đạo pháp, Dân tộc và Nhân loại. Tất cả công đức hiến dâng cúng dường Phật-Đản.

Kính chúc quý vị thân tâm an lạc trong ánh từ quang Phật-Đản.

ĐỨC NHUẬN

Đóa Hoa Chân Lý

Thấp ngọn đèn trí tuệ
Bình sáng cả trời thơ
Lòng nở hoa chân lý
Như trắng rằm tháng tư.

Nhìn dòng đời trôi chảy
Tự bao giờ đến giờ
Con người còn đôi rét
Sách vở cũng bằng hư.

Chỉ khi nào chứng đắc
Như đóa trẻ ban sơ
Tâm hồn đầy trong trắng
Không bợn chút bụi nhơ.

Sự Thật hiện trước mắt
Chẳng cần tìm đâu xa
Sinh tử là trọng đại
Niết bàn ở trong ta.

Thấp ngọn đèn trí tuệ
Bình sáng cả trời thơ
Lòng nở hoa chân lý
Vạn pháp mà Nhất Như.

Kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh
(Phật lịch năm 2532)



THUYỀN AN

Đức Phật

Phật tại thế gian thường cứu khổ.
Phật tâm vô xứ bất từ bi.
Đức Phật ngự trên đài sen thanh khiết.
Tỏa hào quang vi diệu đại từ bi.
Bực siêu phàm đức Từ Phụ Mâu Ni.
Ngai vàng bỏ ngộ trần gian huyễn mộng.
Mùi phú quý với tâm Ngài bất động.
Đối thịnh suy lòng thanh thản an nhiên.
Vô minh tan tiêu diệt hết ưu phiền.
Vị tha sống lượng từ bi mở rộng.
Trí tuệ sáng như mặt trời lồng lộng.
Cứu muôn loài đang sinh tử trầm luân.
Trôi chơi vơi trong biển nghiệp gian truân.
Phật lân mẫn đem thuyền từ tế độ.
Rời tai ách, rời phong ba bão tố.
Sống an lành, giải thoát kiếp đau thương.
Đạo Pháp Ngài là đuốc sáng soi đường.
Để giác ngộ cho cõi đời tăm tối.
Chính đức Phật là Đạo Sư dẫn lối.
Đưa chúng sinh xa biển khổ sông mê.
Đạo Pháp Ngài chỉ bến giác quay về.
Để thức tỉnh, để quang minh siêu thoát.
Thanh tịnh sống trong hạnh phúc thường lạc.
Khai bày cho ngộ Phật tánh trên châu.
Con nhất tâm xin Kính cẩn cúi đầu.
Chân thành lễ Phật từ bi hỷ xả.
Hy sinh hết, buông quên luôn tự ngã.
Kiếp kiếp Ngài quyết cứu độ Chúng sinh.
Phật từ bi là ánh sáng bình minh.
Của thế giới đầy đau thương tang tóc.
Ngập thù hận và điều tàn chết chóc.
Nước cam lồ dập tắt lửa tham sân.
Phật ân cần cứu thoát kiếp phong trần.
Trí siêu tuyệt, lòng từ bi vô lượng.
Trên tất cả, Như Lai là tối thượng.
Đạo bồ đề tuyệt diệu nhất thế gian.



DẪN VÀO THẾ GIỚI THIỀN HỌC CỦA TỔ SƯ LIỄU QUÁN

Huỳnh Kim Quang

Thiền có thể nào là một hệ thống giáo nghĩa? Hay một cách trực diện hơn, Thiền có thể nào bị đóng khung trong một hệ thống học lý? Cái gì bị đóng khung hay bị hệ thống hóa đều không còn giữ được bản sắc sinh phong và hoạt dụng của chân thân. Thiền từ tôn chỉ đến phương tiện hành đạo đều cốt ở chỗ dĩ tâm truyền tâm, đối vật chỉ vật, ứng biến vô ngần, chuyển hóa diệu dụng, không trụ trước, chẳng nệ không. Hễ dừng lại dù chỉ một ý niệm mảy may đều bị nghiền nát ra thành cát bụi vùi dập dưới gót chân điên đảo của vô minh. Hễ khởi niệm thao tác dù trong sát na vi tế đều là nhân duyên khiến cho sơn hà đại địa biến tướng muôn trùng. Như thế, “Thế giới Thiền học” chỉ là cách nói mượn danh ngôn ước lệ để dẫn dắt kẻ sơ cơ, như mượn ngón tay mà trở mặt trăng vậy.

Trong ý nghĩa đó, bài viết này chỉ xin được xem như là một gắng gượng vụng về của một tâm thức phàm phu, mạo muội xưng tán công đức sâu dày của bậc đại Thiền sư của Phật giáo Việt Nam.

Từ giữa thế kỷ 18 trở lại đây, tại miền Trung Việt Nam, một phái Thiền do vị Thiền sư Việt Nam khai sáng đã phổ cập sâu rộng trong nhân gian. Vị Thiền sư ấy là Tổ sư Liễu Quán, người ở làng Bạc Má, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên (tức xã An Thạch, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên ngày nay). Tại các tỉnh miền Trung Việt Nam, phái Thiền Liễu Quán chiếm một vị

thế quan yếu và sâu đậm trong sinh hoạt của các chốn Thiền môn. Điểm đặc biệt cần nhấn mạnh ở đây chính là bản sắc thuần túy Việt Nam của phái Thiền Liễu Quán đã được người Việt Nam tiếp dụng một cách tích cực. Chính điều này là chứng liệu cụ thể về khả tính khế lý, khế cơ ưu việt của phái Thiền Liễu Quán suốt hai thế kỷ qua.

Sử liệu ghi rằng vào năm 1702 ngài Liễu Quán, lúc đó còn là một Tỳ kheo trẻ tuổi, lặn lội đường xá xa xôi từ Phú Yên ra núi Long Sơn ở Thuận Hóa để tham học với Tổ Minh Hoàng Tử Dung. Ở đây ngài đã được Tổ Minh Hoàng Tử Dung trao cho công án “Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ?” (Muôn pháp trở về một, một trở về chỗ nào?). Từ đó ngài vào núi Thiên Thai chuyên tâm tham cứu công án trên suốt 8, 9 năm ròng, nhưng vẫn chưa đạt ngộ. Một hôm nhân đọc *Truyện Đăng Lục* đến câu “Chỉ vật truyền tâm, nhân bất hội xứ” (Chỉ thẳng đối tượng, lấy tâm truyền tâm, người ngoài không thể liễu đạt được chỗ này), ngài hốt nhiên đại ngộ.

Công án là một pháp môn của Thiền để kiến tánh. Công án đã được ứng dụng phổ biến trong quá trình lịch sử Thiền Trung Hoa. Khi một hành giả đến cầu đạo với một vị Thiền sư, vị thầy tùy theo căn cơ của môn đệ mà trao cho một công án, có tất cả 1700 công án trong Thiền Trung Hoa. Vị môn đệ khi được thầy trao cho công án rồi thì ngày đêm chú tâm vào việc tham

cứu công án ấy, bất luận là đang làm việc gì, tâm cũng phải không rời khỏi công án, như bóng với hình. Một công án đúng nghĩa và có hiệu năng tuyệt đối khi nào nó là một bí mật ngàn đời mà người tham cứu không tài nào đoán nổi mặt trái giải đáp của nó. Nếu không như vậy, tác dụng kỳ diệu của công án đối với người tham cứu sẽ không còn. Ví dụ, đối với công án “Vô” của Thiền sư Triệu Châu, nếu người tham cứu biết được mặt thật của nó là gì (khi biết được mặt thật của nó thì là đại ngộ và lúc đó không cần công án nữa) thì người ấy không tài nào có thể vận dụng hết năng lực bình sanh để đẩy nghi tình của mình lên đến chỗ cùng tột. Việc đẩy nghi tình lên đến chỗ cùng tột rất quan trọng và khẩn thiết trong cách tham cứu công án, vì không có nghi tình thì không có nhất tâm, không có nhất tâm thì không có đại ngộ.

Việc trao công án cho một hành giả Thiền là một việc vô cùng trọng đại và việc này chỉ các bậc đạo sư đắc đạo mới có thể làm được. Vì muốn trao công án cho một người tham cứu, vị đạo sư ấy phải biết được căn cơ của môn đệ đến mức nào, có nghĩa là tùy theo căn tánh của mỗi người, tùy theo trạng thái tâm linh hiện tiền trong lúc tiếp xử mà vị đạo sư trao cho công án khác nhau. Chính vì thế, không có quy tắc nào nhất định, không có tiêu chuẩn nào được đặt ra trước phải tuân theo trong việc trao công án cho hành giả Thiền. Đó chính là chỗ diệu dụng bất khả tư nghì của Thiền học mà không một tâm thức vọng động nào, không một cấp bậc thế trí biện thông nào có thể giám định được.

Đối với sinh hoạt Thiền ở nước ta, việc trao truyền và tham cứu công án, nếu có thì chỉ diễn ra một cách âm thầm kín đáo, ít khi được ứng dụng trong cách dạy đạo hằng ngày giữa thầy và trò. Cho nên, tại các chốn Thiền môn Việt Nam không có cái không khí vừa lắng đọng tịch tĩnh, vừa nóng bỏng sôi trào của cách thức tu tập công án. Trường hợp thầy trò của ngài Liễu

Quán là một biệt lệ đáng chú ý và nổi bật trong sinh hoạt Thiền ở xứ ta. Có thể nói rằng Thiền sư Liễu Quán đã làm sống dậy cái không khí tham cứu công án đầy hứng khởi của sinh hoạt Thiền bắt nguồn từ Trung Hoa.

Nhưng khi phá tung được cái công án “Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ?” Thiền sư Liễu Quán đã thấy được gì bên trong thế giới bí nhiệm ngàn đời ấy? Không biết! Không ai trong chúng ta có thể đoán được ngài đã thấy gì, mà nếu gắng gượng suy nghiệm theo quan kiến vọng động của phàm phu thì lại càng mơ hồ xa cách với chỗ nghiệm chứng của ngài. Những gì chúng ta có thể biết được chút ít là qua bài kệ từ biệt mà Tổ Liễu Quán đã để lại trước khi ngài viên tịch.

*“Thất thập niên dư thế giới trung
Không không sắc sắc diệt dung thông
Kim triều nguyện mãn hoàn gia lý
Hà tất bôn man vấn tổ tông.”*

Đã hơn bảy mươi năm hiện hữu trong thế giới
Không không sắc sắc tất cả đều dung thông
Ngày nay hạnh nguyện đã viên mãn nên trở về
nhà cũ

Hà tất phải bận lòng hỏi đến gốc gác làm gì.

Ngộ chứng của Thiền chính là khai phát đến tận cùng biên tế sâu nhiệm của trí tuệ Bát Nhã để mở ra diệu dụng không thể nghĩ bàn của trí tuệ rốt ráo này trong việc quán chiếu tất cả các pháp. Qua đó, chiếu kiến được tất cả các pháp đều giả hợp, không tự tánh, là Không. Không ngay trong lúc các pháp đang hiện tiền (đương thể tức Không). Không là không có tự tánh chứ không phải là hư vô theo nghĩa đối chiếu với cái Có thuộc vọng chấp đoạn thường của phàm phu. Không phải tiêu diệt cái Có rồi mới được Không. Không ở ngay trong chính cái Có. Cũng chính nhờ các pháp là Không, cho nên, các pháp mới hiện hữu. Hiện hữu trong ý nghĩa này chính là sự hiển lộ sinh động của mối tương quan,

tương duyên, tương tức, tương nhập giữa tất cả các pháp, từ tâm đến vật. Chính vì vậy, nói các pháp thật sinh hay thật diệt đều không đúng. Không nói các pháp sinh hay diệt cũng chẳng nhằm. Hễ còn bám víu vào bất cứ phạm trù nào, ý niệm nào, tư tưởng nào, hình danh nào đều là vọng chấp, là sai lầm, là hý luận.

Tổ Liễu Quán đã sử dụng cách dùng từ trùng lặp trong câu “Không không sắc sắc diệt dung thông” chính là một chủ ý để khai thị. “Không không sắc sắc” nói lên ý nghĩa trùng trùng duyên khởi của lý duyên sanh vô tánh và vô tánh duyên sanh. Mật nghĩa này là nội dung cốt lõi của diệu lý “Duyên khởi” của Hoa Nghiêm, diệu lý “Không” của Bát Nhã mà đại biểu là kinh Kim Cang một bộ kinh được phổ biến và trân trọng trong Thiền tông. “Không sắc” trong quan kiến vọng chấp của chúng sanh là hai thái cực lưỡng lập của hai thực thể như sống và chết, ban ngày và ban đêm, có và không. “Không sắc” trong trí tuệ Bát Nhã không là hai thực thể vì chúng chẳng có tự tánh. Khi đức Thế Tôn khai thị về diệu nghĩa của “Không sắc,” ngài chỉ sử dụng nó như phương dược để trị lành căn bệnh biến kế chấp, sở tri chướng trong tâm thức chúng sanh. Đối với người chấp có, ngài dạy quán các pháp đều không tự tánh. Đối với người chấp không, ngài dạy quán các pháp do không tự tánh mà duyên hợp hiện hữu. Từ thế xả ly vọng chấp một chiều, ngài dẫn dắt vào con đường Trung đạo để chỉ cho thấy thực tướng của chư pháp là chơn không diệu hữu, ly tứ cú, tuyệt bách phi. Siêu việt lên trên thế lưỡng lập tương đãi của có và không chính là nhập thể vào chân thân của thực tại. Ở đó không có biên tế giữa năng sở, bỉ thử, có không, sinh diệt hay đoạn thường. Ở đó là một trạng thái dung hợp kỳ diệu, là cõi dung thông vô ngại mà Tổ gọi là “Không không sắc sắc diệt dung thông.”

Thực tại từ bốn lai vẫn như vậy, không sinh

không diệt, không đoạn không thường, không đến không đi, không một không hai. Cái có sinh diệt, có đoạn thường, có đến đi, có một hai chính là tâm thức vọng động của chúng sanh. Còn mang thức tâm vọng động này thì ở bất cứ chỗ nào cũng khởi sinh phiền não khổ lụy. Càng mang tâm vọng động đi tìm thực tại thì càng đi càng lạc lối. Nếu biết dừng lại thì bến bờ chính là đây. Cho nên cái diệu dụng Thiền là ở chỗ biết chặn đứng lại sự dong ruổi của tâm thức vọng động và đập vỡ cái khối tri thức vọng chấp có không thường tình để chọc thủng vào biên tế sau cùng giữa mê mà ngộ. Chỉ một cái chớp mắt, một sát na là đủ để rũ sạch mọi trần cấu và lấm liết tận diện “bốn lai diện mục” của mình. Ở đó có gì lạ? Hãy nghe Tổ nói:

“Tảo tri dăng thị hỏa, phạn thực dĩ đa thì.”

Sớm biết đèn là lửa, thì cơm đã chín tự lâu rồi.

Vì khi nhìn đèn chúng sanh chỉ thấy cây đèn mà không thấy lửa. Thậm chí còn xách đèn đi tìm lửa khắp nơi. Thật ra chẳng ai biết lửa là gì, chỉ nghe người ta nói lửa là thế này, là thế nọ. Rồi khởi niệm tác tướng cho rằng lửa là như thế này hay như thế kia. Nhưng đến khi đụng đến lửa thật sự và có vị mình sư chỉ cho biết đèn là lửa thì mới biết rằng mình đã mộng tưởng tự bấy lâu nay. Thì ra đèn là lửa không hai không khác, chẳng có gì lạ khi thấy đèn và cũng chẳng có gì mới khi thấy lửa. Quán trọ cũng là quê nhà. Vậy tại sao còn phải hỏi đi về đâu?

“Kim triều nguyện mãn hoàn gia lý

Hà tất bốn man vấn tổ tông.”

Ngộ chứng của Thiền thì siêu thoát như thế, nhưng không phải vì thế mà buông lung phóng túng đối với lục căn, lục trần. Không phải vì thế mà phủ nhận pháp môn này, chê bai phương thức hành trì nọ. Cũng không phải vì thế mà phá bỏ mọi thể thức tu tập vốn là phương tiện thiện xảo để trưởng dưỡng đạo nghiệp thêm sâu dày. Do vậy, cho nên, trong bài kệ truyền pháp

Tổ đã dạy:

"Giới định phước huệ, thể dụng viên thông."

Tu tập cả Giới, Định và Tuệ để thể nhập vào chỗ viên thông vô ngại của thể và dụng.

Đây là chỗ đặc thù của Thiền học của Tổ sư Liễu Quán. Nhiều hành giả Thiền thường quan niệm rằng Thiền vượt ra ngoài tất cả mọi ràng buộc có tính cách quy ước của giới định. Họ quên rằng Lục Tổ Huệ Năng đã thân hành thọ nhận và hành trì giới bổn của một Tỳ Kheo Tăng theo tinh thần Luật tạng của Tiểu thừa. Họ cũng quên rằng từ đức Thế Tôn đến các vị Thiền sư đều không bao giờ lơ là trong việc nghiêm trì cấm giới và thực hành thiền định mỗi ngày để thanh tịnh lục căn và siêu thoát lục trần. Hành giả Thiền lúc nào mà lại không ở trong trạng thái tĩnh tâm an định vượt lên trên sự vướng mắc của tâm và cảnh. Đó không phải là nghiêm cẩn hành trì giới và định thì là gì? Nói rằng đạt đến trạng thái ngộ chứng của Thiền là siêu thoát tự tại, điều này có nghĩa là không bị triền phược bởi bất cứ tâm cảnh nào chứ không có nghĩa là mặc ý buông lung chạy theo trần cảnh. Siêu thoát tự tại cũng chính là thể tính tối hậu của giới và định. Thể dụng của Giới là siêu thoát tự tại, của Định là thanh tịnh tịch lặng, của Tuệ là linh minh chiếu kiến. Chính vì vậy, còn thấy giới luật và thiền định là những quy ước ràng buộc thì thật sự chưa thể nhập vào chỗ viên thông của chúng. Những hạng người này cần phải đi lại từ đầu thực hành nghiêm cẩn những bước tu tập căn bản của giới, định và tuệ.

Thiền tự nó là một pháp môn đoạn trừ hý luận. Cho nên, việc lý giải suông theo tính cách ước lệ của ngôn thuyết và vọng niệm đều không có chỗ đứng trong Thiền. Liễu giải của Thiền không là chức năng của lý trí nhận thức nhị nguyên. Liễu giải của Thiền là diệu dụng của giác ngộ, là sự chiếu kiến tận cùng vào thực thể của con người và vạn hữu. Trong ý nghĩa này,

kiến giải của Thiền không thể tách rời sự chứng nghiệm hay công hạnh tu tập. Giải chính là Hạnh. Cho nên Tổ Liễu Quán nói trong bài kệ truyền pháp rằng: *"Hạnh Giải tương ưng, đạt ngộ Chơn Không."* Hạnh và giải xứng hợp nhau, tương tức nhau, từ đó đạt ngộ đến Chơn Không. Chơn Không cũng chính là Chơn Như, thật tại, Niết bàn, chơn tâm.

Tổ sư Liễu Quán ra đời và trưởng thành trong bối cảnh lịch sử bất an và phân hóa của đất nước ta vào thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh. Cả hai miền Nam Bắc, đều nằm dưới quyền thống ngự của hai chúa Trịnh và Nguyễn. Mặc dầu không xưng Vương và đều nói là phù trợ nhà Hậu Lê, cả hai họ đều nắm hết quyền chính trong tay. Các chúa Trịnh và Nguyễn đều nỗ lực phát huy thanh thế, gây dựng cơ đồ cho riêng mình. Cho nên đã không ngần ngại tranh bá đồ vương với nhau qua nhiều cuộc chinh chiến, khiến cho dân chúng lầm than, sơn hà điêu đứng. Đó chính là cái cớ cho nhà Mãn Thanh đưa quân xâm lược nước ta một lần nữa vào hậu bán thế kỷ thứ 18.

Trong bối cảnh xã hội như vậy, làm sao tránh được chuyện nhân tâm ly tán, đạo đức suy vi, tiền đồ dân tộc đen tối. Trước vận nước điêu linh và tâm thức con người thời đại đảo điên, Tổ sư Liễu Quán đã chọn cho ngài một đạo lộ để vừa tự giải thoát mình, vừa giải thoát quần sanh. Đạo lộ ấy chính là pháp môn Thiền thuần túy Việt Nam có công năng chuyển hóa tận gốc vô minh, phiền não, bất an và tăm tối cho con người và xã hội. Cùng kỳ lý, Ngài thật sự đã chọn đúng phương thuốc để trị căn bệnh trầm kha cho vạn dân. Chẳng phải thế sao? Mầm mống của mọi bất an và khủng hoảng của cá nhân và xã hội không phải từ bên ngoài mà ở ngay trong chính tâm thức đảo điên vì vô minh và phiền não của mỗi người và của xã hội. Vô minh và phiền não ấy không thể dùng bạo lực hay quyền uy thế tục có thể dẹp trừ được, vì bạo lực và uy quyền thế

tục lại là sản phẩm của vô minh và phiền não. Chỉ có phương pháp kiến tánh giác ngộ bằng con đường tu tập Thiền quán hay tham cứu công án là có thể soi chiếu và phá tung được vô minh. Một người giác ngộ là một thành trì nhỏ của vô minh bị phá hủy, một nước giác ngộ là thành trì lớn của vô minh bị tiêu diệt. Vô minh bị tiêu diệt đến đâu thì ánh sáng chân lý, niềm tin, an lạc, hạnh phúc, bình đẳng, công chính có mặt ở đó.

Đây chính là lý do tại sao các chúa Nguyễn đã nhiều lần triệu thỉnh Tổ vào cung để đàm đạo nhưng ngài nhất quyết không vào. Không vào không phải vì sợ uy quyền thế tục, vì uy quyền thế tục chỉ là thứ giả tạo mong manh như sương mai, như giấc mộng, mà vì không muốn làm mất thì giờ cho những việc làm hữu ích khác đối với hàng vạn dân lành đang khổ đau, khổ đau. Suốt mấy mươi năm còn lại của đời người, Tổ đã vân du khắp nơi từ Phú Yên ra Thuận Hóa để hoằng hóa độ sanh. Ngài đã kiên trì và tận tụy khơi dậy từng ánh lửa trong tâm thức con người thời đại với niềm tin sắt đá rằng chính những ánh lửa này sẽ góp lại thành mặt trời soi sáng nhân gian.

Niềm tin của Tổ đã hiện thực, vì sau khi Ngài viên tịch, dòng Thiền Liễu Quán của Ngài đã phổ cập khắp nơi, rồi cùng đi theo với bước chân của dòng Thiền ấy là vô số những ánh lửa bùng lên thắp sáng cả một miền Nam đất Việt suốt trên hai thế kỷ nay. Trong đó có biết bao người nhờ ánh sáng này mà tái dựng lại cuộc đời hướng mục tiêu của đời người đến cứu cánh giác ngộ! ■



Thơ HẠ UYÊN

Mơ Về Phố Nội

*Đến khi nào trở về phố nội
Chắc lúc ấy hát bản trường ca
Ôi Sài Gòn từng bừng như mở hội
Chào phố phường hái tặng một bông hoa*

*Mỹ quốc xa hơn nửa địa cầu
Quê hương ngàn dặm nhớ càng đau
Duy Tân những buổi chiều hò hẹn
Số kiếp lưu vong tuổi bạc đầu*

*Ta bốn mươi mơ thời niên thiếu
Thủa rong chơi mẹ vắng, mẹ rầy
Trưa trốn ngủ ra sân đuổi bắt
Nắng quê người thêm khát tuổi thơ ngây*

*Nguyễn Huệ con đường xưa náo nhiệt
Khuôn viên dài các giữa kinh kỳ
Biết đến bao giờ ta trở lại
Qua từng căn phố ghé Hàm Nghi*

*Nhớ bánh mì Như Lan ngọn tuyết
Thèm tô phở tái đường Pasteur
Cà phê sữa đá Trần Quý Cáp
Cơm tấm Thuận Kiều mơ viễn mơ*

*Ta nhớ quá Sài Gòn xưa hoa lệ
Gió Bạch Đằng thổi mát giữa trưa hè
Xôn xao Chợ Cũ người qua lại
Lòng chợt thấm buồn mắt đỏ hoe.*

2/15/1997

NỀN TẢNG PHẬT TRIẾT TRONG LUẬN TẠNG PALI

Biên Khảo: Hoàng Hà Thanh

Trong 45 năm truyền Đạo, đức Phật đã giảng dạy biết bao nhiêu điều quý báu. Giáo lý của Ngài đã được truyền tụng khắp Đông Phương trên 20 thế kỷ, bây giờ càng ngày càng lan rộng mạnh mẽ sang Tây Phương. Ngay sinh thời của đức Phật, các môn đệ của ngài đã nghĩ tới việc ghi lại những lời thuyết giảng đó. Ý nguyện này đã trở thành thực tế vài tháng sau khi đức Phật nhập Niết Bàn. Những giáo lý của Ngài được chia thành Tam Tạng (*Ti-Pitaka*): Giới Tạng (*Vinaya Pita*), Kinh Tạng (*Sutta Pitaka*) và Luận Tạng (*Abhidhamma Pitaka*). Cũng trong thời gian đức Phật còn tại thế, những lời giảng của Ngài đã có một số người hiểu và giải thích một cách khác nhau. Những lời giảng dạy chân thật của đức Phật được trùng tụng và được đúc kết trong Kết Tập Hội. Sau lần kết tập thứ 3, toàn bộ Luận Tạng Pali được chính thức đúc kết, gồm 7 bộ, trong đó bộ *Katha-Vatthu* do Ngài Moggaliquitta-Tissa (Pali), Maudgaliputra-Tisya (Sanskrit) (Mục Kiền Liên Tử Đế Tu) soạn, dựa vào cái “cốt” của đức Phật.

Abhidhamma Pitaka (Pali) — A Tỳ Đàm Luận Tạng; hay *Abhidharma Pitaka* (Sanskrit) — A Tỳ Đạt Ma Luận Tạng: luận về các vấn đề triết lý, tâm lý, đạo đức, siêu hình mà đức Phật nói trong các kinh. Kinh dùng ngôn ngữ thông thường, Luận dùng ngôn ngữ của triết học, trừu tượng, khó hiểu. Luận Tạng là cốt tủy của Phật Triết. Luận tạng khó hiểu, rất trừu tượng và rất khô khan. Vì thế ít người chịu nghiên cứu. Ta

hãy lấy một thí dụ: người ta thích nhìn cái bàn, cái ghế, cái tủ, ... hơn là “luận” về chất gỗ. “Gỗ” là Luận, cái bàn, cái ghế, tủ... là Kinh. Bởi thuyền trên mặt hồ rất thơ mộng, ai cũng ưa thích, nhưng ít ai muốn lặn xuống đáy hồ để tìm kho báu vật. Bởi thuyền trên mặt hồ là nghiên cứu Kinh, lặn xuống đáy hồ là đi tìm cái Luận. Rong chơi bên bờ rừng với hoa, lá muôn màu bao giờ cũng thích thú hơn là băng qua một sa mạc nóng cháy. Trì tụng kinh với những ngôn ngữ mỹ miều thấy thích thú như dạo mát bên cánh rừng hơn là ngồi nghiên cứu, suy ngẫm bạc đầu về những triết lý cao thâm, vi diệu trong Luận Tạng.

Vài học giả Tây Phương khi nghiên cứu Luận Tạng phải thốt ra câu “Luận Tạng là một thung lũng chứa đầy những đống xương khô” (valley of dry bones). Mỗi bộ kinh chỉ nói lên một phần của toàn bộ Phật Triết. Nghiên cứu Luận Tạng là đi tìm toàn diện cốt tủy triết lý cao thâm, vi diệu của đức Phật. Đối với hầu hết những nhà nghiên cứu Phật học người Việt, Luận Tạng Pali là những bộ luận còn xa lạ. Hầu hết kinh sách viết về Phật giáo của ta được dịch từ Hán ngữ. Kinh điển Hán ngữ hầu hết dịch từ kinh điển Sanskrit.

A Tỳ Đàm Luận và A Tỳ Đạt Ma Luận

Abhidhamma Pitaka (A Tỳ Đàm Luận Tạng) được đúc kết sau lần kết tập thứ 3.

Nguyên bản viết bằng tiếng Pali được lưu trữ nguyên vẹn tại Tích Lan, như một đồ quốc bảo. Mahinda (con vua Asoka) và một số cao tăng mang Tam Tạng Kinh đến Tích Lan, được vua đón nhận. Mỗi buổi sáng trước khi bàn việc nước, vua đọc rồi dịch Luận Tạng sang tiếng Tích Lan, *Abhidhamma Pitaka* (A Tỳ Đàm Luận Tạng) gồm 7 cuốn:

1. **Dhamma-Sangani** (Pháp Tụ Luận): luận về sự “tụ” của các pháp. Pháp Tụ dùng như một danh từ riêng để gọi cái Pháp Tánh, Chân Như, Phật Tánh ở thế gian, cái Diệu Lý của Chân Như vẫn ở trong các pháp, hằng trụ nơi mọi vật. Vì thế gọi là pháp tụ. *Dhamma-sangani* mở đầu bằng phần Mâtikà (khuôn cối, ma trận) liệt kê 1,366 pháp, dựng một cái khung cho toàn thể 7 bộ luận. Nữ học giả Anh Quốc C.A.F. Rhys Davids (hiên thê của giáo sư Rhys Davids) dịch sang Anh Ngữ, *A Buddhist Manual of Psychological Ethics*, The Pali Text Society xuất bản năm 1900, 1923, 1974, và 1993 tại Luân Đôn. (Nếu dựa vào nội dung của bộ luận này, *Psychological Ethics* phải dịch là *Ethical Psychology* mới chính xác).

2. **Vibhanga** (Phân Biệt Luận): luận về các pháp, bổ túc cho bộ Pháp Tụ Luận (*Dhamma-sangani*) và tạo nền móng cho bộ Giới Thuyết Luận (*Dhàtu-Kathà*). Bộ này luận về Ngũ Uẩn (Khandā), Thập Nhị Xứ (Ayatana), Thập Bát Giới (Dhātu), gồm 28 chương. Hòa Thượng U. Thittila dịch sang Anh Ngữ, *The Book of Analysis*, The Pali Text Society xuất bản năm 1978 tại Luân Đôn.

3. **Dhātu-Kathà** (Giới Thuyết Luận, hay Đại Thuyết Luận): luận kỹ thêm về Uẩn Xứ và Giới, gồm 14 chương (phẩm) chứa vài trăm câu hỏi và trả lời về uẩn, xứ và giới. Bộ luận này có thể nói là một siêu tác phẩm về tâm lý học chưa từng có trong văn minh của cả nhân loại. Tâm lý con người được chẻ ra từng miếng nhỏ, phân tích tỉ mỉ, từ đó đưa ra một tu đạo. Hòa Thượng

U. Nārada dịch sang Anh ngữ, *Discourses on Elements*, The Pali Text Society xuất bản năm 1962 và 1977 tại Luân Đôn. Điểm đáng chú ý, dịch giả diễn tả sự rất khó hiểu của Uẩn, Xứ và Giới qua các đồ biểu, để giúp cho việc nghiên cứu được dễ dàng hơn.

4. **Puggalapannati** (Nhân Thi Thuyết Luận): luận bàn và phân biệt giữa giới xuất gia và tại gia, gồm 10 phẩm. Luận về 142 loại người khác nhau. Đây là bộ luận ngắn nhất trong 7 bộ luận của Luận Tạng Pali. Qua bộ luận này ta mới thấy đức Phật hiểu rất rõ từng loại người trong thế gian qua sự phân loại tinh vi. Giáo sư Phật học B.C. Law dịch sang Anh ngữ, *Designation of Human Types*, The Pali Text Society xuất bản năm 1972 tại Luân Đôn.

5. **Kathà-Vatthu** (Thuyết Sự Luận, hay Biện Giải Luận): bộ luận này do Ngài Moggaliputta-Tissa (Pali), hay Maudgaliputra-Tisya (Sanskrit)-Mục Kiền Liên Tử Đế Tu tụng trong lần kết tập thứ ba do vua Asoka triệu tập (khoảng 218 sau khi Phật nhập Niết Bàn), khi có sự phân chia các hệ phái. Mặc dù bộ *Kathà-Vatthu* do Ngài Moggaliputta-Tissa soạn, nhưng dựa vào cái “cốt” do đức Phật nói. Lúc sinh thời, đức Phật đã tiên đoán có sự phân chia nên Ngài đã “phá” những tư tưởng sai quấy do một nhóm đệ tử hiểu và giải thích lời giảng của Ngài một cách khác nhau và sai lạc. Bộ *Kathà-Vatthu* đưa ra 219 câu hỏi và trả lời cho những đệ tử không quán triệt được ý nghĩa lời thuyết giảng của Ngài. Nội dung được xếp thành 3 loại: thứ tự kinh điển, đề tài tranh luận và hệ phái có tư tưởng khác biệt. Ngài Trưởng Lão Moggaliputta-Tissa (Pali), Maudgaliputra-Tisya (Sanskrit) chỉ soạn lại cho lớp lang bộ luận này và tụng tụng trong lần kết tập thứ ba, dựa vào những lời giảng dạy chân thật của đức Phật. Hai học giả S.Z. Aung và C.A.F. Rhys Davids dịch sang Anh ngữ, *Points of Controversy*, The Pali Text Society xuất bản năm 1915, 1960, 1969,

1979 tại Luân Đôn.

6. **Yamaka** (Song Đối Luận, Song Luận): đưa ra những câu hỏi và trả lời đóng thành từng cặp đôi. Vì vậy mới có tên là Song Đối Luận. Bộ luận này gồm 10 phẩm xoay quanh Thiện Căn (Kusala), Bất Thiện Căn (Akusala), Ngũ Uẩn, Thập Nhị Xứ, và Thập Bát Giới, Hành (Sankhàra), Tứ Diệu Đế (Sacca), Tùy Miên (Anusaya), Tâm Vương (Citta), Pháp (Dhamma), Căn (Indriya). Bộ này đưa hàng loạt những câu hỏi xác định và phủ định, và câu trả lời về những pháp nói trên. Bộ này áp dụng phương pháp luận lý thực hành như bộ *Kathāvatthu* (Thuyết Sự Luận). Rất tiếc đây là bộ luận chưa hề được dịch sang Anh ngữ, tuy nhiên những nhà nghiên cứu vẫn có thể tạm hiểu được nếu đọc *Pali Text Society Journal* xuất bản năm 1912 có bài bình giải bộ luận này, dưới tiêu đề *Book of Pairs*.

7. **Patthàna** (Phát Thú Luận, hay Nhân Duyên Thuyết Luận): bộ luận dài nhất, vĩ đại nhất và quan trọng nhất trong số 7 bộ luận của A Tỳ Đàm Luận Tạng (*Abhidhamma Pitaka*). Bộ luận dài gần bằng 6 bộ luận nói trên kết hợp lại. Bộ *Dhamma-Sangani* (Pháp Tụ Luận) và *Patthàna* (Pháp Thú Luận) là cái xương sống của toàn bộ Phật Triết trong Luận Tạng Pali. Bộ luận này nói về sự tương quan sinh khởi giữa các pháp. Nếu ví toàn bộ Luận Tạng là một ngôi đại tự thì *Patthàna* (Phát Thú Luận) là cái nền móng, *Dhamma-Sangani* (Pháp Tụ Luận) là cái khung còn những bộ luận khác là cột, tường, mái nhà,... Bộ luận này gồm 6 quyển, mỗi quyển lại chia làm 4 phần. Hòa Thượng U. Nārada dịch sang Anh ngữ, *Conditional Relations*, The Pali Text Society xuất bản năm 1988 tại Luân Đôn. Duyên khởi luận là trọng điểm của Phật Triết. Muốn tìm hiểu triết lý Phật giáo không thể bỏ quên bộ luận này. Nói cách khác, một người muốn giỏi bất cứ thể nhạc nào, nhạc cụ nào (cổ điển, dân ca, dương cầm, vĩ cầm,...) không thể

không học nhạc lý. Bộ *Patthàna* (Phát Thú Luận) là “nhạc lý; 7 bộ luận là 7 nốt nhạc.

Song song với 7 bộ luận *Abhidhamma*, A Tỳ Đàm Luận, của phái Theravada (Thượng Tọa Bộ) viết bằng Pali (được công nhận sau 3 lần kết tập là những lời giảng dạy chân thật của đức Phật), phái Sarvastivada (Nhất Thiết Hữu Bộ hay Hữu Bộ) cũng đưa ra 7 bộ luận *Abhidharma*, A Tỳ Đạt Ma Luận, viết bằng tiếng Sanskrit. Sau đây là bảng đối chiếu:

1. **Dhamma-Sangani-Pháp Tụ Luận** (Pali, Theravada);

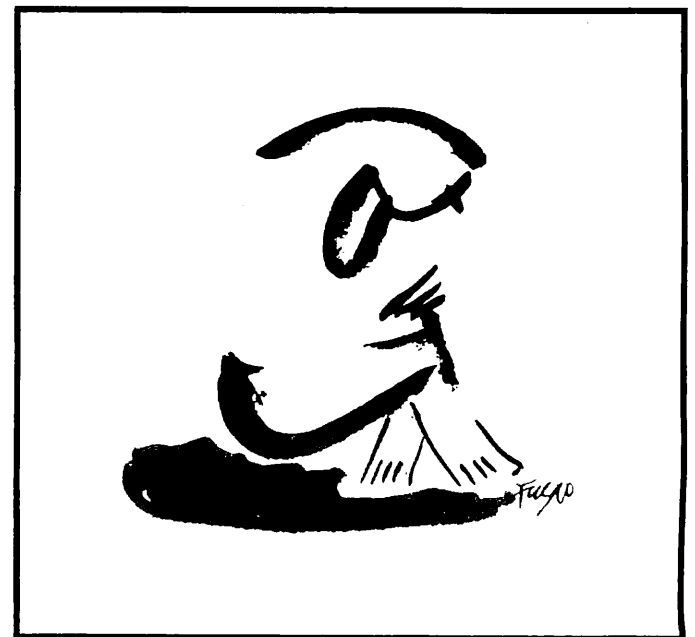
Sangiti-pariyaya-pada hay *Sangitipataya-bada*-Tập Dị Môn Túc Luận (Sanskrit *Sarvastivada*), do Ngài Mahakauthila (Đại Câu Thi La) soạn.

2. **Vibhanga-Phân Biệt Luận** (Pali, Theravada);

Dharmaskandha-pada-Pháp Uẩn Túc Luận (Sanskrit, *Sarvastivada*), do Ngài Saributra (Xá Lợi Phất: Sariputa) soạn.

3. **Dhātu-Kattha-Giới Thuyết Luận** hay **Đại Thuyết Luận** (Pali, Theravada);

Dhātukaya-pada hay *Dhātukaya-bada*-Giới Thân Túc Luận (Sanskrit, *Sarvastivada*), do Ngài Purna (Phú Lôu Na) soạn.



4. **Puggalapannati-Nhân Thi Thuyết Luận** (Pali, Theravada);

Prajnapatti-pada hay *Prajnapatti-bada*-Thi Thuyết Túc Luận (Sanskrit, *Sarvativada*), do Ngài Maudgalyàyana (Sanskrit) hay Moggallàna (Pali) (Mục Kiền Liên) soạn.

5. **Katha-Vatthu-Thuyết Sự Luận** (Pali, Theravada);

Vijnana-pada hay *Vijnanakaya-bada*-Thức Thân Túc Luận (Sanskrit, *Sarvastivada*), do Ngài Devasarma (Đề Bà Thiết Na) soạn.

6. **Yamaka-Song Đối Luận, Song Luận** (Pali, Theravada);

Prakarana-pada-Phẩm Loại Túc Luận (Sanskrit, *Sarvativada*), do Ngài Vasumitra (Ngài Thế Hữu) soạn.

7. **Patthàna-Phát Thú Luận** (Pali, Theravada);

Jnana-Prasthanā-Phát Trú Luận (Sanskrit, *Sarvastivada*), do Ngài Katyayaniputra (Ka Đa Diễn Ni Tử) soạn.

Bảy bộ luận *Abhidhamma* (A Tỳ Đàm Luận) còn lưu trữ nguyên vẹn bằng tiếng Pali; 7 bộ luận *Abhidharma* (A Tỳ Đạt Ma Luận) được dịch từ Sanskrit sang Hán ngữ. Nguyên bản Sanskrit bị thất lạc, bản dịch sang Hán ngữ còn nguyên vẹn.

So Sánh Luận Pali và Luận Sanskrit

Chúng tôi cần góp thêm những điểm sau đây cho những nhà nghiên cứu Phật học:

(1) Bộ luận *Sangiti-pariyaya-pada*-Tập Dị Môn Túc Luận (Sanskrit) giống bộ *Dhammasangani*-Pháp Tụ Luận (Pali);

(2) Bộ luận *Dhātu-caya-pada*-Giới Thân Túc Luận (Sanskrit) giống bộ *Dhātu-Kathā*-Giới Thuyết Luận (Pali);

(3) Bộ *Prajnapatti-pada*-Thi Thuyết Túc Luận (Sanskrit) giống bộ *Puggala-Pannatti*-Nhân Thi Thuyết Luận (Pali);

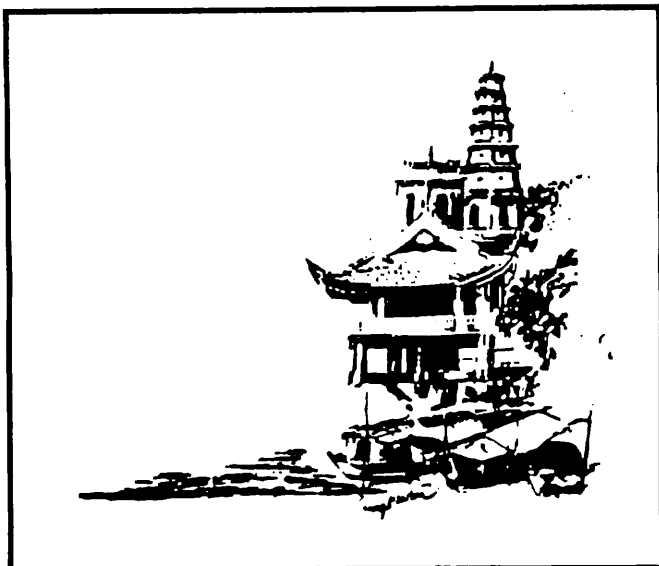
(4) Bộ *Jnana-prasthanā*-Phát Trú Luận (Sanskrit) giống bộ *Patthana*-Phát Thú Luận (Pali).

(5) Bộ *Dharma-skandha-pada*-Pháp Uẩn Túc Luận (Sanskrit) có 14 trong số 21 phẩm giống 14 trong 18 phẩm của bộ *Vibhanga*-Phân Biệt Luận (Pali). Nói cách khác, bộ luận Sanskrit có 7 phẩm hoàn toàn khác lạ với bộ luận Pali.

(6) Còn 2 bộ luận Sanskrit, *Vijnana-pada*-Thức Thân Túc Luận và *Prakarana-pada*-Phẩm Loại Túc Luận, hoàn toàn khác hẳn 2 bộ luận Pali là *Kathā-Vatthu*-Thuyết Dự Luận và *Yamaka*-Song Đối Luận.

Câu Xá Luận

Bộ *Abhidharmakosha* (A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận) do Ngài Vasubandhu (Thế Thân, Thiên Thân) soạn lại Kashmir vào thế kỷ thứ 5 sau công nguyên. Ngài Vasubandhu (thế kỷ thứ 4 hay 5 sau công nguyên) căn cứ vào bộ *Vaibhāṣikā* (tên chung của 2 bộ *Mahāvibhāṣā*-Đại Tỳ Bà Sa và *Vibhāṣā*-Tỳ Bà Sa) bình giảng A Tỳ Đạt Ma Luận, soạn ra bộ luận *Abhidharmakosha*-A Tỳ Đạt Ma Câu Xá của phái Sarvastivada-Nhất Thiết Hữu Bộ. Bộ luận này gồm 2 phần: phần đầu có 600 câu thơ (*Abhidharmakosha-kārikā*) và phần hai là phần bình giảng bằng văn xuôi (*Abhidharmakosha-bhāṣya*). Nguyên bản Sanskrit đã thất lạc, chỉ còn bản dịch sang Hán ngữ và Tạng ngữ. A Tỳ Đạt Ma Câu Xá Luận đánh dấu một giai đoạn chuyển tiếp tư tưởng từ Tiểu thừa sang Đại thừa. Trong bộ luận này, Vasubandhu luận về Tam Giới (Triloka), Nghiệp (Karma), Tùy Miên (Anusaya), Giải Thoát Đạo (Pudgala-Marga), Huệ (Jnana), Định/Tam Muội (Samadhi). Về phần Việt ngữ có hai cuốn sách có giá trị viết về Câu Xá Luận: (1) *Câu Xá Luận Cương Yếu*, HT. Thích Đức Niệm soạn, Phật Học Viện Quốc



Tế xuất bản năm 1985; và (2) *Tư Tưởng A Tỷ Đạt Ma Câu Xá Luận*, HT. Thích Mãn Giác soạn, Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo VN tại Hoa Kỳ xuất bản năm 1995.

Bình Giải Luận Tạng

Muốn hiểu rõ cái ý nghĩa thâm sâu của 7 bộ luận Pali, bất cứ nhà nghiên cứu nào cũng không thể bỏ qua 7 tài liệu bình giải cho 7 bộ luận này.

(1) *The Expositor*, dịch giả Pe Maung, The Pali Text Society xuất bản năm 1920 và 1921, dùng cho bộ luận *Dhamma-sangani*.

(2) *The Dispeller of Delusion*, dịch giả Nanamoli, The Pali Text Society xuất bản 1987 và 1991, dùng cho bộ luận *Vibhanga*.

(3) *The Debates Commentary*, dịch giả B.C. Law, The Pali Text Society xuất bản năm 1940 và 1989, dùng cho bộ luận *Katha-Vatthu*.

(4) Tạp chí *Pali Text Society Journal* số xuất bản năm 1884 có bài bình giảng cho bộ luận *Puggalapannatti*; số xuất bản năm 1912 có bài bình giảng cho bộ luận *Yamaka* (bộ luận chưa được dịch sang Anh ngữ).

(5) Các bộ luận *Dhatu-Katha* và *Patthana* đã được dịch sang Anh ngữ có kèm theo lời bình giảng, nên không có sách bình giảng.

(6) Ngoài ra có bộ bình giảng vô cùng giá

trị mà chúng tôi đề nghị các nhà nghiên cứu nên tham cứu: *Abhidhammattha-sangaha* của Anurudha, với 2 bản dịch sang Anh ngữ: (1) *Compendium of Philosophy* do the Pali Text Society xuất bản năm 1910, 1956, 1963, 1972, và 1979. (2) *Comprehensive Manual of Abhidhamma* do Buddhist Publication Society xuất bản năm 1993. Hai bản Anh ngữ có lối trình bày và chú giải khác nhau, nhưng đều có giá trị cao. Nếu đã đọc *Abhidhammattha-sangaha* không thể bỏ quên 2 bộ luận *Visuddhimagga* (Thanh Tịnh Đạo) của Buddhahosha và *Vimuttimagga* (Giải Thoát Đạo) của Upatissa. Ngoài ra Nyanatiloka Mahathera (thế danh là Anton Gueth, 1878-1957, gốc người Đức) soạn cuốn *A Guide Through The Abhidhamma-Pitaka*, Buddhist Publication Society xuất bản năm 1938, 1957, 1971, và 1983, giúp rất nhiều cho những học giả Tây Phương trên đường nghiên cứu Phật Triết. Hầu hết những học giả Tây Phương, khi nghiên cứu Luận Tạng, không thấu triệt thuyết Nhân Duyên, vì thế tác giả thêm phần phụ chú về Nhân Duyên vào cuối sách, để giúp nhà nghiên cứu hiểu rõ và không lầm lẫn.

Tới đây, Quý vị nào muốn nghiên cứu Luận Tạng Pali đã tạm có một số hành trang cần thiết để có thể bắt đầu đi tìm hiểu kho tàng triết học Tiểu thừa, một kho tàng triết học, tâm lý học và đạo đức học vĩ đại nhất trong văn học Pali.

Ngoài những sách chúng tôi vừa liệt kê và giới thiệu ở trên, Quý vị có thể tìm đọc rất nhiều những bộ sách quý về Luận Tạng Pali, mà khuôn khổ bài báo giới hạn, nên chúng tôi không thể đi thêm vào chi tiết những cuốn sách tham khảo khác.

Kết Luận

Phật giáo đã được phát triển tại Đông Phương từ trên 20 thế kỷ, nhưng trong vòng 200 năm vừa qua Tây Phương mới tìm hiểu và học

hỏi Phật pháp. Mặc dù quá trình lịch sử phát triển Phật giáo không cho thấy những cuộc đổ máu như đã thấy trong lịch sử phát triển Ki Tô giáo của Tây Phương trong những thế kỷ trước đây, nhưng người ta cũng thấy sự mâu thuẫn về mặt tư tưởng của Tiểu thừa và Đại thừa. Đức Phật chủ trương đi tìm giải thoát trong hòa bình (arana) và tránh mâu thuẫn (rana), Ngài đưa ra trung đạo, tiềm ẩn trong cả hai ý nghĩa lý thuyết và thực hành. Trung đạo nằm giữa những cực điểm: giữa thuyết tuyệt đối (absolutism) và thuyết hư vô (nihilism) về mặt bản thể; giữa thuyết duy thực (realism) và thuyết duy danh (nominalism) về mặt ngôn ngữ.

Đọc bộ *Visuddhimagga* (Thanh Tịnh Đạo) của Buddhaghosa (Phật Âm) và *Vimuttimagga* (Giải Thoát Đạo Luận) của Upatissa (Ưu Bà Tu Đế) người ta cùng nhìn thấy con đường tu đạo cao siêu của Tiểu thừa. Bộ *Visuddhimagga* được học giả Pe Maung dịch sang Anh ngữ, *The Path of Purity*, The Pali Text Society xuất bản năm 1923, 1929, 1931, và 1975; và cũng được Ngài Tỳ kheo Nānamoli dịch sang Anh ngữ, *The Path of Purification*, Buddhist Publication Society xuất bản năm 1991. Bộ *Vimuttimagga* (Giải Thoát Đạo) được các Ngài N.R.M. Ehera, Soma Thera và Kheminda Thera dịch sang Anh ngữ từ Hán ngữ (nguyên bản soạn bằng Pali), *The Path of Freedom*, Buddhist Publication Society xuất bản năm 1977 và 1995 (ấn bản đầu tiên ra mắt năm 1961).

Trong quá trình phát triển Phật giáo tại Việt Nam trong 18 thế kỷ vừa qua, nước ta chưa có toàn bộ Tam Tạng Kinh Điển như Tích Lan, Trung Hoa, Thái Lan, Miến Điện, Tây Tạng, Nhật Bản, và Đại Hàn. Phật giáo mới du nhập vào Tây Phương có 200 năm, nhưng Tam Tạng Kinh đã được đầy đủ sang Anh ngữ. Phải chăng đây là một thiếu sót lớn lao trong văn học PGVN. Trong thời gian Nhật Bản xâm lăng Cao Ly, quân Nhật cho đốt hủy toàn bộ Tam Tạng

Kinh khắc vào những tấm gỗ đã được lưu trữ từ nhiều thế kỷ trong một ngôi cổ tự. Sau khi quân Nhật rút khỏi nước, một nhóm cao tăng hợp cùng với một tăng đoàn trẻ trung cho khắc lại Tam Tạng Kinh trên những tấm gỗ quý. Ban ngày các vị tăng trẻ lên rừng chặt cây, khênh về chùa, cưa thành từng tấm gỗ, rồi ban đêm, thầy trò cùng nhau khắc kinh. Trên 10 năm, toàn bộ Tam Tạng Kinh lại được khắc vào những tấm gỗ nhỏ lần thứ hai, cung kính xếp lên từng kệ sách. Bộ Tam Tạng Kinh này là quốc bảo của Dân Tộc Cao Ly.

Phật giáo truyền vào nước ta trước khi vào Cao Ly, Nhật Bản và trước rất xa Tây Tạng. Nước họ đã có bản dịch Tam Tạng Kinh. Hình như ta chưa viết thêm được một trang sử có ý nghĩa vào bộ sách Phật giáo Sử Việt Nam.

Luận Tạng Pali là nền móng của triết học Tiểu thừa. Nghiên cứu Luận Tạng Pali là trở về với cái tâm tủy của những lời Phật dạy để nắm vững được toàn bộ kho tàng triết học, tâm lý học, đạo đức học, siêu hình học, vũ trụ quan, nhân sinh quan và thuyết nhân duyên sinh khởi vạn pháp trong Phật giáo Tiểu thừa. Nếu đã quán triệt Luận Tạng Pali thì ta nhìn những tác phẩm của Thales, Plato, Aristototele, Heraclitus, St. Augustine, St. Aquinas, Kant, Bacon, Pascal, Descartes, Heidegger, Kierkegaard, Abelard, Tillich, Freud, Jung, v.v... chỉ là những đồng rơm trước cổng chùa. ■

Hoàng Hà Thanh
Los Angeles
Mùa Phật Đản 1997.

(Ghi chú: Vì kỹ thuật ấn loát, chúng tôi phải bỏ “dấu ngang”, “dấu ngã” và “dấu nặng” hay “dấu sắc” vào vài mẫu tự trong tiếng Pali và Sanskrit, xin cáo lỗi độc giả về sự bất khả kháng này).

TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THI VĂN ĐỜI LÝ

Hòa Thượng Thích Thắng Hoan

I. TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG THI VĂN PHÁP THUẬN

1. PHÂN TIỂU SỬ

Theo *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* của Nguyễn Lang (1), thiền sư Pháp Thuận họ Đỗ, không rõ tên thật và quê quán, xuất gia lúc còn nhỏ, thọ giáo với thiền sư Phù Trì chùa Long Thọ, thuộc thế hệ thứ mười của phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, cùng thời với thiền sư La Quý An, thiền sư Mahamaya và thiền sư Vô Ngại.

Thiền sư Pháp Thuận sống trong thời đại Lê Đại Hành (980-1005). Sau khi đắc pháp, thiền sư nói ra những điều phù hợp với Phù Sấm của Mật Tông. Chính thiền sư sử dụng Phù Sấm của Mật Tông giúp vua Lê Đại Hành nắm lấy quyền binh để chấm dứt tình trạng xáo trộn nguy hiểm trong triều đình cuối nhà Đinh.

Theo *Thiền Uyển Tập Anh*, thiền sư Pháp Thuận một nhà bác học uyên thâm, một nhà thi thơ linh hoạt, một nhà chánh trị đại tài. “Trong buổi đầu sáng nghiệp của Triều Lê, ông có công trừ tể tướng và quyết định kế hoạch cùng chánh sách; nhưng khi thiên hạ đã thái bình rồi thì không chịu phong thưởng. Vua Lê Đại Hành rất kính trọng, không gọi tên, chỉ xưng hô là Đỗ Pháp Sư mà thôi” (*Thiền Uyển Tập Anh*).

Thiền sư cùng với thiền sư Khuông Việt thường cố vấn cho vua Lê Đại Hành trong những quốc sự quan trọng. Một hôm, khi Lý Giác, sứ giả nhà Tống sang Việt Nam, vua Lê Đại Hành cử thiền sư Pháp Thuận đi tiếp đón. Để theo dõi hành động của Lý Giác, thiền sư cải trang người

chèo đò đưa Lý Giác sang sông. Khi thuyền đang đi, Lý Giác thấy đôi Thiên Nga đang bơi, liền ngâm hai câu thi:

*“Nga Nga lưỡng Nga Nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha.”*

Ngài Thích Mật Thể dịch:

*(Song song ngỗng một đôi,
Ngửa mặt ngó ven trời.)*

Thiền sư Pháp Thuận ứng khẩu:

*“Bạch mao phô lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba.”*

Ngài Thích Mật Thể dịch:

*(Lông trắng phơi giòng biếc,
Sóng xanh chân hồng bơi.)*

Sứ giả Lý Giác nghe xong rất ngạc nhiên và thán phục. Về sau sứ giả Lý Giác có làm bài thơ tặng riêng cho thiền sư Pháp Thuận. Đây là phần sử liệu được ghi lại trong các sách sử như: *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận* của Nguyễn Lang, *Thơ Văn Lý Trần* của Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội-Hà Nội 1977 v.v..

2. PHÂN TƯ TƯỞNG:

Đề cập đến thi văn, người có học thường nghĩ đến Thi Tứ. Chữ *tứ* nghĩa là ý tứ, tức là tư tưởng của thi nhân. Tư tưởng của thi nhân được ẩn chứa trong thi văn gọi là *Thi Tứ*. Tư tưởng của thi nhân thường mượn thi văn để gói gắm tâm sự của mình. Tư tưởng của thi nhân có khi bộc lộ ra ngoài thi văn giúp cho người đọc hiểu biết dễ dàng, có khi ẩn chứa trong thi văn khiến cho người đọc phải phân tích hay nhận định kỹ càng thì mới lãnh hội được.

Ngày nay các thi phẩm phần nhiều đều thích tả chân theo lối Tây phương, nghĩa là thi nhân thấy như thế nào thì diễn đạt như thế đó, rung cảm như thế nào thì trình bày như thế đó v.v... không nói bóng bẩy, không che dấu tâm tư và nhờ đó độc giả dễ hiểu biết cũng như dễ cảm thông theo những ước mơ của thi nhân.

Ngược lại, ngày xưa thì khác hơn, các thi nhân mỗi khi sáng tác thi phẩm cần phải thể hiện được thi tứ mới có giá trị. Thi mà không Tứ là thi không hồn và thi tả chân là loại thi của hạng bình dân. Người xưa làm thi thường nhắm đến ba mục đích: đánh giá trình độ, trải nghiệm tư tưởng và diễn đạt triết lý.

a/ Đánh Giá Trình Độ:

Trình độ có hai loại: Kiến thức và Trí thức. Kiến Thức là trình độ học rộng, biết nhiều điển tích, đọc nhiều kinh sách v.v... Trí Thức là trình độ thông minh, linh hoạt, hiểu sâu, nghĩa là hạng này thông suốt chiều sâu những tư tưởng ẩn chứa trong kinh sách, trong thi văn, mặc dù họ không có nhiều kiến thức và cũng không đọc nhiều kinh sách giống như hạng Kiến Thức nói trên. Người nào gồm đủ cả Kiến Thức và Trí Thức thì được phép vào hạng trình độ Bác Học. Cho nên nhằm thể hiện trình độ của tác giả cũng như đánh giá trình độ của độc giả, các thi nhân thời xưa mỗi khi sáng tác thi phẩm thường sử dụng rất nhiều điển tích và tàng trữ rất nhiều tư tưởng bên trong để chứng tỏ mình là thuộc về hạng thông thái uyên bác. Riêng đối với học giả, họ cũng phải thuộc về hạng trình độ bác học mới có thể thông suốt được ý tứ của thi văn và mới nhận thức được tư tưởng của thi nhân. Còn hạng tầm thường thuộc bình dân thì mờ mịt vấn đề ý tứ và hiểu sai vấn đề tư tưởng của tác giả trong thi văn. Đó là đánh giá trình độ của độc giả.

b/ Trải Nghiệm Tư Tưởng:

Độc giả nào nhận thức được tư tưởng ẩn chứa trong thi văn là hiểu được thi nhân và độc giả nào rung cảm theo tư tưởng trong thi văn là

tri âm của thi nhân. Còn độc giả nào tuy hiểu được tư tưởng trong thi văn, mặc dù không đồng tình với thi nhân, nhưng cũng là khích lệ khả năng của thi nhân. Chính vì thế các thi nhân lúc bấy giờ sáng tác thi phẩm thường hay gửi gắm tư tưởng trong thi văn để tìm bạn tri âm. Đây là phương thức trải nghiệm tư tưởng.

c/ Diễn Đạt Triết Lý:

Thi văn có giá trị là khi nào chứa đựng triết lý dồi dào và bao hàm tư tưởng súc tích. Thời xưa các thi nhân thường mượn ngôn từ triết lý để diễn đạt ý tưởng cao thâm của mình và đồng thời tô thắm nét son thi tứ cho thêm phong phú. Nhờ đó ý thi dạt dào và lời thi ngọt ngào tuôn chảy. Hiểu được triết lý trong thi văn là hiểu được trình độ đạt đạo của thi nhân. Đó là lý do cho thấy các thi nhân thời bấy giờ thường sử dụng triết lý để điểm son cho thi văn nổi bật.

Thi văn Lý Trần phần lớn chứa đựng triết lý của Phật Giáo và của Nho Giáo làm thi tứ, nhất là thi văn đời Lý hầu hết đều ảnh hưởng triết lý của Phật Giáo làm hồn thi, nguyên vì các thi nhân trong thời kỳ này phần nhiều là các thiền sư. Những độc giả muốn hiểu được thi tứ trong thi văn đời Lý thì nhất định phải thông suốt được tư tưởng của Phật Giáo. Nếu không thông suốt được tư tưởng của Phật Giáo, những độc giả nói trên khó khăn trong sự nhận thức thi tứ của các thi văn đời Lý. Giờ đây chúng ta hãy duyệt xét thi tứ trong thi văn của thiền sư Pháp Thuận. Trước hết chúng ta khảo sát thi tứ trong thi văn “*Nga Nga lưỡng Nga Nga, Ngưỡng diện hướng thiên nha*” của sứ giả Lý Giác và thi tứ trong thi văn “*Bạch mao phô lục thủy, Hồng trạo bãi thanh ba*” của thiền sư Pháp Thuận.

Bốn câu thi vừa nêu trên, Viện Văn Học của Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam cho rằng: “Đây chỉ là truyền thuyết” và bốn câu thi này “là phỏng theo bài Vịnh Nga (Vịnh ngỗng) của Lạc Tân Vương nhà thơ đời Đường, làm lúc 10 tuổi.” (2)

Viện Văn Học quan niệm như thế chứng tỏ không hiểu chút nào về thi tứ trong bốn câu thi của Lý Giác và của Pháp Thuận. Đã vậy Viện Văn Học này lại còn vô tình hạ thấp giá trị Văn Học Việt Nam như trẻ con và khinh thường Văn Học Việt Nam kém thua Văn Học Trung Quốc. Bốn câu thi đối đáp giữa sứ giả Lý Giác và thiền sư Pháp Thuận đều chứa đựng cả kho tàng tư tưởng trong đó mà tư tưởng ở đây chính là quan niệm chánh trị súc tích hồn thi và nó không phải là thứ thi văn tả cảnh ngây ngô tầm thường giống như thi văn của Lạc Tân Vương mà Viện Văn Học nhận định.

Trước hết chúng ta thử xét nghiệm bài thi “Vịnh Nga” của Lạc Tân Vương sáng tác lúc mười tuổi xem sao?

*“Nga! Nga! Nga!
Khúc hạc hướng thiên ca.
Bạch mao phù lục thủy,
Hồng chướng bát thanh ba.”*

Trần Thanh Mại dịch:

*“Ngỗng! Ngỗng! Ngỗng!
Cong cổ hướng lên trời mà kêu.
Lông trắng nổi trên nước biếc,
Bàn chân hồng khua sóng xanh.”*

Bài thi này được in trong *Thơ Văn Lý Trần*, tập I, trang 203, do Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội-Hà Nội ấn hành năm 1977. Đây thật sự là một bài thi tả cảnh có tánh cách ngây thơ, tác giả thấy như thế nào thì diễn tả như thế đó, không có chút thi tứ ở trong, nghĩa là bài thi trên hoàn toàn không có tí nào tư tưởng ẩn chứa bên trong thi văn để cho độc giả thích thú suy tư và say mê tìm hiểu.

Ngược lại, thi văn đối thoại của sứ giả Lý Giác và của thiền sư Pháp Thuận là thuộc về loại thi tứ mà nó không phải là thứ thi văn tả cảnh. Thi tứ ở đây nghĩa là thi văn mượn câu chuyện đôi ngỗng bơi lội trên dòng sông xanh để diễn tả ý tứ của mỗi người. Nói cách khác, sứ giả Lý Giác mượn câu chuyện đôi ngỗng

đang bơi lội để diễn tả tư tưởng chánh trị của mình. Còn thiền sư Pháp Thuận cũng mượn câu chuyện đôi ngỗng đang bơi lội ở trên nhằm diễn tả tư tưởng đối kháng của mình để trả lời với sứ giả Lý Giác. Từ đó hai bên tạo nên một sự kính nể lẫn nhau và cũng nhờ vậy sứ giả Lý Giác mới tặng cho thiền sư Pháp Thuận một bài thi để giao hảo. Rất tiếc bài thi này không thấy ghi lại trong sử liệu. Giờ đây chúng ta thử khảo sát thi tứ trong thi văn đối thoại giữa sứ giả Lý Giác và thiền sư Pháp Thuận qua câu chuyện đôi ngỗng đang bơi lội trên dòng sông xanh:

*“Nga Nga lưỡng Nga Nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha.
Bạch mao phù lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba.”*

Nhiều nhà văn học cho rằng, bốn câu thi vịnh đôi ngỗng đang bơi lội trên dòng sông xanh ở trên của sứ giả Lý Giác và của thiền sư Pháp Thuận là rập khuôn theo bài thi tả cảnh con ngỗng của Lạc Tân Vương mà trong đó thêm bớt đôi chữ cho xuôi câu để ứng đối với nhau. Nhưng nếu như so sánh hai bài thi vừa kể, một của Lạc Tân Vương và một của sứ giả Lý Giác cùng thiền sư Pháp Thuận, chúng ta nhận thấy có những điểm khác biệt như sau:

1. Bài thi tả cảnh con ngỗng của Lạc Tân Vương chỉ là loại thơ thuộc thể tả chân, nghĩa là Lạc Tân Vương nhìn thấy con ngỗng bơi lội như thế nào thì diễn đạt như thế đó, không có chút ẩn ý được gởi gắm bên trong thi văn và chỉ một mình Lạc Tân Vương tự hứng khởi ngâm vịnh mà thôi. Nói cách khác bài thi này hoàn toàn không có chứa đựng tư tưởng sâu xa nào tiềm ẩn bên trong nội dung.

2. Lời văn trong bài thi nói trên có tánh cách ngây thơ của tuổi trẻ và không có chút nào hồn thi trong văn chương cũng như không có thi tứ trong tư tưởng. Chúng ta thử đọc lại bài thi đó thì sẽ thấy rõ giá trị của nó:

“Nga! Nga! Nga!

*Khúc hạm hướng thiên ca.
Bạch mao phù lục thủy,
Hồng chuông bát thanh ba."*

(Ngõng! Ngõng! Ngõng!

Cong cổ hướng lên trời mà kêu.

Lông trắng nổi trên nước biếc,

Bàn chân hồng khua sóng xanh.)

3. Ngược lại, bài thi của sứ giả Lý Giác và của thiền sư Pháp Thuận thì chứa đựng hồn thi dạt dào tình cảm trong văn chương qua âm điệu vần thi và cũng hàm súc ý tứ kiêu hùng tràn đầy nghị lực trong tư tưởng tự tin được thể hiện qua thi văn.

4. Bài thi bốn câu, hai câu đầu của sứ giả Lý Giác và hai câu kế tiếp của thiền sư Pháp Thuận sáng tác chính là loại thi văn thuộc thể đối thoại mang sắc thái chánh trị có tánh cách đối nghịch được ẩn chứa bên trong. Hai câu thi của mỗi người tuy trình bày cùng một chủ đề là diễn tả đôi ngõng đang bơi lội trên dòng sông xanh, nhưng ý tứ ẩn chứa bên trong của hai người là phản kháng với nhau một cách quyết liệt về phương diện tư tưởng chánh trị không đồng nhau. Điều này được thấy trong hai câu thi đối thoại của mỗi tác giả.

A. TƯ TƯỞNG CHÁNH TRỊ CỦA LÝ GIÁC

Tư tưởng chánh trị của Lý Giác được bộc lộ qua hai câu thi của tác giả mà sứ giả này hứng khởi ngâm lên khi nhìn thấy đôi ngõng đang bơi lội trên dòng sông xanh trong lúc ngang qua đò:

*"Nga Nga lưỡng Nga Nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha."*

1. Câu "*Nga Nga lưỡng Nga Nga*": Nghĩa là mượn hình ảnh đôi ngõng để ám chỉ bà Thái Hậu Dương Vân Nga, vợ của Đinh Tiên Hoàng Đế, mẹ của Vệ Vương Đinh Tuệ.

2. Câu "*Ngưỡng diện hướng thiên nha*":

* Chữ THIÊN NHA đọc cho đúng là *Thiên*

Nhai, nghĩa là ven trời hay chân trời. *Thiên Nha*, theo nghĩa ẩn ý trong câu thi của sứ giả Lý Giác là bên cạnh Thiên Tử, tức là ám chỉ cho triều đình nhà Tống.

Chữ NGƯỠNG DIỆN: nghĩa là ngửa mặt. *Ngưỡng Diện* nghĩa bóng là ngửa mặt van xin, cầu khẩn nhà Tống.

* Câu "*Ngưỡng diện hướng thiên nha*": nghĩa là van xin hướng về thần phục nhà Tống.

3. Hai câu "*Nga Nga lưỡng Nga Nga, Ngưỡng diện hướng thiên nha,*" theo nghĩa ẩn ý của sứ giả Lý Giác là bà Thái Hậu Dương Vân Nga đã van xin thần phục nhà Tống.

Sứ giả Lý Giác sở dĩ hứng khởi ngâm lên hai câu thi trên một cách sáng khoái trong lúc sang sông là tự hào cho rằng, mưu đồ của mình mà triều đình nhà Tống giao trách nhiệm xem như đã nắm phần thắng trong tay. Mưu đồ của sứ giả Lý Giác được thể hiện qua hai câu thi trên:

a/ Nhằm tạo sự nội loạn trong triều đình Việt Nam qua sự nghi kỵ giữa phe nhóm của bà Thái Hậu Dương Vân Nga và phe nhóm của Lê Đại Hành để khởi điểm cho cuộc lật đổ triều đại nhà Tiền Lê bằng sách lược chánh trị.

b/ Móc nối con cháu cùng phe nhóm còn sót lại của Đinh Tiên Hoàng Đế và hỗ trợ cho họ nổi dậy để phục hồi chế độ nhà Đinh theo kế hoạch của vua Tống.

Muốn thành công những mưu lược đó, sứ giả Lý Giác trước tiên tung chiến dịch rao truyền rằng, bà Thái Hậu Dương Vân Nga đã trở mặt với Lê Đại Hành và hiện đang hướng về thần phục nhà Tống. Chiến dịch này nhằm tạo sự nghi kỵ trong nội bộ của triều đình nhà Tiền Lê, để họ tự thanh toán lẫn nhau. Sứ giả Lý Giác tưởng chừng như chiến dịch này của mình đã thành công, cho nên tự hào hứng khởi ngâm lên hai câu thi:

*"Nga Nga lưỡng Nga Nga,
Ngưỡng diện hướng thiên nha."*

Nguyên do, Lê Đại Hành sau khi chiến thắng quân nhà Tống liền lên ngôi Hoàng Đế (980) với Quốc Phục Cấm Bào do bà Thái Hậu Dương Vân Nga tấn phong mà quốc phục Cấm Bào này trước kia do Hoàng Đế nhà Tống phong vị cho Đinh Bộ Lĩnh với danh nghĩa là “Giao Chỉ Quận Vương” (*Việt Sử Toàn Thư* của Phạm Văn Sơn, trang 161).

Nước Việt Nam ta xưa kia tuy là nhỏ bé so với Trung Quốc, nhưng là một quốc gia độc lập tự chủ dưới triều đại nhà Đinh qua tước vị “Giao Chỉ Quận Vương” do Hoàng Đế nhà Tống sắc phong với “Quốc Phục Cấm Bào” và với quốc hiệu “Đại Cồ Việt.” Hoàng Đế nhà Tống sau khi ổn định xong nội bộ của Trung Quốc, không muốn nước Việt Nam ta độc lập tự trị với danh nghĩa Vương Tước cũng như với quốc hiệu “Đại Cồ Việt” mà ở đây họ muốn nước Việt Nam ta sáp nhập thành một châu quận của Tàu với danh nghĩa “Giao Châu” và với chức vị “Thứ Sử” như thuở xưa. Cho nên Hoàng Đế nhà Tống liền lấy cớ là đòi lại “Quốc Phục Cấm Bào Tước Vị” đã phong thưởng cho Đinh Bộ Lĩnh, nhưng thực sự bên trong nhằm thi hành kế sách nêu trên. Nguyên vì Hoàng Đế nhà Tống rất coi trọng Quốc Phục Lễ Nghi này. Lễ dĩ nhiên triều đình nhà Đinh không chấp nhận và cũng không khuất phục. Bởi lý do triều đình nhà Đinh không chịu khâm tuân, Hoàng Đế nhà Tống liền sử dụng áp lực quân sự để đòi cho bằng được Quốc Phục Cấm Bào Tước Vị của Đinh Tiên Hoàng Đế. Trước hết triều đình nhà Tống cho người ám sát Đinh Tiên Hoàng Đế và kế tiếp cử đại binh hùng hậu tấn công nước Đại Cồ Việt. Lê Đại Hành lúc bấy giờ chỉ là tước vị “Thập Đạo Tướng Quân” của triều đại nhà Đinh. Khi Đinh Tiên Hoàng Đế bị Đỗ Thích giết một cách bất ngờ trong lúc đưa con Vệ Vương Đinh Tuệ quá nhỏ bé mới có sáu tuổi, bà Thái Hậu Dương Vân Nga thay con điều hành quốc gia. Theo *Việt Sử Toàn Thư* của Phạm Văn Sơn, trang 163 ghi

rằng: “Dương thái hậu lâm triều dùng Nguyễn Bặc, Đinh Điền, Lê Hoàn làm phụ chính.” Nước Đại Cồ Việt dưới thời Vệ Vương Đinh Tuệ đang trong cơn lâm nguy, ngoài biên cương bị đe dọa bởi áp lực quân sự quá mạnh của nhà Tống, trong triều đình quần thần chia rẽ trầm trọng bởi dòng họ nhà Đinh dần ăn gây loạn và nhân dân ta thán. Để ổn định lòng dân và để đủ sức chặn đứng đội quân xâm lăng hùng hậu của nhà Tống, bà Thái Hậu Dương Vân Nga đành phải trao quyền điều khiển quốc gia lại cho Lê Đại Hành với Quốc Phục Cấm Bào Tước Vị và gươm báu của Tiên Vương. Theo *Việt Sử Toàn Thư* của Phạm Văn Sơn, trang 164 ghi rằng: “Thái Hậu bèn cho đem áo hoàng bào ở trong cung ra, tự tay khoác vào mình Lê Hoàn.” Nhờ đó Lê Hoàn mới thống nhất được lực lượng quân sự trong nước và cũng từ đó mới chiến thắng quân xâm lăng của nhà Tống một cách vẻ vang. Sau khi chiến thắng quân nhà Tống, Lê Hoàn lên ngôi với chức vị Đại Hành Hoàng Đế và với Quốc Phục Cấm Bào Tước Vị.

Sau khi xâm lăng Đại Cồ Việt bằng quân sự bị thảm bại nặng nề, Hoàng Đế nhà Tống đành phải cử sứ giả Lý Giác sang Việt Nam sắc phong “Tiết Độ Sứ” cho Lê Đại Hành để giảng hòa với nhau giữa hai nước. Nhưng nhà Tống không chịu tỉnh thức, lại một lần nữa như cơ hội chưa sắc phong “Tiết Độ Sứ” cho Lê Đại Hành, ra lệnh sứ giả Lý Giác phải tìm mọi cách vận động lật đổ triều đại nhà Tiền Lê. Trước khi Lý Giác sang Việt Nam, nhà Tống đã phái một số gián điệp đi dọn đường cho kế hoạch trên. Người cầm đầu lực lượng gián điệp này chính là Lý Nhược Chuyết với chức vụ Tả Cổ Khuyết (*Việt Sử Toàn Thư* của Phạm Văn Sơn, trang 167). Không ngờ Hoàng Đế nhà Tiền Lê đã biết trước âm mưu đó liền phái người chặn phá tất cả kế hoạch của nhà Tống và đồng thời cử thiền sư Pháp Thuận giả người chèo đò để theo dõi hành động của sứ giả Lý Giác. Sứ giả Lý Giác

lúc bấy giờ chính là chức Quốc Tử Giám Bác Sĩ.

B. TƯ TƯỞNG CHÁNH TRỊ CỦA PHÁP THUẬN:

Tư tưởng chánh trị của thiền sư Pháp Thuận cũng được thể hiện qua hai câu thi kế tiếp. Hai câu thi của thiền sư Pháp Thuận bằng cách ứng khẩu là tiếp nối theo hai câu thi của sứ giả Lý Giác để ráp thành một bài thi ứng đối, cũng diễn tả đôi ngỗng đang bơi lội trên dòng sông xanh mà sứ giả Lý Giác chưa kịp suy nghĩ. Nhưng tư tưởng chánh trị trong hai câu thi của thiền sư Pháp Thuận có tánh cách đối kháng lại với tư tưởng chánh trị của sứ giả Lý Giác qua hai câu thi của họ. Tư tưởng chánh trị đối kháng của thiền sư Pháp Thuận được thấy như sau:

*“Bạch mao phô lục thủy,
Hồng trạo bãi thanh ba.”*

1. Câu “*Bạch mao phô lục thủy*”:

* **BẠCH MAO**: nghĩa là lông trắng, nghĩa bóng là sự trong trắng. Chữ *Bạch* có nghĩa là trong trắng, dứt sạch. Chữ *Bạch* ở đây cũng giống như hai chữ *Bạch Nghiệp* hay chữ *Bạch Pháp* trong Phật Giáo.

+ Chữ *Bạch Nghiệp* nghĩa là nghiệp trắng và nghĩa bóng là dứt nghiệp hay hết nghiệp.

+ Chữ *Bạch Pháp* nghĩa là pháp lành hay pháp mẫu nhiệm.

* **PHÔ**: nghĩa là phơi bày. Chữ *Phô* trong câu thi “*Bạch mao phô lục thủy*” có ý nghĩa sâu xa hơn chữ *Phù*. Chữ *Phù* trong câu thi “*Bạch mao phù lục thủy*” của Lạc Tân Vương chỉ có nghĩa là nổi lên mặt nước mà thôi. Trái lại chữ *Phô*, ngoài nghĩa nổi trên mặt nước còn có nghĩa khác nữa là phơi bày một cách trọn vẹn.

* **LỤC THỦY**: nghĩa là nước trong xanh. *Lục Thủy*, ngoài nghĩa nước trong xanh, còn có nghĩa bóng là sự thanh bạch của đất nước, tức

là ám chỉ nước Việt Nam ta không có âm mưu đen tối.

* Câu “*Bạch mao phô lục thủy*” nghĩa bóng là sự trong trắng được phơi bày trên đất nước Việt Nam thanh bạch.

2. Câu “*Hồng trạo bãi thanh ba.*”

* **HỒNG TRẠO**: nghĩa là chân con ngỗng có màng màu hồng giống như cái chèo thuyền. *Hồng Trạo* ở đây còn có ý nghĩa ám chỉ cho vũ khí chiến tranh.

* **THANH BA**: nghĩa là sóng nước xanh và còn có ý nghĩa khác nữa là sóng gió nổi dậy trên mặt biển xanh. *Thanh Ba* ở đây chính là ám chỉ cho chiến tranh nổi dậy trên cảnh thanh bình.

* Câu “*Hồng trạo bãi thanh ba*”: nghĩa bóng là vũ khí của con ngỗng có thể lướt qua bất cứ sóng gió từ đâu đến.

3. Ý tưởng tổng hợp của hai câu “*Bạch mao phô lục thủy, Hồng trạo bãi thanh ba,*” theo Pháp Thuận có nghĩa là sự trong trắng của bà Thái Hậu Dương Vân Nga được phơi bày một cách rõ ràng với quốc gia dân tộc và vũ khí của bà Thái Hậu có thể dẹp tan tất cả sóng gió chiến tranh bất cứ từ đâu đến trên cảnh thanh bình của đất nước.

Qua sự đối kháng chánh trị bằng thi văn giữa hai người, một người là sứ giả của nước to lớn và một người là gã chèo đò tầm thường của nước quá nhỏ bé, Lý Giác vô cùng ngạc nhiên và thán phục Pháp Thuận:

A. NGẠC NHIÊN:

1. Không ngờ một gã chèo đò tầm thường đã đoán được thâm ý của mình. Sách lược mà triều đình nhà Tống giao phó xem như đã bị bại lộ. Chính gã chèo đò đã tỏ bày ẩn ý đó qua hai câu thi của họ. Như vậy kế hoạch của mình vạch ra không thể nào thành công trách nhiệm.

2. Cũng không ngờ gã chèo đò tầm thường lại có trình độ bác học, hiểu biết nhiều điển tích và thông suốt văn học Trung Quốc một cách súc

tích như thế.

B. THÁN PHỤC:

1. Gã chèo đò này rất thông minh, phản ứng rất nhanh nhẹn và đối đáp rất tự nhiên không cần phải suy nghĩ. Hơn nữa, gã này sử dụng ngôn từ Trung Quốc rất văn chương và áp dụng lời lẽ rất linh hoạt mà không có chút gượng ép.

2. Hai câu thi của gã chèo đò nếu đem so sánh thì sâu sắc và văn chương hơn hai câu thi của mình.

C. NHẬN XÉT:

Hai câu thi của thiền sư Pháp Thuận so sánh thì hay hơn, có ý nghĩa súc tích hơn hai câu thi của sứ giả Lý Giác. Hai câu thi của thiền sư Pháp Thuận, mỗi câu có một nội dung sâu sắc về hình thức cũng như về ẩn ý. Điển hình như:

1. Câu “Bạch mao phô lục thủy”:

a/ Về Hình Thức:

+ Bạch Mao: nghĩa là lông trắng của con ngỗng,

+ Lục Thủy: nghĩa là nước trong xanh.

b/ Về Ẩn Ý:

+ Bạch Mao: nghĩa là tả sự trong trắng của bà Thái Hậu Dương Vân Nga,

+ Lục Thủy: nghĩa là tả sự trong sạch của nước Việt Nam.

2. Câu “Hồng trạo bãi thanh ba”:

a/ Về Hình Thức:

+ Hồng Trạo: nghĩa là chân con ngỗng

+ Thanh Ba: nghĩa là sóng nước xanh.

b/ Về Ẩn Ý:

+ Hồng Trạo: nghĩa là tả vũ khí của nước Việt Nam mà bà Thái Hậu Dương Vân Nga tiêu biểu.

+ Thanh Ba: nghĩa là tả sự sóng gió chiến tranh nổi dậy trên nước Việt Nam thanh bình.

Ngược lại, hai câu thi của sứ giả Lý Giác so với hai câu thi của thiền sư Pháp Thuận thì kém thua về hình thức cũng như về ẩn ý. Ngôn từ

trong hai câu thi này đã không súc tích và lại còn thừa văn cũng như thừa ý. Điển hình cho thấy:

1. Câu “Nga Nga lưỡng Nga Nga”:

a/ Về Hình Thức:

+ Nga Nga: nghĩa là hai con ngỗng.

+ Lưỡng: nghĩa là tả hai con ngỗng.

+ Nga Nga: nghĩa là hai con ngỗng.

Về hình thức, câu thi này thật là thừa văn và cũng là thừa ý. Trong một câu thi, tác giả đã dùng đến bốn chữ Nga mà hai chữ Nga ở đầu câu và hai chữ Nga ở cuối câu không ngoài một nghĩa là đều diễn tả hai con ngỗng đang bơi lội trên dòng sông xanh, đó là thừa văn. Nguyên vì hai chữ Nga ở cuối câu lại trùng nghĩa với hai chữ Nga ở đầu câu. Đã vậy, tác giả lại còn thêm chữ Lưỡng ở giữa bốn chữ Nga thì thật quá thừa ý. Chữ Lưỡng nghĩa là hai, như Lưỡng Diện nghĩa là hai mặt hoặc Lưỡng Nga Nghĩa là hai con ngỗng. Nhưng câu “Lưỡng Nga Nga” đã nói lên ý tứ thừa thãi và trống rỗng. Trong một câu thi “Nga Nga lưỡng Nga Nga,” chỉ hai chữ Nga Nga ở đầu câu là có ý nghĩa và còn những chữ kế tiếp thì thật vô vị, không có chút nào giá trị văn chương.

b/ Về Ẩn Ý:

+ Nga Nga: nghĩa là ám chỉ tên của bà Thái Hậu Dương Vân Nga.

2. Câu “Ngưỡng diện hướng thiên nha”:

a/ Về Hình Thức:

+ Ngưỡng Diện: nghĩa là ngửa mặt.

+ Thiên Nha: nghĩa là ven trời.

b/ Về Ẩn Ý:

+ Ngưỡng Diện: nghĩa là ám chỉ sự van xin, sự cầu khẩn của bà Thái Hậu Dương Vân Nga.

+ Thiên Nha: nghĩa là ám chỉ cho triều đình nhà Tống.

Chứng tỏ, hai câu thi của sứ giả Lý Giác so với hai câu thi của thiền sư Pháp Thuận thì kém xa về phương diện văn chương cũng như về phương diện tư tưởng. Và từ những dữ kiện này,

chúng ta nhận thấy, trình độ học thức của sử giả Lý Giác thấp thua trình độ hiểu biết của thiền sư Pháp Thuận.

Theo truyền thuyết, sau khi hai bên đối đáp xong, sử giả Lý Giác liền hỏi thiền sư Pháp Thuận rằng:

— Nhà ngươi học ở đâu và học với ai?

Thiền sư Pháp Thuận trả lời:

— Tôi là người chèo đò, không học với ai cả. Tôi chỉ nghe lén các học sinh nước tôi học với nhau nên nhớ được đầy thôi.

Sử giả Lý Giác hỏi:

— Triều đình của nước ngươi có nhiều nhân tài không?

Thiền sư Pháp Thuận trả lời:

— Triều đình của nước tôi rất nhiều chí sĩ ủng hộ.

Sau khi nghe thiền sư Pháp Thuận trả lời, sử giả Lý Giác có vẻ bối rối lo sợ. Nguyên do, theo quan niệm của nhà Tống, triều đại nào được nhiều chí sĩ ủng hộ là chứng tỏ triều đại đó đã có chánh nghĩa và có thể vững mạnh. Nhà Tiền Lê xét thấy là một triều đại hợp pháp đã được nhân dân hoàn toàn ủng hộ đúng như tiêu chuẩn nêu trên. Trong lúc này chúng ta muốn lật đổ triều đại nhà Tiền Lê thì thật không phải dễ dàng. Kế hoạch của chúng ta có thể xem như bị thất bại hoàn toàn. Sử giả Lý Giác bắt đầu lo lắng. Thế mà cũng chưa chịu dừng bước, sử giả này vẫn còn tiếp tục sử dụng nhiều chước thuật để áp đảo triều đình nước ta.

(Còn tiếp).

(1) *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận*, Nguyễn Lang, quyển 1, trang 145, Lá Bối xuất bản.

(2) *Thơ Văn Lý Trần*, tập 1, trang 203, Viện Văn Học, Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam do Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội-Hà Nội 1977.

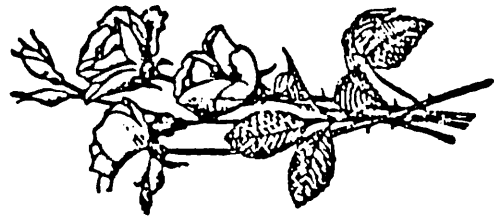
Thơ QUẢNG THỌ

Khởi Tâm

*Cõi ta bà, cảnh phù vân,
Buồn vui cũng bởi mê tâm tạo thành.
Trí mờ mê đắm lợi danh,
Si, tham, sân hận, nghiệp thành họa tai.
Biến thiên tâm sở hình hài,
Vô minh vây bủa kéo dài trăm luân.*

*Khởi tánh giác, tâm thấm nhuần.
Đây lời giác ngộ Năng Nhân thuyết truyền
Thân ngũ ấm, kiếp lụy phiền,
Bởi do tam độc đảo điên xoay vần.
Sáu căn cùng với sáu trần,
Quán đời huyễn hóa, quán thân vô thường.
Từ chấp diệt, vi diệu tường
Giải vô minh giới, thoát đường tử sanh.*

*Mê trần tình, ngộ đạo lành.
Hào quang chư Phật tinh anh sáng ngời!
Như Lai diệu Pháp tuyệt vời,
Thiện duyên con được nghe lời dạy khuyên.
Thân con, bóng tối mạn thuyên.
Hải đăng, Tam Bảo diệu huyền rọi soi.
Thân con, viễn xứ chơi vơi,
Nguyện xin trở lại chân trời cố hương.*



TÁCH NHÂN QUYỀN KHỎI KINH TẾ DẪN TỚI CẢNH TRANH GIÀNH VÀ THỐNG THUỘC MỚI

Lý Đại Nguyên

Nhân mùa Phật Đản xin mọi người hãy cùng nhau nhất tâm chú nguyện cho TỰ DO sớm về với quê hương Việt Nam. 77 triệu người dân Việt Nam đang sống dưới chế độ Độc tài thiển cận của Cộng Sản Việt Nam, mong vậy! Toàn thể nhân loại từ ái đều cùng nhau vận động cho mục tiêu đó.

Và, nhất là với những biến chuyển quốc tế hiện nay, đang diễn ra theo chiều hướng muốn tách rời nhân quyền ra khỏi những áp lực kinh tế đối với các chế độ độc tài, việc này mà trở thành phổ biến, thì thảm họa mới lại xuất hiện và kéo dài sang thế kỷ tới, đó là:

1. Các nước Tư bản kỹ nghệ lớn sẽ rơi vào cảnh tranh giành ảnh hưởng quyết liệt và tinh vi đến độ tổ chức mậu dịch quốc tế cũng đành chào thua. Hòa bình bị đe dọa.

2. Các chế độ độc tài vì quyền lợi địa vị thiển cận đã và sẽ tiếp tục trói tay dân chúng lại để cho tài phiệt ngoại quốc có điều kiện phát triển, tiến lên nắm quyền chủ động, quyết định vận mệnh kinh tế Quốc gia.

3. Khi tài phiệt ngoại quốc đã nắm kinh tế, họ sẽ dễ dàng loại bỏ tội độc tài nội địa, lập chế độ tự do Dân chủ Pháp trị nhằm thu lợi nhiều hơn, thì lúc đó dân chúng chỉ còn là những công nhân khố và người tiêu thụ tốt, chứ vốn đầu mà phát triển đất nước theo hướng Chủ động Dân tộc được.

Kể từ khi chiến tranh lạnh kết thúc nhân loại đã hân hoan đón chờ mùa HÒA BÌNH NHÂN

CHỦ sẽ nở ra trong thiên niên kỷ III, qua những biểu hiện đầy thiện chí của các cường quốc kỹ nghệ tự do, nhất là chính sách đấu tranh cho NHÂN QUYỀN của siêu cường Hoa Kỳ và cộng đồng Âu Châu.

Nhưng thật đáng buồn và đáng xấu hổ, là một số lãnh tụ Chính quyền ở các nước Á đông được gọi là Rồng, Cọp, trước kia vốn mới vừa thoát khỏi cảnh nô lệ, nay đã vì óc ích kỷ và lối nhìn thiển cận, vội lên án Chủ Trương Nhân quyền của các Cường quốc, coi đó là nhân quyền kiểu Âu, Mỹ không hợp với “Văn hóa Đông phương.”

Họ đã hiểu ý nghĩa Văn hóa như một hủ tục hơn là những truyền thống tốt đẹp cần phải giữ gìn bảo trọng của các dân tộc và phải bỏ đi những hủ tục lạc hậu, để đón nhận những tiến bộ tốt lành của nhân loại để cùng tất cả, cùng đi lên.

Quyền làm người, quyền được sống tự do, quyền được lựa chọn cuộc sống, lối sống, chế độ, được phát biểu cảm nghĩ của mình về xã hội mà mình đang sống và phải có trách nhiệm đóng góp... là quyền phổ biến của con người, là biểu hiện văn hóa tính tối cao của thời đại.

Chính những phản ứng lối bịch và vô trách nhiệm đó, đã làm cho chính sách nhân quyền của các cường quốc bị khựng lại. Đừng quên rằng chỉ vừa mới đây thôi, nhân loại nhục tiếu đã khốn khổ nhục nhã vì chính sách phi nhân quyền của các nước lớn. Nay họ vừa mới tỉnh

thức để thấy rằng Nhân quyền mới đưa thế giới tới hòa bình và phát triển, đem lợi ích lại cho mọi người. Đáng lẽ các nước nhỏ phải bắt ngay lấy cơ hội này để đưa đất nước mình đi lên. Thì vì thiếu hiểu biết, chỉ nghĩ tới địa vị quyền lợi riêng mà bỏ đi lợi ích chung của nhân loại nên đã lên tiếng phản đối.

Trong khi chính sách nhân quyền bị khựng lại, thì các cường quốc kỹ nghệ tính chuyện làm ăn riêng với các chế độ Độc tài. Nhất là các chế Độ Cộng Sản còn sót lại sau Chiến tranh lạnh. Ở nơi ấy tự do dân chủ hoàn toàn thiếu vắng. Dân chúng vẫn bị ngụp lặn trong một xã hội thối nát tham nhũng và đói khổ.

Trong số nước khốn khổ này có quê hương Việt nam của chúng ta. Một đất nước là nạn nhân của các thế lực tranh chấp quốc tế suốt nửa thế kỷ qua. Chúng ta đã mất mát quá nhiều trong vai trò quân cờ thí của bàn cờ thế giới và còn là nạn nhân trong một cuộc cờ mới nữa, mới thật là nghiệt ngã.

Thật là bất hạnh cho nước Việt nhỏ bé mà lại phải “sông liền sông”, “núi liền núi,” “biển liền biển” với nước Tàu khổng lồ, lúc nào Tàu mạnh lên một chút là y như rằng tính kế thôn tính nước Việt.

Lúc nào nước Tàu bị các cường quốc xông vào xâm xé thì nước Việt cũng bị biến thành quân cờ thí cho đủ mọi âm mưu. Nhất là trên nửa thế kỷ trở lại đây, nước Tàu là mục tiêu chiến lược của Mỹ, thì nước Việt trở thành điểm động của chiến lược đó. Thân phận của điểm động thì luôn luôn phải loạn. Một Dân tộc, một giống người chứ đâu phải là một bãi cát, một rừng hoang mà bắt nhau gánh chịu nhiều đau khổ đến như vậy.

Chưa hết, trong khi hầu hết các Quốc gia đều được hưởng Hòa bình tự do phát triển đất nước, thì Việt nam vẫn phải nằm dưới sự cai trị độc tài lạc hậu và ô lậu của Cộng Sản để chờ cho sách lược của Mỹ về Trung Quốc đem áp

dụng mới được chuyển động.

Vậy sách lược của Mỹ đối với Tàu là gì? Đó là Tách vấn đề Nhân quyền ra khỏi kinh tế. Để cho dễ thấy hơn là không ràng buộc Nhân quyền vào với Tối huệ Quốc mà Mỹ dành cho Tàu. Vì vấn đề Tối huệ Quốc của Mỹ đối với Tàu là vấn đề sinh tử của Tàu. Mất Tối huệ quốc là sụp đổ tất cả.

Nhưng cho Tàu Tối huệ Quốc, mà vì vấn đề Tàu vi phạm nhân quyền (kể từ vụ Thiên An môn) mà Mỹ không bình thường hóa toàn diện công việc làm ăn tại đất Tàu, thì có khác gì Mỹ tự biến mình thành con bò sữa nuôi béo Tàu, để Tàu dùng tiền lời thu được từ thị trường Mỹ đem mua các món hàng từ các nước Tây Âu, mà khởi đầu cho sự xé rào đó là nước Đức rồi Pháp theo gót.

Vậy kể từ nay chính sách Mỹ Tàu là những gì thuộc về kinh tế, là thuần túy kinh tế, chiếc đũa thần Tối huệ Quốc được đặt trong đó. Tàu vi phạm nhân quyền thì Mỹ cứ chống. Mỹ có quyền bảo vệ an ninh Đài Loan. Ủng hộ Tây Tạng, Tân Cương tranh đấu đòi tự trị. Thậm chí có thể bung chiếc dù an ninh trên toàn vùng đất tự do ở Châu Á, nếu các Quốc gia tại đây chấp thuận. Nhưng như vậy không có nghĩa là đe dọa an ninh của Tàu, vì về lâu về dài vốn của Mỹ sẽ được đổ vào Hoa lục để làm ăn ganh đua với vốn của Tư bản Âu Châu kia mà. Một hình thái tranh ảnh hưởng thị trường mới bắt đầu.

Xem vậy, gộp Nhân quyền với kinh tế lại thì Tàu bị nguy mà tách vấn đề Nhân quyền ra khỏi kinh tế Tàu cũng sợ, nhưng Tối huệ Quốc và việc tạm thời được yên tâm củng cố quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản trên một tỷ hai con người cần hơn. Chính vì chỉ nghĩ như vậy, nên Tàu Cộng không tận dụng được những cơ hội tốt đã có, để thực hiện tự do Dân chủ, đưa nước Tàu đi lên ngang tầm với thời đại.

Sau 6 năm giậm chân tại chỗ với chính sách nhân quyền của mình, nước Mỹ phải đợi tới

nhiệm kỳ 2 của Tổng Thống Clinton mới biểu hiện được nguyên tắc nhân quyền ra thành Chiến lược cụ thể, qua những chủ trương chính thức và hoạt động thiết thực. Trước hết chính quyền Clinton công bố chính sách ngoại giao của Mỹ đặt trọng tâm chính yếu vào vấn đề Tự do Tôn giáo và ngay cả đối với Quốc nội vấn đề Tự do tôn giáo cũng được chú trọng hơn.

Lấy Tự do Tôn giáo làm đối tượng cho chính sách ngoại giao là chỉ nhằm vào các nước Cộng Sản còn sót lại, ở đó mới không có Tự do Tôn giáo triệt để. Điều này tránh đi sự chống đối của các nước đang tiến tới Dân chủ ở vùng Á Châu. Tại hội nghị Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc họp tại Genève. Phái Đoàn Mỹ đã cực lực tố cáo Cộng Sản Việt Nam đàn áp Phật giáo, Thiên chúa giáo, Tin lành và Cao đài giáo v.v...

Trước đó bà Ngoại Trưởng Mỹ Albright đã mở đầu chức vụ của mình bằng chuyến đi Mạc Tư Khoa để thuyết phục Yeltsin về việc mở rộng khối Bắc đại Tây dương và ám chỉ rằng: Trong tương lai sẽ mời Nga tham dự, có nghĩa là khối Bắc đại Tây dương sẽ có biên cương giáp với Trung Cộng. Hầu như giới lãnh đạo Nga thấy xuôi tai và TT Clinton gặp TT Nga Yeltsin sau đó.

Bà Albright tiếp tục đến Bắc kinh để mở đường cho PTT Mỹ Al Gore, Chủ tịch Hạ Viện Mỹ New Gingrich cũng đến Trung Cộng để biểu hiện chính sách Tách Nhân quyền khỏi kinh tế. Ông Gore đến Tàu để đưa về cho Mỹ hợp đồng lên trên tỷ Mỹ kim, và hứa hẹn các đại Công ty Mỹ sẽ trực tiếp đầu tư vào Hoa lục. Ông Gingrich từ Hoa lục sang Đài Loan tuyên bố thẳng thừng rằng Hoa Kỳ sẽ bảo vệ Đài Loan đến cùng, nếu bị Trung Cộng tấn công. Điều này chưa một người Mỹ nào công khai nói tới, từ khi Mỹ thừa nhận Trung Cộng.

Chẳng biết ngẫu nhiên hay có sự xếp đặt, trước đó Đức Đạt Lai Lạt ma lãnh tụ tinh thần và Lãnh đạo chính quyền Tây Tạng, đang đấu

tranh đòi tự trị cho Dân tộc Ngài, đã thăm Đài Loan, gặp TT Lý Đăng Huy và nói lên tình cảm tốt đẹp giữa hai Dân tộc Tàu và Tây Tạng với một sự khẳng định: *Tây Tạng phải được tự trị bằng sự kiên trì đấu tranh bất bạo*. Đây là vấn đề Nhân quyền mà Hoa Kỳ chắc chắn phải ủng hộ, cũng như đang ủng hộ bản kiến nghị của Đan Mạch lên án Trung Cộng vi phạm Nhân quyền đưa ra trước Liên Hiệp Quốc nhân kỷ niệm 50 năm nhân quyền Liên hiệp Quốc. Đan Mạch đồng thời lên án các nước kỹ nghệ Âu Châu là Đức, Pháp, Ý đã xé lẻ không ủng hộ việc lên án này. Xem vậy đủ thấy vì quyền lợi riêng mà nhiều nước đã bỏ rơi vấn đề Nhân quyền chung của thời đại. Đây là mầm mống của sự tranh chấp nguy hiểm trong tương lai.

Trở lại với chính sách Mỹ, ngoài hai mặt Kinh tế và Nhân quyền mặt thứ 3 của chiến lược là Quân sự cũng đang diễn ra tại bờ Tây Thái bình dương. Bộ Trưởng Quốc phòng Mỹ William Cohen và Tổng tham mưu trưởng Quân đội Mỹ đều có mặt tại các điểm chiến lược tại Á Châu để khẳng định Quân đội Mỹ lúc nào cũng có mặt tại đây và can thiệp nếu cần.

Mỹ là một siêu cường kinh tế, quân sự bậc nhất hiện nay. Đất Mỹ nằm giữa Thái bình Dương và Đại tây Dương, bởi đây tầm hoạt động Quân sự của Mỹ hầu như bao trùm khắp thế giới, nếu Mỹ giữ vững được ngọn cờ nhân quyền nữa, thì theo lối nhìn Đông phương Mỹ đã nắm được cả ba yếu tố thiên thời - địa lợi - nhân hòa của chiến lược toàn cầu rồi nếu chỉ vì một tính toán sai lầm nào đó mà bỏ những ưu điểm hiện có, thì Mỹ sẽ bị khựng lại và chịu những công phá nội tại mà tiêu đi.

Ngoài phong trào nhân quyền đang dâng lên trên toàn thế giới, thì hiện nay không còn một phong trào nào có tầm vóc toàn cầu nữa, không còn bất cứ thứ chủ nghĩa nào có thể núp dưới danh nghĩa giải phóng thế giới như Cộng Sản, để mà tác hại nhân loại nữa. Cũng chính

vì vậy mà về mặt sức mạnh quân sự không còn một thế lực nào có đủ ưu thế để so sánh với Mỹ trên bình diện toàn cầu. Thế nên hầu như Mỹ đang ứng dụng sách lược khoanh vùng an ninh. Chiến tranh nếu có xảy ra thì chỉ xảy ra từng vùng chứ không lan ra nơi khác.

Nhìn theo lối trên, thì dễ dàng nhận ra rằng vùng an ninh Thái bình Dương đang được ráo riết hoàn thành. Nói tới an ninh thì trước hết là nói tới ngăn ngừa chiến tranh bởi vậy nó không mang ý nghĩa tạo ra các thế lực đối trọng để đối đầu như quan niệm cổ điển của chiến tranh.

Thế nên chẳng còn khó hiểu khi Mỹ vừa tăng cường an ninh xung quanh Hoa lục vừa liên hệ chặt với giới Quân sự Tàu, đón tiếp chiến hạm của Trung Cộng viếng thăm nước Mỹ. Việc này đối với Trung Cộng là sự xác nhận Hải lực của Tàu đã đủ tầm cỡ Quốc tế, trên mặt Thái bình dương chỉ đứng sau Mỹ và Nhật. Các nước Đông Nam Á có chung biển với Tàu, có sự tranh chấp các hải đảo, muốn có an ninh thì phải lo về mặt quân sự chung cho toàn vùng. Có như vậy mới chặn được tham vọng truyền thống của Dân tộc Tàu là lúc nào cũng muốn mở mang bờ cõi.

Cùng lúc chiến hạm của Tàu vượt Thái bình dương thì một lực lượng hạm đội khác đi vào lãnh hải Việt Nam, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam, đồng thời đe dọa an ninh toàn vùng Đông Nam Á. Lần đầu tiên Việt Nam được sự đồng tình hậu thuẫn của khối Asian chống lại Trung Cộng và quan trọng hơn hết, sự kiện này đã làm cho mọi khuynh hướng Cộng đảng Việt Nam đoàn kết nhất trí trong việc đón rước Đô đốc Joseph Prucher Tổng tư lệnh lực lượng quân sự Mỹ tại Thái bình dương chính thức viếng thăm Việt Nam. Ở đây ông tuyên bố liên hệ Quân sự Mỹ-Việt khởi đầu.

Cả thế giới đều hiểu đã hơn một lần Quân lực Trung Quốc đã dàn ra tập trận đe dọa cuộc bầu cử Tự do của Đài Loan, nhưng chỉ vì hạm

đội Mỹ dồn tới xuất hiện quanh Đài Loan, mà giới cầm đầu quân đội Tàu Cộng đã phải ra lệnh chấm dứt ngang cuộc tập trận và bắn Hỏa Tiễn đó. Hơn ai hết Việt Cộng càng nhận chân được rằng: chỉ hạm đội Mỹ có mặt tại vùng biển đông, như hồi còn chiến tranh Việt Nam thì mới làm cho Trung Cộng hết dám nhòm ngó xuống vùng này. Và cũng chính hạm đội Mỹ đã từng quay lưng lại với hạm đội Việt Nam cộng hòa mà Trung Cộng đã cướp được quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam rồi sau này tiến xuống Trường sa để mở ra mối xung đột với các nước Đông Nam Á hiện nay.

Cần nhận một sự thật là, đối với Mỹ thì vì an ninh ở vùng Á Châu, mà trong đó vốn của Tư bản Mỹ đã đầu tư ở đây rất lớn và tiếp tục đổ vào trong thế kỷ tới kể cả ở Hoa lục, nên Việt Nam mới được đặt trong vấn đề an ninh chung, chứ xét về mặt kinh tế thì chưa phải là nơi hấp dẫn đối với tư bản Mỹ.

Trước đây thì một số nhà đầu tư Mỹ có hăm hở vận động chính phủ Mỹ bỏ cấm vận và bang giao với Việt Nam thật đấy, nhưng sau hơn một năm thử thách thì đều đã nản quá rồi. Vì xã hội Việt nam hiện là xã hội Chủ nghĩa Ô lậu. Cộng Đảng tự đặt mình lên trên luật pháp. Luật pháp là thứ công cụ linh động tùy tiện nằm trong tay Đảng để dễ bề tham nhũng và các công ty quốc doanh là phương tiện để Đảng rút kiệt tài sản Quốc gia, thế mà Bộ Trưởng Tài Chánh Mỹ Robert Rubin lại bảo phải đối xử ngang hàng và công bằng giữa công ty ngoại quốc với quốc doanh thế nào được!

Nước Mỹ vốn là Quốc gia Pháp trị, tất cả mọi quyền lực đều buộc phải đặt dưới luật pháp và nhờ luật pháp che chở nay phải làm ăn với một nước mà luật pháp chỉ là công cụ cho một Đảng thì mong gì mà làm ăn. Đã không làm ăn, thì làm sao ban cho Tối huệ Quốc được? Nếu nước Mỹ chấp nhận làm con bò sữa, như đã từng làm với Trung Cộng thì chẳng nói làm gì, nay

thì Mỹ đã có kinh nghiệm với Tàu rồi, các Đại công ty Mỹ đang làm ăn tại Việt Nam cũng chuẩn bị ra đi. Vậy Việt Nam muốn được cho Tối huệ quốc thì phải đáp ứng được đúng sách lược ngoại giao của Hoa Kỳ là: Tự do Tôn giáo, mở đường cho Tự do ngôn luận, Tự do Đảng phái, Tự do nghiệp đoàn, tức là từng bước một thực hiện tự do Dân chủ và Pháp trị để cùng các nước Asian phát triển và bảo vệ an ninh chung, đó là con đường duy nhất để cứu Việt Nam vậy.

12/4/1997

THƠ VŨ HỐI

Xuân

Ngồi hong nắng, Xuân về xứ lạ
Sưởi lòng lạnh giá cõi tuyết băng
Xào, Xạc, lá thì thâm trong gió
Phù sa, mái tóc nhuộm bấn khoăn.

Hạ

Mỗi độ hè về, Ve rên rĩ
Ve sầu khóc hạ một mùa thôi
Ve ơi! biết chẵng? thân ly khách
Bốn mùa nhớ nước, mãi khôn nguôi.

Thu

Ta mãi hận mùa thu tháng tám
Khắp ba miền khổ ải lắm than
Trung Nam Bắc, toàn dân ta thán
Tủ nhục thay! năm cánh sao vàng.

Đông

Nhớ mẹ già, đông về giá lạnh
Lời Mẹ khuyên: "Sống đất tạm dung"
Vẫn nuôi mộng, giang san khôi phục
Sống vẹn toàn, hai chữ Hiếu, Trung.

1997

Mẹ Vẫn Đợi, Ngày Xuân Mới

Nhìn ảnh Mẹ, lòng con tê tái
Đêm từng đêm, vọng tiếng thở dài
Mẹ vẫn đợi, ngày Xuân chiến thắng!
Chúng con về, dựng lại tương lai!

Tháng tư đen, cộng thù cưỡng chiếm
Gieo diều tàn, khắp cả quê hương
Cả nước thành ngục tù Cộng đồ
Cùm gông, khổ ải, sống tang thương!

Khắp ba miền, mịt mù, u tối
Xin làm đom đóm sáng đêm đen
Ngày dài trần trở tình quê Mẹ
Quyết vùng lên tranh đấu Nhân quyền!

Khi đất nước lâm vòng ly loạn
Công dân Việt, phải biết hy sinh!
Chẳng lẽ lặng thinh, nhìn quốc nạn
Để Ba miền, mãi sống điều linh!

Chẳng lẽ làm thân, ly khách mãi?
Chim còn có tổ, nước có nguồn
Việt Nam ta, giang san gấm vóc
Quyết đấu tranh, cứu lấy non sông!

Hai mươi hai năm rồi tủi hận,
Mẹ Việt Nam, quần quai diều tàn
Mẹ già đầu ngõ, đang chờ đợi
Mong ngày đất nước sớm vinh quang!

Khắp ba miền, phất cờ đại nghĩa
Vang quốc ca khắp cả xóm làng
Con sẽ trở về, ngày Xuân Mới
Cùng toàn dân, phất phới cờ vàng!

Vũ Hối 1997

Hoa Thịnh Đốn, Xuân Lạc Xứ, Đình Sứ.

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ ĐẠO PHẬT

Cư sĩ Đông Phương Mai Lý Cang

Nếu chân lý tuyệt đối của con người là sự cảm nhận được qua mọi nguyên nhân đau khổ của muôn loài trên mặt đất thì triết lý của đạo Phật từ lâu quả là một hệ thống giáo dục tư tưởng thực tiễn nhằm đào tạo cá tính con người đi lần vào một thế giới hài hòa, an lạc, thái bình và hạnh phúc.

Thực vậy, như một lều đài ánh sáng soi đường cho tất cả chúng sinh không phân chia ranh giới, đạo Phật đã phá tan được những nghi ngờ và làm sáng tỏ ý nghĩa của chân lý tinh diệu được thể hiện trong mọi hành động phán đoán bằng trí tuệ của con người. Đó là ý thức tư tưởng tự do của Phật giáo đồ. Với quan niệm tôn giáo phải làm gì cho con người trong cuộc sống, đạo Phật thủy chung không bỏ lỡ mọi cơ hội để khuyến nhắc người Phật tử đừng vô tình mà đánh mất đi giá trị tinh thần căn bản theo đạo của mình bằng mọi sự mù quáng, mê tín thiếu ý thức tư tưởng tự do vốn là sức sống cần thiết của mỗi cá nhân. Sự chọn lựa tự do trước khi quyết định ấy nếu là sáng suốt thì nó phải đương nhiên chấp nhận sự khám phá những bí ẩn của cuộc đời như nguyên nhân của sự khổ đau và hạnh phúc mà đức Phật--một con người thực tế đã vẹn- toàn giác ngộ về chân lý.

Ý nghĩa sâu xa thâm thúy đó đã được dịp chứng minh nền tảng triết lý của đạo Phật vốn không phải là một lý thuyết siêu hình hay nghi thức, thiếu công dụng thực tế để đáp ứng với những nhu cầu khao khát của chúng sanh. Ngược lại, nó đòi hỏi ở tín đồ phải có được một đức tính, thái độ gần như là điều kiện tiên quyết

để bắt đầu sống theo đạo lý. Đó là lòng can đảm. Phải can đảm hứng nhận mọi trách nhiệm về quyền năng thưởng phạt của cuộc đời là do chính mình tự tạo ra sự đau khổ hay hạnh phúc. Do vậy, những kết luận khẳng định nhất quyết cho rằng mọi khổ đau này là bởi tội lỗi của gia tiên để lại đều hoàn toàn có phần trái với ý thức hoán cải nhân duyên tạo lại nghiệp quả đúng theo trong triết lý của Thích Ca Mâu Ni. Vì rằng người thực hành lý thuyết của đạo Phật qua bao nhiêu năm nghiên cứu pháp điển này đều nhận thấy rõ ràng hơn ai hết là cái vòng xích nhân quả quay tròn khó mà phân biệt được đầu đuôi, lúc nào là nhân, lúc nào là quả ở cuộc đời sát na đây tục lụy. Trong định luật vô thường của vũ trụ, mọi sự vật ở trên cõi đời này tuy có khi tụ, khi tan, tuy nhiên, không phải vì thế mà mọi hành động đều trở nên vô phản ứng để rồi phát sinh ra những kết thúc và hậu quả có tầm giá trị khác nhau. Đối với những bản tính xấu xa của con người như tham, sân, si v.v... chung cuộc để rồi tất cả cùng bị đắm chìm vào trầm mê bể khổ thì trong đời sống của một thế hệ không biết có bao nhiêu trạng thái tâm hồn đã được dịp nảy nở phát sinh khi phải suy nghĩ về mọi sự chênh lệch của muôn loài chúng sanh.

Chính đức Phật đã nghĩ ra ngay như vậy cho nên ngày đầu tiên sau bao năm ẩn mình vào núi Tuyết trở về triều nội, Ngài đã không quên long trọng nói về ý nghĩa của một thông điệp mà kinh điển trong pháp Tứ Diệu Đế là những lời răn dạy đơn sơ, bình dị nhưng cũng lại là một kho báu triết lý cao siêu, hàm súc vô vàn ý nghĩa

bao la vô cùng tận. Và ngày nay, chúng ta có thể nói chính do kinh pháp của đạo Phật đã mang đến mọi niềm cảm khái cho loài người một khi sàng lọc được tâm thân để trở thành toàn thiện. Và chẳng, muốn thực hiện được điều này thì luân lý, triết học của đạo Phật chỉ mong sao tín đồ trước hết phải có ý nguyện phát tâm để cho lòng trong sạch, tâm không còn bị động loạn hầu lắng chìm mọi lớp bụi thời gian và phân biệt u minh hai nẻo chánh tà để làm lành, lánh dữ, biết sử dụng phương tiện phát triển tinh thần trên con đường tu học chánh pháp. Đi sâu vào quan niệm tự do khai phóng của đạo Phật, người Phật tử thấy rằng giáo lý của chúng ta hoàn toàn chấp nhận sự tôn trọng bản năng sáng tạo của mọi người trong cộng đồng nhân loại và lúc nào cũng mong muốn có những sự thỏa hợp, giải quyết thuận nhân sinh trong ý thức nhân quyền. Và nếu những ai còn nghi ngờ và muốn biết rõ hơn về quan niệm này của đạo Phật ra sao thì hãy bình tâm nhìn vào thực tế đặc tính căn bản hiếu hòa, khoan dung và nhẫn nhục trong lời kinh kệ ở thiên môn hằng ngày ngay cả từ việc tránh sát sanh, dưỡng sinh kiêng cử đúng theo giới trai. Vì vậy, cho dù có được phê bình đến đâu đi nữa thì người ta cũng vẫn không sao phủ nhận được tầm ảnh hưởng quan trọng của giáo lý Thích Ca đã bén rễ, ăn sâu vào từng các tế bào trong đời sống dân gian của con người từ hàng thế kỷ trôi qua. Cũng trong ý nghĩa đó, người ta nhận thấy rõ ràng là—ngoài những bậc hành giả có đạo hạnh và đạo lực cao—người Phật tử chính là người cầm chìa khóa để mở cửa đi vào mái nhà hạnh phúc của cá nhân mình miễn là tự chủ được bản ngã để tiến tới địa vị của một kiến trúc sư của tâm hồn và có thể làm đổi thay định mệnh trong cuộc sống. Chính phương pháp thiền định đã giúp ích rất nhiều cho người Phật tử lấy sự thanh tịnh chinh phục nội tâm trên con đường đi đến giác ngộ tìm chân lý. Và Niết Bàn do vậy mà cũng được mở ra cho những con người có

tâm hồn hướng thượng dễ dàng tìm thấy ở bất cứ lúc nào.

Điểm độc đáo của đạo Phật trong cuộc sống không phải vì được con người nể phục qua những lượng Hỷ Xả, đức Từ Bi mà chính vì trong lòng đặc tính căn bản, nguyên thủy của nó đã có nhiều giá trị siêu việt, thách thức cả khoa học vào những khái niệm của định luật vô thường trong vật thể.

Do đó, ngoài những danh từ tôn xưng đức Phật trong tôn giáo, các nhà xã hội học, các sử gia trên thế giới hiện đại còn gọi Ngài là một nhà khoa học tiên bối, một nhà tâm lý học hoàn hảo của thế gian xứng đáng để hướng dẫn Con Người làm một cuộc cách mạng tâm linh ở đời. Như vậy, tưởng không có một danh từ nào có thể gọi ra để cho đúng hết với ý nghĩa hơn là Bậc Đại Sư vượt lần ranh của cái mốc giới hạn thời điểm không gian *vạn thế sư biểu*. Lý do vì Ngài là một đấng đã vẹn toàn giác ngộ tìm ra chân lý tuyệt hảo để lại đời đời cho hậu thế. Hơn nữa, chính nhân vật cao quý đó, con người ung dung tự tại đó, nhà làm cách mạng có tầm cỡ đó mà lại lúc nào cũng chỉ muốn thành thật khiêm nhường khi nói "... các người là Phật sẽ thành."

Đúng! Ngài là một người đầy tớ khiêm tốn và cao thượng nhất của loài người. Và Ngài đã không ngần ngại vén màn u minh của nghị trường thế gian để cho thấy cuộc thương lượng hay nói cho đúng hơn là cuộc tranh chấp giữa ánh sáng và bóng tối phải được phân minh thắng bại khi trí tuệ của con người đã biết phán xét mọi tốc độ vận hành của chánh pháp mà người ta không phải đơn thuần nhìn thấy để tin theo. Ngược lại, phải thực hành để nhìn nhận mọi kết quả cụ thể nhãn tiền... Thử nhìn lại nhiều sự kiện hóa thân của đức Phật sau khi Ngài tịch diệt mà không phân biệt ở bất cứ quốc gia nào cho dù là ngay cả Tây Tạng, Ấn Độ hoặc Trung Quốc v.v... Sự hóa thân ấy nếu không là do ở

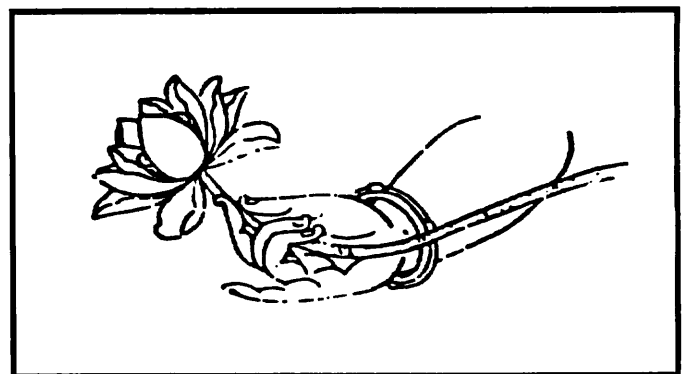
tấm lòng sùng kính vô vàn của người Phật tử trước tấm gương trong sáng của Đức Cao Đày thì cũng là do ở những sự ứng nghiệm linh thiêng của kho tàng pháp điển đã được tìm thấy thực tế từ thuở sơ khai trí tuệ của con người cách đây chừng hai mươi lăm thế kỷ cho đến ngay cả thời kỳ văn minh tột độ hôm nay. Với mục đích toàn thiện là khuyên nhủ con người hãy tự chế mọi khoái lạc trần gian để tìm về sinh lộ hạnh phúc, giáo lý nhà Phật đã nói đến rất nhiều về ý nghĩa của “giọt sương tan trên ngọn cỏ bông” để gây ý thức cảnh tỉnh nhân sinh trước cuộc đời “Sắc Không” suy thịnh. Vì rằng cho dù nếu có từng sừng sững hiên ngang bốn mùa tuyết phủ như rừng Hy Mã Lạp Sơn hay như cành liễu mềm đu đưa trước gió cũng đều thua với sức mạnh ý chí của con người. Ý chí đó là tấm lòng thủy chung sùng đạo để tạ ơn bậc đại sư sáng lập mở khai chân lý của ánh đạo vàng.

Chính đạo Phật đã giúp cho mọi sự liên hệ giữa con người trong cuộc sống được thăng bằng và thể hiện qua tinh thần hòa ái, riêng đối với cá nhân thì gột rửa được những khổ đau, sợ hãi lo âu mất tính can đảm, thoa dịu được những tâm hồn phiền muộn. Tác dụng của tình thương và lòng từ bi, hỷ xả bao la vô bờ bến đó đã làm cho hầu hết mọi người dù có đạo hay không có đạo cũng đều ra sức đón chào với một niềm hoan tột độ và đồng thanh tôn kính đức Phật như là một bậc đại hiền tài, một vị lãnh tụ tôn giáo tối cao của lịch sử nhân loại. Hơn thế nữa, sau khi tìm thấy được những ý nghĩa của mục tiêu trên con đường Trung Đạo đi qua thì mọi người cân nhắc thêm rằng đây là một tôn giáo lâu đời có thành tích phát triển song hành với khoa học ở chiều sâu quá trình lịch sử. Một tôn giáo có khả năng phân tích bản chất thực sự của tâm thức con người như đạo Phật cho đến ngày hôm nay mà còn học thuyết ấy lại là một bức tường đồng lý luận sắc bén, chứng minh thì đủ hiểu thế nào là cái giá trị thực tế của một tôn giáo

duy nhất trên quả địa cầu này đã và đang đứng trước mọi khái niệm phát minh của khoa học hiện đại được kết luận coi như là hoàn hảo. Và như vậy, dù thật khó để mà đặt vấn đề phải lựa chọn giữa tôn giáo và khoa học để làm lẽ sống nhưng một khi trong nội dung của lẽ đạo đã sẵn có khoa học tính rồi thì chắc chắn người tín đồ sẽ không bao giờ còn ngần ngại trước ngã hai đường. Họ sẽ đòi hỏi phải có một sự bổ sung trên căn bản hợp lý để hầu xây dựng con người hướng tiến lên về một đời sống kiện toàn, cao cả hơn.

Tóm lại, cứu cánh của đạo Phật là nhằm mục đích giải thoát tối hậu con người ra khỏi màn vô minh đen tối để cùng hưởng mọi sự an lạc, hạnh phúc của tâm hồn. Và nền tảng triết lý của đạo Phật là một môi trường thuận tiện để mọi điều Thiện được dịp phát sinh không những cho mình mà còn giúp được người đời giảm thiểu ít nhiều đau khổ. Tin mừng đó đã được người Phật tử chúng ta bây giờ chấp nhận trong tinh thần tự do của trí tuệ sau những thì giờ gặm nhấm, suy tư bên cạnh lời kinh, câu kệ ở cửa thiền.

Ngày nay, hầu hết Phật giáo đồ ở khắp các nơi trên thế giới đều có một trình độ khá cao về pháp điển. Vì thế, tính chất và ý nghĩa của đạo Phật cũng đã được phơi bày một cách công khai và thành thực để cho tất cả mọi người hiểu rằng, chúng ta là kết quả của những gì mà chúng ta đã làm và sẽ là hậu quả của những gì mà chúng ta đang hiện hữu. ■



NHÂN QUẢ XUẤT THẾ GIAN

Thiện Bửu

Thời Đức Phật tại thế, có một thanh niên thuộc gia đình giàu có ở tại một thị trấn. Vì quá mê say một cô đào hát, mà anh ta đã bỏ nhà đi theo gánh hát, chấp nhận lang thang khắp nơi chỉ vì muốn được gần gũi cô đào hát đó.

Vì không biết ca hát cũng không có chút tài năng gì cho đoàn hát, nên ngoài việc giữ con lo việc nhà, anh phải chăn ngựa, cắt cỏ cho ngựa ăn, phụ khâu vá và làm các việc vặt vãnh cho đoàn hát. Vì thế cho nên vợ anh thường trêu chọc anh bằng cách mỗi khi nựng nịu con thường nói đùa với con là: “Con là con của một người cha vô tích sự.” Những lần đầu bị vợ trêu chọc như vậy anh đều bỏ qua, nhưng thét rồi tự ái nổi lên, anh bèn đến xin ông chủ đoàn hát cho anh được luyện tập môn xiếc. Anh cố gắng tập luyện ngày đêm không ngừng nghỉ, không chán nản, để mong trở thành một diễn viên có hạng. Thời gian sau anh trở thành một diễn viên xuất sắc, từ ông chủ đoàn hát đến bạn bè và vợ anh đều hết sức ngạc nhiên và nể phục anh. Từ đó đoàn hát mỗi ngày mỗi thêm phát triển.

Thời gian thấm thoát qua mau, sau những năm tháng đoàn hát lưu diễn khắp nơi, nay trở lại trình diễn ở thị trấn cũ. Trong một đêm trình diễn qua sự quảng cáo suốt tuần qua, thiên hạ kéo nhau đến rất đông để xem tài nghệ biểu diễn của anh bằng 2 màn leo lên cây sào cao đến 20 thước để nhào lộn. Anh đã được khán giả vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt thì ngay lúc ấy Đức Phật từ xa đi tới. Bằng một âm thanh như chuông đồng ngân vang khắp mười phương, Đức Thế Tôn hướng về phía anh đang trình diễn để

đọc một bài kệ ngắn. Liền sau đó nhiệm màu thay anh chứng quả A-La-Hán. Từ trên cây sào cao 20 thước, anh bay xuống và quỳ mọp đánh lễ dưới chân Phật không ngừng nghỉ. Anh vừa đánh lễ Phật vừa tha thiết cầu xin Phật cho anh được xuất gia.

Người vợ của anh thấy vậy rất xúc động và cảm phục anh, nên vợ anh liền quỳ mọp đánh lễ dưới chân Phật, tha thiết cầu xin Phật cho xuất gia và cũng chứng quả A-La-Hán.

Chư vị Tỳ kheo đều ngạc nhiên không hiểu tại sao một người mê gái bỏ nhà ra đi, lang bạt giang hồ đó đây theo đoàn hát làm tài tử như thế mà chỉ nghe có mỗi một bài kệ ngắn của Đức Phật thì liền chứng quả A-La-Hán? Quý Thầy liền đem điều thắc mắc trình thưa Phật. Đức Phật kể lại nhân duyên đời quá khứ đã bị tái sanh che giấu. Thuở quá khứ, 2 nam nữ nói trên cũng là đôi vợ chồng. Trong một lần phát tâm cúng dường 1 vị A-La-Hán họ đã nguyện:

“Nguyện cho chúng con được dự vào quả vị mà Ngài đã chứng.” Vị A-La-Hán chỉ mỉm cười rồi từ giả ra đi. Ngài mỉm cười vì Ngài biết họ sẽ thành tựu lời nguyện ấy.

Cũng ngay khi đó, người vợ chột buộc miệng với chồng:

— Ngài cười trông đẹp như tài tử phải không anh?

Người chồng hùa theo vợ:

— Ờ hén!

Chỉ vì họa theo hai chữ “Ờ hén” với vợ, mà qua nhiều đời quá khứ, người chồng cứ bỏ nhà theo vợ làm tài tử trong các đoàn hát. Thế nhưng

cũng từ công đức cung kính cúng dường các bậc xuất gia Chân Tu Đạo Hạnh lại có thêm lời nguyện chân thành, cho nên nay họ chứng Thánh quả. Hầu hết trong các Kinh điển Phật đều nói rõ những việc tương tự.

Chúng ta phải ý tứ để hiểu rằng khi trả lời về nhân duyên chứng ngộ của 1 vị A-La-Hán, Đức Phật không bảo vì lý do họ đã tu theo pháp môn này hay pháp môn nọ, Đức Phật chỉ rõ là vì họ đã cung kính cúng dường một bậc Thánh giác ngộ thời quá khứ. Một sự cung kính cúng dường với tấm lòng chân thành tha thiết dâng lên các bậc Chân Tu Đạo Hạnh mới là cao cả. Kính trọng bậc Thánh là NHÂN, được dự vào dòng Thánh là QUẢ. Cầu xin tất cả chúng ta đều có trí tuệ bát nhã này.

Dĩ nhiên lòng kính trọng bậc xuất gia Chân Tu Đức Hạnh là GỐC, nhưng thể hiện sự kính trọng đó qua 4 việc sau đây mới là cần thiết của hàng Phật Tử tại gia chúng ta:

- Đánh lễ
- Cúng dường
- Tán thán
- Làm theo lời dạy.

Thực hành trọn vẹn 4 việc nêu trên thì chính chúng ta bày tỏ niềm cung kính đối với bậc Thánh giác ngộ và do đó sẽ kết thành Quả Báo Xuất Thế Gian. Tất cả chúng ta đều ưu tư lo sợ mình đi lầm đường trong thời mạt thế vàng thau lẫn lộn này khó phân biệt đâu là Chánh đâu là Tà, nhưng “đường đi không khó vì ngăn sông cách núi, mà chỉ khó vì lòng mình ngại núi e sông.”

Một đoạn về những lời sách tấn của quốc sư Đại Đăng (1282-1337):

— Chưa thấu rõ Lý Nhân Duyên sẽ đưa đến họa sụp đổ toàn thể Chánh Pháp. Đó chỉ toàn là quyến thuộc của nhà Ma, dầu tôi có lìa thế gian này bao lâu, họ vẫn không thể gọi là con cháu trong Đạo của tôi được.

Trái lại, dầu chỉ có một người thôi, dầu sống

ở những nơi hẻo lánh rừng núi, kết cỏ làm Am, ăn rễ cây mọc trong nôi đất sứt mẻ, mà nếu người ấy nhứt tâm quán tưởng đến chỗ cốt yếu của chính mình, thì đó là người duy nhứt hằng ngày thân thiết đối diện với tôi và biết đền đáp ơn nặng, không ai dám coi thường người này. Hãy tinh tấn, hãy tinh tấn!

Nếu cúng dường cho một bậc giác ngộ mà chúng ta biết rõ đó là bậc giác ngộ, thì sẽ cảm quả báo đời đời sung mãn lại thêm có được chủng tử giác ngộ gieo vào tiềm thức và lớn lên dần dần. Đến khi phước đủ, gặp duyên tu tập sẽ có sở đắc.

Nếu cúng dường cho bậc giác ngộ, nhưng chúng ta không biết rõ đó là một bậc giác ngộ, thì chỉ cảm quả báo đời đời sung mãn thuộc hữu vi mà thôi.

Khi chân thành ca ngợi ai về điều tốt của họ, chúng ta sẽ cảm quả báo được điều tốt y như thế.

Khi chúng ta tán thán công hạnh, tán thán sự tự tại trí tuệ của Phật, Bồ tát, A la hán, khiến cho người khác nghe mà sanh lòng kính ngưỡng tôn thờ, thì chúng ta sẽ cảm quả báo có được đầy đủ công hạnh, trí tuệ giải thoát của Thánh. Ngược lại, nếu chúng ta thường chê bai người này còn phiền não, người kia hay nổi sân... cũng sẽ cảm quả báo không vượt khỏi phiền não. Vì thế cho nên nếu chúng ta là hàng Phật tử chân chính, thì chớ nên chê bai nhạo báng những chỗ dở của người khác.

Điều tối ư quan trọng là nếu chúng ta công kích nhằm một bậc Thánh mà lại không biết Sám Hối, không khẩn thiết gây tạo công đức, thì sẽ bị đọa địa ngục. Nếu được ra khỏi địa ngục, còn phải làm phàm phu vài trăm kiếp. Ngưỡng mong tất cả hàng tại gia chúng ta luôn sáng suốt và rớt ráo các phần nêu trên.

Nhân Quả Xuất Thế Gian có 2 loại: Tích cực và Tiêu cực.

Nhân Quả Tích cực là tôn kính bậc giải

thoát và giúp đỡ mọi người được giải thoát.

Nhân Quả Tiêu cực là không gây cái Nhân của thế tục, thì dĩ nhiên cái Quả của thế tục không còn nữa.

Những gì gọi là Nhân Thế Tục và phải làm cách nào dừng lại?

— Làm loạn tâm người bằng ái dục. Nếu chúng ta đem yêu thương ái dục mà quyến luyến ràng buộc người khác, khiến cho người đó vì chúng ta mà phải ưu tư mộng mơ thương nhớ, bỏ ăn bỏ ngủ, ray rứt, thì sẽ cảm quả báo chính cái tâm của mình bị loạn động.

— Làm loạn tâm người bằng thù oán. Nếu chúng ta đem thù hận tranh chấp giành giật với người khác, khiến cho họ phải lo sợ tính toán chống đỡ không yên, thì chúng ta sẽ cảm quả báo bất an cho chính mình.

— Làm loạn tâm người bằng nghệ thuật. Nếu chúng ta đem các môn nghệ thuật kêu gọi tình ái si mê điên đảo hận thù khúc mắc éo le... trong cuộc sống để gây nên sự bận tâm chú ý mê mẩn cho người, thì chúng ta sẽ cảm quả báo tâm bất an.

— Làm loạn tâm người bằng sự ồn ào. Nếu sự có mặt của chúng ta gây nên quá ồn ào rộn rịp, khiến người bị tâm tán loạn chi phối, thì chúng ta sẽ cảm quả báo bất an. Chúng ta phải hết sức cẩn thận đừng gây ồn ào huyên náo với bất cứ môi trường nào ở xung quanh mình, nhất là tại chùa, tại các thánh địa. Hãy tập sống trầm lặng, càng ít nói càng hay, giảm thiểu tối đa sự quấy rầy người khác, đều rất tốt cho mình.

Có người cho rằng tập sống trầm lặng ít nói sẽ gây nên sự hiểu lầm oán trách của người khác cho mình thế này thế nọ, thì xin hãy bỏ qua đừng bận nghĩ đến. Chúng ta hãy thành tâm theo gương của các bậc Cao Tăng, chúng tôi xin nhấn mạnh Cao Tăng, là điều tối thượng cho mình. Để tâm làm gì đối với thường tình thế gian đầy khổ đau phiền não này.

— Mơ mộng dự tính việc tương lai. Luân hồi

được nối tiếp vì có sức mạnh của nghiệp thức thúc đẩy không ngừng nghỉ. Chúng ta cứ mãi nhớ tiếc thời quá khứ, thời vàng son quá khứ, chúng ta không bằng lòng với cái sống hiện tại. Chúng ta cứ mãi mơ mộng dự tính tương lai, đủ thứ việc cho tương lai, khiến cho chúng ta luân hồi sanh sôi nảy nở. Cái tâm niệm cố hữu của hầu hết trong chúng ta, đặc biệt nhất là đang sống ở xứ người, là mộng mơ toan tính hão huyền quyết “làm lại cuộc đời theo thế tục” cho bản thân mình chưa đủ, mà phải cho cả gia đình chồng vợ con cháu xa xôi đến tận các đời sau, những năm những tháng sắp tới v.v... mà mình đã quên mất hoặc vô minh vì tất cả những thứ đó đều là chúng ta thế gian.

Chúng ta luôn luôn nhớ rằng bậc giải thoát cắt chân đi còn không có niệm phải đến. Chúng ta hãy thành tâm tự mình cố gắng tập cái sống thường ngày làm sao không còn ai phải bận tâm vì mình, không luyến ái không sợ hãi không hận thù vì mình, không phân tâm lo âu thương nhớ cho mình.

Xin hãy theo gương của các bậc Cao Tăng: “Vào rừng không khua lá. Vào nước không gợn sóng.” Chúng ta hãy buông xả tất cả. Có được như thế thì những nghiệp cảm quá khứ sẽ dần dần hết, đồng thời không gieo nghiệp Nhân hiện tại và dĩ nhiên cái Quả thế tục không còn trở ra thêm nữa. Chúng ta hãy cẩn thận suy nghĩ kỹ những gì mình vừa nói ra điều gì vì người nghe sẽ phải suy nghĩ những gì mình vừa nói ra. Chúng ta hãy luôn luôn nhớ “lời nói là đọi máu, trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần.”

— Mỗi khi đến Chùa lễ Phật, nghe Pháp v.v... xin đừng bao giờ mang chuyện thế tục vào trong Chùa, xin đừng đòi hỏi thầy Trụ Trì hay Tăng, Ni trụ xứ phải tiếp đãi niềm nở, phải hầu trà nước, phải thỏa mãn các đòi hỏi của mình... Xin đừng chê bai phê bình chư Tăng chư Ni chân chính đức hạnh. Chúng ta cũng cần phải biết rõ đâu là chánh, đâu là tà, để cho sự hộ trì Tam

Bảo của chúng ta tròn đầy phước báu.

Nếu sự hiện diện của chúng ta có nhân cách và lời nói khiến cho mọi người hân hoan an ổn, sẽ cảm quả báo tâm được an.

Chúng ta thường nghe thấy các Thầy thuyết pháp luôn luôn khéo léo để cho người nghe nhận thức được giáo pháp cao siêu mầu nhiệm của Phật, không để ai quá kính trọng mình. Các Thầy không hề tác ý, tránh mọi người xem mình như thánh. Các Thầy luôn luôn nhún nhường khiêm cung từ tốn bày cái dở của mình để tích phước. Chúng ta thường hay nghe các Thầy mỗi khi thuyết pháp có những lời nói dịu dàng hết sức “từ tốn dễ thương,” không hề tỏ rằng mình hay mình tài giỏi, chẳng hạn như:

“Tôi có được xem Kinh thấy Phật nói như thế này...”

“Sư phụ chúng tôi có dạy chúng tôi rằng...”

Các bậc chân tu thực học đạo cao đức cả thì luôn luôn là như vậy, cho nên chúng ta phải cố gắng làm sao để chạy theo các Thầy mà bồi dưỡng công hạnh tu tập và hộ trì Tam Bảo.

Chúng ta đều biết rõ ái dục là điều chướng ngại giải thoát ghê gớm nhất. Tự mình không đắm nhiễm ái dục thì cũng cần phải nên khuyên bảo mọi người đừng đắm nhiễm ái dục. Đừng bao giờ đại dột làm mai mối tác hợp ái dục cho người khác. Bất đắc dĩ phải tham dự hay chứng kiến việc hôn nhân của người khác, dù chỉ hoan hỉ rất ít thì cái tâm ái dục vẫn còn, hà huống mở miệng khuyến khích người khác lập gia đình. Tuy nhiên, để không bị mắc quả báo, chúng ta đừng có ý nghĩ lời nói hành vi tỏ vẻ chê bai khinh khi người đang vướng mắc ái dục.

ĐƠN GIẢN

Hãy tự tạo cho mỗi chúng ta một đời sống đơn giản, tức là đời sống giải thoát. Mỗi người chúng ta hãy tự tạo cho mình một đời sống đơn giản và khuyên giúp mọi người có đời sống đơn

giản. Đừng bao giờ bày chuyện chỉ vẽ khiến cho đời sống mọi người trở nên bận rộn phức tạp lo lắng, để khỏi phải bị mắc quả báo không yên tâm. Chúng ta thường hay nghe người đời nói “phú quý sinh lễ nghĩa,” hoặc “đa kim ngân phá luật lệ,” hoặc “có tiền mua tiên cũng được” v.v... Nhờ phước tích lũy nhiều kiếp, nay được giàu có dư ăn dư để, thì chúng ta chớ nên tham đắm bồn sển keo kiệt, mà phải đem số tiền của đó cứu giúp đời, cúng dường Tam Bảo, ấn tống Kinh sách Phật, xây cất tu bổ Chùa, giúp đỡ các học Tăng, giúp đỡ thiên tai bão lụt, cứu giúp trẻ em mồ côi kẻ tật nguyên bệnh hoạn nan y, tu bổ đường sá cầu cống, xây cất bệnh viện trường học v.v... Riêng việc cúng dường Tam Bảo, tất cả chúng ta đều nhận thức 4 điều quan trọng theo thứ tự như sau:

— Ấn tống Kinh sách Phật. Chúng ta không nên tự mình ấn tống bất cứ loại Kinh sách nào, cũng không nên ấn tống Kinh sách rồi đem phân phát cho mọi người tại các cửa hàng buôn bán các chợ búa hoặc ngay cả tại các Chùa, vì lý do tại sao chúng ta phải tránh để phước báu được tăng trưởng thì chắc chắn chúng ta đều hiểu rõ. Chúng ta phải cầu xin bậc Cao Tăng trực tiếp lo liệu và tùy nghi ấn tống. Ngưỡng mong sự thành tâm thiện ý về việc ấn tống Kinh sách Phật nêu trên trở thành một truyền thống cao đẹp bất di dịch trong hàng Phật tử chúng ta.

— Nuôi dưỡng học Tăng tại các Phật Học Viện.

— Cúng dường Sư Trưởng.

— Xây cất hay tu bổ Chùa.

Hãy buông xả tất cả mọi tham đắm ham muốn vật chất của thế gian tự tạo cho mình một Đời Sống Đơn Giản. Đời sống đơn giản là đời sống giải thoát.

Thời Đức Phật còn tại thế thì Phật pháp ở trong thời kỳ Chánh Pháp. Sở dĩ nói là Chánh Pháp là vì bởi đời sống của Đức Phật và của Tăng đoàn vô cùng đơn giản. Mỗi vị chỉ có 3 Y

và 1 Bát, đi khất thực, mỗi ngày chỉ ăn 1 bữa, không có kho đụn, không có bếp núc để giữ thức ăn qua đêm. Đức Từ Phụ và Tăng đoàn ở trong rừng vắng, nghỉ ngơi ở dưới cội cây, chỉ chuyên chú từng giây từng phút về tu tập. Nhờ thế cho nên có rất nhiều vị Tăng chứng được Thánh quả cao thượng. Nhờ những ân đức cao dày đó của Đức Từ Phụ và của chư Thánh mà ngày nay đã trải qua hơn 25 thế kỷ, tất cả chúng ta khắp năm châu bốn biển mới còn thừa hưởng được trọn vẹn cái Gia Tài Vô Giá Miên Viễn. Chúng ta đã mất hết tất cả của cõi đời vô thường này và đang phải chấp nhận một cuộc sống lưu vong nơi xứ người, nhưng chúng ta khẳng định xác quyết và thệ nguyện cái Gia Tài Vô Giá của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni để lại cho chúng ta vẫn miên viễn trường tồn bất luận thời gian và không gian. Với biết bao mối cảm hoài thương kính Phật ăn sâu vào tâm huyết không tả xiết của mỗi người trong chúng ta, xin hãy cùng nhau phát nguyện tinh tấn tu học, thệ nguyện bảo vệ Chánh pháp hộ trì Tam Bảo cho đến hơi thở cuối cùng.

Khi đức Phật nhập diệt, Y Bát được truyền lại cho tôn giả Đại Ca Diếp để Ngài kế thừa sự nghiệp của đức Phật, giữ gìn Phật pháp tồn tại lâu dài về sau. Đây là một bài học có ý nghĩa sâu xa và vô cùng vĩ đại. Tôn giả đại Ca Diếp là vị tu theo hạnh đầu đà khắc khổ, Ngài sống đơn giản tột độ. Chỉ có những người biết sống đơn giản mới có thể giữ gìn được Chánh pháp. Phải chăng câu nói này như một bài chú? Hầu như hằng ngày chúng ta hồi tưởng nhớ đến đời sống đơn giản của đức Thế Tôn và của chư Thánh chư Tăng thời đó, thì chúng ta thấy lòng mình nao nao hoài cảm bồi ngùi xúc động và sùng mộ vô biên. Chúng ta luôn tự trách mình bạc phước sanh ra trong thời mạt pháp đảo điên, nhân tâm ly tán, thế giới loạn ly, chiến tranh liên tục, mạnh được yếu thua, lòng người tráo trở, đạo đức suy đồi, đói rách lầm than, tà ma ngoại

đạo cấu xé giành giựt giết hại lẫn nhau, lại còn phải cam chịu tha hương lưu lạc... Cầu xin tất cả chúng ta cùng nhau tâm nguyện sống một cuộc đời Đơn Giản, thành tâm khuyến khích ca ngợi tán thán đời sống đơn giản cho tất cả mọi người.

HỘ GIỚI

Người tu Phật có xứng đáng với giá trị cao cả của mình là nhờ có Trì Giới. Người giữ giới đúng đắn sẽ được yên tâm niệm Phật, thiền quán, không bị dầy vò hối hận bất an. Người tu Phật phải biết rõ Giới Luật là thọ mạng của Phật pháp. Giới Luật còn gọi là Ba La Đề Mộc Xoa (Pratimoksha) có nghĩa là Biệt Giải Thoát. từ nơi trí tuệ giác ngộ sâu xa mà đức Phật chế giới. Vì thế cho nên Giới Luật đã tự có tính cách giải thoát. Chúng ta hết sức cố gắng giữ giới cho chính mình và giúp mọi người giữ giới. Nếu thấy người khác có mầm mống phạm giới, chưa kể phá giới, thì hãy vì thương họ mà khéo léo ngăn cản, đừng để họ lún sâu vào tội lỗi rất nguy hại cho họ. Nếu chúng ta làm được như vậy, về sau nếu chúng ta chớm sai lầm thì sẽ có bạn bè nhắc nhở kéo lại. Còn nếu chúng ta thấy người khác đang đi dần vào sai trái tội lỗi mà nhận thấy mình có thể ngăn cản được cho người đó nhưng lại không ngăn cản, thì về sau nếu chúng ta sai sót lỗi lầm sẽ không có ai chỉ bảo giùm. Phần đông trong hàng tại gia chúng ta thường hay né tránh vị nể, sợ mịch lòng sợ oán thù mặc dầu thấy rõ bạn bè của mình có nhiều lầm lỗi sai trái càng ngày càng lún sâu. Xin tạc dạ ghi tâm “Giới Luật là Thọ Mạng của Phật Pháp.” Bằng như ngược lại thì đó là “Dã tràng xe cát” mặc dầu mỗi ngày có hàng bao lần lần chuỗi niệm Phật tụng kinh hay tọa thiền!

Thời đức Phật tại thế, có 1 vị Tỳ kheo bỗng nhiên hoàn tục, không phải 1 lần mà là đến 7 lần. Trong lần thứ 7 thì vị Tỳ kheo đó xuất gia trở lại rồi về sau chứng quả A la hán. Khi được

hỏi về nguyên do tại sao có sự lạ kỳ như vậy, thì đức Phật bảo vì thời quá khứ của vị Tỳ kheo đó không những đã không ngăn cản mà còn đồng ý cho một huynh đệ của mình muốn trở lại thế tục. Do đó, vị Tỳ kheo ấy phải cảm quả báo ra đời (tức hoàn tục) đến 7 lần. Trình bày câu chuyện trên, chúng tôi rất mong trong hàng tại gia chúng ta nếu có gặp phải trường hợp như trên, thì chớ nên làm ngơ bỏ qua mà phải hết lòng khuyên giải khuyến khích cho những vị nào đã xuất gia chớ nên hoàn tục. Ngày xưa vị Tỳ kheo nêu trên hoàn tục rồi xuất gia trở lại và chứng quả A la hán thời đức Phật tại thế, còn ngày nay thì sao?

Giới có 2 mục đích chính yếu:

— Giữ cho mình trong sạch.

— Khiến cho người khác không nghi ngờ.

Nếu những ai tỏ sự nghi ngờ sự tu hành của một vị xuất gia, thì tâm Bồ Đề của vị ấy có phần sút mẻ, chưa nói tới nhiều vấn đề khác. Do đó, người giữ giới trong sạch là đã có tư lợi và lợi tha, khiến cho những người khác kính tin Tam Bảo, hộ trì Tam Bảo và Bồ Đề tâm của họ tăng trưởng. Như thế người giữ giới sẽ được quả báo có uy đức trang nghiêm, danh thơm đồn khắp, mọi người tôn kính, Chánh pháp rạng rỡ, đạo nghiệp của vị ấy chóng viên thành.

Đối với những người không đủ sức giữ giới trọn vẹn, nếu chúng ta không có được cái duyên sách tấn họ, thì chúng ta không nên rêu rao tội lỗi của họ cho mọi người khác biết, vì sẽ cảm quả báo phạm lỗi như họ. Mong trong hàng tại gia chúng ta hãy lưu tâm việc này, chỉ nên lặng lẽ lánh xa là tốt nhất.

GẦN GŨI THIỆN TRI THỨC

Người có thật tâm cầu giải thoát ra khỏi Tam Giới, đoạn sạch vô minh, giác ngộ viên mãn thì phải làm sao? Là phải gần gũi bậc chân sư thiện hữu để cầu xin học hỏi. Chúng tôi xin nhấn mạnh là chỉ có bậc chân sư thiện hữu mà

thôi. Chúng ta phải đoạn diệt cái tâm ngã mạn tự cao tự đại, tự cho mình học cao hiểu rộng bằng cao chức trọng trên thế gian phàm phu nầy, tự cho mình có đủ trí tuệ tự tu chẳng cần Thầy, chẳng cần ai hết. Thậm chí cũng chẳng cần quy y Tam Bảo! Chúng ta có thể tài giỏi rất nhiều vấn đề, thông thạo khoa học kỹ thuật kinh bang tế thế v.v... nhưng đó chỉ là việc của thế gian, còn đối với việc tu hành cao sâu thì chúng ta tí như con nai tơ, u mê ngu ngốc cố chấp ngã mạn... Không chịu thân cận các bậc chân sư chân tu thực học đạo cao đức cả để xin học hỏi tu tập, thì tí như những sai trái lỗi lầm đó chất đầy cả hư không!

Tất cả chúng ta đều đang thấy rất rõ suốt 21 năm trôi qua, vì cộng nghiệp do chính chúng ta gây nên mà ngày nay chúng ta còn đang phải trả một cái giá quá đắt. Xin đừng bao giờ nghĩ rằng thoát nạn nung thân ở xứ người rồi hí hửng tự cho là “tây phương cực lạc!” Nếu chúng ta không chịu tu tỉnh ăn năn sám hối chừa bỏ hết các lỗi lầm sai trái, thì chúng ta vẫn còn phải trả QUẢ, trả dài dài cho đến các thế hệ mai sau, không phải chỉ riêng gì cho người tu Phật. Vì hoàn cảnh đặc biệt nên được sự trợ cấp, thì xin hiểu rằng số tiền trợ cấp đó là do tiền thuế của dân chúng đi làm cực khổ đóng góp vào.

Con người hễ càng hiểu biết nhiều thì càng sanh ngã mạn. Không hiểu biết thì từ sai lạc sanh ra bệnh hoạn hoặc rẽ qua đường tà. Có sức tinh tấn thì hay nổi sân. Không tinh tấn thì thành giải đãi. Ráng giữ giới lại trở thành chấp tướng. Không ráng giữ giới thì phạm sai lầm đọa lạc. Không rõ lý duyên hợp thì chấp có. Không thấu đáo Nhân Quả thì chấp không... Vô số những khúc mắc tế nhị trên đường tu mà nếu không chịu thân cận các bậc Thiện Tri Thức thì rất khó vượt qua nổi.

Những người thường hay thân cận Thiện Tri Thức, đến khi làm thầy thì có rất đông đảo đệ tử tộ hội.

Dẫu rằng chúng ta đang tu tập chưa đủ trình độ giáo hóa chúng sanh, thì hãy làm một viên gạch nối liền để làm sao những lời dạy của bậc Thiện Tri Thức được truyền bá khắp cho mọi người và cho mọi người biết để họ tìm đến Thiện Tri Thức đó thì công đức rất to lớn.

Đối với bậc Thiện Tri Thức tức là những vị Minh Sư chân tu đạo đức cao cả, thì hàng tại gia chúng ta hãy tuân phục vô điều kiện, gạt bỏ các ý kiến của mình, chỉ biết vâng lời dạy bảo không chút chống trái. Xin hãy tỉnh thức mà dành cả cuộc đời tu học của mình cho vị Minh Sư Thiện Tri Thức đó. Dẫu cho vị ấy có hiện nghịch hạnh thì chúng ta vẫn một lòng cung kính trọn vẹn. Hãy theo gương sáng ngời của Thánh sư Milarepa thừa sự Sư Phụ Marpa, Ngài trọn lòng ôn nhu nhẫn nại và cung kính sư phụ của Ngài để rồi cuối cùng Ngài trở thành bậc kế thừa giáo pháp danh thơm đồn khắp. Muốn thoát ra khỏi nhà lửa Tam Giới thì hãy thành tâm thực hành như trên.

(Còn tiếp)

thơ THÚY TRÚC

Trái Tim Bồ Tát

Sáng thức dậy

Tôi mỉm cười với trái tim tôi

Trái tim mẫu nhiệm

Mẫu nhiệm như mặt trời

Cho tôi ánh sáng

Tim lặng lẽ bơm máu khắp châu thân

Không cần ai khen tặng

Từ bi làm việc đêm ngày

Hăm bốn trên hăm bốn

Chẳng ngại ngừng nắng hạ mưa đông

Ấy, nàng âm thầm bảo tồn sự sống

Tôi đặt tay lên ngực

Nàng sung sướng cười

Khi tôi thổn thức

Lòng nàng rung động buồn theo

Những khi hạnh phúc,

nàng từng bừng nháy nhót

Nhưng không quên nàng là mạch sống

riêng tôi

Lại âu yếm đặt tay lên ngực phía trái

Nàng khúc khích cười đung đến bàn tay

Ôi! May mắn, mình có người bạn

trung thành

Luôn đem tươi mát

Nàng hồng như hoa sen

Búp tròn như hoa sen

Hoa sen Bồ Tát

Hoa sen cúng Phật

Hoa sen trở lên trong bùn,

ngàn đời thơm ngát

Dưới lớp áo vải thô

Dưới làn da thuần túy

Trong lồng ngực

Quanh năm

Ngồi thiền

Niệm Phật

Mặc cho dòng đời trôi chảy ngược xuôi

Không thị phi, không hơn thiệt

An nhiên hành trì lợi tha

Lạ nhỉ, ai cũng có trái tim Bồ Tát

Đã mấy khi an lạc, để nhìn nàng

với con mắt biết ơn!

Xuân Thiên Tự

Sáng mùa xuân chim hót

Hoa nghiêng mặt cười duyên

Nắng vàng vui nháy nhót

Rung rinh bóng trúc thiền

Cổng tam quan rộng mở

Tấp nập đông người qua

Khoe sắc xanh vàng đỏ

Phất phơ áo hoa cà

Ngây thơ vài em bé

Ngơ ngác mắt nhìn quanh
Bâng khuâng cầm tay mẹ
Chân chim bước thật nhanh
Khói trầm hương nghi ngút
Rực rỡ ánh hào quang
Phật an nhiên thiên tọa
Uy nghi lá cờ vàng
Nhịp nhàng vang tiếng mõ
Ngân nga chuông nhiệm mầu
Thành tâm con cầu nguyện
Quê hương giải thoát mau.

thơ NGÔ HÙNG

Ai Người Hào Kiệt

Thi chẳng ra thi... thư chẳng thư...!
Thi kia thư đó cũng là dư
Đùa vui... hóa tự thành mê lộ
Thử người hào kiệt tỏ thiên thư...?
Ai người hào kiệt tỏ thiên thư...?

Chẳng Đi Về Đâu

Đi đâu...?
Qua cầu...
Buồn rầu
Về đâu...?
Mưa ngâu...
Thêm sầu
Vậy đi... về... đâu...?
Không đi về đâu...
Không cuối, không đầu...
Thấy sâu...
Biết... đâu
Hết cầu
Chẳng đi về đâu...
Ha ha... chẳng đi về đâu...
Vấn Tâm...?
Diệu Âm...

Mê lắm...

.....
Vấn Tâm...?

Lặng Câm...

.....
Trao... Cầm...



Tôi là Ai...

Thích cứ rong chơi
Đến khắp muôn nơi
Hỏi khắp người đời
Ai hay... ai biết...?
Tôi thật là ai...?
Tôi từ đâu đến...?
Không bờ không bến...
Không cội không nguồn...
Không sanh không diệt...
Nhưng gì cũng biết
Đất Trời cũng do tôi tạo
Đạo luật cũng từ tôi ra
Cỏ hoa từ tôi mà có
Khi là gió lúc là mây
Đó đây tôi du hành
Lúc là trắng thanh theo giòng nước biếc
Khi về biển rộng làm sóng động giông
Lúc là cây thông trên đồi vi vút
Khi là vị Bụt thị hiện xuống trần
Lúc là đôi chân mang đôi hài cỏ
Khi là chữ Có
Lúc là chữ Không
A ha... giữa chốn trần hồng
lãng tích rong chơi
Thích cứ rong chơi
Đến khắp muôn nơi
Hỏi khắp người đời
Ai hay ai biết...?
Tôi thật là ai...?
Tôi thật là ai...?

CUỘC DU HÀNH SANG LẠP TÁT (LHASA) CỦA TÂY TẠNG

Tác giả: *Giuseppe Tucci*
Phóng tác: *H. T. Thích Trí Chơn*

(tiếp theo)

Khi đến viếng một tu viện, để tạo phước đức người Phật tử đầu tiên thường phát tâm cúng dường cho các chư Tăng. Kế tiếp, du khách hành hương làm lễ thắp đèn một cách thành kính trước các bàn thờ Phật và Bồ Tát trong chùa. Du khách có thể mua sẵn bơ lỏng trước rồi trao cho vị lạt ma phụ trách việc hương đèn trút vào trong một cái thùng lớn. Sau đó bơ lỏng được sốt qua những chiếc đĩa nhỏ có tim đèn để thắp. Hoặc du khách cúng tiền nhờ vị lạt ma trong chùa lo việc nhang đèn làm giúp. Ngoài ra du khách cũng nên mua những dải lụa trắng mỏng để quàng lên các pho tượng chính theo phong tục của Phật giáo Tây Tạng.

Thêm nữa du khách còn làm lễ sám hối, chuộc tội với các thần linh thường hay quấy phá con người, và khi buổi lễ kết thúc, vị lạt ma chủ lễ sẽ đổ vào lòng bàn tay du khách một ngụm nước thiêng hay thứ nước “chang” lấy từ một cái lu tròn, và du khách đưa lên miệng uống cạn hết nước ấy, còn vài giọt họ rắc trên đầu để cầu nguyện được thần linh che chở phù hộ, tránh mọi điều tai nạn rủi ro. Ngoài ra du khách cũng dâng cúng sấp trên bàn thờ những đĩa đầy gạo hay lúa mạch.

Gongkang là ngôi chùa cổ nhất tại Ralung. Tôi thấy còn lại các bức họa lớn vẽ trên tường diễn tả cuộc đời những vị đại sư trong giáo phái Phật giáo của họ. Nó là một trong những ngôi chùa Tây Tạng có sức thu hút du khách vì cảnh trí ở đây có vẻ huyền bí và gây ấn tượng sợ hãi

cho mọi người.

Bất cứ du khách nào vừa mới bước chân vào chùa đều khiếp đảm khi nhìn thấy những pho tượng với nét mặt dữ tợn của các ngài hộ pháp. Qua ánh sáng chập chờn leo lét của những ngọn đèn dầu bơ, du khách thấy hiện ra lơ mờ trong bóng tối nhiều ảnh tượng trông có vẻ huyền bí kỳ quái với những cánh tay giống hình thú vật có lông cứng và những cái đầu nhe răng cười nhạo báng hoặc thân hình khiêu vũ trong thế giao hợp cuồng nhiệt.

Tôi cũng thấy một ngôi chùa danh tiếng khác bên trong trưng bày những bức họa của các vị danh tăng Tây Tạng tiếp nối qua nhiều thế hệ. Nơi các cửa vào tôi nhìn thấy những pho tượng hộ pháp và tứ thiên vương, tất cả đều tạo tác vào thế kỷ thứ 18. Cách chùa này khoảng năm trăm thước tây ngọn tháp lớn Kumbum hơi nhỏ hơn ngôi tháp ở thị trấn Gyantse, đứng một mình vươn lên giữa nền trời xanh thẳm.

Trong tháp chúng tôi thấy nhiều bích họa giá trị và quý hiếm. Tầng trên của một điện thờ trưng bày một bức tranh vẽ đức Quán Thế Âm Bồ Tát mười một đầu, bên cạnh là những họa phẩm các tôn sư của giáo phái Phật giáo Tây Tạng trong đó có bức vẽ chân dung quan phụ chánh Sonamtobgye của Tây Tạng cầm quyền vào những năm 1728 đến 1747. Ông là nhân vật đã ủng hộ chánh pháp trông coi việc ấn hành hơn 300 bộ kinh Kangyur và Tangyur thuộc hai giáo phái chính của Phật giáo Tây Tạng tại chùa

Narthang...

Hình của ông được thấy vẽ trên các bích họa cũng như ở nhiều ấn bản gỗ khắc vẽ những mẫu chuyện tiền thân đức Phật tại chùa Narthang. Một dòng chữ tôi đọc thấy dưới những bức tranh tán dương công đức của ông như “vị vua thánh thiện đã mang lại hạnh phúc cho mọi loài và góp phần vào việc truyền bá chánh pháp của đức Thế Tôn cho toàn thế giới.”

Người hướng dẫn đưa tôi đến xem một điện thờ khác của đức Phật A Di Đà. Sau khi viếng thăm bảo tháp Kumbum, chúng tôi theo con đường dốc đổ xuống thung lũng Nyinto dẫn tới làng Phari bằng con đường tắt. Dọc đường chẳng có gì để xem ngoại trừ ngôi chùa Potrang thờ mấy pho tượng Phật A Di Đà và một vài vị tôn sư khác của Phật Giáo Tây Tạng.

Chúng tôi rời Ralung theo con đường vòng quanh làng Norjinkangzang tiến lên đèo Karola cao 16.800 phít (feet). Chúng tôi thấy qua bầu trời xanh ngắt những khối tuyết đóng băng khổng lồ treo lơ lửng hai bên sườn núi mà lúc nào chúng cũng như sẵn sàng sụp đổ xuống trên đầu chúng tôi. Trước mặt là một con đường thẳng dài xa bảy mươi bảy dặm đi mất hai ngày đường nhưng chúng tôi phải rút ngắn lại chỉ di chuyển trong một ngày vì không còn đủ cỏ khô mang theo cho những con ngựa chở đồ.

Xuống đèo, con đường chạy dài bằng phẳng, hai bên là những ngọn núi uốn cong gồ ghề đầy cát bụi. Khoảng cách những đoạn đường được tính đo bằng các trạm nghỉ của những người phát thư, cứ khoảng năm dặm rưỡi trên các đoạn đường tốt và năm dặm trên những khúc đường xấu. Tại địa điểm các khoảng cách này, người phát thư được võ trang với chiếc giáo nhọn đứng chờ và sẵn sàng nhận các túi lớn đựng thư tín từ các bạn đồng nghiệp để mang nó đến trạm kế tiếp. Nhờ vậy mọi thư từ được chuyển đi và phát đến dân chúng liên tục suốt 24 giờ trong ngày.

Chúng tôi ngừng lại hai ngày ở lữ thành Nangkartse đổ nát nơi có hồ nước Yamdrog phẳng lặng và xung quanh là những cánh đồng cỏ ngập nước. Tại đây chúng tôi đã thay đổi ngựa và đến viếng thăm tu viện Samding do ông Potopa Chogle Namgyal xây cất để thờ nữ thần Dorjepamo. Nét mặt của nữ thần không có vẻ dữ dằn mà trông giống như cô gái hiền lành tuổi mười ba.

Hằng năm, thiện nam tín nữ khắp nơi quy tụ về cúng lễ nữ thần vào các ngày 11, 12, và 13 tháng 5. Vào dịp này ban tổ chức trang sức rực rỡ cho ba con ngựa và dắt chúng ra đứng ngoài trời để lắng nghe các vị Lạt Ma tụng kinh và hít ngửi mùi hương thơm mà khách thập phương đi lễ đã đốt để dâng cúng vì chúng được mọi người tin tưởng sùng kính như đại diện cho các thần linh Phurburagpa, Shinkyongbapa và Dritsangshaga thường hay giúp đỡ phù hộ cho dân làng địa phương.

Tại điện thờ lớn nhất ở tu viện Samding, chúng tôi thấy ngay giữa thờ một tượng Phật Thích Ca và đứng xung quanh có tám vị Bồ Tát. Qua nét sơn đã phai màu chúng tôi đọc thấy biết các tượng này được tạo tác vào thế kỷ 16. Chúng tôi cũng thấy những khám thờ nhỏ làm bằng bạc có gắn nhiều mảnh đá quý, bên trong đặt thờ tro cốt (xá lợi) những vị hóa thân của các nữ thần. Nhìn xung quanh, trên những cánh đồng xa xăm bát ngát chúng tôi thấy rải rác mọc lên các túp lều vải màu đen của nhóm dân du mục Drogpas. Họ nói thổ ngữ đặc biệt và sống không nhà, di chuyển theo họ rày đây mai đó những đàn cừu, dê ngựa v.v...

Tại Nangkartse tôi gặp lại một người bạn cũ. Lần đầu tiên tôi gặp năm 1935 ông còn là đứa bé, con của ông ủy viên quận Davadzong. Thấy tôi ông nhận ra liền, vì người Châu Âu có nét mặt đặc biệt, ai gặp một lần thì khó quên. Ngoài ra tôi cũng quen một gia đình phong kiến có bà con dòng họ với các hoàng tử Chongye

mà một thiếu nữ con cháu của họ đã sinh ra đức Đạt Lai Lạt Ma thứ năm. Một pho tượng của bà làm bằng đất nung được thờ trong ngôi đền xây gần cung điện cũ. Riêng chùa Nangkartse, tôi thấy đã bị tàn phá khá nhiều vì chiến tranh. Chỉ có những pho tượng đồng mạ vàng thuộc thời kỳ vàng son của nghệ thuật Tây Tạng và một vài tượng Phật làm tại Ấn Độ thì không bị hư hại.

Tại một điện thờ khác, tôi thấy treo những bức cổ họa được vẽ vào các thế kỷ 15 và 16, trong đó có bức vẽ một thí chủ thuộc các hoàng tử ở Nangkartse. Người hướng dẫn dắt tôi đến xem một cái phòng mà hàng trăm năm trước đây đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm đã từng sinh sống và để lại các dấu chân của ngài. Không xa chùa Nangkartse là ngôi chùa Lundup thuộc phái Kagyupas cũng đáng cho du khách đến xem. Các lát ma chùa này đều làm việc tại tu viện Samding. Trong chánh điện tôi thấy thờ ba pho tượng Phật tam thế: A Di Đà, Thích Ca và Di Lặc. Nơi phòng họp của chùa có tôn trí mấy pho tượng đồng đúc tại Nepal.

Rời Nangkartse, chúng tôi đi dọc theo hồ Yamdrog mất hai ngày. Nước mặt hồ yên tĩnh và xanh đậm sâu như biển ở vùng Naples. Cảnh trời đất hôm đó hòa hợp cùng nhau thực đẹp và nên thơ. Các đợt sóng lăn tăn nhẹ nhàng vỗ vào bờ đầy những viên đá cuội màu trắng và chúng tôi ngửi thấy mùi giống nước biển mặn. Nhìn hồ nước tương tự như biển cả giữa núi đồi, chúng tôi cảm thấy vô cùng nhớ nhà nơi quê hương xứ sở. Giữa Nangkartse và Pede có một con đường chia làm hai nhánh, một hướng đến thành phố Tashilumpo và ngả kia dẫn tới Rimpung mà trước đây là thủ phủ của một tiểu quốc phong kiến đã từng cai trị toàn xứ Tây Tạng. Tại Pede, nơi di tích đổ nát của một lũy thành phản chiếu trên một vùng nước rộng, chúng tôi gặp thấy hai con đường dẫn vào thủ đô Lạp Tát (Lhasa). Một ngả đi qua đèo Kampa mà thường hay bị đóng vào ngày 15 tháng 6 mỗi năm khi mùa mưa làm

nước sông dâng cao khiến đò thuyền qua sông trở nên nguy hiểm. Một đường khác vượt ngang đèo Nyapso.

Tôi có đủ thì giờ để chọn con đường thứ nhất đi qua đèo Kampa. Sau khi rời hồ nước lấp lánh ở Tramalung, một ngôi làng nhỏ thường nghe tiếng kêu của loài vịt và chim nước. Con đường ngang đèo Kampa tương đối gần và dễ đi hơn về hướng nam, nhưng dốc đứng và dài xa quá chừng về hướng bắc. Giờ đây trên đường chúng tôi thường gặp nhiều đoàn bộ hành và tất cả mọi người đều võ trang để phòng ngừa những chuyện bất trắc. Chúng tôi gặp một đám cưới trên đường đi tới Nangkartse. Cô dâu được hoàn toàn bao phủ che giấu trong bộ đồ áo cưới để chuẩn bị làm lễ thành hôn với một hoặc nhiều chú rể.

Theo sau đám cưới là thân mẫu của cô và các chàng thanh niên phụ rể mang theo đồ lễ cưới được trang sức với những dải băng màu trắng. Yên ngựa cô dâu rực rỡ trong dải lụa màu vàng với những con rồng thêu màu xanh còn những con ngựa khác có yên tô điểm với màu đỏ chói rực rỡ. Từ trên đèo chúng tôi có thể theo sau đám cưới suốt dọc đường đi. Chúng tôi nhìn thấy sự tương phản giữa những màu sắc lòe loẹt chói sáng của đoàn người đám cưới với các dốc núi đá khô cằn khi họ bắt đầu từ trên đỉnh đi xuống đèo.

Đám cưới dừng lại một đêm ở Tramalung và sẽ đến Nangkartse vào hôm sau. Các chàng phụ rể sẽ hát những bài dân ca trước nhà cô dâu từ nơi cửa sổ, gia đình chú rể sẽ hát đáp lễ lại. Cô dâu sau cùng bước vào thế giới mới của chàng rể và tiệc cưới bắt đầu khai diễn tưng bừng sau đó.

(còn tiếp)

PHẬT GIÁO VÀ Y KHOA TRỊ LIỆU

Bác sĩ Trần Xuân Ninh

Nội dung trình bày dưới đây sẽ gồm hai phần: phần đầu là một số những ý niệm và dữ kiện về y khoa trị liệu, phần sau là mối tương quan giữa Phật giáo và Y khoa trị liệu.

1/ Tương quan “tâm” và “bệnh”

Mục đích của y học trị liệu là chữa cho khỏi bệnh và làm hết hoặc làm giảm cái đau cho con người. Bệnh thì có những bệnh không cần chữa cũng khỏi, có những bệnh không chữa không thể khỏi, và có những bệnh có chữa cũng không khỏi. Các bệnh dù thuộc loại nào cũng đều có thể gây đủ loại triệu chứng khó chịu, đau nhức, cho nên trong thời gian bệnh hoành hành, y học trị liệu nhằm làm thuyên giảm những triệu chứng này đồng thời chữa căn bệnh, nếu có thể được. Tuy nhiên khả năng giúp hết khó chịu đau nhức này chỉ có giới hạn. Một là do thuốc không có tác dụng toàn năng, hay do không thể dùng thuốc vì bệnh nhân có phản ứng hay đã quen với thuốc. Hai là vì có những cảm giác khó chịu đau nhức chủ quan, tùy thuộc ở trạng thái tâm lý của bệnh nhân mà không tùy thuộc ở các thương thể cơ thể để có thể dùng các thứ thuốc hay các biện pháp chữa chạy đặc trị. Nói khác đi, trong những trường hợp này mặc dầu có những triệu chứng đau nhức, khó chịu đủ loại ở chỗ này chỗ nọ trong người nhưng các phương pháp y khoa tối tân nhất vẫn không tìm ra được nguyên cơ vì mọi thử nghiệm đều bình thường. Có thể đó là những bệnh mà hiểu biết y khoa chưa tìm ra hoặc là đã có mô tả nhưng không biết làm sao mà chữa. Cũng có thể đó là những bệnh thuộc loại mà ta thường gọi là “bệnh tưởng”, hay là

những bệnh tạm gọi là “tâm cơ” (*psychosomatic*). Những bệnh này không đủ tiêu chuẩn để coi là những bệnh thần kinh tâm trí, mà cũng không có những thương tích cơ thể để giải thích các triệu chứng khó chịu, hay đau nhức đủ loại mà bệnh nhân cảm thấy ở trong người. Những bệnh tâm cơ này có thể tới 50% hay hơn tổng số những bệnh nhân tới các phòng mạch bác sĩ gia đình để được điều trị.

Ngoài những trường hợp mà những thương tích cơ thể tạo nên những đau nhức hay khó chịu cực kỳ, có nhiều trường hợp với cùng một thương thể mà các cảm nhận khó chịu hay đau nhức này thay đổi tùy theo từng người. Các cụ ta vẫn có câu “Công chúa đứt tay ăn mày đổ ruột” hay “nhà giàu phải một cái gai bằng nhà khó phải hai răng bừa.” Nói khác đi, mức độ cảm nhận về bệnh tùy thuộc rất nhiều ở chủ quan người bệnh và môi trường quanh người bệnh. Sự ví von này, cũng như nhiều chuyện tích Đông Tây kim cổ khác đều cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa “bệnh” và “tâm”.

Một chuyện xưa ở Trung đông kể rằng nhà vua của một thành nọ một hôm vừa đem quân ra khỏi thành để viễn chinh thì thấy thần chết và thần dịch hạch cùng một đoàn tùy tùng đi ngược chiều. Vua hỏi thần chết đi đâu thì được trả lời rằng đi vào thành bắt 300 ngàn lính. Sau cuộc viễn chinh về nhà, vua kiểm thấy một triệu người chết. Hỏi lại thần chết thì được trả lời rằng chỉ bắt có ba trăm ngàn người, còn những người kia vì sợ mà chết! Chuyện có vẻ như là khôi hài, không thật, nhưng ý nghĩa rất là sâu sắc. Trong

thực tế cuộc đời, ai trong chúng ta nếu để ý nhận xét thì cũng thấy có những hiện tượng tương tự.

Qua mấy chục năm hành nghề y khoa, gặp đủ loại bệnh nhân, tôi nhận thấy phản ứng đối với đau và bệnh khác nhau rất nhiều giữa hai môi trường Việt nam và Mỹ. Ngoài ra, cũng cùng sống trong một địa phương mà những phản ứng cá nhân khác nhau rất nhiều đối với cùng một bệnh tùy theo địa vị xã hội, trình độ giáo dục, sắc tộc... Những người hành nghề y khoa ở Mỹ, ai cũng biết rằng người Mỹ da đen, và đặc biệt người Mỹ da đen phái nam, rất ít chịu đau khi vào bệnh viện hay khi được bác sĩ khám bệnh. Đây là điều lạ khi đối chiếu lại với thân hình to lớn và sức khỏe của những người này, những phản ứng bạo tợn của những người này trong cuộc sống cũng như môi trường nhiều bạo lực mà những người này sống. Tôi sẽ không đi sâu vào phân tích những điểm này ở đây. Nhưng chúng ta sẽ không lạ khi hiểu hơn về những đặc tính tác phong và tư thái của những bệnh nhân này.

Chính sự khác biệt trong cảm nhận và phản ứng đối với bệnh và chính sự đòi hỏi tối đa ở y học trị liệu, mà theo tôi nhiều bệnh nhân đã đi từ khổ đau này sang khổ đau khác trên chặng đường tiến tới cái chết không thể tránh. Thực thế, có những bệnh nhân mà sự sống chỉ thu gọn vào trong tình trạng tim còn đập, phổi còn thở, không còn chút nào ý thức và khả năng quan hệ với cuộc sống chung quanh, nhưng vẫn trải qua đủ loại biện pháp trị liệu mà kết quả rất hạn chế hay là chỉ dẫn đến những hậu quả tai hại hơn—tức là “tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa.”

Tóm lại, tuy nói chung tình trạng đau và bệnh là do những nguyên nhân khách quan ở ngoài đem tới cho người bệnh mà y học tối tân có thể xác định nhưng cũng có những tình trạng đau bệnh không có nguyên nhân khách quan rõ rệt mà là do những nguyên nhân chủ quan của người bệnh. Trong cả hai loại bệnh và đau nói

trên, chủ quan người bệnh-tâm thức, tâm lý, ý thức hay tiềm thức-đều đóng một vai trò quan trọng đáng kể mà y học trị liệu duy lý hiện nay nhiều khi không chú ý tới một cách đúng mức.

2/ Phật Giáo và Y Khoa Trị Liệu

Tìm hiểu về tương quan giữa y khoa trị liệu và tôn giáo, thì có thể nói rằng Cambốt, nước láng giềng phía Tây nam Việt nam, vừa chịu ảnh hưởng Bà La Môn vừa chịu ảnh hưởng Phật giáo sâu đậm, là nơi có những bệnh viện đầu tiên được lập ra trên thế giới, khoảng cuối thế kỷ 12-13. Nhưng không rõ việc xây dựng các bệnh viện này là do chủ trương của Phật giáo hay Bà La Môn giáo, hay chỉ do ý thức tổ chức trị bệnh cao của người Cambốt vào thời hoàng kim toàn thịnh của dân tộc này. Người Ả Rập theo Hồi giáo có những bệnh viện từ thế kỷ thứ 15-16. Cơ đốc giáo với những hệ thống viện phát triển ở Âu Châu và Hoa Kỳ đã khiến tôi nghĩ rằng đây là một truyền thống lâu đời đặc thù của tôn giáo này. Tuy nhiên, tìm hiểu thì mới biết rằng tại Âu Châu, vào thế kỷ 18 mới có những “hotel-dieu”, tức là “khách sạn của chúa” được lập ra để cho những người lỡ độ đường tá túc, thường là ở gần những đầu cầu. Sau đó những nơi này trở thành những viện cho các người đau bệnh đến ở và được chăm nom giúp đỡ. Nhìn lại bối cảnh xã hội và chính trị Âu Châu thời đó, ta có thể thấy rằng đó là giai đoạn vương quyền suy đồi, giáo quyền suy giảm, ý thức cách mạng nảy nở trong một quần chúng mà đời sống đang trải qua những thay đổi to lớn, do sự phát triển của kỹ nghệ, thương mại. Đó cũng chính là thời kỳ chủ nghĩa tư bản sơ khai với tất cả những đặc tính khai thác thô bạo trong sự tích lũy tư bản, sử dụng lao động, và các phương tiện sản xuất. Đó chính là bối cảnh thai nghén dẫn đến sự nảy sinh ra chủ nghĩa Mác xít. Trong bối cảnh này, việc thành lập những “khách sạn của chúa” và sau đó biến thành những bệnh viện có lẽ là do yêu cầu và áp lực chính trị, xã hội và

truyền đạo hơn là do sự hướng dẫn đặc biệt của giáo lý Cơ đốc. Trong đạo Thiên Chúa, những trường hợp chữa bệnh, theo sự hiểu biết của tôi, chỉ là những phép lạ để chứng tỏ sự thần thông của Chúa. Tại Trung Hoa, Lão giáo chú ý đến việc trị bệnh bằng thuốc hay bằng bùa chú và chú ý đến việc tìm phương kế trường sinh bất tử.

Trong Phật giáo, không thấy có tổ chức các bệnh viện chăm sóc người bệnh. Các nhà sư Việt nam hay Trung hoa đã chỉ chữa bệnh do sự hiểu biết của mình và do ý thức cứu độ chúng sinh. Trong huyền sử, có nói về tu thiền, luyện công, luyện khí, làm gia tăng sức khỏe. Cũng nên nói rằng trong suốt 49 năm giảng đạo của đức Phật và qua những chuyện tích mà tôi được biết, không thấy có nói đến những phép lạ của Phật chữa bệnh, thi thố thần thông. Vào lúc chót cuộc đời tại thế, có tích nói rằng đức Phật có uy lực ở lại thêm mười mấy năm để truyền giảng, nhưng ông A Nan Đà không yêu cầu và ngài cũng không thấy nhu cầu nên đã an nhiên viên tịch mà không sử dụng uy lực này. Về mặt kinh điển giáo lý, Phật giáo đề cập đến bệnh như là một trong 4 khổ nạn cơ bản mà con người phải gánh chịu. Chính vì bốn khổ nạn cơ bản sinh lão bệnh tử này mà thái tử Tất đạt Đa đã đi tu để tìm phương cứu khổ cho chúng sinh. Phương cách giải quyết cả 4 khổ nạn này là con đường tu tập mà đức Phật đã giác ngộ và vạch ra. Kết quả tùy thuộc ở mỗi con người.

Ở mức độ thuần lý, lý tưởng cao nhất, là tu tập để thoát ra ngoài vòng luân hồi sinh lão bệnh tử. Mức độ này, từ khi Phật đản sanh và truyền dạy tới nay, số giác ngộ đạt đạo chẳng được là bao mà uy lực cứu khổ chúng sinh cũng vẫn hạn chế. Tuy nhiên không phải vì thế mà giáo lý nhà Phật không có tác dụng cứu khổ nói chung và bệnh nói riêng ngay ở mức độ giác ngộ bình thường và thực thi sống đạo của quần chúng.

Giáo lý nhà Phật và các pháp môn tu tập có

tác động trị liệu, diệt khổ nạn bệnh ra sao?

Như đã trình bày ở trên, ta thấy có sự liên hệ giữa cái tâm chủ quan và cái bệnh, khách quan. Chính thái độ và phản ứng chủ quan của con người đối với bệnh mà bệnh có thể nặng lên hay nhẹ đi. Chính thái độ và cung cách hành xử trong cuộc sống thường ngày của mỗi người làm cho mắc bệnh này hay bệnh nọ hoặc là tránh được bệnh này hay bệnh nọ. Chính tình trạng cái tâm bất ổn của con người mà có thể sinh ra những bệnh gọi là “bệnh tâm cơ”. Sách y khoa Tây phương có chỉ ra rằng khi một người bị bệnh nan y thì trải qua một số giai đoạn tâm lý điển hình như giận dữ, chối bỏ, cam chịu và buồn khổ... Thời gian dài ngắn của mỗi giai đoạn thay đổi tùy người. Có người không bao giờ qua khỏi giai đoạn một hoặc gian đoạn hai, cho nên mới có những câu hỏi giận dữ “why me?”. Chỉ ra như thế, nhưng không chú ý giải quyết các tình trạng tâm lý này một cách rọt ráo trong phương hướng diệt khổ nạn bệnh mà chỉ đưa ra những biện pháp “chiều lòng.” Hãy tưởng tượng một người ngoài sự hành hạ thân xác của bệnh còn chịu sự hành hạ tâm hồn của giận dữ thì khổ biết chừng nào?

Trong tinh thần duy lý, duy kỹ thuật và vị thương mại của y khoa trị liệu hiện đại chiều theo cái đòi hỏi của con người muốn lấy lại cái bình thường và có khi cả cái hơn thường trước khi bệnh, mà như trên đã nói, nhiều bệnh nhân tại Hoa Kỳ đã trải qua nhiều giai đoạn khổ đau chồng chất do các biện pháp trị liệu hoặc chẩn đoán gây ra, kéo dài con đường đi tới cái chết không tránh khỏi hay cái tật không hết. Vì thế, ta mới thấy có những người bị ung thư vú chịu giải phẫu nhiều lần không phải chỉ để cắt bỏ ung thư mà còn để tái tạo lại vú để nhìn bề ngoài có một khối u tạm tạm coi được trên ngực. Đối lại là một phần bắp thịt bị mất, một số chức năng của bắp thịt bị giảm, và sau cùng thì khi lành sẹo cũng có thể là lúc gần phải ra đi vì bệnh ung

thư tái hiện! Vì thế mới thấy có nhiều trường hợp người trong các viện dưỡng lão chân tay co quắp, sự sống chỉ còn là phổi thở, tim đập và bộ phận tiêu hóa, bài tiết hoạt động nhưng vẫn trải qua những cuộc giải phẫu sửa chỗ này, vá chỗ nọ mà không làm thay đổi phẩm chất cuộc sống cỏ cây.

Tìm hiểu phân tích những nguyên nhân của đau bệnh và những thái độ và phản ứng gây thêm khổ, rút lại thì chỉ là tham sân si và thất tình lục dục của chính đương nhân cũng như của những người thân thích và những giới liên hệ. Như trên đã nói, chính những nhân tố này chi phối những thái độ và phản ứng con người trong cuộc sống thường ngày và làm người ta bị mắc hay tránh khỏi được một số bệnh. Ai cũng biết rằng vui quá hay buồn quá thì ăn không ngon, ngủ không yên. Có những người sống trong dư thừa mà ăn không được ngủ không được. Có những người chỉ bệnh sơ sài mà phản ứng hốt hoảng tuyệt vọng.

Giáo lý nhà Phật và những pháp môn tu tập nhằm tạo sự an lành trong tâm hồn do đó có những tác động rất tích cực không thể chối cãi lên đau và bệnh, nhất là trong khung cảnh vật chất, duy kỹ thuật, vị thương mại của nền y khoa trị liệu hiện đại Hoa Kỳ nói riêng và Tây phương nói chung. Điểm đặc thù của Phật giáo trong sự giải cứu khổ nạn đau bệnh là bên cạnh yếu tố tin tưởng ở sức mạnh huyền bí chữa bệnh chung của các tôn giáo, còn có yếu tố tri thức nhận hiểu giáo lý tác động lên nhân tâm chủ quan mà như trên đã nói, có một vai trò rất quan trọng trong nguyên nhân của bệnh cũng như trong cảm nhận và phản ứng đối với bệnh và đối với trị liệu ở mỗi người. Tuy nói đến tác động của tri thức nhưng không có ý nghĩa rằng cần hiểu hết các ý nghĩa triết lý uyên áo sâu sắc của giáo lý nhà Phật, như sắc không, nghiệp, luân hồi, nhân quả, tham sân si... Do đó ta mới thấy những trường hợp nhờ tu thiền mà lành một số bệnh ở

một số người mà khả năng diễn giải lý thuyết về thiền hay về giáo lý nhà Phật không lấy gì làm sâu xa. Cũng vì thế mà ta mới được chứng kiến hòa thượng Quảng Đức an nhiên tự tại trong ngọn lửa hy sinh vì đạo pháp.

Là một người lăn lộn trong nghề y tính ra ngót 40 năm trong đó có gần 20 năm tại môi trường văn minh và kỹ thuật hiện đại Hoa Kỳ, tôi thấy rằng bệnh vẫn tiếp tục là một khổ nạn tại xứ này. Số người chịu khổ nạn bệnh rất lớn, qua những con số thống kê về chi phí chăm sóc và xét nghiệm sức khỏe, tuy rằng những tiến bộ y khoa đã cho phép có những được liệu hay phương thức kỹ thuật trị liệu hiệu quả với nhiều bệnh nan y. Trong môi trường duy lý, duy kỹ thuật, suy nghĩ và hành xử máy móc hiện nay tại Hoa Kỳ, yếu tố tin tưởng vào sức mạnh huyền bí của tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng trong việc giải cứu khổ bệnh đã giảm đi. Phần tác động lên tri thức của giáo lý Phật giáo giúp giải cứu khổ bệnh trở thành quan trọng và sẽ phát triển trong tâm thức duy lý chung của xã hội trước ngưỡng cửa bước vào thế kỷ 21. Đây chính là một ưu điểm đặc thù của Phật giáo, trong đó tri thức và con người là nhân tố chủ yếu quyết định sự giác ngộ, quyết định sự giải thoát, tạo ra an lành cho chính mình trong sinh hoạt bình thường cũng như trong trường hợp đau bệnh. Đạo Phật sẽ không tàn lụi như có người lo ngại, vì bên cạnh tác động huyền bí trên đã giảm sút chung của mọi tôn giáo, còn có yếu tố tác động lên tri thức con người của giáo lý, như đã trình bày. Vấn đề chỉ là chúng ta nhìn ra thực tế để ngay trong một phạm vi y học, có thể vận dụng Phật pháp để giải cứu khổ bệnh và hoằng pháp.

Sau chót, trong khuôn khổ chủ đề hội nghị, nhìn về thế kỷ 21, và để cho đầy đủ, tôi thấy cần nêu ra một sự kiện nữa cũng trong phạm vi nghiên cứu tương quan Phật giáo và y học trị liệu. Tại Đài Loan có một ni sư khởi xướng từ

nhiều năm nay việc xây dựng bệnh viện chăm sóc sức khỏe, với lời kêu gọi mỗi người dân chỉ cần đóng một xu Đài Loan. Ngày nay ni sư này đã dựng lên được một hệ thống 5 bệnh viện tối tân tại Đài Loan, gọi là “Từ Thí” (cho tình thương). Hệ thống này lan cả sang Mỹ, hợp tác với một bệnh viện ở Chicago và một bệnh viện ở Los Angeles. Tiền điều hành hệ thống là do sự đóng góp của nhiều người doanh gia cũng như trong chính giới, trong đó có tổng thống Lý Đăng Huy là một người theo Cơ Đốc Giáo. Tuy nhiên hệ thống này không minh danh là một hệ thống Phật giáo và chăm sóc sức khỏe cho mọi người không phân biệt tôn giáo. Rõ ràng đây là một hoạt động tương tự như những hoạt động của các bệnh viện Cơ Đốc giáo. Sự kiện này hội nghị cần thảo luận để lượng giá lợi ích và tính khả thi trong khuôn khổ đặt kế hoạch hoạt động hoàng pháp lợi sinh cho Phật giáo Việt Nam.

(Ngày 7 tháng 9 năm 1996)



- * sáng trưng: sừng trâu
- * hảo sông: hồng sao!
- * chuông vắng: chằng vương
- * tội nghiệp: ngổn ngang việc nhà
- * châu trắng: chân trâu
- * quỳên vũ: chim múa
- * cá luông, cua lấy: luông cà, cây lúa
- * dinh tẩn: dân tình



T. TÂM VĂN

Quá bước

Quá bước tham quan Vịnh Hạ Long
Hoa Cương, Dấu Gỗ rộng mênh mông
Lễ nghi vào động chùa phong độ
Bá phải “sáng trưng” á! “hảo sông”!

Tham quan Hà Nội ghé vài nơi
Bạch Tuyết, Hoa Cương quá tuyệt vời
Dấu Gỗ rầm quân chờ nện Hán
Việt Nam lăm chỗ... đến mà chơi!

Hà Nội bây giờ khác lúc xưa
Xích lô, xe đạp thấy lưa thưa
Đâu rồi quan họ ngoài đồng lúa
Hà Nội bây giờ sướng đã chưa?

Yên Tử: dừng chân quá nửa đường
Nửa đường quay lại chúng hành hương
Hành hương “chuông vắng” họ nhà Thích
Nhà Thích tư duy... tội nghiệp. Thương!

Mù tủa Đồ Sơn, sóng Hải Phòng
Bao năm chưa đến mãi hoài mong
Bây chừ mới biết còn chi lạ
Mù tủa Đồ Sơn cũng biển sông!

Bước tới Lạng Sơn quá ngộ thời
“châu trắng”, quỳên vũ tợ hình rơi
“Cá luông, cua lấy” ven đồi trú
Biên giới “dinh tẩn” đối tả tơi.

Tô Thị vọng phu còn ẩn khúc
Tam Thanh uất ức với ơi! ơi!
Xin mời du khách tham quan thử
Tạo hóa phỉnh chi kẻ thành thời!!

Huệ Nghiêm 28-2- ĐS - 1997



THƯƠNG VỀ QUỐC HỌC XA XƯA

Thái Văn Kiểm

Thuở ấy, cách nay hơn nửa thế kỷ, có thể gọi là thời kỳ vàng son nơi kinh kỳ tráng lệ. Thuở ấy thanh bình thịnh trị, voi, ngựa, xe qua lại suốt ngày đêm nơi cầu Tràng Tiền sáu vai mười hai nhịp.

Thuở ấy, suốt giòng sông Hương thơm mát, vang dội tiếng hát điệu hò, của cô lái đò ẻo lả, tà áo dài bay theo ngọn gió lừng lờ.

Thuở ấy, thuyền bè tấp nập qua lại giữa bến đò Thọ Lộc và bến chợ Đông Ba đã đem ra ngoài gai. Chuyển đò yển chuyển vẫn còn đưa khách thị thành về thôn dã qua nhiều lạch hói len lõi với tre ptheo.

Thuở ấy, nơi chốn kinh kỳ trai thanh gái lịch lũ lượt tranh đua vào các trường Phú Xuân, Thuận Hóa, Gia Hội, Việt Anh, Đồng Khánh và Quốc Học, là những trường danh tiếng đã đào tạo ra phần lớn các cấp lãnh đạo của xứ sở tương lai.

Học tập từ Thuở sen ngó đào tơ cho đến mùa oanh ca phượng nở. Những trường nhỏ phần nhiều ở hữu ngạn sông Hương. Riêng hai trường Quốc Học và Đồng Khánh, cũng như các trường tư công giáo: Thiên Hậu và Bình Linh (Pellerin) đều ở phía tả ngạn. Tả hữu đây là tính theo phương hướng cổ truyền, từ cửa biển lên tới nguồn là dãy Trường Sơn hùng vĩ, uốn khúc như con rồng vĩ đại trấn ngự đất nước Việt Nam.

Thuở ấy, “chàng trai nước Việt” (nói như Lê Chi Nguyễn Vĩ, trường đoàn Thi xã Bạch Nga) chỉ ước một điều là: được vào trường Quốc Học Huế, nói theo tâm biển pháp ngữ là Collège National de Huế, bên cạnh trường nữ học Đồng Khánh.

Chúng ta có thể khẳng định rằng trường Quốc Học là hậu thân của trường Quốc Tử Giám, thành lập từ 1803 dưới thời Vua Gia Long, với danh hiệu Đốc Học Đường, sau đổi ra Quốc Học Đường. Vua Gia Long sau khi thống

*nhất sơn hà liền nghĩ tới việc mở mang dân trí, theo đúng truyền thống văn học đã khởi xướng từ đời nhà Lý, dưới thời Vua Lý Nhân Tông (1072-1127), là vị minh quân đầu tiên đã có sáng kiến mở khoa thi năm Ất Mão 1075, thi tam trường để tuyển người có văn học để chấn dân dựng nước. Tiến tới năm sau, 1076, nhà Vua thành lập Quốc Tử Giám và bổ nhậm những người có văn học cao vào dạy học. Những sự kiện trên cũng hòa nhập vào bản *Bình Ngô Đại Cáo* (1427) của Nguyễn Trãi (1380-1442), sáng ngời với hai câu:*

“Duy ngã đại Việt chi quốc

Thực vi văn hiến chi bang”

(Xét như nước Đại Việt ta, thực là một nước văn hiến.)

Trường Quốc Tử Giám được xây dựng ở làng An Ninh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, bên cạnh Văn Miếu, gần chùa Thiên Mụ. Từ đồi cao nhìn về phía kinh thành hướng đông, chúng ta sẽ thấy:

Văn miếu trông thông

Võ miếu trông bàng

Ngó xuống xã tắc

Hai hàng mù u.

Tháng giêng năm thứ hai đời Minh Mạng (1820), Vua sai Bộ Công kiến tạo một trường Quốc Tử Giám mới mẻ và rộng lớn, với kiến trúc cổ điển. Gồm một giảng đường ở giữa là nơi giảng dạy giám sanh. Phía trước giảng đường có Di Luân Đường để giảng dạy Tôn sanh, còn hai bên có hai gian nhà để cho Tôn sanh và Giám sanh ở. Giám sanh được lựa chọn trong đám con quan và dân xuất sắc, còn Tôn

sanh là con cháu Nguyễn Phước Tộc. Dãy giám sanh gồm có 19 gian, còn dãy Tôn sanh gồm có ba gian.

Chúng ta được biết rằng hai chữ Di Luân được trích trong thơ kinh: Ngã bất tri kỳ di luân du tự (ta không biết cất nghĩa sao được những luật lệ của xã hội và những bổn phận của loài người sinh sống với nhau). Linh mục dòng Tên S. Couvreur đã dịch ra Pháp ngữ như sau “J'ignore comment on doit expliquer les grandes lois de la société et les devoirs mutuels de l'homme.”

Trường Quốc Tử Giám do một vị Đốc học điều khiển, có một phó đốc học làm trợ tá. Ít lâu sau, hai chức vụ này được đổi thành Tế Tửu, với hai Tư Nghiệp làm phụ tá, đến tháng sáu năm thứ 3 đời Minh Mạng (1822) trường bị sét đánh hư hại rất nhiều. Vua nghĩ rằng đó là do Trời phạt, bèn hạ lệnh cho Bộ Lễ khuyến cáo nghiêm khắc các vị Tế Tửu, Tư Nghiệp và học viên, phải lập tức tu thân tích đức để được lòng trời. Rồi Vua mới sai Bộ Công tu bổ nhà cửa và xây dựng nhà ở riêng cho các vị điều khiển nhà trường, đồng thời xây lại hai gian nhà mới với 19 căn, mỗi gian dành cho học viên.

Năm Thiệu Trị thứ III (1843), Vua cảm tác 20 bài thơ Nhị Thập Thặng Cảnh Thần Kinh, trong đó có bài Huỳnh Vũ Thư Thanh (Đọc sách ở quốc tử giám: Mái nhà có đóm đóm sáng chiếu, nghe tiếng đọc sách). Bài thơ này của Vua được khắc vào bia đá dựng trước trường.

Đời Vua Tự Đức Nguyên Niên (1848) Vua cho xây thêm nhà cửa cho các viên chức và học viên ở. Năm thứ 7 (1854) Vua lên thăm trường và ở lại điện Di Luân để quan sát và bàn chuyện học tập với các cấp điều khiển nhà trường. Ngài trao tặng nhiều giải thưởng cho các học viên xuất sắc và cảm tác 14 bài thơ rồi cho khắc vào bia đá để dựng phía trái nhà trường.

Năm thứ 17 đời Thành Thái (1905) trường bị hủy hoại vì trận bão lớn (năm Ất Ty), phải mất

hai năm trời mới tạm sửa chữa, và đến năm Duy Tân nguyên niên (1907) mới hoàn thành. Từ đó, vua đã có ý định dời Quốc Tử Giám về kinh thành Huế. Bộ Công đã chọn một sở đất trong thành nội, kế cận Cơ Mật Viện, thường gọi là Tam Tòa, tức là Tam Pháp Ty, gọi nôm na là Ba Tòa Quan Lớn.

Đầu năm Duy Tân thứ 2 (1908), Bộ Công bắt đầu dỡ nhà, tháo dỡ các kiến trúc hiện hữu ở làng An Ninh, phía Kim Long, đưa xuống thuyền chở về Huế, chuyển thẳng vào thành nội, lần lượt tái dựng các cơ sở như Di Luân, Giảng Đường, các dãy nhà do Giám Sanh, Âm Sanh và Tôn Sanh. Công cuộc này được hoàn thành vào ngày rằm tháng 5 năm Duy Tân thứ 3 (1909), và từ đó công cuộc giảng huấn mới thật sự điều hòa.

Quốc Tử Giám được ca ngợi trong bài thơ trường thiên nhan đề “Hương Giang Hành” do cụ Vân Bình Tôn Thất Lương (1887-1951) cảm tác ngày 19-1-1941 trong lúc cụ tòng sự tại Tòa Khâm Sứ Huế, tọa lạc tả ngạn sông Hương, cùng thời tiểu đệ đồng nghiệp thường ngày được nghe cụ giảng giải văn chương Hán Việt. Nay tiểu đệ xin trích ra đây hai đoạn chính yếu: đoạn đầu nói về nguồn gốc hai từ Hương Giang, đoạn tiếp nói về Quốc Tử Giám:

Hương Giang Hành

*Cỏ thơm có giống Thạch xương bồ
Sanh ở hai nguồn tả hữu trạch
Hoa thơm dầm nước, nước trong veo
Hợp thành “sông thơm” chảy róc rách.
Quanh co rộng hẹp dài muôn sải
Thấm mát ruộng vườn, giành với bãi
Êm đềm theo dọc tỉnh Thừa Thiên
Chảy về Thuận An ra Đông Hải
...*

*Quốc Tử Giám gần Văn Võ Miếu
Thông rụi, bàng xiêu, thấy phi liễu
Ẩn ước xa trông cảnh vắng teo*

Sao đời vật đổi trái bao triều
Bên bờ nước trong, gương soi bóng
Gắm ngắm bấy chầy cảnh chùa tiêu
Nhìn quanh lại thấy Tam gia Hội
Bến cũ cây đa còn một cội
Hai cồn kinh thành với Dã Viên
Xa gần điểm tuyết cảnh thiên nhiên

...

Thế là nhờ bài thơ của cụ Vân Bình từ đầu sông Hương có mùi thơm: ấy là do nơi cây Thạch xương Bồ (Acorus gramineus Soland, Acorus calamus Lour) giống cây Ngoại xương bồ, bồ nếp, bồ bồ mà Pháp gọi là Roseau odorant, thuộc về loài thảo (herbacées họ Aracees) Cây bồ bồ ưa mọc nơi khe suối, dọc theo bờ sông, củ như ngón tay có nhiều ngấn, chứa đựng chất dầu thơm tựa như long não (camphre), hoa thơm, hạt nhỏ và đỏ, có bán ở các tiệm thuốc Bắc. Người ta nấu củ bồ bồ thật lâu, chất lấy nước mà uống thì được sáng mắt và có thể trị các chứng bệnh kết ly. Bên Âu Châu người ta dùng củ bồ bồ để pha chế các thuốc đánh răng cho thơm và trị vi trùng. Chất rượu Tây (Eau de vie de Dantzig, Pologne) được pha chế với tinh chất (essence) của củ bồ bồ, cũng như các thứ rượu mùi (liqueurs) của các dòng tu Bénédictins và Trappistes.

Lẽ tất nhiên các Dược sĩ và Tu sĩ Tây Phương phải mua tinh chất bồ bồ từ bên Á Đông, còn như chúng ta thì được trời cho từ thuở khai bang lập quốc, khiến cho nguồn Hương thơm ngát như có tắm nước hoa từ ngàn đời! Thế là trường Quốc Tử Giám được thơm lây.

Với sự tiếp xúc Đông Tây, trường này dần dần thay đổi các chương trình học, và sẽ dần đưa các chương trình Việt và Pháp ngữ vào, nhằm bổ túc phần Hán học đã chấm dứt sau khóa 1915 ở trường Nam Định.

Trước đó, từ cuối thế kỷ XIX, Bảo hộ Pháp thỏa thuận với Nam Triều đã kiến tạo một số trường mới nhằm đào tạo thông ngôn và viên

chức cần dùng cho thời cuộc mới. Những trường chính yếu mang tên như sau:

1. Tháng 4/1887. Bảo hộ Pháp mở trường Đại Pháp Tự Thoại Học Đường và bổ nhiệm nhân sĩ Diệp Văn Cương làm chương giáo. Ông lấy vợ hoàng tộc là công chúa Thiện Niệm, chị vua Dục Đức. Vì quan hệ hôn phối đó mà ông hết sức vận động, về cả phía Bảo hộ lẫn Nam Triều dưới uy quyền của Hoàng Thái Hậu Từ Dũ, cho Hoàng Tử Bửu Lân được chọn lên ngôi với vương hiệu Thành Thái (1889-1907) thay vua Đồng Khánh đã băng hà ngày 28-1-1888.

Trường Đại Pháp Tự Thoại Học Đường ở Huế đóng vai trò tương đương với trường thông ngôn (Collège des Interprètes) ở trong Nam, dưới thời các đô đốc hải quân Pháp.

2. Năm 1906, Toàn quyền Beau (1902-1906) ban hành Quy chế Học chánh Đông Dương (Statuts de l'Instruction Publique en Indochine) và thuận cho Nam triều đặt Bộ Học với chức Chương Thượng Thư, đồng thời lập Sở Tu Thư cho toàn cõi Đông Dương. Và từ đó nước ta mới gửi du học sinh sang Pháp.

3. Năm 1911, Vua Duy Tân cho mở trường Hậu Bồ, nhằm đào tạo quan chức tương lai, Pháp gọi là Ecole des Stagiaires với trụ sở là nhà Thương Bạc (Maison des Pourparlers) ở phía ngoài Thượng Tứ, trong một khuôn viên cổ kính nhìn ra vườn hoa Nguyễn Hoàng trên hữu ngạn sông Hương. Nơi trường Hậu Bồ có nhiều giáo sư Việt và Pháp giảng dạy các môn thiết yếu cho việc chấn dân dựng nước và giao thiệp với nước ngoài. Có nhiều nhân sĩ cỡ lớn đã được trường này đào tạo như cụ Ngô Đình Diệm, cụ Ứng Trình...

Bây giờ đã đến lúc chúng ta nói đến trường Quốc Học Huế và chút ít về trường Đồng Khánh dành cho nữ sinh. Cả hai trường được xây dựng trên hai mẫu đất rộng khoảng bốn mẫu tây (40.000 mét vuông) có một con đường ngang ngăn chặn, xung quang có tường rào cao 1m50

bao bọc, phía trước có cổng kiểu Tam Quan. Kiến trúc Á Đông. Nhưng những dãy nhà lầu bên trong thì theo kiến trúc Tây Phương. Cái đặc biệt của tường rào là bên Quốc Học thì kiến trúc lồi ra, tượng trưng cho Dương, còn phía trường Đồng Khánh thì lõm vô tượng trưng cho Âm. Cả hai trường trông giống Lycée Lakanal gần điện Versailles.

Cả hai trường đều bắt đầu xây dựng vào đời vua Thành Thái, khoảng 1896, trải qua nhiều năm mới xong. Theo Đại Nam Nhất Thống Chí, quyển Thừa Thiên (kinh sư) thì trường Quốc Học cất nơi tả doanh Thủy Sư (tả ngạn sông Hương, tính theo phương hướng Đông phương từ tả lên nguồn). Ban đầu chỉ mới xây có một tòa đốc giáo ba gian hai chái và ba tòa cư trú cho các trợ giáo, mỗi tòa ba gian.

Nơi cổng lớn ra vào, trên lầu có treo chuông lớn để điểm giờ và theo giáo sư Đoàn Khách và Nguyễn Đăng thì nơi cổng trường có tấm chạm sơn son thếp vàng, ghi sáu chữ Hán:

Pháp Tự Quốc Học Trường Môn

Tấm biển này còn treo nơi phòng giáo sư trong trường, vì lẽ trường trải qua các thời đại với nhiều biến chuyển chính trị, đã thay tên nhiều lần, như trước kia gọi là Quốc Học rồi sau đổi ra Trung Học Khải Định kể từ niên khóa 1936-1937.

Năm 1897, trường được xây thêm hai dãy nhà học, dãy trước 30 gian, dãy sau 16 gian và Tòa Đốc giáo làm lại thành một ngôi nhà vuông. Trường dạy chữ Pháp, chữ Hán và chữ Quốc Ngữ, ban giám đốc và ban giảng huấn niên khóa 1896-1897 gồm có:

— Cụ Ngô Đình Khả, Chương giáo kiêm Quản giáo chữ Pháp

— Cụ Nguyễn Văn Mại, Quản giáo chữ Hán

Các cụ Nguyễn Hữu Mẫn, Nguyễn Tấn Cương, Nguyễn Văn Tương, Nguyễn Văn Phiếm, Phan Văn Khai, Hoàng Thông, v.v...

Số học sinh nộp đơn xin thi vào trường năm ấy hơn 200 người gốc Trung Nam Bắc, nhưng trường chỉ tuyển vào 50 học viên có bằng Cử Nhân xưa, tôn sinh, ám sinh và học viên Quốc Tử Giám. Trường chưa có học xá (Internat), chưa thảo xong học quy, chỉ có cái trống lớn ở nhà chơi (Préau) bỏ túc cái chuông treo nơi cổng ra vào.

Cụ Ngô Đình Khả đã từng học Đại Chung Viện Pénang (Malacca), giỏi Pháp Ngữ và Pháp Văn. Tôi đã học những phúc trình lịch sử của cụ về việc an bang nơi tỉnh nhà Quảng Bình dưới đời vua Đồng Khánh. Năm 1954, tôi đem tặng cụ Thủ Tướng họ Ngô một bản viết tay của cụ thân sinh. Hồi đó cụ còn ở dinh Gia Long. Cụ đã nhiệt tình cảm ơn và có nhắc lại nhiều kỷ niệm khi cụ làm Tri Huyện Quảng Điền, nơi quên quán của tôi. Cụ có hỏi thăm chú tôi, đã từng cộng sự với cụ sau Đệ Nhất Thế chiến.

Cụ Nguyễn Văn Mại đậu Phó Bảng hai khóa 1885-1889, tự hiệu là Tiểu Cao (ý tự xem là đồ đệ xa xưa của danh sĩ Cao Dao bên Tàu) quê quán làng Niêm Phò, huyện Quảng Điền. Làng này cũng được dân quen gọi là làng Kê Lữ (những người dùng lữ, lờ-nasse-mà bầy cá chun vào) tại làng này có hai họ lớn là Nguyễn và Hồ có một cô con gái rất xinh đẹp là Quy, còn nhà họ Nguyễn có cậu con trai học giỏi tên Mại, hai thân sinh thì tương đắc, muốn kết sui (hiếu) với nhau vì môn đăng hộ đối, nhưng hai bà có chuyện xích với nhau, không ưng thuận. Cho nên, lúc nào ru con ngủ, hai bà thường hát những câu châm biếm như sau:

Bà mẹ ông Mại hát:

Sá chi thân phận con Quy

Ngày thì bùn lấm, đêm thì gió sương!

Tiếp theo là bà mẹ cô Quy hát trả:

Cây khô mấy thuở mọc chồi

Cá mại dưới nước mấy thời hóa long!

Tôi đánh dấu hỏi: Không biết hai cụ thân sinh có gà cho hai bà không? Nếu không thì hai

bà này giỏi thật! Hai bên cứ hát qua hát lại như rứa dài dài và không thèm nhìn mặt nhau, cho đến khi ông Nguyễn Văn Mại thi Hương đỗ thủ khoa, đỗ tiếp luôn Phó bảng lần nhất năm 1885, rồi thi luôn Đình Thí nhưng chưa kịp yết bảng thì thất thủ Kinh Đô (5 Juillet 1885). Vua quan binh sĩ chạy tán loạn. Về sau ông làm tới chức Án sát Quảng Nam thì phía họ Hồ đâm ra sợ, chấm dứt hát hò chê bai con cá Mại! Về sau cùng, cụ về hưu với chức Hàm tổng đốc trí sự, cho nên thiên hạ gọi cụ Tiểu Cao là Cụ Thượng Mại làng Kẻ Lừ.

Riêng phần cô Quy thì xuất giá được ít lâu thì chẳng may bị chồng bỏ lủi thủi ra về nương nhờ bố mẹ, nghĩ lại mà tức cho hai bà mẹ lắm chuyện khiến cho mình phải chịu nhọc nhằn, tủi hổ cho thân phận con rùa không “mần” mà chịu!

Cụ Nguyễn Văn Mại có biên soạn quyển Việt Nam Phong Sử. Trong bài tựa cụ có nhắc đến tên Cụ Vương Vĩng Châu, tác giả quyển Thanh Hóa Quan Phong, tức là cụ Vương Duy Trinh. Tổng đốc Thanh Hóa đời vua Thành Thái (1889-1907). Trong bài dẫn giải thay lời tựa, họ Vương có đề cập đến phương danh Gia Khê tiên sinh, thân hữu của cụ. Tôi sưu tầm mới biết được đích xác là tên của Georges Cordier, một nhà văn học Pháp giỏi tiếng Việt, chuyên sưu tầm về văn chương bình dân và văn chương bác học của nước ta. Trong quyển Thanh Hóa Quan Phong, họ Vương có ghi lại 25 mẫu chữ cái của Mường ngữ, một ngôn ngữ rất gần với ngôn ngữ Lạc Việt, cho nên các nhà cổ học Tây phương thường gọi người Mường là Tiền-Việt (Proto-Vietnamiens) ngôn ngữ Mường Việt còn lưu dụng nơi các sắc dân miền núi Bình Trị Thiên và còn để lại nhiều di tích vùng hạ bạng duyên hải, như cố Cadière đã viết rõ trong Les Dialectes du Haut Annam. Trong cuốn Việt nam Phong Sử, cụ Thượng Mại đã nêu đúng 100 câu phong dao lịch sử kể từ thời Hồng Bàng với câu:

Trúng rỗng lại nở ra rỗng

Liu diu lại nở ra dòng liu diu.

Rồi giải thích nghĩa đen và nghĩa bóng trong khung cảnh lịch sử. Trong số 99 câu còn lại, chúng tôi xin trích ra hai câu:

Tiệc thay cây quế giữa rừng

Để cho thằng Mán thằng Mường nó leo!

Lâu nay, chúng ta đinh ninh rằng câu này (cũng có hình thức biến thể là Tiệc thay cây quế Châu Thường, để cho thằng Mán thằng Mường nó leo) Châu Thường là Thường Xuân với Trịnh Vạn là hai Châu sản xuất quế thượng hạng, ám chỉ việc công chúa Huyền Trân đời nhà Trần được vua anh là Trần Anh Tông gả bán cho vua Chế Mân của Chiêm Thành. Nhưng cụ Tiểu Cao đã giải thích phân minh rằng câu này phát xuất từ đời vua Lý Thái Tông (1028-1054) công chúa Bình Dương đã được gả cho tù trưởng Lạng Châu là Thân Thiệu Thái, còn công chúa Kim Thành gả cho tù trưởng Phong Châu Lê Ninh Thuận, và công chúa Trường Ninh thì gả cho tù trưởng Thượng Oai là Hà Thiện Khoan. Đến thời vua Lý Nhân Tông, công chúa Khâm Thành được gả cho tù trưởng Vị Long là Hà Di Khánh. Trong thời Lý Anh Tông, công chúa Thiều Dung gả cho tù trưởng Phú Lương là Dương Tự Minh.

Đó là mưu kế dùng mỹ nhân mua chuộc người Thượng thiếu số để họ không quấy phá làng mạc miền trung du và hạ bạng. Đó là kế hoạch phủ dụ man dân nơi biên phòng, biến họ thành phiên hàng, phân giậu củng cố biên cương. Về sau, kế hoạch này sẽ được áp dụng trên một phạm vi rộng lớn hơn trong các cuộc bang giao với lân bang nhằm mở mang bờ cõi bằng cách giao hiếu kết thân mà Tây Phương gọi là diplomatie matrimoniale.

Về phần công chúa Huyền Trân, chúng ta thấy cụ Tiểu Cao nêu câu:

Tiệc thay hạt gạo trắng ngần

Đã vô nước đục lại vẫn lửa rơm!

Với giải thích tinh tường là: Huyền Trân ví với hạt gạo trắng ngần, còn vua Chế Mân ví với

nước đục vì da ngăm đen như bánh mật, và sau cùng Trần Khắc Chung thì ví với lửa rơm, một thứ lửa chập chờn, không mấy nóng hầm như mong muốn.

Dù sao chẳng nữa, chúng ta phải thẳng thắn xác định công lao to lớn và sứ mạng cao cả của nàng đối với tổ quốc và nhân dân. Nàng là một người con có hiếu, biết vâng lời cha anh, đem tấm thân ngọc ngà đổi lấy hai châu Ô, Lý vuông ngàn dặm. Các thế hệ nối tiếp, mặc dù có một số người châm biếm trong thơ văn, vẫn còn dành cho nàng nhiều cảm tình và kính phục, bằng chứng là ngoài cửa bể Tư Dung (mà Đào Duy Từ 1572-1634, trên đường Nam tiến từ Thanh Hóa và Bình Định, đã cảm tác bài Tư Dung Vãn) khách thuyền lai vãng vùng Thuận Hóa có thể nhìn thấy hòn đảo mang tên Huyền Trân Đảo. Danh sĩ Ngô Thời Nhậm (1803) được vua Quang Trung cử đi sứ nhà Thanh, đã cảm tác một bài thơ (Tích Vũ Huyền Trân) để tưởng nhớ Huyền Trân công chúa, lúc đi ngang qua đảo mà có lẽ xưa kia, vào đầu hạ 1306, nàng ghé lại với thuyền rồng trên đường đi Chiêm quốc:

Tích Vũ Huyền Trân

*Huyền Trân sái tận u sâu lệ
Hóa tác xuân mai dạ vũ thanh
Tông quốc quả tình cừu phấn đại
Di phu di hận mỗi cư hành
Nhị châu sinh vật công thiên cổ
Vạn lý giai nhân ngộ nhất sinh
Oán hận ưng tủy triều thủy trưởng
Giang thôn tích lịch tổ hành canh.*

Dịch nghĩa như sau:

Công chúa Huyền Trân từng rỏ hết giọt lệ
sầu

Hóa thành những tiếng mưa đêm trên cành
mai mùa xuân

Nước nhà thật nhạt tình, coi khách son phấn
như thù hằn

Người chồng man di xấu số đã làm nhơ cả
chuỗi ngọc đeo

Lễ cưới hai châu để của chung cho nghìn
sau

Người giai nhân muôn dặm xa lìa chịu lỗ
làng một đời!

Bao nỗi oán hờn, dường đang theo ngọn
nước thủy triều dâng lên

Tại xóm bờ sông, trận mưa rả rích vẫn kêu
than trong đêm lạnh.

(Trần Thanh Đạm dịch)

Và đây là bài thơ dịch rất trôi chảy của Vũ
Đình Liên:

Nước mắt Huyền Trân khóc phận mình
Đêm xuân mai đọng lệ trên cành
Hững hờ nước bạc thù son phấn
Non yếu chồng ngu hổ ngọc lành
Sính vật hai châu còn đất tốt
Giai nhân một kiếp chịu oan tình
Oán hờn theo sóng trào dâng mãi
Xóm bến mưa dầm tối lạnh canh.

Và giờ này, nơi hoang đảo, hình ảnh Huyền
Trân vẫn còn chập chờn với sóng gió, trong khi
trên đất liền, hình ảnh trường Quốc Học Huế
vẫn còn ngự trị trong tâm hồn một số đông người
Việt ly hương.

Riêng phần tôi, rời trường Quốc Học đã trên
nửa thế kỷ vào cuối thu 1940 để dấn thân trên
con đường sự nghiệp, lòng buồn rười rượi vì
chính mình vẫn còn muốn đeo đuổi việc học
hành, nghiền ngẫm sách vở của tiền nhân đêm
khuya dưới ngọn đèn mờ nơi ký túc xá... Thôi
thì đành chịu vậy vì lẽ cha già mẹ yếu và thân
mình còn phải dẫn dắt một bầy em còn nhỏ dại.

Nhưng không sao, chúng ta hãy tạm xếp
nghiên với thập niên đang hỏa, mà vẫn tiếp tục
vừa làm vừa học, vừa viết vừa thi, lần hồi trải
qua mấy mươi năm, học hoài học mãi, nơi quê
nhà cũng như lúc ra hải ngoại, để lần bước lên
tất cả những nấc thang của vùn đài sự nghiệp.

Giờ đây nơi đất khách, chạnh nhớ quê hương và trường Quốc Học, rồi nhớ cả trường Đồng Khánh, nhớ thầy nhớ bạn, kẻ mất người còn, chia ly vạn nẻo. Đêm khuya rung cảm với tiếng dế kêu, khiến kẻ tha hương nhìn lên tường xưa nơi quán trọ bên đường, chợt thấy hai câu đối chứa chất tâm tình hoài cổ:

*Đào lý xuân phong nhất bôi tửu
Giang hồ dạ vũ thập niên đăng*

Hoa đào hoa lý thi nhau đua nở, ta hãy nâng cốc rượu chào đón xuân về, sông dài hồ rộng rảo bước khắp nơi. Mưa rơi tí tách suốt đêm trường như gọi lòng thương nhớ đèn sách mười năm! Biết bao thương nhớ từ hải ngoại gửi về hai trường lớn cố đô:

*Giòng Hương soi bóng hai trường lớn
Đường rộng đi về một nẻo chung
Chuông đổ trường anh nhòe sương sớm
Trống đánh trường em hoa phượng rung.*

(Lê Văn Lân)

Bốn câu thơ tình tứ của Y sư họ Lê hiện ở Hoa Kỳ đã cùng sống cả một thời niên thiếu với mẹ thân thương nơi làng Thanh Lương chợ Kê, khiến tôi tưởng niệm một danh sĩ thời xưa cùng quê quán là cụ Tỉnh Trai Đặng Huy Trứ (1825-1874) làm quan dưới thời Tự Đức (1865-1867) hai lần đi sứ Trung Quốc và nhân tiện tiếp xúc với kỹ thuật Tây Phương. Đậu cử nhân năm 18 tuổi, ông đã kết duyên với cô lái đò hàng ngày đưa ông sang sông Hương cặp bến Kim Long để học trường Quốc Tử Giám. Ông có để lại hơn ngàn bài thơ, trong đó có ca tụng gạo de An Cựu như sau:

*Ngàn vạn đụn kho ấp lúa vàng
Gạo de An Cựu trắng và thơm
Chày theo trắng xuống, trắng thua sắc
Gió nổi cơm vắn, xạ nhạt hương*
(Bồ Giang phỏng dịch)

Sông thơm mà gạo cũng thơm, khiến cho chúng ta băng khuâng tưởng nhớ quê nhà và bồi hồi thương về Quốc Học xa xưa. ■

Thơ NHƯ YẾN

Trong thoáng gặp thiên thu

*Nhìn nhau một thoáng đây
Từ muôn kiếp đến nay
Thoảng nhìn nhau thế này
Không khéo thêm kiếp mai.
Tóc mềm đen, yếu điệu
Dáng nhẹ nhàng dễ yêu
Nam thanh nữ tú yêu
Đã lắm phen khổ nhiều.
Mây bay ta nhớ mây
Gom cảnh, nhớ bóng hài
Tên, tuổi, chẳng biết ai
Hay thay! Nhớ một ngày
Chào nhau, nhưng chẳng nói
Muốn hỏi, cố dần thôi
Muốn dừng, cứ bước đi
Thiên thu, quá lỗi rồi.
Hương đâu đây phảng phất
Thanh thoảng làm ngây ngất
Thì ra dạ đã tắt
Nén hơi, đi cho khuất.
Làn da mềm hẳn mát
Lụa là nhẹ ôm sát
Mau, mau, đi, đi. Nhất?
Sợ lung lòng Bồ Tát?
Thiên thu đà lỡ hẹn
Ngày gặp gỡ một phen
Dần lòng, chẳng làm quen
Nguyễn: thanh tịnh, thoát phiền.
Dần dà chẳng nhớ nhung
Tòà yên, trí lực hùng
Thiên thu quen thói dừng
Nhìn nhau, dạ chẳng lung.*

California, 4/9/1996

SƯ VẠN HẠNH VÀ PHÁP NẠN, QUỐC NẠN

Thiền Ngọc

Nhìn lại lịch sử Phật giáo Việt Nam, chúng ta thấy cuộc đàn áp Phật giáo hiện nay của nhà cầm quyền Cộng Sản Việt Nam (CSVN) không phải là pháp nạn đầu tiên của Phật giáo. Pháp nạn đầu tiên xảy ra cách đây gần 1.000 năm, dưới thời Lê Long Đĩnh của nhà Tiền Lê.

Lê Long Đĩnh vốn tánh tình bạo ngược, đã giết anh là Lê Long Việt để soán ngôi, thích chém giết, làm nhiều điều tàn ác, lại hoang dâm vô độ nên mắc bệnh không ngồi được, khi lâm triều phải nằm, nên được gọi là Lê Ngọa Triều. Một trong những trò giải trí của Lê Ngọa Triều là bắt các sư quỳ trước sân chầu rồi cho quân sĩ róc mía trên đầu các sư. Thỉnh thoảng, Lê Ngọa Triều lại sai các quân sĩ giả vờ lỡ tay chém xuống đầu các sư để làm trò cười cho hôn quân. Long Đĩnh làm vua được 4 năm thì mất, lúc đó chỉ vừa 24 tuổi.

Sử sách không ghi rõ có bao nhiêu sư sãi bị chết và bị thương trong suốt 4 năm cai trị của Lê Ngọa Triều. Tuy nhiên, cơn pháp nạn của Phật giáo thời ấy là một sự kiện không thể phủ nhận: những người tu hành bị nhạo báng, và bị đưa ra giữa triều đình để làm trò cười.

Lúc ấy, con của Long Đĩnh hãy còn bé, Sư Vạn Hạnh cùng tướng Đào Cam Mộc mới sắp đặt mọi việc và tôn Lý Công Uẩn là một người có đức hạnh lên làm vua, khai sáng ra nhà Lý, mở đầu một triều đại thanh bình, thịnh vượng trong lịch sử Việt Nam.

Ôn lại những dòng lịch sử trên, chúng ta không thể không chú ý đến một trường hợp có

thể nói là hãn hữu trong lịch sử Việt Nam: Sư Vạn Hạnh.

Thiền Sư Vạn Hạnh là một vị cao tăng, quê ở Cổ Pháp, Bắc Ninh, ngoài kinh Phật còn giỏi về Sấm ngữ và độn số. Thiền sư đã nuôi dạy Lý Công Uẩn từ hồi còn bé. Cuộc đời của Lý Công Uẩn hầu như được ngài sắp đặt: từ lúc ra làm quan cho đến lúc lên ngôi vua. Đặc biệt, những lúc triều chính gặp khó khăn, Lý Thái Tổ đều thỉnh ý Sư Vạn Hạnh để giải quyết.

Qua các dữ kiện lịch sử trên, chúng ta thấy Sư Vạn Hạnh là một nhà tu làm chính trị và cũng là một chính trị gia đại tài.

Nhưng tại sao một Thiền sư đạo hạnh như ngài lại làm chính trị? Để mưu cầu danh lợi cá nhân? Há ngài không biết cuộc đời là sắc không? Há ngài không thấm nhuần được giáo lý của nhà Phật? Chúng ta có thể tìm thấy những trả lời cho các câu hỏi trên qua kết quả các công việc làm của Sư Vạn Hạnh.

Sử chép rằng trong những đời vua đầu nhà Lý như Lý Thái Tổ, Lý Thái Tôn, Lý Thánh Tôn và Lý Nhân Tôn là thời cực thịnh. Dưới sự cai trị của các vị vua này, nền giáo dục được mở mang, nho học khởi sắc, việc canh nông, giao thông, thương mại đều được chăm sóc và khuyến khích.

Có được như vậy chính là nhờ hạt giống Lý Công Uẩn mà Sư Vạn Hạnh đã có công gieo trồng và vun sợi thành một cây tốt, cho ra các hoa trái hữu ích.

Chính vì thấm nhuần giáo lý đạo Phật nên

Sư Vạn Hạnh đã không “chấp” cái “hình tướng làm chính trị” để đem đến sự an vui, nguồn hạnh phúc cho bá tánh thời ấy. Chính khi giúp Lý Công Uẩn lên ngôi trị nước, an dân, mưu cầu hạnh phúc cho mọi người, là lúc mà Thiền Sư Vạn Hạnh đã thể hiện hành động cứu khổ, cứu nạn của một vị Bồ Tát; là lúc ngài đã thực hành cái đại từ bi của nhà Phật. Phật pháp ở ngài là nhập thế, là đem đạo vào đời để giải trừ quốc nạn.

Nếu Phật đã từng dạy rằng Phật có vạn pháp, thì pháp của Sư Vạn Hạnh chính là một trong vạn pháp của Phật. Khi Lê Ngọa Triều mất là lúc cơn pháp nạn đã qua, nhưng lúc đó triều đình rối ren, người nối ngôi vua hãy còn nhỏ tuổi. Nếu không biết lèo lái tình thế lúc ấy thì cơn quốc nạn sẽ còn kéo dài, dân đen sẽ tiếp tục lầm than, thống khổ.

Chúng ta thấy rõ rằng Sư Vạn Hạnh làm chính trị không vì danh lợi cá nhân, mà chính là để thể hiện cái hạnh Bồ Tát, cứu khổ, cứu nạn, đem đến sự an lạc, thanh bình cho muôn dân thời ấy. Hành động làm chính trị để đạt đến mục đích như trên cũng là một hành động nhân đạo, không có gì trái với tôn chỉ Phật giáo nói riêng, hay các tôn giáo khác nói chung.

Trở lại tình trạng Phật giáo tại VN hiện nay. Nếu chúng ta đã thấy bài học lịch sử về Sư Vạn Hạnh đáng để cho chúng ta suy gẫm, thì CSVN, những con người có thừa quỹ quyết cũng sẽ không bỏ qua bài học lịch sử này.

Thật vậy, chính vì để ngăn chặn sự xuất hiện của một Thiền Sư Vạn Hạnh thứ hai, CSVN đã đưa ra những thủ đoạn gian manh như sau trong việc đàn áp Phật giáo hiện nay:

1. Thành lập Giáo Hội quốc doanh, còn gọi là Giáo Hội Phật giáo yêu nước

Nhằm bóp méo, xuyên tạc và chụp mũ sự đòi hỏi quyền tự do tín ngưỡng của các tu sĩ và Phật tử là một cuộc tranh chấp quyền lực giữa hai giáo hội, khiến cho cuộc tranh đấu mất hết

chính nghĩa.

2. Tu bổ, xây cất chùa chiền

Ở những nơi hấp dẫn du khách, biến những nơi này thành trung tâm du lịch và là nơi trình diễn tuồng tự do tín ngưỡng, tổ chức các cuộc hành hương, vừa thu tiền bỏ túi, vừa lừa bịp du khách và dư luận quốc tế về sự tự do tín ngưỡng tại VN. Nhưng sau những tấm bình phong đó là các cơ sở và chùa chiền bị tịch thu, trưng dụng, các tu sĩ bị giam cầm.

3. Phong trào xuất ngoại của các vị cao tăng

Có một đạo, bỗng dưng CSVN lại đưa các vị cao tăng có đạo hạnh và uy tín ra ngoại quốc để chữa bệnh và hoằng dương đạo pháp. Đây là một thủ đoạn tối độc của CSVN. Khi chúng để các vị cao tăng có uy tín, có thể lãnh đạo tín đồ ra ngoại quốc là chúng đã làm một việc mà đạt được 2 mục tiêu:

— Chứng tỏ với thế giới là có sự tự do tín ngưỡng tại VN.

— Tạo sự ly gián giữa Phật tử và các vị lãnh đạo tinh thần. Cộng Sản đã nắm được tâm trạng đa nghi của Phật tử hải ngoại. Khi Phật tử thấy các vị cao tăng được đi ngoại quốc một cách thông thả, tự do, thì sự nghi kỵ bắt đầu nảy nở.

Chỉ cần thực thi một kế hoạch nhẹ nhàng như trên, không cần phải dùng tới biện pháp mạnh, CSVN đã tiêu diệt được tiềm lực lãnh đạo của Giáo hội.

4. Dùng giáo lý Phật giáo để hóa giải các cuộc đấu tranh về tự do tín ngưỡng, dân chủ, và nhân quyền

Những lúc sau này, có một số bài viết về sự xóa bỏ hận thù, oán thù nên cởi chứ không nên buộc, hoặc người trong một nước không nên chém giết nhau.

Lập luận trên đã được lập đi, lập lại nhằm mục đích duy nhất là xoay chiều, xuyên tạc các cuộc đấu tranh chống Cộng, đòi hỏi quyền làm người, tự do dân chủ, tự do tín ngưỡng, bóp méo các cuộc đấu tranh này thành những hành động

trả thù, chống Cộng chỉ vì căm thù cá nhân hay chỉ vì gia đình. Những bài viết trên luôn đưa đến kết luận là những hành động chống lại CSVN là đi ngược lại giáo lý nhà Phật. Các bài viết này dùng giáo lý nhà Phật để biến các hành động tranh đấu thành những hành động quá khích, bạo động.

Thiết tưởng, đối với những lập luận này, chúng ta nên sáng suốt nhận định đâu là đạo đức thật, đâu là đạo đức giả, để chúng không còn lừa bịp được nữa.

5. Chiêu bài phi chính trị

Đây là một chiêu bài rất phổ thông. CSVN đã khôn khéo trong việc bôi bẩn 3 chữ “làm chính trị,” biến chính trị thành một loại dị ứng. Không biết từ lúc nào, nó đã khiến cho nhiều người khi nghe đến chính trị, đã phải e dè, xa lánh, hoặc chối bỏ một cách quyết liệt.

Nhưng thật là phi lý khi tách rời chính trị ra khỏi đời sống, nhất là khi mà cộng đồng mang danh ty nạn chính trị lại né tránh chính trị. Chúng ta đừng để CS lợi dụng sự ấu trĩ của một số người tiếp tục đầu độc về hai chữ chính trị.

Hãy nhìn vào sự thật thì mới giải quyết được vấn đề: khi chúng ta rời bỏ CS là lúc chúng ta đã “làm chính trị”. Còn nếu ai tự nhận mình là những người tha phương cầu thực, bỏ VN chỉ vì vấn đề kinh tế, chỉ muốn đi ra ngoại quốc để kiếm tiền thì đó lại là một vấn đề khác.

Chính trị như một thanh gươm, hoặc một khẩu súng. Tự bản chất của thanh gươm hay khẩu súng, nó không là tốt hay xấu. Xấu hay tốt là việc sử dụng thanh gươm, khẩu súng ấy vào mục tiêu xấu hay tốt mà thôi. Việc Sư Vạn Hạnh làm chính trị là một bài học quý báu đáng để cho chúng ta suy nghĩ, nhất là trong giai đoạn hiện nay, CSVN đang thi hành kế hoạch hủy diệt tôn giáo song song với sự hủy diệt tiềm năng và truyền thống của dân tộc, đưa đến sự băng hoại chưa từng thấy trong lịch sử VN.

Nếu ở thời Tiền Lê, pháp nạn chỉ kéo dài 4

năm, thì trong giai đoạn hiện tại, pháp nạn sẽ kéo dài mãi mãi nếu quốc nạn vẫn còn.

Pháp nạn và quốc nạn hiện chỉ là một. ■

GIỚI THIỆU SÁCH CỦA VĨNH HẢO

1. MẸ QUÊ HƯƠNG VÀ NƯỚC MÁT

tập truyện ngắn, giá \$10US.

2. THIÊN THẦN QUÉT LÁ

tập truyện ngắn, giá \$10US.

3. NÚI XANH MÂY HỒNG

truyện vừa, giá \$10US.

4. SÂN TRƯỚC CÀNH MAI

tạp bút, giá \$12US.

5. BIỂN ĐỜI MUÔN THUỞ

tập truyện ngắn, giá \$10US.

6. CHẠNH LÒNG TIẾNG THƠ RƠI

tập thơ, giá \$6US.

7. PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

truyện dài, giá \$15US.

8. BỤI ĐƯỜNG (tức Phương Trời Cao Rộng II),

truyện dài, giá \$15US.

9. NGÕ THOÁT (tức Phương Trời Cao Rộng III),

truyện dài, giá \$15US.

10. CỎI TRỜI (tức Phương Trời Cao Rộng IV),

truyện dài 2 tập, mỗi tập dày trên 350 trang,
giá mỗi tập \$15US.

Mua sách xin gửi ngân-chỉ phiếu đến:

CHIÊU HÀ

4702 W. FIRST ST., # E

SANTA ANA, CA 92703 - USA

* Độc giả tại Hoa Kỳ không phải trả cước phí;
nếu muốn gửi nhanh với hạng nhất (First Class),
xin thêm \$1US cho mỗi cuốn sách.

* Độc giả ngoài Hoa Kỳ xin thêm \$2US
cho mỗi cuốn sách.

QUAN NIỆM SỬ HỌC VÀ TRIẾT HỌC CỦA DUY THỨC

Người giảng: **Pháp Sư Pháp Phảng**

Người dịch: **Thích Thắng Hoan**

(tiếp theo)

LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC XEM DUY THỨC HỌC

I. QUAN NIỆM KHÁI LƯỢC VỀ LỊCH SỬ PHẬT HỌC TRUNG QUỐC

Căn cứ trên phương diện Phật Học Đại Thừa, Duy Thức Học tại Trung Quốc là một tông phái vô cùng quan trọng, tông phái rất chú trọng về lý học và cũng rất quan hệ với các tông phái khác trên lãnh vực lý học. Ở đây, chúng ta nên bắt đầu từ nơi sự thật về lịch sử của Phật Học Trung Quốc để nghiên cứu Duy Thức Học, nghĩa là chúng ta phải căn cứ tổng quát về quá trình phát triển của Phật Học Trung Quốc để tìm hiểu Duy Thức Học.

1/ Quan Niệm Khái Lược Lịch Sử Phật Giáo Từ Đời Đường Trở Về Trước

Niên đại Phật giáo truyền vào Trung Quốc, theo các học giả cận đại, có nhiều thuyết khác nhau. Chung quy họ đều cho rằng, niên đại Phật giáo truyền vào Trung Quốc khoảng năm Vĩnh Bình thứ 10 đời Đông Hán. Phật giáo phát xuất từ Ấn Độ, xuyên qua Tây Vực và truyền vào Trung Quốc. Phật giáo trong thời kỳ này được xem là một thứ văn hóa ngoại lai, mặc dù các nhà truyền giáo chỉ chú trọng về sự phiên dịch mà thôi. Các nhà phiên dịch của Phật giáo khai mở đầu tiên kể từ cuối nhà Hán gồm có An Thế Cao, Chi Lôu Ca Sấm (họ đến Lạc Dương vào kỷ nguyên 167 Tây lịch). Đến thời Tam Quốc, các nhà phiên dịch lại có thêm nào: Chi Khiêm,

Khương Tăng Hội, Duy Kỳ Nan v.v... Các kinh điển được phiên dịch trong thời kỳ này là *Lục Độ Tập Kinh*, *Pháp Cú Kinh* v.v... Sự nghiệp phiên dịch của Phật giáo dần dần chiếm địa vị phát triển. Quốc gia tuy ở thời kỳ chiến loạn, nhưng nhân dân trong nước đối với Phật giáo mới đến, từ từ tiếp nhận một cách an lạc.

Ở thời Tây Tấn, quốc gia vừa mới ổn định. Nhưng học phong của Phật giáo đã đứng vững trong thời Tam Quốc. Phật giáo đã được triều đình và nhân dân tín ngưỡng theo. Các cao tăng Tây Vực nối gót nhau đến Trung Quốc tiếp tục giới thiệu món ăn tinh thần mới. Cho nên kể từ đây trở về trước, sự nghiệp dịch kinh rất thanh hành. Các dịch giả đáng kể nhất của thời Tây Tấn như: ngài Trúc Pháp Hộ, người Tây Vực đến Trường An và Lạc Dương (năm 366 Tây lịch). Các kinh do ngài dịch từ chữ Phạn ra chữ Hán gồm có: *kinh Quang Tán*, *kinh Vô Lượng Thọ*, *kinh Thập Địa*, *kinh Đại Ai*, *kinh Bát Nê Hoàn* v.v... Còn ngài Trúc Pháp Lan dịch kinh *Bát Nhã* v.v...

Đến Đông Tấn, Phật Giáo sơ dĩ được hoàng triều truyền rộng lớn là nhờ các Đại Đức người Tây Vực đến Trường An khai mở, như ngài Phật Đốt Trừng giảng Thiên Học, ngài Cưu Ma La Thập giảng kinh Bát Nhã, ngài Tăng Già Đề Bà dịch Tỳ Đàm. Đáng kể nhất, các cao tăng người Đông Tấn xuất hiện như: Di Thiên Thích Đạo An, người thấy xa hiểu rộng, Pháp Sư Tuệ Viễn tổ sáng lập phái Tịnh Độ và bốn nhà Triết Học

uyên thâm của phái La Thập là ngài Đạo Sinh, ngài Tăng Triệu, ngài Đạo Dung và ngài Tăng Duệ.

Sự phiên dịch của Phật giáo trong thời kỳ này gồm có kinh Luận của Tiểu thừa và Đại thừa. Toàn bộ ba Tạng của Tiểu thừa chỉ dịch xong *A Hàm*, *Luật Bộ* và *Thành Thập* v.v... Nhưng ba Tạng Kinh Luận của Đại thừa thì đã dịch được *Thiền Học*, *Pháp Hoa*, *Kim Cang*, *Bát Nhã*, *Tam Luận* v.v... Cho thấy Kinh Luận của Tiểu thừa và Đại thừa xem qua thật là phong phú vượt bậc chưa từng có. Cũng trong thời kỳ này, ngài Đạo An đề xướng Luật Học áp dụng cho Thiền Học để đại chúng hành trì. Ngoài ra, Tam Luận, Bát Nhã, Thành Thập đều do ngài La Thập và các đệ tử của ngài cùng nhau hoằng dương. Riêng Học thuật Trung Quán vừa mới thành lập Tông Phái tại Trung Quốc. Hơn nữa Pháp Hoa của ngài La Thập lại nhờ các bậc cao tăng như: Huệ Văn, Huệ Tư, Trí Giả tuyên dương thành Tông Phái. Học phong của những hệ phái nói trên rất thanh hành tại Kinh Lạc Gian nơi Giang Bắc.

Còn ở Giang Nam, ngài Tuệ Viễn lại căn cứ nơi Tông Bát Nhã để phát huy Tông Tịnh Độ. Ngài Tăng Già Đề Bà dịch thuật và hoằng truyền A Tỳ Đàm. Có thể nói phong trào nghiên cứu Phật Học trong thời kỳ này càng thêm thanh hành và vượt bậc hy hữu. Hơn nữa lại có một người đặc biệt thật đáng đề cao trên hết, đó chính là lưu học sinh Pháp Hiển. Ngài Pháp Hiển là người bậc nhất của Trung Quốc. Trước khi về nước, ngài đã thành công một cách vẻ vang tại Ấn Độ trong thời gian du học. Ngài chẳng những có công không nhỏ đối với Phật giáo Trung Quốc và Ấn Độ, đồng thời cũng dành cho Trung Quốc một khích lệ hết sức to lớn trong công tác thám hiểm Tây Phương cận đại.

Kế đến Phật giáo thời đại Nam Bắc Triều. Trước hết trong thời Nam Triều, các vị tăng Tây

Vực từ phương đông đến rất nhiều, như ngài Đàm Ma Mật Đa người nước Kế Tân, ngài Cương Lương Da Xá, ngài Cầu Na Bạt Ma, ngài Tăng Già Bạt Ma, ngài Bồ Đề Đạt Ma, ngài Tam Tạng Chân Đế v.v... Trong số đây chỉ có ngài Bồ Đề Đạt Ma, người kiến lập Thiền Tông và ngài Tam Tạng Chân Đế, người truyền dịch Câu Xá và Duy Thức. Hai Tông này do hai ngài phát huy là nổi tiếng hơn hết. Lúc bấy giờ, các danh tăng của Nam Triều gồm có: ngài Huệ Văn, ngài Huệ Tư, ngài Trí Giả v.v... kiến lập Chỉ Quán và sáng lập Thiền Đài Tông (Thiền Thai Tông). Ngài Huệ Khả v.v... truyền thừa Thiền Tông. Học giả Chân Đế thiết lập Nhiếp Luận Tông (về sau Tông này mở đầu cho Duy Thức Tông). Ngoài ra, ngài Huệ Quán và Tạ Linh Vận lại thiết lập Niết Bàn Tông. Sự thanh hành nghĩa học của lưỡng Tấn thì vẫn bất diệt trong thời đại này.

Tiếp theo trong thời Bắc Triều, ngài Đàm Vô Sấm (năm 412) dịch kinh *Đại Niết Bàn*, kinh *Kim Quang Minh*, kinh *Lãng Nghiêm* v.v... Ngài Bồ Đề Lưu Chi (năm 508), ngài Phật Đà Phiến Đa (năm 525), ngài Lạc Na Bạt Đề (năm 508) cùng nhau dịch Thập Địa Kinh Luận và Duy Thức Luận của ngài Vô Trước và ngài Thế Thân. Những kinh luận này về sau được truyền đến Bắc Ấn. Kế tiếp ngài Huệ Quang nghiên cứu Luật Tứ Phần và thành lập Luật Tông (Hoàng Sử, Dương Sử và Tông Phái Nguyên Lưu).

Lịch sử Phật giáo Trung Quốc kể từ bắt đầu du nhập cho đến Nam Bắc Triều chỉ 600 năm có thể cho là thời đại tiếp nhận Phật giáo. Thử đến thời đại Tùy Đường được gọi là thời đại Phật giáo đồng hóa. Đặc biệt hơn, thời đại Tống Minh mới chính là thời đại Phật giáo chân chánh. Phật giáo trong thời đại này trở thành một thứ huyết mạch của văn hóa Trung Quốc không thể phân ly.

Riêng Duy Thức Học trong thời kỳ Phật

giáo dục nhập Trung Quốc, nghĩa là trong khoảng 500 năm đầu, trước ngài Chân Đế, thành thật mà nói không có dấu vết nào của một học phái. Nguyên do những điển tịch thành lập Pháp Tướng Duy Thức Học hoàn toàn không thấy ghi lại.

Mãi đến Tùy Đường, Phật giáo gồm có 8 Tông và 10 Phái bao hàm Đại thừa và Tiểu thừa, Hiền giáo và Mật giáo cùng nhau phát triển. Ánh hoa rực rỡ chưa đủ để thí dụ sự thành hành của Phật giáo Trung Quốc. Kể từ đây Phật giáo có thể nói thừa sức sống đi lên sau này.

2/ Quan Niệm Khái Lược Lịch Sử Phật Giáo Từ Đời Đường Trở Về Sau

Phật Học Trung Quốc từ đời Đường trở về sau bao quát tất cả gồm có bốn phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật) hoặc năm phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật, Mật). Tăng chúng của đại đa số Tự Viện trong thời gian này chẳng tham thiền thì niệm Phật, chẳng niệm Phật thì tham thiền và vấn đề tông phái không ở trong phạm vi hứng thú của họ. Vấn đề Giáo Tông của thời nhà Đường thì bao gồm cả bốn Tông như: Thiên Đài (Thiền Thai), Hiền Thủ (Hoa Nghiêm), Tam Luận và Duy Thức. Còn hai Tông như: Câu Xá và Thành Thật của Tiểu thừa cũng có công đức lớn trong việc cùng lúc thi đua nghiên cứu.

Từ thời nhà Tống trở về sau (gồm bốn triều đại: Tống Nguyên, Minh, Thanh), Trung Quốc giảng "Giáo Tông" đều sử dụng Thiên Đài Tông (Thiền Thai Tông) và Hiền Thủ Tông (Hoa Nghiêm Tông) làm chủ yếu. Nhưng Tam Luận Tông, Duy Thức Tông, Câu Xá Tông v.v... thì không có người quan tâm đến (chú thích 1). Riêng hai Tông Tam Luận và Duy Thức, tại Hội Xương, đã bị pháp nạn của Võ Tông đời Đường hủy diệt hết những tài liệu chú sớ về điển tịch. Đã không còn điển tịch chân thật và lại không có nhân tài truyền thừa để phục hưng, hai Tông này trở nên mai một.

Mặt khác, Thiên Đài Tông và Hiền Thủ

Tông thì chú trọng nơi giáo quán hơn, nghĩa là giáo lý đặt nặng nơi sự thực hành quán chiếu nhiều hơn. Trái lại, Tam Luận Tông và Duy Thức Tông thì lại chú trọng nơi giáo lý. Phương pháp quán hạnh của Thiên Đài Tông và Hiền Thủ Tông mặc dù không kinh điển nhưng còn có thể truyền thừa. Ở đây giáo lý của Tam Luận Tông và Duy Thức Tông nếu như không điển tịch thì diệu lý khó phân biệt. Hơn nữa, học thuyết của hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ thì rất gần với tư tưởng của Lão Trang. Cho thấy, những vị sáng lập hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ đều căn cứ nơi tư tưởng phát triển của người Trung Quốc. Lẽ dĩ nhiên, sản phẩm tư tưởng dung hợp của Trung Ấn dễ cho người Trung Quốc tiếp nhận. Đã vậy, căn cứ nơi địa dư thành lập tông phái, hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ đều được xây dựng nơi Trung Thổ. Còn hai Tông Tam Luận và Duy Thức đều phát nguồn từ Ấn Độ lại được mang vào Trung Quốc trong lúc tư tưởng của người Trung Quốc chưa tiếp nhận và dung hòa. Cho nên sau pháp nạn tại Hội Xương, một khi không còn điển tịch và cũng không còn ai kế thừa, thành thử sớ học của hai Tông này trở nên bị mai một luôn. Đặc biệt hơn hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ thì không giống tình thế như hai Tông Tam Luận và Duy Thức. Giáo học của hai Tông này vẫn còn truyền thừa từ đời Triệu và đời Tống trở về sau.

Thiên Đài Tông thì dùng kinh Pháp Hoa làm chủ yếu và Hiền Thủ Tông thì dùng kinh Hoa Nghiêm làm chủ yếu. Trong khoảng thời gian từ đời Tống cho đến cuối đời Thanh và đầu Dân Quốc, người Trung Quốc nghiên cứu Phật Học, ngoại trừ hai Tông Tịnh Độ và Thiền, đều học tập giáo nghĩa các tông phái, nhất là mười chín nhân vật nghiên cứu Thiên Đài Tông và Hiền Thủ Tông. Đáng chú ý nhất, ngoài hai loại kinh chủ yếu là kinh Pháp Hoa và kinh Hoa Nghiêm, người của hai Tông Thiên Đài và Hiền Thủ đều giảng giải các kinh khác như: kinh Niết Bàn,

kinh *Lãng Nghiêm*, kinh *Duy Ma*, kinh *Viên Giác*, kinh *Kim Cang*, kinh *Phạm Võng*, kinh *A Di Đà*, *Luật Tứ Phần* v.v... Họ lại còn trình bày điển tích tông yếu về giáo nghi (nghi thức giáo lý) của bốn phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật) hoặc giáo nghi của năm phái (Thiền, Tịnh, Giáo, Luật, Mật). Nếu như trừ những kinh điển này ra, họ đâu còn có chi để giảng giải và văn chương giảng giải những kinh điển trên của họ đều có khác bản để lưu lại. Những tự viện của Giáo Tông sở dĩ gọi là Giảng Tự nhằm để phân biệt khác với Thiền Tự và Luật Tự. Giảng Tự nghĩa là những cơ sở mà Giáo Tông thường sử dụng để giảng thuyết những kinh điển của phái họ.

Đề cập đến Tam Luận Tông và Duy Thức Tông tại Trung Quốc, mãi đến đầu năm Dân Quốc, hai Tông này mới được hồi sinh. Những kinh luận chú sớ về hai Tông này cũng được mang từ Nhật Bản về Trung Quốc làm tài liệu nghiên cứu. Nhờ đó các học giả danh tiếng của Trung Quốc mới đổ xô nghiên cứu đến. Sự phục hưng của hai Tông Tam Luận và Duy Thức tại Trung Quốc không ngoài 340 năm gần đây mà thôi!

Kinh căn bản của Duy Thức Học gồm có sáu loại, nhưng trong đó kinh *Giải Thâm Mật* là quan trọng nhất. Kinh này căn cứ nơi năm Pháp, ba Tự Tánh, tám Thức và hai Vô Ngã làm tông yếu. Riêng Tam Luận Tông thì gồm có những bộ luận căn bản như: *Trung Luận*, *Bách Luận*, *Thập Nhị Môn Luận* v.v... Hơn nữa Tông này lại còn tham khảo thêm *Đại Trí Độ Luận* để bổ sung giáo nghĩa, thường gọi là *Tứ Luận*. Tam Luận Tông thì căn cứ nghĩa Không sâu thẳm của kinh Bát Nhã là tông yếu.

Ngoài bốn Tông phái như: Thiền, Tịnh, Giáo, Luật đã được nêu ở trước, Trung Quốc còn có thêm một tông phái nữa là Mật Tông. Mật Tông thì chuyên nghiên cứu giáo lý bí mật. Tông này thường cứ y theo các kinh như: kinh *Đại Nhật*, kinh *Tô Tát Địa*, kinh *Kim Cang Đỉnh* làm

tông yếu. Mật Tông có hai đại bộ môn: Giáo Tướng và Sự Tướng.

Giáo Tướng nghĩa là căn cứ nơi sự tướng của Tông này để nghiên cứu giáo lý. Sự Tướng của Tông này là kiến lập Đàn Tràng để tu trì tất cả nghi thức của Tam Mật. Tất cả nghi thức đều là tượng trưng chân lý vạn hữu của Giáo Tướng. Mật Tông rất thịnh hành trong thời đại nhà Đường cũng như nhà Tống và sau đó thì mất chân truyền.

Người đời Đường đã chú sớ tất cả nghi thức Bí Bốn của Mật Tông và những nghi thức này đều bị thất truyền từ nơi Nhật Bản. Do đó, sở học của Mật Tông nơi Trung Quốc khởi đầu từ nhà Thanh và nhà Minh cho đến sau này đều bị mai một luôn (chú thích 2). Tông này chỉ còn lưu lại ghi thức Du Già Diễm Khẩu và Mông Sơn Thí Thực v.v... Mật Tông cũng thuộc về Giáo Tông, nguyên vì chủ yếu của Tông này là chú trọng sự thông đạt nơi Giáo Tướng. Nhưng Giáo Tướng không rõ ràng thì Sự Tướng không thể truyền thọ. Vả lại, vấn đề truyền thừa cách tu trì của Sự Tướng lại chú trọng vị sư thừa kế và miệng của vị sư đó phải lãnh thọ giáo chỉ. Đây cũng là pháp môn hành trì và pháp môn này do người tu chứng chỉ huy.

Từ đây trở về trước, tám tông phái đại thừa như: Thiền, Tịnh, Luật, Mật, Thiên Đài, Hiền Thủ, Tam Luận, Duy Thức đã được trình bày qua và ngoài tám tông phái này, Phật Học Trung Quốc còn có hai học phái nữa là Câu Xá Tông và Thành Thật Tông. Kể từ đời Đường cho đến sau này, Phật giáo Trung Quốc bình thường không thấy ai bàn đến hai Tông phái trên (chú thích 3). Tại bởi Câu Xá và Thành Thật là hai Tông phái của Tiểu thừa và cũng thuộc về loại Giáo Tông.

Nguyên do, các giới Phật Học Trung Quốc từ xưa đến nay đều thiên trọng về Đại thừa. Đây là sự ngộ nhận sai lầm. Ngày nay chúng ta cũng nên bỏ đi thứ quan niệm sai lầm đó. Đúng hơn

Tiểu thừa Phật giáo mới thật sự là Phật giáo căn bản của nguyên thủy. Giáo nghĩa của Phật giáo này mới chính thật nơi miệng đức Thích Ca Mâu Ni đích thân nói ra. Thế nên hai Tông Câu Xá và Thành Thật một lần nữa cũng xin được chiếu cố để tường thuật lại một cách tỉ mỉ hơn.

Hai Tông phái Tiểu thừa và tám Tông phái Đại thừa cộng chung lại thành mười Tông phái của Phật giáo Trung Quốc. So sánh với Học phái Duy Thức, mười Tông phái nói trên có quan hệ mật thiết như thế nào? Lễ dĩ nhiên trên tinh thần dung thông và hỗ trợ lẫn nhau của Phật giáo, cho nên học phái Duy Thức chẳng những quan hệ mật thiết đối với mười tông phái nói trên và cũng không phải quan hệ với nhau trên tánh cách đối lập như nước và lửa. Hướng chỉ học phái Duy Thức là nguồn suối tư tưởng của học thuyết và cũng là căn nguyên của Phật nói. Người nghiên cứu Phật Học cũng nên đặc biệt chú ý sự kiến giải của học phái Duy Thức. Người nghiên cứu không nên khư khư nếp cũ phân ngành định loại và cũng không nên đóng khung quan hệ, bài xích hỗ tương, phân loại sông ngòi để uống nước. Chúng ta nên biết rằng ý nghĩa nước sông ngòi tuy khác nhau trạng thái, nhưng chung quy đều chảy về biển cả. Nếu hiểu rõ điểm này, chúng ta nhận biết giữa các Tông phái Phật Học Trung Quốc đều có sự hỗ trợ lẫn nhau để thành lập, hỗ trợ lẫn nhau để phát minh và hỗ trợ một cách bình đẳng không có vấn đề cao thấp (Tôi không tán thành tác phong phán giáo Tiểu thừa và Đại thừa ở trên). Học phái Duy Thức chính là một trong tất cả Phật Pháp, lễ tự nhiên cũng rất quan hệ mật thiết với mười Tông phái nói trên.

Chú giải:

Chú Thích 1: Cuối nhà Minh, học phái Duy Thức tuy có người giảng giải, như ngài Ngẫu Ích ở Linh Phong có trước tác Thành Duy Thức

Luận Tâm Yếu. Còn thời nhà Thanh, các ngài như: Thiệu Giác, Trí Tố, v.v... cũng có trước tác Thành Duy Thức Luận Âm Hưởng Bồ Di v.v... Nhưng rốt cuộc học phái này chỉ ảnh hưởng thưa thớt vài nơi, thật là thiếu sót đáng tiếc.

Chú Thích 2: Ba triều đại Nguyên, Minh và Thanh, Lạt Ma Giáo của Tây Tạng có truyền vào Trung Quốc, nhưng chỉ ở cung đình. Giáo phái này chỉ lưu truyền cho người Mãn, người Mông thuộc giai cấp thống trị và đối với quảng đại quần chúng người Hán thì không có ảnh hưởng đến.

(còn tiếp)

Thơ TÍN NGHĨA

Đường Tu

*Trước đau khổ: Tâm không vướng bận,
Trong luân hồi: Trí chẳng sâu bi,
Muốn tu hành theo đạo từ bi,
Lấy phàm tục mà hành trì sao được?*

*Là Phật Tử: Cần trau giới giới luật,
Mới tiến lên: Lo tận diệt sân si,
Muốn đạt thành đến chánh biến tri,
Phải nhất tâm thường nhật khắc ghi:*

*Vì ước muốn:
Kiến pháp tràng ư xứ xứ,*

*Phải cần chuyên:
Phá nghi võng ư trùng trùng,*

*Khi tu hành, tâm không để buông lung,
Được như thế mới là chơn Phật Tử.*

MỘT NỀN VĂN HÓA NHÂN BẢN THỰC SỰ

Tác giả: Hòa Thượng Tiến Sĩ K. Sri Dhammananda

Người dịch: Thích Tâm Quang

Tôn Giáo Hiện Đại

Phật giáo đủ mạnh để đương đầu với bất cứ quan điểm hiện đại nào được đưa ra thách thức tôn giáo.

Quan điểm Phật giáo đóng góp to lớn cho sự phong phú tư tưởng cả cổ xưa lẫn hiện đại: giáo ý về nguyên nhân và tương đối, học thuyết về duy thức, về thực dụng, sự nhấn mạnh về luân lý, sự không chấp nhận một linh hồn thường còn, sự không quan tâm về sức mạnh siêu nhiên bên ngoài, sự chối bỏ nghi thức và nghi lễ tôn giáo không cần thiết, sự kêu gọi sử dụng lý trí và kinh nghiệm, và sự tương hợp với các khám phá khoa học hiện đại, tất cả của Phật giáo nhằm chứng minh yêu sách ưu việt cho hiện đại.

Phật giáo có thể đáp ứng tất cả những đòi hỏi của một tôn giáo hữu lý thích hợp cho nhu cầu của thế giới tương lai. Phật giáo rất khoa học, rất hữu lý, rất tiến bộ, làm cho con người trong thế giới hiện đại này hãnh diện được gọi mình là Phật tử. Thật ra, Phật giáo còn khoa học hơn phương cách của khoa học; Phật giáo còn xã hội hơn xã hội chủ nghĩa.

Trong những nhà khai sáng vĩ đại của tôn giáo, chỉ riêng đức Phật khuyến khích tinh thần điều tra nghiên cứu của các tín đồ, và Ngài khuyên dạy các tín đồ không nên chấp nhận niềm tin mù quáng ngay cả đến giáo lý của chính Ngài. Cho nên chẳng có gì quá đáng gọi Phật giáo là một tôn giáo hiện đại.

Phật giáo là một hệ thống phối hợp rất tỉ mỉ

về cách làm sao sống một cuộc đời thực tiễn và một hệ thống tư tưởng căn trọng của sự tự học. Nhưng hơn thế nữa Phật giáo là một phương pháp giáo dục khoa học. Tôn giáo này hết sức tốt dù trong bất cứ khủng hoảng nào vì vẫn hồi phục được niềm an lạc trong tâm chúng ta và giúp chúng ta bình tĩnh đối đầu với sự thay đổi trong tương lai xảy ra sao.

Không lạc thú nhục dục, đời sống chịu đựng được không? Không niềm tin vào bất tử, con người có đạo đức không? Không cần đến thần thánh, con người có thể tiến bộ đúng đường hướng không? Được, đó câu trả lời của Phật giáo. Những cứu cánh này có thể đạt được bằng kiến thức và bằng cách thanh tịnh hóa tâm ý. Kiến thức là chìa khóa dẫn đến con đường cao cả hơn. Thanh lọc tâm ý đem bình tĩnh và an lạc cho đời sống và khiến cho con người đứng vững và rời hẳn những cái bất thường của thế giới hiện tượng.

Phật giáo là một tôn giáo thực sự thích hợp cho thế giới hiện đại khoa học. Ánh sáng đến từ thiên nhiên, khoa học, lịch sử, kinh nghiệm của loài người, từ mọi điểm của vũ trụ, rạng rỡ với Giáo Lý Cao Quý của Đức Phật.

BIẾT NHIỀU VẤN MÊ MUỘI

Tâm ý siêu việt phát triển bởi đức Phật không bị giới hạn vào dữ kiện giác quan và vượt qua cái logic (điều hợp lý) räng bẫy trong phạm vi của sự nhận thức tương đối. Trái lại, trí thông

minh con người, hành hoạt trên căn bản kiến thức thâm nhập và tàng trữ, dù là trong lãnh vực tôn giáo, triết học, khoa học hay mỹ thuật. Kiến thức cho tâm ý thâm nhập qua giác quan của chúng ta rất thấp trong quá nhiều đường lối. Kiến thức rất giới hạn thâm nhập làm cho sự hiểu biết về thế giới của chúng ta bị bóp méo.

Một số người rất hãnh diện sự kiện là họ biết quá nhiều. Thực ra, chúng ta biết ít bao nhiêu thì chúng ta lại càng chắc chắn nắm vững được bấy nhiêu trong việc giảng giải của chúng ta; chúng ta càng biết nhiều bao nhiêu, chúng ta lại càng nhận định thấy sự giới hạn của chúng ta.

Một học giả lỗi lạc một lần viết một cuốn sách và coi sách đó là một tác phẩm tuyệt tác. Ông cảm thấy cuốn sách này dung chứa tất cả những hạt ngọc văn chương và triết lý. Rất hãnh diện về thành quả này, ông đưa kiệt tác của ông cho một người đồng nghiệp cũng tài giỏi như ông và yêu cầu đồng nghiệp này xem lại cho ông. Thay vì hiệu đính, người đồng nghiệp yêu cầu ông, tác giả viết vào một mảnh giấy tất cả những gì ông biết và tất cả những gì ông không biết. Tác giả ngồi xuống và suy nghĩ sâu xa, nhưng sau một hồi lâu ông đã thất bại không viết được gì về những cái ông biết. Rồi ông quay sang câu hỏi thứ hai, và lại nữa ông cũng thất bại viết xuống tất cả những gì ông không biết. Cuối cùng, với cái ta (ngã) trong tình cảnh khó khăn nhất, ông đầu hàng, nhận định rằng tất cả những gì ông biết thật ra ông vẫn còn ngu si.

Về phương diện này, Socrates, một triết gia nổi tiếng thành A Ten của Thế Giới Cổ Xưa, khi hỏi về điều ông biết, ông trả lời: “Tôi chỉ biết một điều—điều mà tôi không biết.”

VƯỢT QUA KHOA HỌC

Phật giáo vượt qua khoa học hiện đại trong việc chấp nhận một lãnh vực rộng lớn do kiến

thức hơn là lãnh vực giới hạn bởi đầu óc khoa học. Phật giáo thừa nhận kiến thức phát xuất từ giác quan cũng như kinh nghiệm bản thân đạt được do sự mở mang tinh thần. Do rèn luyện và phát triển tập trung tâm ý cao độ, kinh nghiệm tôn giáo có thể hiểu được và kiểm chứng. Kinh nghiệm tôn giáo không phải là điều có thể hiểu bằng thử nghiệm trong một ống trắc nghiệm hay quan sát dưới kính hiển vi.

Sự thật khám phá bởi khoa học chỉ tương đối và lệ thuộc vào những sự thay đổi, trong khi sự thật khám phá bởi đức Phật là chung kết và tuyệt đối: Chân lý của Pháp không thay đổi theo thời gian và không gian. Hơn nữa, trái với lý thuyết chọn lựa bởi khoa học, đức Phật khuyến khích người khôn ngoan không nên bám víu vào lý thuyết, khoa học hay cách này cách khác. Thay vì lý thuyết, đức Phật dạy nhân loại làm sao sống một cuộc đời chính đáng cũng như để tìm ra Chân Lý Tối Thượng. Bằng cách sống một cuộc đời chính đáng, bằng cách làm dịu các giác quan, và bằng cách quảng đi dục lạc, đức Phật chỉ con đường chúng ta có thể tìm thấy ngay trong phạm vi chúng ta về bản chất của đời sống, và mục đích thực sự của cuộc đời có thể tìm thấy.

Tu tập rất quan trọng trong Phật giáo. Một người học nhiều nhưng không tu tập giống như một người có thể đọc biết công thức nấu ăn từ một cuốn sách nấu ăn đầy đủ rất hay mà không cố gắng nấu một món ăn nào. Cơ đối của người đó không thể hết được bằng kiến thức trong sách vở. Tu tập là một điều kiện tiên quyết của sự giác ngộ mà một số trong các trường phái Phật giáo, như Thiên Tông, được thực hành ngay cả trước kiến thức.

Phương pháp khoa học hướng ra phía ngoài, và các khoa học gia hiện đại khai thác thiên nhiên và những nguyên tố cho tiện nghi của họ, thường khi họ không lưu tâm đến sự cần thiết hòa hợp với môi sinh và do đó ô nhiễm thế giới.

Ngược lại, Phật giáo hướng vào bên trong, và quan tâm đến sự phát triển nội tâm. Trên một mức độ thấp hơn, Phật giáo dạy cá nhân làm sao điều chỉnh và đối đầu với những biến chuyển và hoàn cảnh của đời sống hàng ngày. Trên một mức độ cao hơn, Phật giáo tượng trưng nỗ lực của con người phát triển vượt qua cái ta do sự tu tập mở mang tinh thần hay phát triển trí tuệ.

Phật giáo có một hệ thống đầy đủ mở mang tinh thần liên quan với việc hiểu biết bản chất thực sự của sự vật dẫn đến việc hiểu biết hoàn toàn Chân Lý Tối Thượng—Niết Bàn. Hệ thống này vừa thực tiễn vừa khoa học, nó bao gồm sự quan sát vô tư những trạng thái cảm xúc và tinh thần. Giống khoa học gia hơn là một vị thẩm phán, người thiền định quan sát thế giới bên trong bằng nhất tâm.

KHOA HỌC KHÔNG TÔN GIÁO

Không lý tưởng đạo đức, khoa học là mối nguy cơ cho nhân loại. Khoa học tạo máy móc, máy móc trở thành chúa tể. Đạn và bom là những món quà của khoa học cho một số ít người có uy quyền mà định mệnh thế giới tùy thuộc vào họ. Trong lúc đó thì số nhân loại còn lại sống chờ đợi khổ não, sợ hãi, không biết lúc nào các vũ khí hạch nhân, hơi độc, những vũ khí giết người--những thành quả của nghiên cứu khoa học làm ra giết người rất hiệu nghiệm--sẽ được sử dụng với họ. Khoa học không chỉ bắt lực cung cấp cương lĩnh đạo đức cho nhân loại mà còn đổ dầu thêm vào ngọn lửa ái dục của con người.

Khoa học không đạo đức chỉ có nghĩa là phá hoại: Khoa học trở thành con quái vật khổng lồ tàn bạo mà con người khám phá ra. Và bất hạnh, chính con quái vật này càng ngày càng trở nên hùng mạnh hơn cả con người. Nếu con người không tìm cách chế ngự và điều khiển con quái vật đó bằng sự tu tập đạo lý, con quái vật này không bao lâu sẽ áp đảo con người. Không có

sự hướng dẫn của tôn giáo, khoa học đe dọa thế giới với sự tàn phá. Trái lại, khoa học khi đi đôi với tôn giáo như Phật giáo có thể biến đổi thế giới này thành một thiên đường bình an, an ổn và hạnh phúc.

Không lúc nào là lúc hết sức cần thiết có sự hợp tác giữa khoa học và tôn giáo như lúc này cho lợi ích và phục vụ tốt nhân loại. Tôn giáo không khoa học sẽ bị tê liệt, khoa học không tôn giáo sẽ bị mù quáng.

VINH DANH PHẬT GIÁO

Trí tuệ của Phật giáo thiết lập trên nền tảng từ bi giữ một vai trò thiết yếu hướng về sửa sai hướng đi nguy hiểm của khoa hiện đại. Phật giáo có thể cung cấp sự lãnh đạo tinh thần để hướng dẫn công cuộc nghiên cứu và phát minh của khoa học, đẩy mạnh một nền văn hóa rực rỡ cho tương lai. Phật giáo có thể cung cấp mục tiêu giá trị cho sự tiến bộ của khoa học; khoa học hiện nay đứng trước một con đường vô vọng không lối thoát đang bị nô dịch hóa bởi chính những phát minh.

Albert Einstein đã ca ngợi Phật giáo khi ông viết trong bài tự thuật của ông: “Nếu có tôn giáo nào có thể đương đầu với nhu cầu khoa học hiện đại, thì tôn giáo đó phải là Phật giáo.” Phật giáo không cần phải xét lại để ‘cập nhật hóa’ với những khám phá khoa học gần đây. Phật giáo không cần thiết phải đầu hàng khoa học về quan niệm của mình vì Phật giáo bao gồm khoa học mà còn vượt qua khoa học. Phật giáo là cây cầu nối giữa tư tưởng tôn giáo và khoa học bằng cách động viên con người khám phá những tiềm năng tiềm kín trong chính con người và môi trường chung quanh. Phật giáo không bị ảnh hưởng bởi thời gian!



Thằng Bé

DIỆU NGA

Trong các ngày lễ truyền thống của Phật giáo, đối với Phượng, ngày Phật Đản là vui nhất. Năm nào gia đình nàng cũng lãnh phần giả lập vườn Lâm Tì Ni trước sân chùa cho gia đình Phật tử Thông Tuệ trình diễn vở kịch “Phật Đản Sanh.” Lại còn lễ tắm Phật rất trịnh trọng, rất trang nghiêm.

Lần nào nhìn vẻ mặt cung kính của các vị sư đối trước bức tượng đức Phật sơ sinh mũm mĩm, tươi đẹp đứng trên hoa sen, Phượng không khỏi liên tưởng đến một hình ảnh rất khác biệt. Đó là hình ảnh của một chú bé Mỹ đen mà Phượng đã có dịp gặp gỡ và tiếp xúc cách đây bốn năm về trước, lúc nàng còn là một sinh viên...

*

Trời ơi! Nó đen thui đen thui, đen như cột nhà cháy! Sự hiện diện bất ngờ của nó làm Phượng giựt mình. Lúc bà chủ nhà giữ trẻ (child care) dẫn nó vào, mới thoạt nhìn, Phượng phát sợ.

Nó mập ú, lùn xịt. Bà chủ cho biết nó mới 18 tháng mà Phượng đoán chắc rằng nó nặng gấp 2 lần mấy đứa bé 2 tuổi trong phòng Phượng phụ trách. Tóc nó đen và khô cứng, xoắn tít lại, chòm bôm như chưa bao giờ được chải gỡ. Cái trán vồ nhô ra, mũi xẹp và to, hai gò má nung núc thịt chảy xệ xuống còn cầm bành ra, có chiều hướng đưa về phía trước làm khuôn mặt nó như bị gãy làm đôi. Trông nó giống như một hình ảnh nào quen quen... Phải rồi, chỉ thiếu hai cái tai dài nữa thôi thì nó giống hệt con chó

Bulldog, dấu hiệu của Mississippi State University, trường Phượng đang theo học.

Phượng đứng nhìn nó trân trân, nó cũng giương đôi mắt lơ lơ, trắng dã nhìn lại.

Bà chủ có lẽ hiểu được ý nghĩ của Phượng, bà vừa nói vừa trao cái túi cá nhân của nó cho nàng:

— Có cần tôi giúp gì cứ gọi nhé! Hoàn cảnh của nó cũng đáng thương. Mẹ nó mới 17 tuổi lúc sinh ra nó. Sinh xong, giao cho bà ngoại nó rồi bỏ đi mất biệt.

Phượng nghĩ thầm: “Con đại cái mang! Học sinh trung học ở Mỹ ăn chơi trai gái quá loạn thành ra nạn sinh sản bừa bãi tạo nên một vấn đề lớn cho gia đình, cho xã hội và là một gánh nặng cho chính phủ.”

Vì đang theo lớp cao học ngành tâm lý giáo dục nhi đồng nên mùa hè này nàng phải làm việc với con nít tại nhà trẻ để ghi nhận những dữ kiện thực tế, chuẩn bị cho tiểu luận ra trường vào năm sau. Lúc mới vào, tuần lễ đầu hơi vất vả với tụi nhỏ vì chưa quen. Tuần thứ hai, nhờ quen việc và chịu khó bày trò chơi chung với đám trẻ nên tụi nó, 8 đứa nhóc tí, 5 trắng, 3 đen, đứa nào cũng khoái cô giáo Phượng lắm.

Khi bà chủ vừa quay lưng đi, năm sáu đứa bé ùa tới vây quanh người bạn mới. Đứa kéo áo, đứa sờ tay, nựng má làm cậu bé sợ, khóc òa lên. Nó khóc to như bò rống! Phượng phải nắm mấy đứa bé kéo dang ra xa, miệng la không ngớt: “*Leave him alone! Leave him alone!*” Nhưng dù người ta đã để nó yên, ai nấy đã trở về với mấy món đồ chơi của mình, cậu ta vẫn đứng đó khóc ồ ồ... Miệng nó như một cái loa, phát ra những âm thanh thật khó chịu. Nước mắt nước mũi chèm nhèm trên cái mặt đen bóng của nó. Ở thành phố này, người da đen hầu như chiếm đa số nhưng thật tình Phượng chưa thấy ai có màu da hắc ín như vậy. Nàng đóng cửa phòng lại để tiếng khóc của nó không làm phiền những nhóm khác.

Chẳng lẽ đứng “chiêm ngưỡng” bức chân dung xấu xí này mãi, Phượng thở dài, lấy một nắm khăn giấy lau mặt nó. Mấy ngón tay của nàng không dám ấn mạnh xuống vì sợ dính cái hợp chất nhầy nhụa của nước mắt, nước mũi và dãi nhớt. Phượng nhìn vào túi xách của thằng bé, thấy có bánh đựng trong bịch ni lông, vội lấy một cái đưa cho nó, hi vọng có thể tắt đài phát thanh chát chúa này.

Thằng nhỏ hay thiệt! Nó đang nhắm mắt há họng bắt đầu “hát” đợt 2 nhưng khi bánh chạm vào tay, nó chụp liền rồi thồn nguyên cái vào miệng, nhai ngồm ngoàm; phân nửa rơi rớt ra ngoài, nó ngồi xuống, đưa hai bàn tay dầy cộm, tròn húp mà vô lấy. Phượng vội đưa cho nó thêm một cái nữa, hi vọng kéo dài thời gian im lặng quý báu này.

Nàng quan sát túi cá nhân của thằng bé, thấy đề tên Dustin ở bên ngoài. Cái túi vừa cũ lại vừa dơ. Bên trong có mấy tấm tã, một hộp nhỏ đựng khăn giấy ướt, một áo thun trắng đã ngả màu cháo lòng và cái núm vú cao su. Phượng đoán biết một phần nào về thằng Dustin này: nó háu ăn và hay khóc. Thế là nàng thủ sẵn cái núm vú nhựa, chờ cậu ta bắt đầu mở máy phát thanh “bò rống” thì trám vào miệng nó liền.

Khi Phượng xoay lại nhìn Dustin, nàng càng thêm ngao ngán. Bây giờ cả cái mặt chừ bự của nó bê bết những bánh và dưới thẳm, chung quanh cậu ta, bánh vụn rơi rải đầy. Đã vậy thôi sao, mấy đứa trẻ thấy Dustin được ăn, vội rời các món đồ chơi, chạy a tới đứng vòng quanh cậu bé; một vài đứa cúi xuống lượm các miếng bánh vụn, giành nhau chí chóc. Nó lại cất tiếng khóc và tụi trẻ con, một vài đứa cũng mè nheo đòi ăn. Phượng giơ cả hai tay lên, lắc đầu chịu thua. Nếu ngày nào cũng tái diễn cảnh này, nàng sẽ bỏ việc!

... Loay hoay rồi cũng sắp sửa tới giờ ăn trưa. Phượng lo rửa tay và mang chòang cổ cho từng đứa, giúp chúng sắp hàng ngay ngắn chờ

được dẫn ra phòng ăn. Nhưng thằng Dustin đang ngủ (đáng lẽ không được cho nó ngủ trước bữa ăn nhưng trường hợp này hơi đặc biệt.) Dù sao cũng phải đánh thức nó dậy. Giờ này mà mở “đài tiếng nói bò rống” của nó lên thì phiền lắm vì đây là lúc mọi người đang bận rộn lo cho tụi nhỏ ăn uống.

Phượng thủ sẵn cái núm vú cao su rồi lấy tay khều khều. Chẳng ăn thua gì! Nàng lắc vai nó, đỡ nó ngồi dậy nhưng Dustin vẫn ngủ khò. Cuối cùng, nàng lấy khăn ướt lau mặt nó, lau thật mạnh nó mới chịu mở mắt ra. Khi cặp mắt vừa mở thì cái miệng cũng há ra cùng một lúc, Phượng nhét vội cái núm vú cao su vào, nó lại nhắm nhó, nhả ra. Nguy rồi! Nhìn cái mặt nó vào lúc này thật dễ ghét: cái mặt thịt xề xệ đen thui, vừa lừ đừ vừa quạu quọ. Nếu nó là em của Phượng, Phượng chờ nó cất tiếng khóc là bóp miệng ngay, cho đỡ tức.

Nàng chợt nhớ lại bài học về tâm lý nhi đồng: “Trẻ con nhạy cười lắm. Gặp trẻ con, mình nên chào nó bằng một nụ cười, nó sẽ vui vẻ cười trả lại. Thậm chí lúc nó té, sắp khóc, mà thấy mình cười, nó cũng cười theo, quên khóc.” Thế là Phượng chành miệng, nhăn răng ra, làm động tác cười. Gọi là động tác cười vì đó không phải là nụ cười phát xuất từ bên trong, đó chỉ là một cái cười giả tạo.

Thế mà màu nhiệm thay, nó cười trả lại! Thật là bất ngờ! Cái cười của nó thật trọn vẹn: cả mặt mày tươi hẳn lên, hàm răng nhỏ xíu trắng ngần làm cái miệng của Dustin trở nên xinh đẹp, cặp mắt nó cũng sáng lên theo nụ cười. Tự nhiên Phượng cảm thấy xấu hổ, như là một người dùng tiền giả đi mua vàng thật!

Nàng đỡ Dustin đứng lên và dẫn nó theo các bạn tiến về phòng ăn. Vừa đi, Phượng vừa ngẫm nghĩ: “Mình là một Phật tử, được đọc kinh sách Phật, được học giáo lý nên biết rằng con chó cũng có Phật tánh, vậy mà đối với thằng bé này mình lại khi dễ nó, bực đãi nó, thật là bậy! Cho

dù nó xấu xí như một con chó đi nữa, mình cũng không nên vì cái dị tướng của nó mà quên đi tính chất hồn nhiên rất đáng yêu của trẻ thơ.”

Mỗi đứa trẻ có một phần ăn đựng trên cái đĩa giấy và một ly sữa. Thành Dustin quả là một đứa bé ham ăn, hèn chi nó mập ú. Vừa đặt nó ngồi xuống là cậu ta quơ tay chụp lia, làm đổ cả ly sữa. Phượng nhăn mặt, đi vào nhà bếp tìm cái nùi giẻ trước những cặp mắt thông cảm và thương hại của các bạn đồng nghiệp. Khi nàng trở ra, thấy nó được đặt ngồi trên “high chair”, miệng vừa nhai vừa ngốn.

Bà chủ giải thích:

— Thành bé này không thể ngồi chung bàn với mấy đứa khác. Nó giựt đồ ăn của người ta và gây xáo trộn.

Rồi bà dặn Phượng:

— Nó háu ăn quá, em phải coi chừng nó bị mắc nghẹn. Dustin không chịu dùng muỗng như những đứa bé khác. Nó dùng cả hai tay bốc lấy thức ăn. Khi đồ ăn gần hết, không thể bốc được nữa thì nó ập mặt xuống đĩa và liếm. Phượng biết Dustin còn đói, nàng vào bếp lấy thêm. Khi nàng xốt khoai tây cho, mắt nó sáng lên và lộ vẻ biết ơn. Dustin ăn gấp đôi người ta! Trông cách nó ăn, dù không đói bụng, mình cũng thấy thèm! Nó ăn một cách say sưa, chăm chú. Ví dù có bom nổ hay động đất đâu đây chắc nó cũng không quan tâm.

Giờ ngủ. Trẻ con nằm sắp lớp trên sàn nhà, mỗi đứa có một tấm nệm mỏng. Chúng đã quen với kỹ thuật nên dù không ngủ, chúng cũng giữ im lặng. Thành Dustin thì không. Có lẽ giấc ngủ ngắn vừa rồi làm nó chưa buồn ngủ. Dustin không chịu nằm im, cứ lồm cồm ngồi dậy. Hễ đề nó nằm xuống, cậu ta la ới ới. Phượng phải dỗ dành, xoa lưng, hát nho nhỏ Dustin mới chịu yên. Nếu đối với cô bé April yêu dấu của Phượng thì nàng làm công việc này với sự trù mến và thích thú nhưng với “con chó Bulldog” này, Phượng tức lắm. Nàng phải dẫn xuống mới

khỏi véo nó một cái cho hả giận vì mỗi khi nàng ngưng tay, thôi hát là nó cất tiếng khóc. Dustin khôn lắm, nó biết tiếng khóc của mình có hiệu lực.

Gần nửa giờ sau thành Dustin mới chợp mắt ngủ, cũng là lúc Phượng được ra ngoài ăn trưa và nghỉ ngơi. Tiếng đồng hồ sau, nàng trở lại nhà trẻ với sự bình tĩnh và tự tin hơn. Phượng nhớ lại bài học cũ: “Trẻ con chưa biết nói, phải dùng tiếng khóc để bày tỏ sự bức dọc, nhu cầu. Phải hiểu và giải quyết kịp thời, nó sẽ là đứa bé ngoan.”

Giờ này tụi nhỏ bắt đầu thức dậy. Cô giáo nhóm nào lo vệ sinh cho nhóm này rồi dẫn chúng về phòng mình. Nhóm của Phượng có vài đứa còn mang tã, Phượng thay cho tụi nó xong thì nhớ tới thành Dustin. Nó còn ngủ. Cũng phải thức nó dậy. Phượng rón ẵm cái bị thịt ấy lên, đặt lên bàn thay tã. Chao ôi, tã của nó ướt mem, nặng trĩch!

Buổi chiều, Dustin không khóc. Nó bắt đầu làm quen với đồ chơi và các bạn. Trẻ con vốn hồn nhiên, vô tư nên Dustin được các bạn cho nhập bọn cùng chơi chung, không hề có chút gì kỳ thị, khinh rẻ. Điều đó làm Phượng suy nghĩ: “Tâm hồn trẻ thơ vốn không phân biệt nên chúng mới dễ hòa nhập với nhau. Còn người lớn, hễ gặp nhau thì đánh giá đối phương trước: hiền dữ, tốt xấu, giàu nghèo, sang hèn, thông minh ngu dốt... Chính đó là cái hàng rào ngăn cách.”

Thấy tụi nhỏ chơi tự do một lúc đã bắt đầu chán, Phượng bày trò chơi nắm tay nhau đi vòng vòng, vừa đi vừa hát, tới cuối bài phải ngồi xuống, giả bộ té. Vậy mà chúng nó thích thú lắm, cả phòng đều vui vẻ. Cậu Dustin cười ra tiếng. Thấy nó vui, Phượng cũng mừng. Phải làm cho chúng nó mệt đừ chúng mới chịu ngồi yên. Đó là “kinh nghiệm chiến trường” của Phượng sau hai tuần “chiến đấu” với bọn trẻ.

Khi chúng bắt đầu thăm mệt, Phượng kéo bàn ghế ra bảo tụi nhỏ ngồi yên chờ nàng đi lấy

nước giải khát và bánh ngọt. Trở lại, thấy bọn con nít vẫn còn ở vị trí cũ, Phượng hài lòng. Nhưng cùng lúc đó, Phượng nghe mùi nồng nặc, một mùi xú uế rất nặng. Nàng đảo mắt nhìn quanh: mặt thẳng Dustin còn sượng ngắt. Nó là “tác giả” rồi!

Phượng rầu rĩ phát bánh cho tụi nhỏ rồi dẫn Dustin vào phòng vệ sinh. Hỡi ơi! Khi Phượng vừa tháo một bên tã ra thì chất sền sệt xám xanh như bùn non từ từ tràn ra ngoài. Mùi hôi thúi bốc lên làm nàng ho sặc sụa. Phượng gài tã lại, miệng kêu bà chủ ơi ơi, nhờ bà giải quyết cái vụ này. Nàng chịu thua. Nếu không gặp bà chủ tốt bụng và dễ thương như vậy chắc Phượng bỏ việc ngay hôm nay!

Còn thẳng Dustin sau khi giải quyết xong “bầu tâm sự” thì trở về phòng với dáng điệu sáng khoái lắm. Thấy phần bánh chờ sẵn, mắt nó sáng rỡ, há miệng cười toe rồi chạy a tới. Từ đó tới chiều, nó vui vẻ luôn.

*

Tối hôm đó, Phượng bỏ cơm, nằm lì trong phòng. Sự mệt nhọc sau một ngày làm việc vất vả kèm theo sự giằng co trong nội tâm làm nàng đuối sức. Chẳng lẽ chỉ vì thẳng Dustin mà nàng bỏ việc, bỏ dự án sắp làm. Nếu tiếp tục thì sao? Mệt nhọc quá và thấy gớm quá, nếu mỗi ngày nó làm một tã như bữa nay...

Mẹ bước vào phòng. Bà Lan sờ trán con, lo âu hỏi:

— Con bệnh à?

— Dạ không sao đâu, chỉ hơi mệt thôi!

Rồi không dần được, Phượng nói luôn:

— Phòng con mới thêm một đứa bé da đen.

Bà Lan cười:

— Ờ, thì trắng đen gì cũng là một trẻ thơ.

— Mà nó xấu lắm, dị tướng má à. Mặt nó như con chó Bulldog vậy đó!

Mẹ vuốt tóc con gái yêu, giảng giải:

— Mình là con nhà Phật đâu nên khi dễ ai. Nếu thấy kẻ nghèo kém con khởi lòng thương

thì đối với người xấu xí mình cũng phải thương như vậy. Chẳng qua chỉ vì nghiệp báo thôi chớ xét cho cùng đâu có gì hơn kém, xấu đẹp, sang hèn trong Phật tánh Chơn như.

Phượng vốn tự ái. Cô là người học trò giỏi trong các lớp giáo lý, thường đứng lên trùng tuyên sau các thời giảng của thầy, ai cũng nể nang, vậy mà nay bị mẹ “lên lớp”, cô cảm thấy khó chịu. Giáo lý đầy một bụng, cô đáp lại ngay:

— Con biết rồi! Kinh *Kim Cang* nói: “Lìa tất cả tướng tức Như Lai” nhưng mình còn phàm phu mà, đâu thể không phân biệt, không dính mắc.

Bà Lan làm thinh vì biết nếu nói thêm, con gái bà sẽ nổi quạu. Tánh Phượng tuy tốt nhưng phải cái cộc cằn và tự cao. Hi vọng với thời gian và những va chạm trong thực tế, con bà sẽ tự sửa đổi dần.

Thấy Phượng nằm xây mặt vô vách, bà kéo mền đắp cho con rồi lặng lẽ đi ra.

Mấy hôm sau thì tình hình trong nhà trở nên dễ chịu hơn vì thẳng Dustin đã quen với bạn bè và các sinh hoạt chung. Nhưng nó ăn nhiều quá, hôm nào nhà bếp không dư thức ăn để cho Dustin thêm một phần nữa thì cả buổi chiều, nó gây gỗ cầu nhàu mãi. Vì vậy Phượng phải thủ sẵn một hộp bánh để phòng khi nó đói.

Dustin vui vẻ được ăn thêm nhưng đến ngày thứ ba thì nó không muốn ăn nữa. Dustin lừ đừ như bệnh. Phần ăn trưa nó cũng không dùng hết. Chiều, Phượng đút bánh vào miệng Dustin, nó đẩy ra. Nàng cho bà chủ hay.

Vốn giàu kinh nghiệm, bà hỏi ngay:

— Máy hôm nay thẳng bé có “đi ngoài” không mà chẳng thấy em gọi tôi giúp?

Phượng trả lời với một chút xấu hổ:

— Không thấy nó đi!

Bà Karen gật gù tỏ vẻ hiểu biết:

— Tôi sẽ liên lạc với bà ngoại nó và trả lời cô sau. Người Mỹ có thói quen tốt. Chuyện gì chưa biết chắc chắn họ không bao giờ đoán

chừng rồi nói đại. Họ luôn luôn tìm hiểu rõ ràng rồi mới kết luận.

Hôm kế tiếp, thằng Dustin cũng đến nhà trẻ với dáng điệu lừ đừ, mệt mỏi. Bà chủ cho biết: “Vì bà ngoại Dustin cho nó uống thuốc tiêu chảy nên bây giờ nó bị bón.” Rồi bà dặn Phượng: “Hôm nay phải ép nó ăn cam và uống nhiều nước vào.”

Nhưng cả buổi sáng nó không chịu ăn gì cả. Đút cam tận miệng nó cũng nhả ra. Phượng dỗ dành mãi Dustin mới chịu uống chút nước cam.

Nó lại không thích chơi chung với ai. Đứa bé nào tới gần, nó găm giữ như con chó. Cô bé Jackie dễ thương của Phượng vừa đưa tay sờ vào chiếc xe hơi Dustin đang cầm, nó há miệng định cắn, may mà nàng xô nó ra kịp.

Bữa ăn trưa hôm nay, nó ngồi bốc thức ăn mà chơi. Phượng kiên nhẫn dụ mãi, nó uống được nửa ly sữa.

Bà Karen lắc đầu:

— Con nít không nên cho uống thuốc bữa bái. Tai hại như vậy đó!

Trưa hôm ấy, Phượng đi làm đem theo mấy trái chuối. Trúng tủ rồi! Dustin chịu ăn. Phượng cho nó mỗi lần một trái và nó ăn hai lần như vậy. Nó ăn rồi, nàng chờ hoài cũng không nghe rục rịch gì hết. Có lúc nghe mùi, Phượng mừng rơn, tưởng là nó nhưng xét lại là của đứa khác.

Mãi đến xế chiều, đang lúc cả lớp tập tô màu, nàng thấy mặt Dustin đỏ rần và nó bắt đầu vận dụng sức để tống ra. Một lần, hai lần rồi ba lần. “Chắc xong rồi!” Phượng mừng hóm, dẫn nó vào phòng vệ sinh.

Phượng hơi thất vọng vì thấy chỉ có ba cục bi tròn, chặt cứng. Rồi nàng nhớ lại lần đầu tiên... Phải bây giờ nó xổ ra như lần đó chắc Phượng vui hơn là gồm. Bởi vì nàng thấy rõ trong phần hồi có tiếng cười, có sự thoải mái của đứa bé và hạnh phúc tầm thường của nó ảnh hưởng đến Phượng, đến mọi người chung quanh.

Khi bộ tiêu hóa của chú Dustin hoạt động

bình thường trở lại, mỗi ngày Phượng phải thay cho bé một cái tã dơ, mà nàng không gồm nữa, không cần gọi bà Karen giúp... Bởi vì bây giờ nó dễ thương quá!

Sáng sáng, khi ngoại nó vừa dẫn vào tới cửa, Dustin chạy lăng quăng vào lớp tìm Phượng. Nhìn dáng nó chạy, ai cũng buồn cười: cái đít diều diều, cái đầu lúc lắc. Khi Dustin thấy Phượng, nó chạy lại, sà vào, ôm lấy chân nàng. Nó ôm như vậy mãi cho đến khi Phượng ngồi xuống ôm con chó con ấy vào lòng rồi vỗ vỗ vào lưng bé mấy cái, Dustin mới chịu rời ra. Những lúc ấy, Phượng không thấy nó đen đúa xấu xí, nàng chỉ cảm nhận nổi xung sướng cùng ánh mắt tin yêu của nó trao cho nàng. Điều đó làm nàng hạnh phúc.

Thằng bé thích hoạt động và nhớ dai. Một lần, Phượng mở nhạc lên dạy cho đám trẻ chơi trò đánh nhịp theo nhạc trưởng. Thế là mỗi lần nghe nhạc hay nghe nàng cất tiếng hát, hai tay tròn ửng của nó đưa lên đưa xuống rồi lúc lắc cái đầu, ngún nguẩy cái mông, miệng cười toe toét. Phượng kêu bà Karen vào xem, bà cười thích chí và tiến đến ôm bé, nó ngã vào tay bà một cách trù mến.

Trong các trò chơi hay những lúc chạy nhảy ngoài sân, rũi bị té, nó lồm cồm ngồi dậy, nhìn Phượng rồi nhoẻn miệng cười. Nó là đứa bé ngoan chứ không là em bé nhè hay khóc như Phượng dự đoán trước kia.

Có hôm nó giận Phượng. Số là trong lúc Phượng loay hoay chuẩn bị đất sét giả cho tụi trẻ nặn hình chơi thì có tiếng bé April khóc ré lên. Nàng ngẩng nhìn lên: thằng Dustin đang cầm con búp bê mà thường khi cô bé April vẫn ấp nựng nịu. Không kịp suy nghĩ, Phượng bước tới, giựt con búp bê trên tay thằng Dustin trao cho cô bé April mủm mím của nàng.

Từ đó đến chiều, Dustin buồn thiu buồn thiu. Nàng đưa món đồ chơi khác cho nó, nó phui ra; Phượng đưa bánh, nó quay mặt. Dustin không

khóc. Nọ lặng lẽ ngồi ở góc phòng, không hưởng ứng trò chơi nào cho đến lúc ra về. Điều đó làm Phượng áy náy.

Bữa sau, Phượng đối xử với Dustin có phần đặc biệt hơn, như là để chuộc lỗi. Mỗi khi nàng ngồi xuống, nàng cho nó ngồi trong lòng. Từ đó, Dustin độc quyền nơi vị trí ấy, không đứa nào dám giành “ngôi vị” đó vì nó mạnh quá, không ai đẩy nó ra được.

Dustin rất thích được vuốt ve âu yếm. Mỗi khi nàng xoa đầu nó, nó lim dim mắt và ngả ngớn trong đôi cánh tay của nàng. Nhiều lúc không có chuyện gì làm, Phượng véo vào hai gò má nung núc thịt của nó, bé cũng ngồi yên cho Phượng nựng. Dustin thích dang hai tay xây bồ, quây vòng vòng cho đến khi té xuống, nó nằm im hồi lâu rồi nhóm dậy xây tiếp. Đôi khi nó lộn mèo. Mấy đứa khác bắt chước làm Phượng đứng tim, cứ sợ tụi nó gãy cổ. Ngày nào Dustin nghỉ, Phượng thấy nhớ vô cùng. Vắng nó, lớp học như không còn sinh động.

Bà Lan không nghe Phượng than phiền về thằng nhỏ Mỹ đen nữa, tò mò hỏi:

— Cái thằng “chó con Bulldog” gì đó còn ở nhà trẻ không? Sao má không nghe con than thở gì nữa?

Phượng mỉm cười:

— Bây giờ nó ngoan lắm! Con lại thấy nó dễ thương mới là lạ chứ!

Bà Lan không ngạc nhiên:

— Minh cực với đứa nào nhiều thì lại mến nó nhiều hơn mấy đứa khác. Hồi còn đi dạy, đứa học trò nào hay phá phách má lại nhớ nó lâu.

... Còn hai tuần nữa thôi, Phượng phải từ giã đám trẻ để trở về với sách vở. Sẵn dịp vừa lãnh lương, Phượng xuống phố mua quà cho bà Karen và định bụng tìm vài bộ đồ cho thằng Dustin. Tội nghiệp, quần áo của nó quá cũ. Nàng chọn được một bộ lính thủy và một bộ đồ có dấu hiệu Bulldog của trường với hai màu truyền thống: màu đỏ rượu chát đi với màu trắng. Phượng

tưởng tượng lúc nó mặc bộ Bulldog vào thì cả người nó trở thành “con chó” bằng xương bằng thịt chứ không phải là hình vẽ trên áo thun.

Nghĩ cũng lạ, hồi mới đến học ở trường MSU, Phượng sợ không dám nhìn dấu hiệu Bulldog của trường vì mặt con cho dữ dằn dễ sợ! Thế mà sau mấy năm gắn bó với trường lớp và những sinh hoạt của trường, Phượng lại yêu mến dấu hiệu ấy và thích mua những vật dụng có in hình con chó.

Đối với thằng Dustin cũng vậy. Lúc mới gặp, Phượng cũng ngán bộ vó và mặt mày của chú nhưng bây giờ sắp sửa chia tay, nó là người nàng quyến luyến hơn hết. Có lẽ Phượng sẽ nhớ nó nhiều hơn những cô bé xinh đẹp như Jackie, April, hay mấy chú bé Mỹ trắng với mặt mày sáng sủa, ăn bận tươm tất đàng hoàng... Tại bé Dustin có duyên hay vì kỷ niệm buộc ràng?

Phượng cầm hai bộ đồ trên tay, đứng im lặng, đăm chiêu. Bỗng nàng đổi ý. Phải về xem kỹ lại coi nó đang mặc số mấy rồi mua trừ hao, như thế chú có thể mặc được lâu hơn. Vì nó ăn tốn và lớn như thổi nên bà ngoại nó sắm đồ không kịp.

... Buổi chiều, trẻ con trong lớp Phượng đã được cha mẹ đón về gần hết. Trong khi hai đứa bé kia say mê với chiếc xe cảnh sát vừa chạy vừa hú còi, thằng Dustin ngả ngớn đùa với Phượng. Nó vuốt tóc, bẹo má Phượng rồi vỗ vỗ lưng nàng như Phượng thường làm cho nó. Nàng cảm thấy sung sướng. Có lẽ khi nàng âu yếm nựng nịu các em bé, chúng cũng hạnh phúc y như vậy, trong tình thương của nàng.

Bà ngoại Dustin đến đón nó. Hôm nay bà tới sớm hơn thường ngày. Sau lưng bà là một cô gái trẻ, cao lớn. Cô mặc quần jean bó chên, áo thun trắng ngắn ngắn phơi bày một vòng bụng đen bóng. Tóc nhuộm vàng chóa, xịt đầy keo làm sợi nào sợi nấy cứ phải đứng yên một chỗ. Trên cái mặt phấn son đậm loét, hai khoen tai bằng đồng nặng và to sáng lấp lánh.

Bà già lên tiếng giới thiệu:

— Đây là mẹ của Dustin, còn đây là cô giáo. Tôi nó cho mẹ nó biết cô thương thằng Dustin lắm nên mẹ nó đến đây cảm ơn cô.

Cô gái cười, hỏi:

— Nó ngoan không?

Phượng đáp:

— Nó ngoan, thông minh và dễ thương.

— Tôi cũng biết như vậy. Mẹ tôi hãnh diện vì nó. Nhưng nó sắp đi xa. Hôm nay là ngày cuối Dustin ở đây. Tôi cảm ơn cô đã săn sóc cháu rất chu đáo.

Phượng giựt mình, hỏi lại cho kỹ:

— Cô đem nó đi theo cô?

— Phải. Tôi đem nó về New York. Ở đó có người nhận Dustin làm con nuôi. Họ giàu, tương lai nó sẽ tốt đẹp hơn. Như bị những mũi kim châm vào tim, Phượng đứng lặng người, buồn xo. Bà ngoại thằng Dustin trao cho nàng cái nhìn thông cảm rồi nhún vai, không nói gì.

Cô ta bước vào phòng, ngồi xuống, giơ hai tay ôm thằng bé. Nó vùng vằng đẩy ra, chạy lại nín áo Phượng. Nàng ẵm Dustin lên, ôm chặt lấy nó, vỗ vỗ vào lưng cậu bé. Nước mắt nàng ứa ra tự lúc nào. Nàng giận mình sao hồi trưa không mua hai bộ đồ để bây giờ nó có thể mang theo... Mà ba má nuôi của nó giàu, sẽ mua cho nó nhiều quần, lấm áo. Nhưng liệu nó có sung sướng không?

Phượng trao đứa bé cho mẹ nó. Dustin vùng vẫy như bị bắt cóc. Mà nó bị bắt cóc thật. Người đàn bà lạ mặt đó sẽ đem Dustin ra khỏi tổ ấm của nó từ bấy lâu nay. Tổ ấm dệt bằng những cọng rơm nghèo nàn nhưng nó luôn luôn cảm thấy ấm áp, hạnh phúc trong tình thương của bà ngoại, thêm vào sự săn sóc ân cần của cô giáo.

Dustin khóc thét lên. Tiếng khóc của nó xé lòng nàng. Cô gái ẵm Dustin đi thẳng ra xe. Phượng tự an ủi: “Người ta nhận nó làm con chắc họ phải thương nó. Bây giờ đâu còn chế độ nô lệ như xưa, đâu có nạn mua bán người.”

Bà ngoại Dustin còn đứng nán lại, khẽ Phượng nói nhỏ:

— Mẹ nó ham 30 ngàn, đem con cho người ta. Tôi ước gì có số tiền đó để giữ thằng bé lại.

Phượng cũng tiếc rẻ:

— Nếu mẹ Dustin cực khổ với nó từ nhỏ chắc bây giờ một bước cũng không muốn rời nói gì giao con cho người khác!

Bà ngoại Dustin vừa xây lưng đi vừa nói:

— Tôi mới là mẹ của Dustin, phải không cô?

Phượng biết bà đau khổ lắm khi thốt ra câu ấy. Có lẽ bà muốn nguyên rửa con gái bà cho hả giận nhưng trái tim người mẹ không nỡ làm như vậy. Mai đây, nhớ thằng cháu ngoại, bà không thể tìm thăm nó, sẽ không còn có dịp ôm nó vào lòng để nựng nịu, hôn hít thỏa thuê. Rồi Dustin lớn lên, đành rằng nó không biết tới người mẹ ruột vô tình của nó vì huyết thống dù là nhân tố thiêng liêng nhưng nếu không được nuôi dưỡng bằng tình thương và trách nhiệm, sẽ loãng dần thành nước lã nhưng Dustin cũng sẽ không nhớ gì hết về bà ngoại, người đã nuôi dưỡng nó từ lúc sơ sinh với tâm tình mẫu tử. Bà sẽ mất nó vĩnh viễn.

Chiếc xe đã rồ máy vọt đi. Phượng đưa tay gạt nước mắt. Bà Karen cũng bước vào với cặp mắt đỏ hoe...

*

Vườn Lâm Tì Ni được hoàn tất xong thì trời đã hoàng hôn. Mọi người vào chùa lo rửa tay để dùng cơm chiều, Phượng còn đứng tần ngần dưới gốc Anh Đào. Vào cuối mùa Xuân, cây chỉ toàn lá xanh nhưng Phượng đã gắn vào đấy những chùm bông làm bằng giấy màu trắng để giả làm hoa Vô Ưu, đứng xa nhìn lại trông cũng đẹp mắt. Cuốn phim về thằng Dustin vừa diễn ra trong ký ức làm nàng nghĩ ngợi miên man. Nàng tự hỏi: “Chẳng biết cuộc sống của Dustin bây giờ ra sao? Ba má nuôi của nó có vì hình tướng xấu xí của đứa bé mà ghét bỏ Dustin

không?”

Đầu óc Phượng bỗng lóe lên một tia sáng: “Ồ, hồi mới gặp nó mình cũng thấy ghê làm sao, vậy mà khi tình thương phát sinh, nó trở nên duyên dáng, ngộ nghĩnh lạ lùng. Phải chăng với đôi cánh của tình thương, con người có thể vượt qua được bức tường ngăn cách phân biệt của ý thức? Phải chăng các đức Phật, các Bồ Tát chỉ cần sống trọn vẹn với lòng từ bi với sự hỉ xả thì hoa Vô Ưu nở mãi trong tâm hồn?”

Phượng vịn tay kéo một cành hoa. Nàng hiểu ra rằng đâu phải chỉ một mình hoàng hậu Ma Gia mới có thể làm đản sanh một đức Phật. Buông bỏ hết mọi sự chấp trước phân biệt thì một vị Phật ra đời. “Lìa tất cả tướng tức Như Lai” là vậy. ■

Mùa Phật Đản 2541

thơ ROBERT FROST

Stopping By Woods On A Snow Evening

*Whose woods these are I think I know
His house is in the village though;
He will not see me stopping here
To watch his woods fill up with snow.
My little horse must think it queer
To stop without a farmhouse near
Between the woods and frozen lake
The darkest evening of the year.
He gives his harness bells a shake
To ask if there is some mistake
The only other sound's the sweep
Of easy wind and downy flake.
The woods are lovely, dark, and deep,
But I have promises to keep
And miles to go before I sleep,
And miles to go before I sleep.*

LÊ VÂN dịch

Đứng Ngắm Rừng Cây Đêm Tuyết Phủ

*Khu rừng cây của ai tôi đoán biết,
Có ngôi nhà ẩn khuất trong xóm này
Chắc chủ không thấy tôi dừng lại đây
Đứng ngắm khu rừng cây phủ tuyết.*

*Con ngựa nhỏ nghĩ rằng tôi quá lạ
Sao dừng lại nơi khuất tịch xa xăm
Không nông trại, chỉ có rừng hồ băng giá
Vào một đêm tối thắm nhất trong năm.*

*Như muốn hỏi tôi điều chi bất ổn
Ngựa lung lay chuỗi lục lạc vang vang
Trong tịch mịch hòa theo làn gió thoảng
Tiếng xạc xào bông tuyết bay ngập tràn.*

*Đẹp thay! khu rừng âm u, rậm rạp
Thích ngắm hoài nhưng đành phải ra đi
Đi và đi mãi cho hết hạn kỳ
Để cuối cùng mới về nơi an giấc.*



VŨ TRỤ CHỈ LÀ MỘT KHÁI NIỆM

Minh Giác Nguyễn Học Tài

Cách đây trên 16 thế kỷ, nhà Triết học Phật Giáo Vô Trước đã nói rằng vũ trụ chỉ là một khái niệm, một tư tưởng, một ý kiến.

Gần đây, Michael Talbot cho rằng vũ trụ như huyền (The Holographic Universe), và Ken Wilber chủ trương rằng vạn vật trong vũ trụ chỉ là những ảnh tượng (The Holographic Paradigm).

Về Nguyên tử, Ngài Vô Trước cho rằng Nguyên tử không có thực thể (The atom should be understood as not having a physical body)*.

Gần đây, Albert Einstein cũng cho rằng vũ trụ khi được phân tách đến cùng chẳng có gì là vật chất mà chỉ còn lại những Rung động (Vibrations), hay những Làn sóng (Waves). (According to Albert Einstein, when the universe is analysed there is nothing which remains as substance but only vibration or waves).*

Sau đó, một số đệ tử của ông đã nêu lên thuyết Siêu Tơ Trời (Superstring) cho rằng xuống đến bình diện những Hạt Vi phân Tiềm Nguyên tử (Subatomic particles, hay Hạt ảo), những Phân tử chỉ là những Bụng sóng, những nốt nhạc của một sợi dây đàn đang rung lên.

Thuyết này đúng với thuyết Sát Na, thuyết về Quang minh, thuyết Tương Sinh Tương Duyên Trùng Trùng Duyên Khởi, và thuyết Chân Không Diệu Hữu của đạo Phật.

Theo thuyết Sát Na, vạn vật trong vũ trụ đều được dệt bằng vô vàn vô số những tia sáng hợp lại thành những ảnh tượng gọi là Tổng tướng ảnh

tượng. Điều này cũng giống như việc chấp nối những bộ phận của những nhân vật trong các phim hoạt họa.

Trong một loạt phim Star Trek (Sao Băng), nhà viết truyện phim đã nêu lên giả thuyết về Vô Tuyến Truyền Vật như sau: Một phi hành gia đứng vào một vòng tròn và bấm vào một cái máy giống như cái beeper, thân hình của họ tan biến thành vô vàn vô số những điểm sáng vi ti. Sang đến phi thuyền hay đến một địa điểm đã định, những điểm sáng đó lại dần dần chấp lại thành hình của họ như cũ. Điều này tương tự như thuyết Sát Na của nhà Phật.

Trong cuốn “The Tao of Physics” (Đạo của Khoa Vật Lý), Trang 181, Fritjof Capra đã viết rằng những đám mây kinh khí xoay tròn cô đọng thành những ngôi sao trong khi những đám mây khác phóng ra những Vật thể quay tròn hình tròn ốc và cô đọng lại thành những hành tinh chạy chung quanh các ngôi sao. Kinh Phật cũng dạy rằng những phong luân khi xoay tròn đã tạo nên sơn hà đại địa. (Xin xem bài Quang Minh).

Trước đây người ta cứ tưởng Nguyên Tử là đơn vị cuối cùng cấu tạo vật chất. Rồi gần đây, Murray Gell-Mann lại cả quyết rằng Quarts (Hạt ảo) là những viên gạch cuối cùng cấu tạo vật chất.

Nhưng Nguyên lượng Cơ học đã chứng minh rằng xuống đến lãnh vực Hạt ảo, các Phân tử (Particle) vừa là Hạt (Particle/Matter) vừa là

* “Buddhism and Present Life”, Trang 90, của tiến sĩ K. Sri Dhammananda.

Sóng (Wave/Mind).

Cách đây mấy ngàn năm, đức Phật đã dạy rằng chúng ta không bao giờ tìm cầu được thực tại cuối cùng của sự vật vì những sự vật ta thấy có chỉ là những Tổng tướng ảnh tượng được kết hợp bởi vô vàn vô số những Cực vi nó xuất hiện trong biên giới giữa Vật (Matter) và Tâm (Mind).

Như vậy, các khoa học gia có tìm cầu đến vô lượng kiếp cũng không thể khám phá ra được những viên gạch cuối cùng xây dựng vũ trụ như Murray Gell-Mann đã từng khoe khoang.

Những thí nghiệm trong những Máy Gia Tốc hạt Nhỏ (Accelerator), Máy Gia Tốc Tròn (Cyclotron), và Phòng Ảo ảnh (Bubble Chamber) cho thấy Thế giới Lượng tử thật vô cùng huyền ảo, và “mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm!”

Theo Nguyên lượng Cơ học, những hạt Vi phân Tiềm Nguyên tử (Hạt ảo) có những đặc tính quái đản như: Quay, tương tác, chuyển hóa, hoán chuyển, đối xứng, song tính, đa dạng, và sinh sinh diệt diệt...

Với một hạt Nguyên tử, các khoa học gia có thể dùng những dụng cụ tối tân để chia cắt thành những Phân tử (Molecule), và sau đó chấp những Phân tử này thành một hạt Nguyên tử như cũ. Nhưng đối với Hạt ảo, chúng ta không thể đập nát một Hạt để tìm kiếm những mảnh nhỏ trong việc chia cắt đó để tạo thêm những Hạt tử mới. Kết quả là chúng ta không bao giờ có được những mảnh Hạt tử nhỏ hơn, ví dụ chúng ta không bao giờ có thể tìm kiếm được những phân số nhỏ của một hạt Dương điện tử (Proton).

Về vị trí xuất hiện, chúng ta không bao giờ tiên đoán chắc chắn vị trí của những Hạt ảo mà chỉ phỏng đoán sự hiện diện của chúng theo phân phối xác suất. Thêm vào đó, những Hạt tử

chỉ xuất hiện trong phân số của hàng triệu của một giây đồng hồ. Ngoài ra, những Hạt ảo xuất hiện ở nơi nào mà người ta cứ tưởng nó xuất hiện, thực ra chúng chỉ “có vẻ” xuất hiện—nghĩa là chúng hư hư thực thực, mờ mờ ảo ảo, có mà không, không mà có...

Về hoán chuyển, “tất cả các Hadron cùng một họ có thể có cùng một độ quay tự nội (Integrated spins). Trong một Hadron mỗi phần tử vừa là thành phần vừa là toàn thể. Trong những Hadron cùng một họ có thể hoán chuyển cho nhau được...”*

Về Đối xứng, Fermions** có thể đổi dạng thành Boson*** mà không thay đổi luật tắc của những thuyết lượng tử.

Về Tương tác, một Hạt Fermion đổi dạng thành một Hạt Boson, rồi lại đổi thành hạt Fermion như cũ. Trong một Tiến trình Phân tử, một Photon (Quang tử) tạo nên một Positron và một Âm điện tử (Electron), rồi một Positron và một Âm điện tử lại kết hợp với nhau để tạo thành một Quang tử như trước.

Ngoài ra, quay là đặc tính độc đáo nhất của các Hạt ảo. Vì thế các khoa học gia đặt tên những điệu quay của chúng là Vũ điệu Vũ trụ (Cosmic dance). Đặc biệt là cách đây mấy ngàn năm, kinh điển của một trường phái ngoại đạo cho rằng những Vi trần (Hạt ảo) đã nhảy múa và tình cờ tạo thành những chúng sinh thấp như những con sâu kền và những chúng sinh cao như khỉ và loài người. Tuy giả thuyết đó bị Phật bác bỏ, chúng ta cũng nhận thấy lời kinh xưa đã mô tả rất đúng với Vũ điệu Vũ trụ của các Hạt ảo trong việc Tương tác, chuyển hóa, đối xứng, và sinh diệt...

Một Hạt ảo khi quay sẽ có nhiều hình dạng khác nhau tùy theo vòng quay. Khi quay 0 vòng (nghĩa là không quay), nếu nhìn từ bất cứ hướng

* *Việt Nam Siêu Cách Mệnh* của cụ Mạc Ngọc Pha.

** Những Hạt tử quay nửa vòng.

*** Những Hạt tử quay trọn vòng.

nào, nó cũng không thay đổi. Nếu quay 1 vòng, nó giống như mũi tên; và quay 2 vòng, nó giống như mũi tên có hai đầu. Những Hạt ảo đó sẽ không thay đổi nếu không quay trọn vòng. Những Hạt ảo quay nhiều vòng cũng không thay đổi nếu chúng không quay đủ số vòng. Rồi lại có những Hạt ảo cũng không thay đổi nếu chỉ quay 1 vòng, và chúng sẽ thay đổi khi quay đủ 2 vòng.

Tất cả những Hạt tử (Hạt ảo) trong vũ trụ tạo thành muôn vật đều được chia làm hai nhóm: Nhóm quay nửa vòng gọi là Fermions, và nhóm quay trọn vòng gọi là Bosons.

Càng đi sâu vào Thế giới Lượng tử (Hạt tử, Hạt ảo), quý vị càng thấy chúng xuất hiện kỳ kỳ quái quái, sinh sinh diệt diệt, hư hư thực thực chẳng khác gì những bóng ma trôi chập chờn ảnh hiện, vừa đột hiện lại đột biến trong khoảnh khắc. Thế giới Lượng tử là thế giới của ảo ảnh, của những lâu đài huyền thoại, của những vạn hoa kính muôn sắc vạn hình—thấy được nhưng không nắm bắt được—mà kinh Phật gọi là Chân không Diệu hữu trong đó cái Có do ở cái Không mà ra, và cái Không lại từ cái Có mà thành. Đó là quan niệm Hữu/Vô của nhà bác học H. R. Pagels ngày nay.

Tóm lại, nếu các khoa học gia có thể phân tích được linh hồn gồm có những thành phần gì, từ đâu mà có thì họ có thể nắm bắt được, kiểm soát được, và nhất là hệ thống hóa được những Hạt ảo quái đản này. Đó là bí mật của Trời Phật, của Thượng Đế. Cũng như Albert Einstein đã nói:

“God doesn’t play dice with the universe” (Thượng Đế không chơi trò tứ sắc với vũ trụ). Cũng trong chiều hướng này, tôi xin phép đổi lại như sau:

“Khoa học không thể chơi trò tứ sắc với Trời Phật bởi vì trí thức của khoa học chỉ là trí thức tục để không thể thấu hiểu được trí huệ chân đế hay là trí huệ Bát Nhã tuyệt vời của chư Phật và

chư vị Bồ Tát.”

Nguyên lượng Cơ Học và Albert Einstein ngày nay đã khám phá ra rằng vũ trụ không có thật mà khi phân tách đến cùng chỉ là những Rung động (Vibrations), hay những Làn sóng (Waves).

Cách đây trên 16 thế kỷ, Ngài Vô Trước, một Triết gia Phật Giáo đã nói rằng Nguyên tử không có thực thể, và vũ trụ chỉ là một quan niệm, một tư tưởng, một ý kiến.

Như vậy, quý vị thấy đạo Phật đi trước khoa học trên 16 thế kỷ. Càng đọc kinh Phật, quý vị càng thấy còn lâu lắm khoa học mới theo kịp những lời kinh xưa.

Đây không phải là vấn đề “mẹ hát con khen hay” mà là một tiến trình tự nhiên của vạn vật trong vũ trụ. Đã từ lâu, khoa học đang tìm kiếm “Những nền văn minh đã mất” (The lost civilizations), nhất là văn minh cổ Hy Lạp và cổ Trung Hoa. Vì vạn vật trong vũ trụ và ngay cả vũ trụ cũng phải qua bốn giai đoạn: Thành, Trụ, Hoại, Không. Trăng tròn trăng khuyết, cực thịnh cực suy: Đó cũng là thuyết “Tuần hoàn biến dịch” của Khổng Tử. Cũng vì lẽ đó mà các khoa học gia đã để lại những Ống Thời Gian (Capsules du temps) để sau này nếu Trái đất tan vỡ, hoặc nền văn minh của nhân loại tàn lụi; những chủng loại khác ở những hành tinh khác có thể nhờ những Ống Thời Gian này mà truy tầm lại được nền văn minh tiến bộ của chúng ta ngày nay.

Vì vậy, chúng ta không lấy làm lạ tại sao người Ai Cập cổ xưa đã xây được những Kim Tự Tháp mà bây giờ với máy móc tối tân chưa chắc chúng ta đã xây nổi.

Thành thử, những gì khoa học mới khám phá trong mấy thế kỷ gần đây thì trong các kinh Phật cổ xưa đã nói đến từ lâu rồi. Đó cũng là lý do mà tôi dám mạo muội đặt tên cuốn sách này là “Đạo Phật Siêu Khoa Học”, và chủ đề của cuốn sách này lần lượt được chứng minh cụ thể

bằng những khám phá mới của khoa học.

Đức Phật cấm người Phật tử không được kiêu mạn nên chúng tôi không dám kiêu mạn mà chỉ nói lên sự thật vì sự thật vẫn là sự thật.

Trong khi bản thảo sách này gần đưa in, tôi may mắn đọc một bài khá đặc biệt nói về sự thành công của khoa học trong việc tạo nên những hạt Siêu Nguyên Tử khiến tôi không thể không viết thêm vài trang.

Trong tuần này (1-97), báo chí loan báo rằng hai khoa học gia Wieman và Cornell thuộc Đại Học Colorado đã dùng kỹ thuật đông lạnh để làm chậm tốc độ di chuyển của những hạt Nguyên tử.

Theo Cơ Học Tĩnh (Statical mechanics) và Nhiệt Động Học (Thermal dynamics), những Hạt Nguyên tử được nối liền với nhau bằng chất lỏng, chất đặc, và hơi (gas). Ở nhiệt độ trung bình, những hạt Nguyên tử di chuyển với tốc độ 1,000 dặm/giờ. Nhưng hai khoa học gia nói trên đã kềm chúng di chuyển vào khoảng 60cm/giờ. Với tốc độ này, khoảng cách thông thường giữa các hạt Nguyên tử biến mất và chúng lỏng vào nhau để tạo thành một hiện tượng gọi là Hiện tượng Đông đặc Boise-Einstein. Cách đây 70 năm, Albert Einstein và Boise đã tiên đoán hiện tượng này. Trước kia, độ đông đặc kỷ lục là một phần 1 triệu rưỡi của một độ trên 0 độ Kelvin. Với kỹ thuật mới, hai khoa học gia nói trên đã phá kỷ lục này bằng 40 phần tỉ của một độ trên 0 độ Kelvin, hay -459 độ Fareinheit.

Những hạt Nguyên tử thường xuyên di chuyển loạn xạ. Chúng quay tròn trong nước, vi vút trong gas, và rung động như những lò so vi ti trong không gian.

Trong cuộc thí nghiệm, hai khoa học gia nói trên đã bỏ những Hạt Nguyên tử rubidium* vào trong một cái lọ và kềm chúng bằng những khối từ bao quanh. Đoạn, họ xịt lên chúng những

Phân tử ánh sáng, hay Quang tử từ những Tia Hồng ngoại bắn ra để kềm bớt sự di động thần tốc của chúng. Cuối cùng, họ cho những hạt Nguyên tử ấm thoát khỏi hàng rào từ-lực và để lại những Nguyên tử lạnh hơn. Kết quả còn lại vào khoảng 2,000 hạt Nguyên tử lạnh nhất và di động chậm chạp.

Các khoa học gia gọi những Nguyên tử này là Siêu Nguyên tử vì chúng có những thành phần hoạt động như một toàn thể. Chúng có những đặc tính hoàn toàn khác biệt với những đặc tính của Vật thể (Matter). Chúng vô dạng, lạnh lẽo, và là một trạng thái mới của Vật thể.

Cuộc thí nghiệm này có mục đích nghiên cứu Nguyên lượng Cơ Học để tìm hiểu chiều sâu của Thế giới Hạt tử. Wieman hy vọng trong vài năm nữa sẽ tạo nên những "Tia La-de Nguyên tử" để chế tạo những Linh kiện (Computer chip) cực kỳ vi ti và chớp nhoáng.

Như đã trình bày ở trên, những thí nghiệm trong những Máy Gia Tốc Hạt Nhỏ (Accelerator), Máy Gia Tốc Tròn (Cyclotron), và Phòng Ảo Ảnh (Bubble Chamber) cho thấy những Hạt ảo quay tròn, tương tác, đối xứng, hoán chuyển, và đột hiện đột biến trong những phân số hàng 40 phần tỉ của một giây đồng hồ khiến không tài nào nắm bắt, kiểm soát, và nhất là hệ thống hóa chúng được.

Với thí nghiệm làm chậm sức di động của những hạt Nguyên tử từ 1,000 dặm/giờ xuống còn 60cm/giờ, các khoa học gia hy vọng có thể đi sâu hơn nữa vào Thế giới Hạt tử để tìm kiếm thực tại cuối cùng của sự vật.

Theo thiển nghĩ, đây là bước nhảy vọt trong lãnh vực hạt nhân. Thí nghiệm này cũng tương tự như phương pháp Taylor đã tuyển chọn những người thợ khéo nhất và làm việc nhanh nhất. Họ quay phim những động tác làm việc của người thợ và đem chiếu chậm lại để chọn lựa những

* Một chất kim khí hiếm có trong trạng thái hơi.

động tác nào hữu hiệu nhất, nhanh nhất, và tiết kiệm nhiều thời giờ nhất.

Ở đây cũng vậy, các khoa học gia làm cho những Hạt ảo di động chậm lại từ 1,000 dặm/giờ xuống đến 60cm/giờ để nhận diện và theo dõi sự di chuyển cùng những hoạt động của chúng một cách dễ dàng hơn trước.

Bước tiến nhảy vọt này sẽ cụ thể hóa việc khám phá những Hạt ảo vi tế hơn thay vì chỉ căn cứ vào những xác suất, những phép tính, những phương trình trừu tượng.

Trong những bài khác tôi đã nói khoa học có hướng đi của nó, nghĩa là tiến mãi không ngừng. Và khoa học đã có những điểm son đưa nhân loại từ tình trạng dã man đến tình trạng văn minh tiến bộ như ngày nay.

Tuy nhiên, Phật đã dạy rằng chúng ta không bao giờ tìm cầu được thực tại cuối cùng của sự vật vì (1) Vũ trụ chỉ là một quan niệm như Ngài Vô Trước đã nói, và (2) Vũ trụ khi phân tách đến cùng chỉ còn lại những Rung chuyển (Vibrations), hay những làn sóng (Wave) như Albert Einstein đã tuyên bố.

Một câu châm ngôn cổ Trung Hoa nói rằng đạo giáo biết gốc rễ của sự vật mà khoa học chỉ biết cành lá, hay nói một cách khác: khoa học chỉ là chân tay trong khi đạo giáo và triết học mới là đầu óc.

Trong thời gian nằm bệnh viện chung phòng với một giáo sư Vật lý Hoa Kỳ gốc Nga Sô, tôi đã thảo luận với ông nhiều vấn đề. Chúng tôi đều đồng ý rằng thỉnh thoảng trong đám nhân loại có một số người lỗi lạc như Newton, Einstein, và gần đây Stephen Hawking đã được Trời Phật hay Thượng Đế ban cho trí tuệ siêu việt để dẫn dắt nhân loại. Nhà đại khoa học gia như Newton đã nói rằng sự hiểu biết của ông chỉ là những vỏ sò nhặt trên bãi biển.

Vì vậy, 100 năm sau, 1000 năm sau, hay 1,000,000 năm sau, khoa học cứ dần thân mãi, cứ tìm kiếm mãi cũng chẳng bao giờ khám phá

được thực tại cuối cùng của sự vật, hay là những bí mật của Trời Phật, của Thượng Đế.

Phép thần thông đầy mình như Tề Thiên Đại Thánh cũng không nhảy ra khỏi lòng bàn tay của Phật Tổ Như Lai, và Thiện Tài Đồng tử đi hoài đi mãi trong lỗ chân lông của Ngài Phổ Hiền cũng không tìm được lối thoát. ■

thơ PHÙ DU

Huyền Nghi

*Có gì như chút hữu tình
mà mình cứ mãi từ mình đi qua?
Có gì như chút phù hoa
mà xuân phố chợ nẩy ra hạ đồng?
Có gì như chút hư không
mà chuông gọi sẽ tiếng lòng rưng rưng?
Có gì như chút phân đôi
mà bên bờ mộng đắp bồi bờ chân?
Có gì như chút diệu âm
mà rung giọt tuệ nẩy thắm giọt kinh?
Có gì như chút hư thanh
từ trong nhịp dứt láy thành nhịp tuôn?
Có gì như chút hoang đường
từ trong bến bụi tìm sương về bờ.*

Vong

*Ôi tôi ôi những vong tình
và em đời lạ nửa mình lộ ra
Cóng tay
bút mãi cành hoa
ôi tôi ôi những hằng hà vong thân.*

ĐỨNG TRÊN TẤT CẢ

Vĩnh Hảo

Trong cuốn *Tăng Già Việt Nam** của Hòa Thượng Thích Trí Quang, có một câu rất hay, rất cảm động mà mỗi khi lần nhắm đọc đến thì người đọc cảm thấy lòng hưng phấn, chí nguyện được cất cao lên, không còn khiếp sợ hay nhàm chán phải đối diện với đời sống vô thường hệ lụy:

*“Đứng trên tất cả để sống vì tất cả.”***

Câu ấy được viết ra để nhắc nhở, khích lệ những người xuất gia theo Phật—những người đã từ bỏ mọi thứ cặn bã vinh hoa, danh vọng, quyền lợi, sắc dục, tiền tài... nói chung là tất cả mọi thứ trói buộc tâm thường của cuộc đời.

Nhắc nhở gì? — Nhắc nhở rằng trách nhiệm cao cả và duy nhất của người xuất gia là tự giác ngộ lấy mình để có thể đem lại trí tuệ giác ngộ cho kẻ khác, tự giải thoát lấy mình để có thể cứu thoát kẻ khác.

Khích lệ gì? — Khích lệ rằng lý tưởng xuất trần là con đường cao đẹp và đúng đắn mà chỉ có những kẻ có tình thương yêu rộng lớn, tuệ căn sâu thẳm và ý chí quyết liệt dũng mãnh mới chọn lựa và dẫn mình vào.

Nhưng khi người xuất gia chọn lựa “đứng trên tất cả,” điều đó chẳng có nghĩa là chọn một thứ vị trí không gian hay một thứ giai tầng xã hội nào ở chóp đỉnh của những nấc thang giá trị cuộc đời, mà chính là đứng ra ngoài, hay đúng hơn, vượt ra khỏi, vượt lên trên, tất cả những thế đứng, chỗ ngồi, quyền hạn, lợi dưỡng, sắc dục, danh vị, phẩm trật, chức tước, cấp bằng... nói

chung là tất cả những gì mà người thế tục bình phàm cho là quý giá và lằng xằng chạy đuổi theo nó bằng cả cuộc đời của họ.

CON ĐƯỜNG NGƯỢC DÒNG

Đó là nhìn một cách lạc quan theo danh nghĩa lý tưởng. Còn trên thực tế sinh hoạt, nhất là sinh hoạt của thời đại ngày nay—cái thời đại mà kinh Phật đã thấy trước và đã đặt tên trước là thời kỳ *mạt pháp*—thì cả lòng người lẫn hoàn cảnh xã hội hầu như đều toa rập, đồng lõa với nhau để đẩy xô những người xuất gia vào một nếp sống mới với những lễ lối suy tư, quan niệm, lời nói và hành xử, đi ngược lại với chí nguyện xuất trần ban đầu, để rồi chúng ta đau lòng mục kích bao nhiêu là điều “nghịch thường” trong chốn thiền môn, cả trong nước lẫn hải ngoại.

Cái lẽ *nghịch thường* ấy, nhìn theo con mắt thế tục, thì chẳng có gì gọi là sai trái, lạ lùng cả và tất nhiên là người thế tục sẽ cho đó là điều *bình thường*; nhưng áp dụng nó vào nẻo đạo thì cái nghịch thường này thực khó mà chấp nhận. Hòn sỏi ném xuống nước thì chìm đến tận đáy, đó chuyện bình thường; nhưng bong bóng bay mà cũng lặn xuống đáy nước thì không phải là bình thường nữa. Cả người bán lẫn người mua bong bóng bay đều mong đợi sự bay lên của những chiếc bong bóng. Giá trị của chiếc bong bóng bay là ở chỗ *bay lên* ấy. Khi bong bóng xiu

* Xuất bản từ 1952 tại Việt Nam. Ở hải ngoại, được tái bản năm 1986 bởi nhà xuất bản Phú Lâm Na, Hoa Kỳ.

** Nguyên văn câu ấy là “Đứng trên tất cả để sống vì hết thấy.” Xem *Tăng Già Việt Nam*, trang 16.

không bay nổi, chúng mất giá trị, chúng không bình thường, không còn lý do nào để tồn tại.

Con đường xuất gia là con đường ngược dòng. Giới nhà thiền gọi là *ngịch lưu*. Trong khi tất cả những người thế tục và cả những người cư sĩ tại gia có hiểu và tu tập theo giáo lý Phật, đều chạy xuôi theo dòng tục lụy, thì chỉ có họ, những người xuất gia, là bơi ngược dòng để tìm về nguồn cội vô tận thanh thản.

Chọn lựa sự ngược dòng là chọn lựa đứng trên tất cả, vượt lên tất cả những cặn bã phù phiếm của dòng đời. Thế thì, tại sao một người xuất gia phải cúi đầu bằng lòng, hãnh diện, vui vẻ, ngưỡng mộ, khiếp phục, tận lực gia công, bỏ hết thì giờ, cặm cụi cặm cụi, hăm hở chạy theo... những cái gọi là sự thành công của đời sống thế tục? Tại sao bong bóng càng lúc càng xù đi một cách thảm hại để rồi cứ la đà trên mặt đất? Tại sao con thuyền ngược dòng lại quay mũi mà xuôi theo sóng nước? hay là nó vẫn hướng mũi về phía đầu nguồn nhưng lại đi tới về phía cuối nguồn bằng cái đuôi thuyền?

Khi người xuất gia chằm chằm bỏ hết thì giờ của mình để được thành công với đời—bằng bất cứ phương cách nào—thì người ấy đã thất bại thấy rõ trên đường đạo. Thất bại là vì đã chọn đứng giữa và đứng trong tất cả, thay vì đứng trên tất cả.

PHƯƠNG TIỆN THIÊN XẢO

Người ta có nhiều lý do để biện minh cho thái độ chọn lựa này. Chẳng hạn, vì hoàn cảnh xã hội, vì thời cuộc, vì nhân tâm thời nay đòi hỏi

người xuất gia phải như vậy. Hoặc nói theo ngôn ngữ nhà thiền thì, “phải biết dùng phương tiện thiện xảo để độ sanh.” Vâng, *phương tiện thiện xảo*.^{*} Bốn chữ ấy đối với những bậc **thực sự** giải thoát giác ngộ (hoặc **thực sự** qui hướng bản tâm vào lý tưởng xuất trần độ sanh) thì là cái gì linh diệu, đẹp đẽ, như những cánh tay đầy diệu dụng, như những chìa khóa vàng mở vào kho vô tận... nhưng đối với kẻ tuy mang hình thức xuất gia mà tâm hỷ còn bươn chải lặn hụp theo dòng thế tục thì đó chỉ là thứ rào chắn bảo vệ và che đậy, biện minh và khóa lấp tất cả sự hèn kém tầm thường của cái bong bóng xì hơi mà thôi.

Chúng ta có nên đổ lỗi cho thời kỳ mạt pháp đã khiến một số người xuất gia không còn ôm giữ chí nguyện xuất trần? Chúng ta có nên biện minh rằng tất cả những gì người xuất gia làm hôm nay đều là mở rộng cánh cửa *phương tiện thiện xảo*?

Thực ra, khi một người phát khởi tâm bồ đề (giác ngộ), luôn hướng vọng đến đạo quả giải thoát và chí nguyện độ sanh, thì không có vấn đề chánh pháp, tượng pháp hay mạt pháp nữa. Bỏ đi, hoặc lơ là với chí nguyện xuất trần, là tự mình lặn vào thời kỳ mạt pháp. Không những sống trong thời kỳ mạt pháp mà còn sống trong tất cả những hoàn cảnh mạt pháp.

Còn nói rằng vì phương tiện độ sanh mà làm các việc thế tục thì điều này chẳng lạ gì với tư tưởng dẫn thân hành đạo của truyền thống Đại thừa. Nhưng nếu tâm bồ đề không phát khởi, không giữ gìn, không phát triển, không đẩy đến mức toàn vẹn, thì tất cả những phương tiện dù có mang lại một kết quả tốt đẹp nào đó đối với đời thì cũng đều là sự mạnh động của tự ngã,^{**}

* *Phương tiện* (Sanskrit: *Upāya*) là một thuật ngữ Phật giáo không phải chỉ có ý nghĩa như là một thứ khí cụ, dụng cụ tiện lợi như cách người thế tục hiểu (chẳng hạn phương tiện chuyên chở, phương tiện đi lại...); mà chính là chỉ những pháp môn, những phương thức độ sinh khéo léo và tiện dụng (*thiện xảo*) của những hành giả dẫn thân trên con đường bồ tát. Ngoài ý nghĩa là phương pháp độ sinh tiện lợi và thích hợp trong một hoàn cảnh đặc biệt nào đó, *Upāya* còn được dịch là *quyển*, có nghĩa là quyền biến, tạm thời (như *Quyển trí* hay *Phương tiện trí*—[Sanskrit: *Upāyajnāna*]: trí tuệ quyền biến, tạm thời thiết lập để cứu độ chúng sinh, dẫn dắt họ đến Bát nhã trí, Chân thật trí).

** Trong kinh *Hoa Nghiêm* có đoạn nói: “Vong thất bồ đề tâm tu chư thiện pháp, danh vi ma nghiệp.” Có nghĩa là thực hành các điều lành mà quên mất tâm bồ đề thì các việc lành đó cũng chỉ là hành động của ma.

không dính nhập gì đến đạo quả giải thoát giác ngộ và hạnh nguyện lợi sanh cả. Và những thứ phương tiện được thực hiện theo cách đó không thể nào gọi là *phương tiện thiện xảo*. Chúng chỉ là *phương tiện* theo ý nghĩa thông tục nhất của thế gian mà thôi. Mà phương tiện theo cách ấy thì ai lại chẳng làm được! Tất cả những con người gian ác, bạo tàn, quỷ quyệt, háms lợi háms danh, tham quyền cố vị, vị kỷ, hèn mọn, đê tiện, thấp kém, ngu dốt và cả những người trí thức... đều học tập, thực hành và phát triển phương tiện riêng của họ. Nhưng không có thứ phương tiện nào trong số đó được gọi là *phương tiện thiện xảo*, bởi vì chúng được thiết lập không phải để nhắm vào mục đích giải thoát giác ngộ.

Tóm lại là không có lý do nào để có thể đổ lỗi cho thời kỳ mạt pháp hay biện bạch cho sự phóng tâm chạy xuôi theo dòng đời. Hễ mục đích sai lầm thì tất cả phương tiện đều sai lầm. Suy ra, khi người ta làm những phương tiện sai lầm thì ắt phải biết là mục đích của họ đã sai lầm.

Nhưng phương tiện nào là phương tiện sai lầm? Nói vậy e có phải là vôi vàng, bao đồng lắm không? Chứ không phải người ta thường nói rằng: *Nghề nào cũng tốt!* Miễn là “*nhất nghệ tinh, nhất thân vinh*”^{*} và miễn sao nghề xấu mà lòng tốt thì được rồi. Vâng, quan niệm ấy có thể áp dụng được ở thế tục hoặc một khía cạnh nào đó trong đạo. Nhưng cũng tương đối thôi. Vì nó chỉ có tính cách luân lý, an ủi những thành phần bất tài, thấp kém không tìm được những nghề nghiệp vững chắc và danh giá trong xã hội, cũng như để khích lệ những người lãng xãng dao động nên chú tâm vào một việc. Còn trên thực tế xã hội thì không ai khuyến khích nghề trộm cướp, nghề đồ tể, nghề ăn mày ăn xin... (bất kể lòng dạ tốt hay xấu) mà chỉ khuyến khích các nghề

bác sĩ, kỹ sư, thương gia... (cũng bất kể lòng dạ tốt xấu). Chính vì vậy, chắc chắn là có những phương tiện sai lầm trong xã hội đầy dẫy những con người với lòng dạ bất thiện. Chính vì bất thiện ở tự tâm, họ không bao giờ có một thứ mục đích nào gọi là cao đẹp hay có lợi ích cho kẻ khác. Nhưng họ lại là những người luôn lấy phương châm *cứu cánh biện minh cho phương tiện* để tô vẽ cho những hành động vị kỷ của mình.

Xét về mặt nhân quả thì phương tiện và cứu cánh phải tương ứng thích hợp với nhau. Phương tiện xấu thì đưa đến cứu cánh xấu; ngược lại, cứu cánh xấu cũng mở đường cho những phương tiện xấu. Không có thứ phương tiện tồi tệ của một kẻ tồi tệ nào lại đưa đến một cứu cánh hoàn hảo. Nói như Krishnamurti—một vị đạo sư giác ngộ vĩ đại nhất của thế kỷ 20 mà chưa bao giờ tự nhận mình là đạo sư—thì “*Tự do đầu tiên và cuối cùng*.”^{**} Có thể tạm hiểu ý chính của tựa đề này (và cũng là nội dung của toàn bộ cuốn sách) rằng, cái nhân tự do giải thoát mới đưa đến cái quả tự do giải thoát. *Đầu tiên* là **nhân**, *Cuối cùng* là **quả**. Khi thiết lập một thứ phương tiện mà thiếu tính cách tự do, thì sẽ chẳng bao giờ có được cái cứu cánh tự do cả.

BỒ TÁT HÓA THÂN

Đó là xét về mặt thế tục. Còn xét về mặt đạo, có người sẽ nói rằng kẻ phàm tâm khó mà hiểu được hành động của bồ tát đản thân độ đời, vì những vị này đã hoàn toàn giác ngộ, nên hành vi, lời nói và ý nghĩ của họ không còn rơi vào vòng ảnh hưởng của nhân quả. Lý này không sai, nhưng làm sao giải thích được với những người không tin nhân quả hoặc những người tin

* Một nghề mà chuyên thì vinh thân cả đời.

** Tựa đề một tác phẩm của Krishnamurti: “*The First and Last Freedom*.” Phạm Công Thiện dịch là “*Tự do Đầu tiên và Cuối cùng*.”

sâu vào nhân quả và không chấp nhận một sự ngoại lệ nào cho những tác nghiệp xảy ra trên cuộc đời? Chúng ta có thể bàn sâu hơn một chút về các vị bồ tát đản thân độ đời nói trên.

Trong truyện sử Phật giáo, đôi khi có vài câu chuyện về những vị bồ tát hiện thân làm người phàm, thực hiện tất cả những công việc của người đời nhằm mục đích cứu nhân độ thế. Những vị bồ tát hóa thân này thường mang thân tướng tầm thường, làm những việc tầm thường, khiến người đời không biết, dùng lời lẽ nguyên rửa hoặc có tâm ý khinh chê, liền bị đọa địa ngục... Những câu chuyện loại ấy khiến cho những Phật tử sơ căn dè dặt ý nghĩ, lời nói và hành động của mình hơn, không dám vội vàng đánh giá kẻ khác, vô tình thực hiện hạnh tốt là “*Không nên nhìn ngó lỗi người, chỉ nên tự xét lỗi mình*” (Kinh Pháp Cú—Dhammapada); nhưng cũng là cái phao cho những kẻ phàm phu tục tử vin vào đó để làm việc xằng bậy rồi cứ khẳng khái ngụy biện rằng mình làm việc này, việc kia, đều chỉ là phương tiện thiện xảo... hoặc đem địa ngục ra để hăm dọa kẻ khác, bịt miệng kẻ khác.

Thực ra, theo thiên ý riêng của tôi, một vị bồ tát hóa thân mà ưa làm những chuyện cho người đời chửi rửa để rồi người chửi rửa mắc tội đọa địa ngục, thì vị bồ tát ấy sử dụng phương tiện độ sanh chưa được thiện xảo (khéo léo) gì lắm. Bồ tát hóa thân làm người phàm để gần gũi người đời mà cứu độ họ thoát khổ chứ đâu phải để “nhử” cho họ chửi mình rồi bị đọa vào cảnh khổ!

Một điều đáng lưu ý nữa là cho dù hóa thân bằng cách nào, hình thức nào, vị bồ tát đó cũng không thể che giấu được sự “*bất phàm*” của

mình. Đã là bồ tát, đã là thánh nhân đắc đạo, thì có hóa thân làm gì đi nữa, vẫn tỏ ra cái cốt cách phong độ và sở chứng của mình. Đó là điểm mà một phàm nhân không thể nào bắt chước, và đó cũng là điểm mà người ta có thể dựa vào để nhận biết được một vị bồ tát hóa thân.

Đừng bao giờ khư khư khẳng định rằng không thể nào nhận biết được các vị bồ tát hóa thân. Bởi vì sự khẳng định này sẽ khiến chúng ta có thói quen là không sử dụng *trạch pháp* (phân biệt và chọn lựa phương pháp chân chính, thích hợp) và vì vậy sẽ không bao giờ phân định được đâu là bậc tu hành chân chánh để nương theo, đâu là kẻ thực hành tà đạo để xa lánh.

Thực ra, chánh nhân và tà nhân, chánh đạo và tà đạo, rất dễ nhận biết, và rất cần thiết phải nhận biết. Tại sao không?! Tại sao thời xưa bên Trung Hoa người ta nhận biết Bồ Đại Hòa Thượng và Phật sống chùa Kim Sơn? Không phải chỉ vì họ có pháp thuật hoặc cứu độ được nhiều người, mà chính vì cái vẻ tự tại vô ngại, không chấp trước nhân ngã bỉ thử, không cầu danh háms lợi, không kể lễ công đức, không ham thích tạo ra dòng phái tông môn để làm tông chủ giáo chủ, không cố tình để lại vết tích hành trạng của tự ngã. Họ làm tất cả mọi việc đều vì mục đích lợi sanh chứ không vì sự vinh quang của giòng phái, tổ tông, hay vì bất cứ thứ phần thưởng vật chất và tinh thần nào của cuộc đời... Họ đến rồi đi như bóng nhận lướt trên mặt nước, như mây trắng trôi qua trời, nhưng lợi ích cho đời thì không đếm kể được. Những người không biết, chửi rửa họ, họ hoan hỉ đùa cợt rồi tìm cách cứu độ hết, không để cho ai phải vì khinh chê mình mà đọa địa ngục. Không chấp có ngã có

* **Trạch pháp** (Sanskrit: *Dharma-pravicaya*) là chi hay phần đầu của Thất Bồ Đề Phần (còn gọi là Thất Giác Chi), có nghĩa là khả năng phân biệt pháp đúng-sai, phải-trái, chân-ngụy, chánh-tà... Thất Bồ Đề Phần là bảy đức tính phải có của bồ đề (*bodhi*—giác ngộ) mà bất cứ hành giả nào cũng trải qua để tiến đến giác ngộ; gồm có: 1) Trạch pháp, 2) Tinh tấn (*Vīrya*), 3) Hỷ (*Pīti*), 4) Khinh an (*Prasrabdhi*), 5) Niệm (*Smṛti*), 6) Định (*Samādhi*) và 7) Hành xả (*Upekṣā*). Thất bồ đề phần được xếp hàng thứ 6 trong 37 phẩm trợ đạo (4 niệm xứ, 4 chánh căn, 4 như ý túc, 5 căn, 5 lực, 7 bồ đề phần, 8 chánh đạo).

nhân nên không đem lòng hận thù oán ghét ai. Chính cái tâm vô ngã và đại bi của họ khiến cho những lời nguyện rửa của phàm nhân tan ra mây khói, không kết thành ác nghiệp.

Cho nên, chúng ta có thể nhận biết được các vị bồ tát hóa thân và những vị tu hành chân chánh—những vị thực sự *đứng trên tất cả để sống vì tất cả*.

KÍNH TÍN VÀ PHÂN BIỆT

Nhận biết được tức là thực hành *trạch pháp* và cũng hàm nghĩa rằng có một thứ chìa khóa hay một mấu chốt nào đó để tìm ra, để nhận dạng những vị thánh tăng (vì dĩ nhiên là đã vô tình so sánh với phàm tăng). Điểm này xem ra có vẻ là điều cấm kỵ trong giới tu tập Phật giáo. Nó cho người ta cái cảm giác như là mình vô lễ vô phép, mất niềm tin đối với Tam Bảo.

Thực ra, tìm thầy học đạo không nhất thiết phải tìm cho ra một vị thánh tăng, mà chỉ cần tìm cho được một vị **chân tăng**. Vị chân tăng này có thể là thánh hay phàm, * nhưng họ có một điểm chung là hướng vọng đến đạo quả bồ đề; mà hướng vọng đến đạo quả bồ đề thì chắc chắn là phải thực hiện hạnh vô ngã trong từng ý nghĩ, lời nói, và hành động thường-nhật của họ.

Thông thường, với lòng kính tín sâu xa vào Tam Bảo qua hình ảnh sáng ngời của đức **Phật**, qua sự vi diệu của giáo **Pháp**, và qua những tấm gương cao đẹp của nhiều thế hệ chân **Tăng**, người ta có thói quen là không dám đánh giá, lượng định, so sánh... phẩm giá và hành trạng của những người xuất gia hiện tại, cứ một mực cho rằng, “vị nào cũng tốt,” hoặc “dù họ không được hoàn hảo lắm thì cũng hơn mình,” hoặc

“biết đâu họ là bồ tát hóa thân...” Thái độ kính tín sâu xa ấy rất cần thiết cho người sơ cơ học đạo và cũng rất cần thiết cho những người đang thực hành bồ tát đạo, học theo hạnh của Bồ tát Thường Bất Khinh **, luôn luôn quý trọng tôn sùng kẻ khác vì tin tưởng Phật tính sẵn có nơi họ. Nhưng trong trường hợp một người tâm sư học đạo, tha thiết tìm cầu đạo lý giác ngộ để vĩnh viễn giải thoát, thì vấn đề phân biệt chân sư, tà sư, tất phải đặt ra. Cố nhiên là phải như vậy. Bởi vì không phân biệt được sự sai khác giữa chân và tà sư thì có thể xảy ra trường hợp suốt đời tu hành lao nhọc mà chẳng có kết quả gì đáng kể, hoặc đi theo tà ma ngoại đạo từ lâu mà chẳng hay.

CHÂN SƯ VÀ TÀ SƯ

Chân sư và tà sư khác nhau chỗ nào?

Đối với tu sĩ của một số tôn giáo tôn thờ thần quyền, sự đánh giá chân-ngụy, chánh-tà khá dễ dàng qua mặt đạo đức, tác phong của chính các vị tu sĩ ấy. Mà phẩm cách đạo đức, tác phong của tu sĩ các tôn giáo này thường khi chỉ đặt nền tảng trên sự cần mẫn tận tụy hiến dâng, phụng sự thần linh, thực hành các giáo điều, tín điều đã được thần linh ban hành hay trích dẫn từ kinh sách được tin là đã viết ra do sự mặc khải của thần linh. Tu sĩ nào thực hành nghiêm chỉnh các tín-giáo điều thì được coi là có *đạo đức*; và ngược lại thì *vô đạo đức*; hoặc thiếu đạo đức mà làm bộ như ta đây đạo đức thì bị gọi là *đạo đức giả*. Đối với tu sĩ các tôn giáo ấy, tu tập chỉ có nghĩa là như vậy: tuân thủ các giới điều và tín điều. Hoặc nói nôm na tóm gọn là chỉ cần giữ mình làm người đạo đức, mô phạm.

* Theo một nghĩa khác, thực ra khi một vị tăng tu hành chân chính (chân tăng) thì dù chưa chứng quả thánh, vẫn cứ là thánh như thường.

** Vị Bồ tát này thấy ai cũng lễ lạy, nói rằng: “Tôi rất kính quý các ngài, vì các ngài sẽ thành Phật.” Xem truyện tích này trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa*, phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát thứ 20, bản dịch của Thích Trí Tịnh, Liên Hải Phật Học Đường xuất bản 1948, trang 489-499.

Trong khi đó, thực hành giáo lý đạo Phật, tu sĩ Phật giáo **không phải chỉ** là những người trau luyện đạo đức hay một thứ tư cách cao quý đức hạnh làm người nào đó mà xã hội mong đợi. Con đường chính yếu của họ là thực hành các phương pháp tinh diệu nhằm phá vỡ biên giới của tự ngã để thể nhập vào bản thể vô tận sẵn có trong mỗi người, mỗi loài. Để thành tựu trọn vẹn mục tiêu này, hành giả phải trải qua một tiến trình, hoặc nhanh hoặc chậm, gồm 53 giai đoạn từ sơ cơ đến thượng trí*. Những giai đoạn tu chứng này vượt ra khỏi thứ đạo đức làm người của thế gian, bước vào thánh hạnh cao quý của hàng Bồ tát, Phật. Và chính vì có khá nhiều giai đoạn và thứ bậc như thế, việc nhận dạng các vị chân tu đặc đạo đang ở giai đoạn nào không phải là đơn giản, trừ phi chúng ta đặc đạo như Phật.

Tuy nhiên, như đã nói ở trước, để tầm sư học đạo, chúng ta cần thiết phải biết nhận dạng một vị chân sư để theo học, như cách người xưa thường nói “*chọn mặt gửi vàng.*” Điều này nói ra có vẻ như một điều mai mỉa bất kính làm đụng chạm một số đạo sư nào đó. Nhưng nếu thực sự có một sự đụng chạm, hóa ra vị đạo sư ấy dễ bị dao động đến thế sao? hóa ra vị đạo sư ấy hầy còn một cái ngã to lớn cứng rắn nào đó để cho sự lượng giá của học trò đụng chạm đến sao? và nếu cứ tránh né đụng chạm những đạo sư, hóa ra lại đẩy những thiệt thòi về phía những người học trò đang khao khát tìm cầu chân lý?

Người học trò thượng căn như Thái tử Tất Đạt Đa năm xưa có thể rời bỏ các sư phụ để tự mình tìm kiếm chân lý, còn những học trò căn trí thô thiếu can cột như chúng ta ngày nay thì

sao? Nếu chọn lầm sư phụ thì chẳng phải là cái tiền đồ tu tập của chúng ta sẽ mở vào một cõi u u minh minh hay sao?

Cho nên, rất cần thiết phải biết chọn thầy bằng cách nhận dạng dấu hiệu thực nghiệm toát ra từ nếp sinh hoạt của họ. Sự nhận dạng này không có nghĩa là phải nhìn thấu từng quả vị tu chứng của họ hoặc đòi hỏi họ phải chứng minh sở đắc. Chúng ta có một chìa khóa nhỏ để mở ra cái kho vô tận xứng đáng cho mình qui phục, nương tựa. Và chìa khóa đó chính là điểm chung mà hầu như các vị chân tăng đều có: **tính cách vô ngã thể hiện trong nếp sinh hoạt hàng ngày.**

Chân sư và tà sư theo quan niệm Phật giáo khác nhau ở chỗ đó. Họ có thể sử dụng những phương tiện giống nhau: tụng kinh, tọa thiền, giảng dạy Phật Pháp, làm việc văn hóa, làm việc xã hội từ thiện... Nhưng mục đích hành đạo của họ thì khác nhau: một bên thì có khuynh hướng dẹp trừ bản ngã để thể nhập vào thể tánh vắng lặng vô biên; một bên thì nuôi lớn bản ngã, đắp cao thành trì của ái dục và lợi danh tầm thường.

Cần nhấn mạnh một lần nữa nơi đây rằng, chúng ta chỉ chú trọng đến *chân* và *tà*. Mà trong *chân* có thể vừa có thánh vừa có phàm, trong khi trong *tà*—dù có là một đạo sư nổi tiếng cách mấy đi nữa—chỉ hoàn toàn là phàm. Như vậy, nếu chúng ta thực sự muốn tìm cầu một bậc thầy có khả năng hướng dẫn ta tiến đến giải thoát giác ngộ, nên lấy *chân*, bỏ *tà*.

(Cũng nên mở ngoặc thêm ở đây rằng: trong giới tu học Phật giáo, không phải ai cũng có khát

* 53 giai đoạn liệt kê vắn tắt như sau: Thập Tín (10), Thập Trụ (10), Thập Hạnh (10), Thập Hồi Hương (10), Thập Địa (10), Đăng Giác (1), Diệu Giác (1), Phật (1). Về tiến trình tu tập gồm 53 giai đoạn này, xin đọc kỹ kinh *Hoa Nghiêm*, phẩm Nhập Pháp Giới thứ 39, bản dịch của Thích Trí Tịnh, Phật Học Viện Quốc Tế tái bản tại Hoa Kỳ năm 1988, tập 7 từ trang 25-681, tập 8 từ trang 25-548. Hoặc tìm đọc *Kinh Thủ Lăng Nghiêm Trực Chỉ* của Thiền sư Đôn Hà, bản dịch và giảng giải của Thích Đôn Hậu và Thích Mật Nguyên, do Viện Triết Lý Việt Nam & Triết Học Thế Giới xuất bản 1995 tại Hoa Kỳ, tập 2, Đoạn 6, An Lập Thánh Vị, từ trang 718-751. Ở kinh này, tiến trình tu tập được chia làm 55 giai đoạn: Đăng Giác Diệu Giác và Phật tính như một, là kết quả tối hậu, không liệt kê trong thứ bậc tu hành; các quả vị khác cũng có Thập Tín (10), Thập Trụ (10), Thập Hạnh (10), Thập Hồi Hương (10), Thập Địa (10), cộng thêm Căn Huệ (1) là giai đoạn đầu trước Thập Tín, và Tứ Gia Hạnh (4) chen vào giữa Thập Hồi Hương và Thập Địa.

vọng tìm cầu chân lý hoặc hoài bão giải thoát giác ngộ. Không những trong giới tại gia cư sĩ mà ngay cả một số tu sĩ Phật giáo thời nay cũng vậy: có khi chỉ thực hành giáo lý Phật như cách các tu sĩ tôn giáo khác trau luyện đạo đức làm người và giữ gìn các tín điều. Điều này xét về mặt nhân sinh quan, cũng là điều hữu dụng, vì có khả năng ổn định xã hội, lành mạnh hóa đời sống gia đình, đem lại chút hạnh phúc nhẹ nhàng nào đó cho mỗi cá nhân. Nhưng, mục tiêu tối hậu của giáo lý Phật thì không dừng đứng ở chỗ đó. Đức Phật đã từng nói: “*Nếu nước đại dương chỉ có một vị mặn thì đạo lý của ta chỉ có một vị duy nhất là giải thoát.*” Hành giả tu tập có thể giữ gìn giới luật để được giải thoát từng phần [biệt giải thoát*] tùy theo giới cấm mình tiếp thọ; nhưng mục tiêu tối hậu vẫn là **giải thoát hoàn toàn tất cả mọi phiền não trói buộc của tự tâm**. Mà để có được điều này, phải dẹp trừ cả *ngã chấp* và *pháp chấp*. Tóm lại, tu tập theo chân tinh thần Phật giáo là nhảy vào vòm trời tự tại vô ngại của tánh Không để được thành Phật như đức Phật, chứ không phải chỉ học làm người, học làm vua, làm tôi, làm chồng, làm vợ, làm cha, làm mẹ, làm con, làm thầy giáo, làm học trò, làm người truyền đạo, làm nhà trí thức, làm người có bằng cấp thế gian, làm người có tiếng tăm danh vọng, làm công dân đạo đức đảng hoàng trong xã hội... mà bất cứ tôn giáo nào cũng có thể hướng dẫn được. Nêu ra điều trên là để thưa trước rằng những gì sắp nói ở sau, chỉ dành cho những người muốn tu tập theo đạo lý giải thoát giác ngộ và thực sự muốn tìm một bậc chân sư có khả năng hướng dẫn mình thực hiện chí nguyện đó.)

Chân sư Phật giáo tạm thời phân chia thành hai bậc: thánh tăng và phàm tăng.

Các *chân thánh tăng* thì miễn bàn, vì chắc chắn họ là những bậc chân sư đáng qui phục, ai có phước duyên thì được tu tập dưới sự hướng dẫn của họ. Giả như không gặp thánh tăng, chúng ta hãy còn may mắn là có những *chân phàm tăng* để bái làm thầy. Những vị này tuy chưa chứng thánh nhưng luôn có khuynh hướng truy cầu giải thoát giác ngộ, biết được con đường chân chính để đi và hướng dẫn môn đệ cùng đi, nỗ lực tu tập những phương thức dẹp trừ bản ngã và khát dục. Cả hai bậc chân sư trên đều rất xứng đáng cho chúng ta đánh lễ qui y.

Nhưng ở trên, vẫn chỉ là nói một cách khái quát. Chúng ta cần đi vào chi tiết: *làm thế nào để nhận ra một vị chân sư?* Câu hỏi này đưa chúng ta quay trở lại với tiền đề nêu ở trước: *tính cách vô ngã thể hiện trong nếp sinh hoạt hàng ngày của các vị chân sư.*

VÔ NGÃ TRONG NẾP SINH HOẠT

Theo quan niệm Phật giáo, sở dĩ chúng sinh, trôi lăn trong biển khổ luân hồi là vì đã tự cho rằng mình thực sự có một thứ cá ngã độc lập. Một vài tôn giáo tôn thờ thần quyền cũng đã xác nhận có một thứ bản ngã qua sự tồn tại bất diệt của linh hồn; trong khi có tôn giáo chủ trương hy sinh bản ngã bằng cách dâng hiến trọn vẹn thể xác và linh hồn cho thần linh để được đền bù tưởng thưởng xứng đáng sau khi chết. Công nhận hay chối từ bản ngã theo các lối trên, đều chứng minh có một cái ngã có thực tướng hay có thực tánh, thực sự tách rời với vũ trụ và vạn hữu chung quanh. Và đây chính là cái mầm của phiền não, trói buộc.

Tu tập theo Phật giáo là tiến trình của sự lột

* Nguyên gốc tiếng Sanskrit là *Pratimoksha* (Việt Nam phiên âm theo Trung Hoa qua Hán-Việt là Ba La Đề Mộc Xoa), dịch nghĩa là *biệt giải thoát*, hay *tùy thuận giải thoát*, đều có nghĩa là giới luật của Phật, có khả năng mang lại giải thoát từng phần riêng biệt cho người giữ giới; giữ được giới cấm nào, giải thoát được hành nghiệp của giới ấy (ví dụ: giữ giới sát sanh thì giải thoát được nghiệp sát sanh).

bỏ (nhanh hay chậm, hoàn toàn hay từng phần) sự vận hành và tồn tục của cái ngã đó. Tất cả các pháp môn tu tập từ cao đến thấp của Phật giáo đều qui hướng về tự tánh Không, tức là phá bỏ mọi kiến chấp về *ngã* (cái ta), *ngã sở* (cái thuộc về ta), *pháp* (một cái gì ở ngoài ta mà ta đang hướng đến hay chối bỏ, nghĩ rằng ta đạt được nó hoặc ta đang vượt qua nó...). Trở về với tánh Không thì xóa sạch vết tích của ngã và pháp—đó là con đường nhanh của bậc thượng căn thượng trí. Xóa sạch vết tích của ngã và pháp thì trở về với tánh Không—đây là con đường chậm của hàng trung căn hạ căn. Nhưng dù là thượng căn hay hạ trí, dù phương pháp tu tập có khác nhau, họ vẫn có điểm chung là phá trừ kiến chấp về ngã.

Như vậy, chúng ta có thể chọn lựa bất cứ vị sư phụ tâm thường (không chân chính) nào trên cuộc đời để hướng dẫn chúng ta nếu chúng ta **không cần giải thoát giác ngộ mà chỉ cần chạy rong để tìm danh lợi trong số đông hoặc một thứ giá trị đạo đức thông thường của thế gian**; còn nếu thực sự muốn tu tập để thoát ly sinh tử, chúng ta phải sáng suốt tìm đến một vị chân tăng chứ không cần uổng phí thì giờ và công phu tu tập của mình theo chân những vị thầy mà nếp sinh hoạt hàng ngày của họ biểu lộ rõ ràng khuynh hướng bảo vệ và nuôi lớn tự ngã như các trường hợp điển hình sau:

— khi một vị thầy tự xưng mình là bậc thầy vĩ đại hoặc là bậc thầy cao tột không ai bằng (*đại sư, vô thượng sư*), hoặc vui thích đắm mình trong những danh xưng, tước hiệu, phẩm hàm tôn quý do kẻ khác ban tặng... vị thầy ấy đang ở trong cơn mê của lòng vị ngã, ái ngã, và đang ôm theo mình niềm tăng thượng mạn, tích cực nối đuôi ma vương để trèo lên đỉnh thang hào nhoáng không thực của danh vọng và quyền lợi thế gian;

— khi một vị thầy nói với bạn rằng chỉ có phương pháp của ông (hay bà) là cao tột, vượt

hẳn các phương pháp của các bậc thầy khác, thì vị thầy này đang sống trong niềm tự hãnh của một bản ngã còn đầy căn khí kiêu kỳ, ngạo mạn;

— khi một vị thầy phê phán và chỉ trích cá nhân những bậc thầy khác, nêu những lỗi xấu của những bậc thầy khác để làm nổi bật phong cách của mình, thì vị thầy này đang biểu lộ phần nào tâm lượng tị hiềm nhỏ mọn của mình;

— khi một vị thầy, dù không lên tiếng chỉ trích kẻ khác, cũng không tự mở lời khoa trương về phẩm cách của mình, nhưng hài lòng với sự tâng bốc ca tụng của môn đệ và trong lòng tự nghĩ mình cao quý, lảng lạng cười mỉa mai kẻ khác, không chịu lắng nghe quan điểm của kẻ khác để tự sửa mình mà một mực cho rằng kẻ khác chỉ trích hay phê phán mình là vì họ thua sút và ganh tị mình, thì vị thầy này cũng đang tự bồi đắp tường thành ngã chấp ngay ở nền tảng thâm sâu của nó;

— khi một vị thầy thường tỏ vẻ bất bình, bần gắt, cau có, lúc nào cũng muốn mọi người phải thuận theo ý mình chứ không chấp nhận luận điểm trái ngược, chỉ đòi hỏi sự tuân phục tuyệt đối từ kẻ khác, thì vị thầy ấy đang tiếp tục nuôi dưỡng mầm mống của tâm ái ngã;

— khi một vị thầy thường trau chuốt bề ngoài của mình bằng hương hoa, bôi trát son phấn để tạo cái đẹp giả tạo hoặc che giấu nhân dáng thực của mình, hoặc dùng các thứ trang sức vàng bạc, y phục diêm dúa đắt tiền lộng lẫy để chứng tỏ sự hào phóng giàu sang... có nghĩa là vị thầy đó chưa bao giờ tìm thấy một thứ giá trị cao tột nào ở phần tâm linh và đang bị dẫn dắt bởi những tiểu yêu tâm thường nhất của con ma dục vọng;

— khi một vị thầy ưa thích xuất hiện giữa đám đông quần chúng để được ca tụng và đón nhận lòng ngưỡng mộ từ kẻ khác, tung tiền bạc và lòng thương giả tạo để mua chuộc niềm tin của những kẻ nghèo kém vật chất và tinh thần... vị thầy đó đã tự chứng tỏ có một sự rỗng tuếch

bên trong của mình và đang cố gắng khóa lấp bằng ảo tưởng là có một thứ tự ngã cao quý được người khác nhìn nhận;

— khi một vị thầy lộ vẻ hãnh diện khi được sự tưởng thưởng từ các giới quyền lực thế gian, khiếp sợ và tỏ ý tuân phục các thứ cơ cấu chính quyền để mưu cầu an nguy cho bản thân, hoặc cảm thấy mình được tăng giá trị khi thân cận tiếp xúc với giới này, hoặc thâm góp tài sản dâng hiến của môn đệ để biếu tặng giới này mà mưu cầu danh vọng... vị thầy đó rõ ràng hãy còn cái tâm vị ngã, chưa thấy được giá trị cao tột của con đường xuất thế viển ly, chưa tìm được nơi nương tựa chân chính cho tâm linh mình và chưa tự làm ngọn đuốc soi sáng cho đời mình;

— khi một vị thầy thường lấy bằng cấp, sách vở, kiến thức thế gian và sự qui tụ đông đảo của giới trí thức học đường thế tục để làm thứ bảo chứng giá trị cho việc tu tập tâm linh của mình, có nghĩa rằng vị thầy ấy đang còn đứng ngoài vòng rào của trí tuệ siêu việt, chưa bao giờ nắm được chất liệu giải thoát giác ngộ thực sự và có thể là chưa từng bao giờ có khuynh hướng muốn vươn tới sự viển ly triệt để cả;

— khi một vị thầy làm được điều gì cũng hay có khuynh hướng tự kể lể, báo cáo, khoa trương, đưa hình ảnh và tên tuổi của mình ra trước công chúng qua các phương tiện truyền thông hoặc khích lệ, vui vẻ, tán đồng sự tăng bốc, khoa trương kể lể của môn đệ đối với việc làm của mình... vị thầy ấy hãy còn mê muội đắm mình trong ảo giác của những vầng hào quang huyền đối của dư luận và danh vọng thế gian;

— khi một vị thầy sợ hãi dư luận quần chúng, sợ hãi sự mang tiếng cho cá nhân mình, sợ hãi sự phiền hà rắc rối cho đời tư của mình mà ngoảnh mặt với điều thiện nên làm, làm ngơ trước điều ác đang làm khổ những đồng loại chung quanh mình, thì vị thầy ấy chưa có được tâm vô úy; chưa có được tâm vô úy có nghĩa là vị thầy ấy hãy còn nuôi giữ một thứ bản ngã to

lớn, co rút trong cái vỏ của vị kỷ, cầu an; điều này cũng chứng tỏ vị ấy chưa có được sự miễn tuệ của kẻ thực hành bồ tát hạnh và cũng chưa phát triển đúng mức lòng từ bi của mình đối với chúng sinh...

Vài nét đại cương ở trên dĩ nhiên không có giá trị tuyệt đối nhưng ít nhất chúng cũng cho chúng ta khái niệm về những biểu hiện của cái *ngã*—đối tượng để tu tập và chuyển hóa trong tất cả mọi pháp môn, mọi sinh hoạt của Phật giáo.

Trình bày những biểu hiện của sự chấp ngã, tôi chỉ hy vọng một điều duy nhất là những người môn đệ tìm cầu giải thoát giác ngộ có thể chọn được một minh sư chân chính nào đó để hướng dẫn mình đi đúng đường; còn những vị đang đóng vai trò hướng đạo thì cũng tự nhìn lại mình, lượng giá được chân tướng của mình cũng như con đường mà mình đang đi.

Trường hợp những người học trò chỉ tìm đến thầy để học đạo như cách học trò đến trường thu lượm kiến thức, hoặc chỉ như những học giả muốn tìm hiểu một thứ triết lý gì đó cho thỏa tính hiếu kỳ hay để soạn viết một tác phẩm biên khảo công phu mà dương danh với đời, hoặc như những người tín đồ đúng nghĩa (tức là chỉ đến với tôn giáo bằng niềm tin, không cần suy xét) tìm đến nơi thờ tự đáng thần linh để cầu sự che chở hoặc ban thưởng phước lành, hoặc những người tìm đến tôn giáo chỉ vì muốn trả ân đã được tôn giáo đó giúp đỡ vật chất khi ngặt nghèo, hoặc những người tìm đến với tôn giáo chỉ để học một cách sống đạo đức hay chỉ để học một nếp sống hòa bình, an lạc, nhàn nhã trong cuộc đời... thì bài viết này không liên hệ gì đến họ cả. Bởi vì những gì mà số người này tìm kiếm, họ có thể tìm được ở bất cứ nhà đạo đức nào, bất cứ vị học giả, bác sĩ tâm thần hay triết gia nào, bất cứ nhà từ thiện xã hội nào, bất cứ vị thầy nào của tất cả các tôn giáo có mặt trên thế gian này.

Nhưng để vĩnh viễn thoát ly sinh tử hay ít nhất cũng chọn được chính đạo để xác định tiêu đích giải thoát của mình, người học trò phải tìm cho kỳ được một vị chân sư (phàm hay thánh) đang ngày đêm nỗ lực hướng đến tiêu đích giải thoát đó và đang sống giữa cuộc đời ô trược này mà không đắm nhiễm cuộc đời. Tính cách bất nhiễm của vị chân sư đó được thể hiện trong tinh thần vô ngã. Sự tu tập của người theo Phật giáo khác với tín đồ của các tôn giáo khác ở chỗ đó.

Trong Phật giáo không có phương pháp cao thượng hay phương pháp thấp kém. Chỉ có phương tiện thiện xảo hay phương tiện không thiện xảo. Phương tiện có thiện xảo hay không là ở chỗ nó được thực hiện trong tinh thần vô ngã hay chấp ngã. *Phương tiện thiện xảo* là thứ phương tiện tối thắng, vừa cứu độ lợi ích cho chúng sanh vừa giúp hành giả dẹp trừ được sự chấp ngã và giải thoát sinh tử luân hồi. *Phương tiện không thiện xảo* thì chỉ giúp chúng ta trở thành những con người đàng hoàng, đứng đắn, mô phạm, đạo đức, sống an hòa trên cuộc đời.

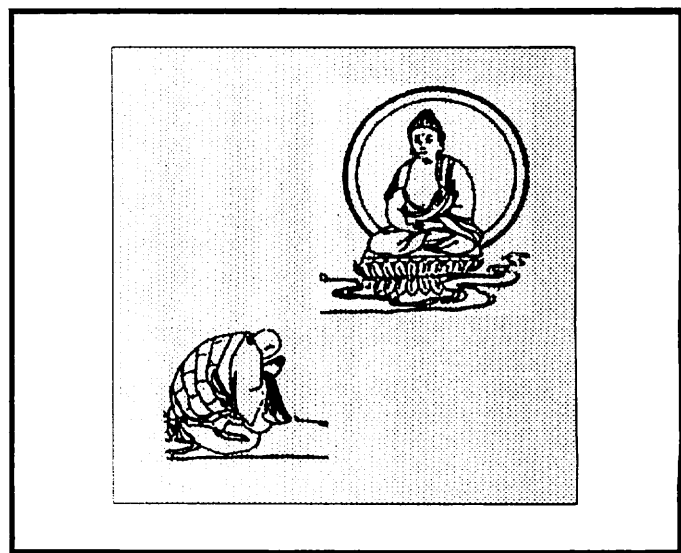
Nhà đạo đức suốt đời tuân thủ các qui tắc, mô phạm của thế gian, sẽ không hại ai và có thể đem lại lợi ích tạm thời nào đó về vật chất hay tinh thần cho kẻ khác, nhưng bản thân họ, cái ngã đang được nuôi lớn từng giây phút của họ, thì tiếp tục lang thang trong cõi luân hồi. Trong khi đó, việc hành đạo của một bậc chân sư thì vừa cứu độ chúng sanh, vừa cứu độ chính mình, ra khỏi trùng vây của ngã chấp, thoát ly hoàn toàn cái vòng lẩn quẩn của tử sinh.

Người xuất gia sở dĩ đứng trên tất cả là do đã sống vì tất cả; sống vì tất cả là do không còn bám chặt vào gốc rễ của tự ngã. Tu tập, hành đạo, làm việc thiện, mà cứ khư khư bám chặt lấy tự ngã thì suốt đời suốt kiếp cũng chỉ là viên sỏi lặn xuống đáy nước. Trong khi đó, những ai đã phá trừ tất cả mọi thứ gốc rễ, mọi thứ đeo bám, mọi thứ rườm rà nặng nhọc của hình thức và tự tâm, thì có thể như cánh nọn, như làn

mây, như sợi khói mỏng, hay như chiếc bong bóng, nhẹ nhàng bay lên bầu trời vô tận.

Thực ra, những vị chân tăng nói trên không phải là không có. Có khi họ ẩn thân ở một nơi đèo heo hút gió, mà cũng có khi họ sống rất gần gũi với chúng ta. Chỉ tại chúng ta thích chạy theo giá trị hời hợt của đám đông, cứ tưởng rằng hễ là chân sư thì phải nổi tiếng hoặc kẻ nào nổi tiếng thì phải là chân sư... nên không nhìn ra được những vị chân sư rất bình phàm, chơn chất, giản dị, có khi chẳng có một mảy may tài năng, phép lạ, tiếng tăm, bằng cấp, hay danh vọng gì cả... Không có thứ thước đo nào của thế gian này có thể lượng định được chân giá trị của một bậc chân sư. Chỉ có chìa khóa duy nhất: **tinh thần vô ngã**—mà Phật dạy từ hơn hai ngàn năm trước—là có thể mở ra cho người môn đệ nguồn hứng cảm vô tận của giải thoát giác ngộ. Tinh thần ấy đã đào tạo nên nhiều thế hệ chân tăng cho nhiều quốc gia, nhiều thời đại; cống hiến cho cuộc đời những bậc thầy thông dong tự tại, đến và đi một cách lặng lẽ, không cột trói mình vào bất cứ thứ hình thức rườm rà huyễn mộng nào của cuộc đời.

Riêng tôi, tôi luôn nhìn thấy họ quanh tôi, rất thân cận với tôi. Thân cận nhưng họ lại ở trên tôi rất xa, bởi vì họ đứng trên tất cả mà không bao giờ thấy mình đứng trên tất cả. ■



TIN TỨC SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

■ **200 Huynh trưởng ghi danh tự thiêu để phản đối việc Ban Tôn giáo chính phủ và Giáo Hội Phật giáo Nhà nước giải thể phong trào “Gia Đình Phật tử Việt Nam”**

200 Huynh trưởng tại Việt Nam đã ghi tên xin tự thiêu để phản đối việc nhà cầm quyền Cộng sản đàn áp Phật giáo và giải thể phong trào “Gia Đình Phật tử Việt Nam” của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống Nhất (GHPGVN-TN). Những sự biến trầm trọng trong việc triệt tiêu tôn giáo được tiến hành sâu rộng vào đầu năm 1997 này. Phong trào “Gia Đình Phật tử Việt Nam” coi như bị giải thể qua khóa họp thường niên lần thứ 5 của Giáo hội Phật giáo Nhà nước hôm 13/1/1997. Quá trình tiêu diệt này khởi sự từ năm 1995 theo chỉ thị của Ban Tôn giáo Chính phủ. Gia Đình Phật Tử Việt Nam là một phong trào thuần túy giáo dục thanh thiếu nhi của Phật giáo, ra đời cách đây 50 năm. Hiện phong trào có 300.000 đoàn viên từ 6 đến 18 tuổi (theo thống kê của nhà cầm quyền thì 60% ở tuổi 18). Từ trước đến nay, vụ Gia Đình Phật tử (GDPT) tuy trực thuộc Tổng vụ Thanh niên trong hệ thống GHPGVNTN, nhưng sinh hoạt tự trị theo một hệ thống dọc từ Ban Hướng dẫn Trung ương xuống đến các đoàn viên khuôn hội ở cấp tỉnh, xã. Trước hiện trạng suy thoái của ngành giáo dục nhà nước XHVN, phong trào này là chiếc phao giữ nền đạo lý dân tộc cho giới trẻ đang bị tha hóa trong một xã hội tiêu thụ và cướp giết.

■ **Tăng sĩ thuộc Giáo hội Khất sĩ không được quyền khất thực**

■ **Một vài trường hợp đàn áp tinh vi của nhà nước CS đối với các tăng sĩ Phật giáo bị bắt giam trái phép**

Trong khóa họp lần thứ 53 của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc diễn ra tại Điện Quốc Liên ở Genève, vào ngày 21/3/1997, Ông Võ Văn Ái đã tố cáo chính quyền Cộng sản trong âm mưu cắt đứt liên hệ giữa đạo Phật với quần chúng Phật tử, mà theo lời ông, quan hệ hài hòa này trải dài hai ngàn năm qua. Đây là sự kiện lấy cơ trật tự xã hội để cấm chư Tăng Khất sĩ không được khất thực kể từ đầu năm 1997. Truyền thống khất thực của Phật giáo Nguyên thủy (Theravada) có từ thời đức Phật và do Phật chế. Việc cấm đoán này là vi phạm trầm trọng quyền tự do tôn giáo và là tín hiệu cho một kế hoạch đàn áp tinh vi mới của nhà cầm quyền Hà Nội cần được quan tâm.

Điều trầm trọng khác là sau khi bắt bớ trái phép các Tăng sĩ thuộc GHPGVNTN, kết án trái phép, rồi khi thi hành xong bản án họ không được trở về chùa là nơi trú xứ của người tu hành, cũng là nơi cư trú hợp pháp theo quy chế nhân khẩu thường trú của nhà nước được ghi rõ trên Chứng minh nhân dân của các vị Tăng sĩ này. Đại đức Thích Hạnh Đức, trả tự do tháng 7, 1996, không được trở về chùa Sơn Linh ở Bà Rịa do tay Đại đức dựng lập. Chùa cũng như tài sản, kinh sách, đáng giá một trăm triệu đồng bị chính

quyền địa phương tịch thu. Đại đức viết thư khiếu nại lên ông Võ Văn Kiệt, nhưng không được trả lời. Đại đức Thích Hải Tạng, trả tự do tháng 12/1996, không được trở về chùa Linh Mục ở Huế, mà phải lưu ngụ tại Quảng Trị. Hai Đại đức Thích Hải Thịnh và Thích Hải Chánh, được trả tự do, nhưng đã bị bắt lại ngày 22/11/1996 đưa về quản thúc ở nguyện quán.

200 công an vây chùa Linh Mục bắt đi để cưỡng chiếm một trong những trung tâm chống kháng của Phật giáo Huế. Trường hợp Hòa thượng Thích Huyền Quang, lãnh đạo GHPGVNTN, bị quản thúc tại Quảng Ngãi từ 15 năm qua không xét xử, vẫn không được trở về hành đạo tại ngôi chùa của Hòa thượng ở Saigon.

Chính sách đàn áp tôn giáo của nhà cầm quyền Hà Nội nhằm triệt tiêu nền Phật giáo truyền thống, mà người đại biểu chính đáng và duy nhất là GHPGVNTN, thể hiện qua việc xóa mờ hình ảnh người Tăng sĩ ra khỏi các ngôi chùa và đường lộ khát thực. Ấy là chưa nói đến âm mưu thâm độc tiêu diệt lực lượng trẻ Gia Đình Phật tử Việt Nam của Phật giáo.

(Trích *Thông Cáo Báo Chí* ngày 21/3/1997 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế.)

■ Ủy ban Bảo Vệ Quyền làm Người Việt Nam yêu cầu LHQ có “hành động khẩn” cho Đại đức Thích Trí Tụ

Được “Tăng đoàn Bảo vệ Chánh Pháp Thừa thiên-Huế” báo động thẳng đến Genève. Chiều ngày 26/3/1997, ông Võ Văn Ái, nhân danh chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Quyền làm Người Việt Nam kiêm phó chủ tịch Liên Đoàn Quốc Tế Nhân quyền, đã yêu cầu Ủy ban Nhân quyền LHQ và ông Abdelfattah Amor, Báo cáo viên của LHQ đặc nhiệm về Đàn áp Tôn giáo, dùng thủ tục “Hành động khẩn” can thiệp với nhà cầm quyền Hà Nội để các Tăng sĩ Phật giáo Thích Trí Tụ,

Thích Hải Tạng, Thích Hạnh Đức, Thích Hải Chánh, Thích Hải Thịnh được trở về chùa Linh Mục và chùa Sơn Linh là nơi thường trú hợp pháp của họ.

Đại đức Thích Trí Tụ (thế danh Lê Quang Vinh) sinh năm 1953, xuất gia lúc 5 tuổi. Từ đó cho đến nay (lúc bị bắt năm 1993) Đại đức sống và tu học ở chùa Linh Mục được 35 năm; và được cố Đại lão Hòa thượng Thích Đôn Hậu chỉ định kế thừa làm Giám tự chùa từ năm 1992. Trên giấy Chứng minh Nhân dân số 190448882 cũng ghi rõ nơi thường trú là chùa Linh Mục ở xã Hương Long, huyện Hương Điền, Bình Trị Thiên (Huế). Nhân vụ tự thiêu của Phật tử Nguyễn Ngọc Dũng ở chùa Linh Mục, ĐĐ. Trí Tụ bị công an đòi lên “làm việc” rồi bắt giữ tại Ủy ban Nhân dân thành phố sáng ngày 24/5/1993. Sự việc gây công phẫn Phật tử Huế, biến thành cuộc biểu tình 40,000 người để giải thoát đưa ĐĐ. trở về chùa. Sau đó, ĐĐ. bị bắt ngày 5/6/1993 cùng với các ĐĐ. Hải Tạng, Hải Thịnh, Hải Chánh và 5 Phật tử. Bị xử 4 năm tù vì tội “phá rối trật tự công cộng” vào ngày 15/11/1993 trong một trại binh quân đội.

Vừa qua, chùa Linh Mục được thông báo là ĐĐ. Trí Tụ sẽ được trả tự do vào ngày 5/3/1997. Đông đảo Tăng chúng Huế ra tận trại Ba Sao ở Nam Hà đón ĐĐ. đến nơi mới biết hai thiếu tá công an Ngọc và Linh, cán bộ phòng PA.16 Huế, đã chở ĐĐ. đi một ngày trước đó. Không đưa về nơi thường trú chùa Linh Mục, mà đưa ĐĐ. Trí Tụ về quản thúc tại chùa Tây Thiên, xã Thủy Xuân, cách Huế 5 cây số về hướng Nam. Tại đây, công an giao cho một nhà sư trực thuộc giáo hội của nhà nước giám sát và quản lý theo chiếu bài “dùng thầy tu bắt giữ thầy tu, biến chùa chiến thành Trại giam.”

Trường hợp của ĐĐ. Thích Trí Tụ cũng là trường hợp đã xảy ra cho các ĐĐ. Thích Hải Tạng (trả tự do ngày 5/12/1996 nhưng không được trở về chùa Linh Mục, mà bị quản thúc ở

xã Triệu Thương, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị), Thích Hải Chánh (trả tự do ngày 30/4/1995, bị bắt lại hôm 22/11/1996 đưa về quản thúc ở xã Triệu Trung, tỉnh Quảng Trị). Thích Hải Thịnh (trả tự do ngày 5/3/1996, bị bắt lại hôm 22/11/1996 đưa về quản thúc ở phường Phú Hội, Huế). Trường hợp ĐĐ. Thích Hạnh Đức trả tự do vào tháng 7/1996, nhưng ngôi chùa Sơn Linh ở Bà Rịa—Vũng Tàu do ĐĐ. tạo lập đã bị nhà nước tịch thu với toàn bộ tài sản, kinh sách trị giá 100 triệu đồng. ĐĐ. viết đơn khiếu nại gửi ông Võ Văn Kiệt và các cơ quan nhà nước. Nhưng cũng giống như đơn khiếu nại của hai ĐĐ. Hải Thịnh và Hải Chánh, không hề được trả lời hay giải quyết.

Trong 5 trường hợp kể trên, nhà cầm quyền Hà Nội đã vi phạm điều 68 trong Hiến Pháp quy định “công dân có quyền đi lại và cư trú ở trong nước”, và điều 74 quy định “công dân có quyền khiếu nại, quyền tố cáo với cơ quan nhà nước về những việc làm trái pháp luật của cơ quan Nhà nước... Việc khiếu nại, tố cáo phải được cơ quan Nhà nước xem xét và giải quyết... Nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo làm hại người khác.”

(Trích *Thông Cáo Báo Chí* ngày 27/3/1997 của Phòng Thông Tin Phật Giáo Quốc Tế)

■ THÔNG BÁO VỀ CUỘC TUYỆT THỰC CẦU NGUYỆN CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT ÂU CHÂU

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
ÂU CHÂU

Congrégation Bouddhique Vietnamienne en Europe

Chùa KHÁNH ANH

Bagneux ngày 25/4/1997

Kính gửi:-- Chư Tôn Hòa Thượng trong Hội
Đồng Chứng Minh

-- Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni,
GHPGVNTN Âu Châu

-- Ban Chấp Hành các Hội Phật Giáo Việt
Nam tại các nước Âu Châu

-- Ban Hướng Dẫn Trung Ương và các Ban
Hướng Dẫn GĐPTVN tại các nước Âu Châu

Kính bạch Chư Tôn Đức

Kính thưa Quý vị và chư đạo hữu,

Pháp nạn tại Quốc nội vẫn còn nặng nề, trầm trọng, tuy rằng có tin quý thầy Hải Tạng, Hải Chánh, Hải Thịnh (chùa Linh Mục—Huế), thầy Hạnh Đức (chùa Sơn Linh—Bà Rịa) được trả tự do.

Đại Đức Thích Hải Tạng được trả tự do vào tháng 12/1996, nhưng không được trở về chùa Linh Mục. Quý Đại Đức Thích Hải Thịnh và Hải Chánh được trả tự do về chùa Linh Mục nhưng đến ngày 22/11/1996 bị 200 công an bao vây chùa bắt đem về nguyên quán, quản thúc tại đó. Đại Đức Thích Hạnh Đức được trả tự do vào tháng 7/1996, nhưng không được trở về chùa Sơn Linh (Bà Rịa) là ngôi chùa do chính thầy xây dựng lên. Đồng thời tài sản, kinh sách của chùa Sơn Linh bị chánh quyền địa phương tịch thu từ khi thầy bị bắt đến nay không được hoàn lại.

Quý Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Quý Thượng Tọa, Đại Đức Thích Tuệ Sỹ, Trí Siêu, Trí Tự... vẫn còn trong vòng quản thúc, tù đầy... chỉ vì đòi hỏi tự do tôn giáo, phục hoạt Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất.

Gần đây, Đảng và nhà nước Cộng sản Việt Nam còn đi xa thêm một bước nữa. Đó là giải thể phong trào Gia Đình Phật tử Việt Nam. Đây là một tổ chức Giáo dục thanh thiếu niên Phật tử của Giáo Hội đã có một thành quả tốt và một lịch sử sinh hoạt lành mạnh từ 50 năm qua trên

đất nước Việt Nam.

Ngày 3/3/1995 Ban Tôn Giáo Chính phủ Hà Nội ra chỉ thị số 01. TT-TGCP đổi tên “Gia Đình Phật tử Việt Nam” thành ra “Sinh hoạt Nam Nữ Phật tử” và sáp nhập vào hệ thống kiểm soát của Giáo hội Phật giáo nhà nước. Chừng đó cũng chưa thấy hữu hiệu. Đến ngày 14/5/1996 Ban Chấp Hành Trung Ương Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh đưa ra một “Bản Hướng Dẫn” mang số 044HD/TWDTN chỉ thị cho cán bộ của Đoàn này phải xâm nhập vào các cấp Gia Đình Phật tử và đặc biệt là giới Huynh Trưởng để “*tổ chức tốt các đợt tuyên truyền, vận động giúp cho thanh, thiếu nhi là đoàn sinh đội ngũ Huynh Trưởng nắm được đường lối chính sách của Đảng và nhà nước...*” Rồi dần dần “Gia Đình Phật tử” hay “Sinh hoạt Nam Nữ Phật tử” sẽ bị xóa tên luôn để trở thành “Chi hội liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam.” Bản hướng dẫn số 044 nói trên của Đoàn Thanh Niên Cộng sản Hồ Chí Minh nhấn mạnh rõ ràng: “...*Ở các địa bàn đông thanh niên Phật tử, các chi hội lấy tên thống nhất là ‘Chi hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam’ không lập riêng ‘Chi hội Thanh Niên Phật tử.’*”

Như thế đã quá rõ ràng Đảng và Nhà nước Cộng Sản Việt Nam, từng bước, từng giai đoạn, nhằm phá vỡ để tiêu diệt phong trào Gia Đình Phật tử Việt Nam mà Chư Tôn Đức và Liệt vị Cư sĩ, Huynh Trưởng đã dày công vun xới xây dựng hơn 50 năm qua.

Để phản đối ý đồ thâm độc này, tại quốc nội, nhiều huynh trưởng Gia Đình Phật tử, đã can đảm lên tiếng. Và gần đây, khoảng 200 huynh trưởng đã cho biết ý nguyện sẽ tự thiêu để tỏ rõ lập trường bảo vệ lý tưởng của Gia Đình Phật tử từ 50 năm qua là không xu phụ theo bất cứ một thế lực cường quyền nào để phản bội dân tộc. Tin này đã được các hãng thông tấn quốc tế loan đi (từ khóa họp lần thứ 53 về Nhân quyền do Liên Hiệp Quốc triệu lập tại Genève)

và chánh phủ Hà Nội đã vội vã lên tiếng phủ nhận!

Để tưởng niệm ân đức chư vị Tiên bối đã dày công xây dựng Phong trào Gia Đình Phật tử Việt Nam, cũng như để yểm trợ tiếng gọi thống thiết của đông đảo anh chị em Huynh Trưởng Gia Đình Phật tử tại Quốc Nội, Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn thuộc GHPGVNTN Âu Châu, nhân mùa Phật Đản năm nay 2541-1997 quyết định tổ chức:

24 giờ tuyệt thực cầu nguyện trước Quốc hội Âu Châu và tòa nhà Nhân Quyền tại Strasbourg—Pháp.

Địa điểm: Như trước đây đã nhiều lần thực hiện.

Ngày giờ: 2 giờ chiều ngày 14/05/1997 đến 2 giờ chiều ngày 15/5/1997.

Sau đó là đưa thỉnh nguyện thư vào Quốc hội và tòa nhà Nhân Quyền thuộc nghị hội Âu Châu.

Vậy kính xin thông báo đến chư Tôn Đức Tăng Ni trong Giáo Hội và tha thiết kêu gọi toàn thể Phật tử Các Ban Hướng Dẫn, Các Gia Đình Phật tử và bà con đồng hương tích cực về tham dự ngày tuyệt thực cầu nguyện nói trên. Vì các buổi họp của Quốc Hội Âu Châu đều ra vào ngày trong tuần, nên nhiều người muốn tham gia đều phải chường duyên trở ngại. Do đó ban tổ chức hết sức thông cảm và kêu gọi sự nhiệt tâm của quý vị, cố gắng sắp xếp ngày giờ đồng thời vận động nhiều bà con rảnh rỗi để tham dự đông đảo.

Mọi liên lạc để biết thêm chi tiết về cầu nguyện này, xin điện thoại về:

Chùa Khánh Anh (Pháp) số 01 46 55 84 44
Chùa Viên Giác (Đức) số 0511 87 96 30
Hội Phật Giáo Việt Nam tại Strasbourg
(Bác sĩ Long) số 03 88 33 10 32

Kính chúc và cầu nguyện cho Quý vị thân

tâm thường lạc và Pháp Nạn sớm được tiêu trừ.
TM GHPGVNTN Âu Châu
Ủy Ban Giải Trừ Pháp Nạn
Thượng Tọa Thích Minh Tâm
Trưởng ban Điều Hành

Đồng kính gửi: Các tổ chức Đoàn Thể
Cộng Đồng Việt Nam “kêu gọi tham gia hỗ trợ.”

■ **TÂM THƯ CỦA BAN HỘ TRÌ
CHÁNH PHÁP TRUNG ƯƠNG
GHPGVNTNHN-HK**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT
HẢI NGOẠI TẠI HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNIFIED BUDDHIST
CONGRESS IN THE UNITED STATES OF
AMERICA

BAN HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP TRUNG ƯƠNG
803 S. Sullivan St., #B, Santa Ana, CA 92704
Tel: (714) 667-1082 / (408) 292-1670
Fax: (714) 953-1871
Phật lịch 2540
San Jose, 3/31/1997
Số 003/97/VP/CT/BHTCP/TU.

Tâm thư

Thưa Quý Hội Đoàn, Đoàn Thể, cùng Đồng
Hương Phật tử kính mến,

Ban Hộ Trì Chánh Pháp Trung Ương tại Hoa
Kỳ trân trọng thông báo đến Quý Hội Đoàn,
Đoàn Thể Đồng Hương Phật Tử khắp nơi tại hải
ngoại về tình trạng đàn áp Tôn Giáo của nhà
cầm quyền Hà Nội qua diễn đàn Liên Hiệp
Quốc.

Khóa họp của Ủy Ban Nhân Quyền Liên
Hiệp Quốc đã diễn ra tại Genève vừa qua.
Trước 2000 đại biểu của 135 chính phủ và 125
tổ chức phi chính phủ, Ông Abdelfattah Amor,
báo cáo viên đặc nhiệm về Tôn Giáo của LHQ

đã trình bày các lãnh vực vi phạm nhân quyền
của nhà cầm quyền Hà Nội là ngược đãi, khủng
bố, tù đầy các Tu Sĩ, đàn áp tín ngưỡng Phật
Giáo và Thiên Chúa Giáo v.v...

Ông Võ Văn Ái cũng nhân danh Chủ Tịch
Ủy Ban Bảo Vệ quyền làm người Việt Nam,
kiêm Phó Chủ Tịch Liên Đoàn Quốc Tế Nhân
Quyền cũng đã lên tiếng tố cáo những vi phạm
tự do tín ngưỡng, đàn áp các GHPGVNTN,
Thiên Chúa Giáo và Cao Đài.

Ông Louis Joinet và Ông Nigel Rodley
thuộc tổ chức hành động chống bắt bớ trái phép,
chống các hình thức tra tấn, ngược đãi tàn bạo
vô nhân đạo, cũng báo cáo trước Đại Hội là đã
phải can thiệp với Hà Nội để cứu ĐĐ Thích Hải
Tạng thoát khỏi tình trạng ngược đãi trong tù
vào tháng 4/96.

Bà Alexandra Arriaga, nhân danh phái
đoàn Hoa Kỳ đã tuyên bố trong bài phát biểu là
“Chính Quyền Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục
hạn chế hoạt động tín ngưỡng của người Phật
Tử, Công Giáo và Tin Lành.”

Phái đoàn chính phủ Ái Nhĩ Lan, Ông John
D. Biggar cũng lên tiếng yêu cầu nhà cầm
quyền Hà Nội đừng im lặng nữa mà hãy trả lời
các điều chất vấn của Ông Báo Cáo Viên đặc
nhiệm Tôn Giáo về sự đàn áp và vi phạm tự do
Tôn giáo tại VN.

Thái độ của Hà Nội là đã luôn luôn ngoan
cố phủ nhận các lời tố cáo và vẫn không ngừng
thi hành chính sách tiêu diệt Tôn Giáo mà trong
đó GHPGVNTN đã và đang phải chịu đựng
nặng nề nhất.

Hơn hai mươi năm qua, chúng ta đã là nạn
nhân của cộng sản, hơn ai hết, đã thấu hiểu sự
gian ngoan, lừa bịp của nhà nước CS Hà Nội,
luôn luôn cao rao tự do dân chủ nhưng tất cả chỉ
là hình thức mà thực chất đều do CS kềm kẹp,
sai khiến. GHPGVN được CS dựng lập từ năm
1981 chỉ là một công cụ của CS nhằm trấn áp
tiêu diệt GHPGVNTN. Chúng ta đã nhiều lần

tố cáo những sự đàn áp trắng trợn qua các việc tù đầy, an trí quý vị lãnh đạo của Giáo hội, như trường hợp các Ngài Hòa Thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo từ tháng 2 năm 1982 đến bây giờ vẫn không được trả tự do. Hòa Thượng Quảng Độ Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo bị đầy biệt tích không được thăm nuôi cho tới ngày hôm nay, cùng một số Tăng, Ni, Phật Tử GHPGVNTN và việc cưỡng bức chiếm đoạt chùa chiền cơ sở văn hóa Phật Giáo từ năm 1975 và đến nay vẫn còn tiếp tục. Không riêng gì tu sĩ Phật Giáo bị khủng bố, bức hại mà phong trào của quần chúng Phật Tử trung thành với GHPGVNTN cũng bị đàn áp và ngăn cấm hoạt động.

Nguồn tin từ trong nước đưa ra cho biết 200 Huynh Trưởng Gia Đình Phật Tử đã xin tự thiêu để phản đối việc nhà cầm quyền Hà Nội đàn áp Phật Giáo và giải thể phong trào “Gia Đình Phật Tử Việt Nam” trực thuộc GHPGVNTN thật sự đã làm chúng ta xúc động, âu lo.

Nhân danh CT/BHTCP tại Hoa Kỳ chúng tôi thiết tha kêu gọi quý Hội Đoàn, Đoàn thể cộng đồng người Việt quốc gia tại hải ngoại, cùng đồng bào Phật Tử khắp nơi, hãy lên tiếng yêu cầu nhà cầm quyền Hà Nội đình chỉ những hành động vi phạm nhân quyền, nhất là đối với quyền tự do tín ngưỡng.

Chúng tôi cũng long trọng yêu cầu UBND/LHQ can thiệp với nhà cầm quyền Hà Nội để quyền tự do tín ngưỡng được tôn trọng, trước mắt là Tăng, Ni phải được quyền cư trú nơi thường trú không viện cớ vào lý do này hay lý do khác, buộc những vị Tăng, Ni ở những nơi xa xôi hẻo lánh mà không phải là nơi thường trú cũ và thu hồi lệnh cấm sinh hoạt đối với GDPTVN. Mà Giáo Hội của nhà nước đã ký vào tháng giêng năm 1997. Sự đàn áp trắng trợn của nhà nước Cộng Sản Hà Nội chỉ đem lại khổ đau cho đồng bào, ách nạn cho dân tộc.

BHTCPTU tại Hoa Kỳ cũng long trọng kêu

gọi mọi giới đồng bào, nhất là Phật Tử hãy sáng suốt để khỏi mắc mưu tuyên vận của CS trong việc che đậy, khóa lấp sự đàn áp Phật Giáo tại quê nhà và các Tôn giáo nói chung.

Thái độ phản đối nhà cầm quyền Hà Nội vi phạm nhân quyền đàn áp Tôn Giáo của đồng bào Hải Ngoại sẽ làm cho CSVN chùn tay trong việc khủng bố Tu Sĩ, Cư Sĩ tại quê nhà, giảm bớt khổ đau của dân tộc.

Chúng ta hãy chấp tay nguyện cầu cho Quê hương, Đạo pháp sớm không còn ách nạn Cộng Sản. Toàn dân Việt Nam có một cuộc sống an bình ấm no hạnh phúc thật sự.

Trân Trọng

TM. Ban Hộ Trì Chánh Pháp Trung Ương

Chủ Tịch

T.T. Thích Trí Lãng

THÔNG BÁO

Tại Phật Học Viện Quốc Tế mỗi sáng chủ nhật, lúc 8 giờ 30 phút, HT Thích Thuyền Ấn thuyết pháp. Từ đầu năm đến nay, HT đã liên tục giảng đề tài “*Sĩ Đạt Ta với Dòng sông*” sắp kết thúc. Tiếp theo, Ngài sẽ liên tục giảng trọn bộ kinh *Pháp Hoa* trong những tuần sắp đến.

Ngoài ra, mỗi chiều chủ nhật lúc 3 giờ đều có thuyết pháp do HT Thích Đức Niệm và các ĐĐ giảng sư Thích Minh Chí, Thích Minh Quang, Thích Quảng Thiện, luân phiên thuyết giảng. Muốn rõ nghĩa lý huyền diệu kinh Phật, nhận chân tư tưởng Phật đà, để sự tu tập có hiệu quả, kính mời quý Phật tử tùy hỷ về viện tham dự nghe pháp để khỏi bỏ lỡ cơ hội tốt.

Kính mời.

HÌNH ẢNH SINH HOẠT



Chùa Từ-Đàm ở Dallas Texas nhìn toàn diện từ phía trước. Bên ngoài đã hoàn chỉnh. Bên trong chưa xong. Đây là một trong những giáo sản của Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thống-Nhất Hải-Ngoại tại Hoa-Kỳ trong công cuộc hoàng pháp phát triển văn hóa và niềm tin. Rất mong quý Phật tử gần xa góp phần công đức để cho ngôi Tam-Bảo sớm hoàn thành. Địa chỉ: **TỪ ĐÀM: 615 Gilbert Rd., Irving, TX 75061 — Tel. (214) 986-1019**



Chùa Tam-Bảo ở Fresno, California, do Đại-Đức Thích-Tâm-Quang trụ trì đã nhiều năm dày công tâm lực cực khổ xây dựng cùng với sự nhiệt tình hỗ trợ của thập phương Phật tử gần xa, nay đã hoàn tất. Để cúng dường hồng ân Tam-Bảo gia hộ và để đền đáp Phật tử bốn phương đã góp phước, Chùa sẽ tổ chức Đại Lễ Khánh Thành 29-06-1997. Địa chỉ:

CHÙA TAM-BẢO: 2459 SOUTH ELM Ave., FRESNO, CA 93706 — Tel. (209) 264-2728

TRI - ÂN

Phương danh Chư Tôn Đức và Phật tử ủng hộ Tạp Chí Phật-Giáo Hải-Ngoại.

H.T. Thích-Giác-Nhiên	\$200.00	Ni-Sư Thích-Nữ Nguyễn-Thanh	\$100.00
H.T. Thích-Chánh-Lạc	\$300.00	Chùa Phật Ân	\$100.00
H.T. Thích-Trí-Chơn	\$300.00	Chùa Giác Hoa (Amarillo)	\$200.00
H.T. Thích-Thắng-Hoan	\$100.00	Chùa Giác Hoa (TX)	\$100.00
T.T. Thích-Tín-Nghĩa	\$100.00	Chùa Liên Hoa (WA).....	\$50.00
Đ.Đ. Thích-Tâm-Quang	\$50.00	Đạo Tràng Tam Bảo Oakland	\$50.00
Phật-Học-Viện Quốc-Tế	\$500.00	Chùa Quang Minh	\$200.00
Phật tử Bốn Nhon & Bốn Thiện	\$50.00	Pt. Lê Thị Dương	\$200.00
Pt. Phúc Hải & Diệu Hòa	\$100.00	Pt. Phiêu N. Trần	\$120.00
Pt. Thanh Chánh	\$50.00	Pt. Nguyễn-Văn-Hoa	\$100.00
Pt. Diệu Hoa Thọ	\$50.00	Pt. Lê-Mạnh Trùy	\$100.00
Pt. Trần-Thị-Hạp Pd. Diệu Hòa	\$50.00	Pt. Nguyễn Hồng Châu	\$50.00
Pt. Nguyễn-Kim-Hoa Pd. Quảng Liên ...	\$50.00	Pt. Nguyễn Thành Châu	\$40.00
Pt. Nguyễn-Xuân-Quan Pd. Quảng Trọng ..	\$25.00	Pt. Nguyễn Tấn	\$30.00
Pt. Nguyễn-Xuân-Phúc Pd. Quảng Lộc...	\$25.00	Pt. Nguyễn Căn	\$30.00
Pt. Huỳnh-Tấn-Lê	\$200.00	Pt. Đồng Trúc Thái Bữu Chi	\$30.00
Pt. Nguyễn-Mậu-Hung		Pt. Quách-Hoa-Anh	\$25.00
Thảo T.N. Nguyễn	\$50.00	Pt. Trần-Thị-Yến Pd. Chúc Hải	\$25.00
Pt. Thắng Tín	\$50.00	Pt. Hồng Thịnh	\$20.00
Pt. Diệp Mai	\$50.00	Pt. Trương T. Ngọc-Hà Pd. Như Đức ...	\$20.00
Pt. Diệu Hỷ & Diệu Hiếu & Diệu Hiền...	\$30.00	Pt. Mrs. Viên Lạc	\$20.00
Pt. Diệu Thanh	\$20.00	Pt. Bạch Yến	\$20.00
Pt. Diệu Chơn	\$20.00	Pt. Le Ho	\$20.00
Pt. Hoa Thiện	\$20.00	Pt. Nguyễn Tâm	\$20.00
Pt. Ấn Danh	\$20.00	Pt. Diệu Viên	\$20.00
Pt. Phan-Ngọc-Diên Pd. Diệu Giác Lam .	\$30.00	Pt. Nguyễn-Văn-Hai	\$20.00
Pt. Toàn Lợi	\$20.00	Pt. Hoàng Tân	\$20.00
Pt. Trần Lê Vinh	\$20.00	Pt. Hồng Diệp Lê Ngô	\$20.00
Pt. Chơn Quán	\$20.00	Pt. Quách Thị Tâm	\$15.00
Pt. Diệu Hòa & Diệu Lý & Minh Đức ..	\$10.00	Pt. Nguyễn Thị Sen	\$10.00
Pt. Kim Ly	\$5.00	Pt. Phạm-Văn-Châu	\$10.00

NHỮNG KINH SÁCH DO PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ XUẤT-BẢN
(The Publication of P.H.V.Q.T. available for distribution and voluntary donation)

BẢN THƯ MỤC THÁNG 05 - 1997

Kinh Hoa Nghiêm (Trọn bộ 8 quyển - bìa dày)	Thích Trí Tịnh mỗi quyển	\$12.00
Kinh Nhứt Tụng	(Tụng Niệm hằng ngày)	\$12.00
Kinh Nghi Thức Tụng Niệm(đủ loại nghi thức).....	(Thống Nhất cỡ nhỏ)	\$7.50
Kinh Nghi Thức Hồng Danh Sám Hối (Nghĩa)	Thích Đức Niệm soạn	\$2.00
Kinh Nghi Thức Tụng A-Di-Đà & Phổ Môn	Thích Đức Niệm soạn	\$4.00
Kinh A Di Đà Sơ Sao	Thích Hành Trụ	\$10.00
Kinh A Nan Vấn Phật Sự Phật Cát Hung	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bát Đại Nhân Giác	Thích Thanh Từ	\$5.00
Kinh Bảo Tích	Thích Đức Niệm dịch giải	\$7.00
Kinh Bách Dụ	Thích Nữ Như Huyền	\$4.00
Kinh Bách Dụ (Anh-Hán)	\$5.00
Kinh Dược Sư	Thích Huyền Dung	\$4.00
Kinh Đại Bát Nhã (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$36.00
Kinh Đại Bát Niết Bàn (Trọn bộ 3 quyển - bìa dày mạ vàng)... ..	Thích Trí Tịnh	\$42.00
Kinh Đại Nhứt	Pram Nguyễn	\$9.00
Kinh Địa Tạng Nghĩa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Địa Tạng Mật Nghĩa	Chánh Trí	\$6.00
Kinh Đại-Bi-Sám & Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (hình màu tuyệt đẹp)... ..	Thích Thiện Tâm	\$13.00
Kinh Tâm-Đà-Ra-Ni Xuất Tượng (loại bỏ túi hình màu tuyệt đẹp)... ..	Thích Thiện Tâm	\$6.00
Kinh Giải Thâm Mật	Thích Trí Quang	\$7.00
Kinh Hiền Ngu	Thích Trung Quán	\$9.00
Kinh Kim Cang	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Kinh Lăng Già Tâm Ấn	Thích Thanh Từ	\$9.00
Kinh Mục Liên Sám Pháp	Thích Quảng Độ	\$7.00
Kinh Pháp Cú	Thích Trí Đức	\$4.00
Kinh Pháp Hoa (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$12.00
Kinh Pháp Bảo Đàn (Bìa dày mạ vàng)	Thích Minh Trực	\$7.00
Kinh Phổ Môn Giảng Lục	Thích Trí Nghiêm	\$8.50
Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên (Việt-Anh, bìa dày)	Thích Trí Tịnh	\$7.00
Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới	Thích Trí Tịnh	\$4.00
Kinh Tam Thiên Phật Danh	Ấn Tích Thiền Sư	\$9.00
Kinh Tam Bảo (Ấm Nghĩa, bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Tịnh	\$9.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Trọn bộ 2 quyển, bìa dày)	Cư Sĩ Tâm Minh	\$30.00
Kinh Thủ Lăng Nghiêm (Dịch và Giải, bìa dày)	Thích Bích Liên	\$15.00
Kinh Thủy Sám (Bìa dày mạ vàng)	Thích Trí Quang	\$9.00
Kinh Thắng Man Nhứt Thừa Đại Phương Tiện	Thích Đức Niệm dịch	\$8.00
Kinh Thiện Ác Nhân Quả (Có hình chú thích Việt-Anh)	Thích Trung Quán	\$3.00
Kinh Vị Tăng Hữu Thuyết Nhân Duyên	Thích Hành Trụ	\$5.00
Kinh Viên Giác	\$3.00
Ánh Đạo Vàng	Võ Đình Cường	\$5.00
Ba Ngàn Năm Một Kiếp Luân Hồi	Thích Tâm Quang	\$8.00
Bát Quan Trai Thập Giảng	Diễn Bồi Đại Sư	\$7.00
Bồ Đề Đạt Ma Quán Tâm Pháp	Bồ Đề Đạt Ma	\$8.00
Biện Minh Tu Chứng	Thích Trung Quán	\$5.00
Bước Đầu Học Phật	Thích Thanh Từ	\$7.00
Câu Chuyện Dòng Sông	Phùng Khánh	\$5.00
Các Tông Phái Của Đạo Phật	Tuệ Sĩ	\$9.00
Con Người Siêu Việt (Milarepa).....	Đỗ Đình Đồng dịch	\$6.00
Cốt Tủy Nghi Lễ Phật Giáo	Thích Tín Nghĩa phụng soạn	\$10.00
Cốt Tủy Đạo Phật	Trúc Thiên	\$5.00
Cuộc Đời Đức Phật (Anh - Việt)	Thích Trí Chơn	\$7.00
Cương Yếu Giới Luật	Thích Thiện Siêu	\$6.50
Cửa Thiền Dính Bụi	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Cửa Thiền Vẩn Mờ	Diệu Nga	\$9.00
Cho Trọn Mùa Xuân	Thích Đức Niệm	\$7.00
Chìa Khóa Học Phật	Thích Thanh Từ	\$5.00
Chú Lăng Nghiêm & Thập Chú (Bìa dày loại bỏ túi).....	\$3.00
Chết Có Thật Đáng Sợ Không (Việt-Anh).....	Thích Tâm Quang dịch	\$7.00

Chư Thiên Đức Hành Trang (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ	\$16.00
Chứng Đạo Ca	Huyền Giác Thiền Sư	\$5.00
Duy Thức Nhập Môn	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Đại Cương Triết Học Phật Giáo	Thích Đạo Quang	\$6.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Đại Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận	Thích Quảng Độ	\$8.00
Đạo Phật Với Tuổi Trẻ	Thích Thanh Từ	\$5.00
Đạo Phật Và Đời Sống Hiện Đại (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Để Hiểu Đạo Phật	Phương Bối	\$5.00
Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn	Thiền Sư Huệ Hải	\$4.00
Đức Phật Và Phật Pháp (Bìa dày)	Phạm Kim Khánh	\$12.00
The Buddha And His Teachings	Đại Đức Narada	\$8.00
Đường Vào Ánh Sáng Đạo Phật	Tịnh Mặc	\$4.00
Hạnh Phúc Lửa Đồi (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Hai Ngàn Năm Việt Nam & Phật Giáo	Lý Khôi Việt	\$7.00
25 Bài Thuyết Pháp Của Thái Hư Đại Sư	Thích Khánh Anh dịch	\$8.00
Hoa Nghiêm Nguyên Nhân Luận	Thích Khánh Anh dịch	\$6.50
Hiển Mật Viên Thông	Thích Viên Đức dịch	\$5.00
Huyền Học Đạo Phật Và Thiền Chứa	D.T. Suzuki	\$6.00
Huyền Trang (Việt-Anh)	Thích Minh Châu	\$9.00
Huyền Luận Về Kinh Diệu Pháp Liên Hoa	Thái Hư Đại Sư	\$4.00
Lá Thư Tịnh Độ	Liên Du	\$7.00
Làm Sao Thực Hành Lời Phật Dạy (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Làm Sao Sống Khỏi Sợ Hãi & Lo Lắng (Việt-Anh)	Thích Tâm Quang	\$5.00
Lãng Nghiêm Đại Định	Thích Huệ Hưng	\$2.00
Liễu Sanh Thoát Tử	Thích Quang Phú	\$4.00
Lối Vào Nhân Minh Học	Thích Thiện Siêu	\$6.00
Luật Sa Di Giải	Thích Hành Trụ	\$7.00
Luật Sa Di Và Sa Di Ni	Thích Trí Quang	\$10.00
Luận Câu Xá Cương Yếu	Thích Đức Niệm	\$6.00
Luận Nhiếp Đại Thừa	Thích Trí Quang	\$8.00
Luận Thành Duy Thức	Thích Thiện Siêu	\$12.00
Luận Đại Thừa Khởi Tín	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Luận Đại Trí Độ (Trọn bộ 9 quyển)	Thích Trung Quán mỗi quyển	\$8.00
Mười Đệ Tử Lớn Của Đức Phật	Hạnh Cơ dịch	\$9.00
50 Năm Chấn Hưng Phật Giáo	Thích Thiện Hoa	\$8.00
Niệm Phật Thập Yếu	Thích Thiền Tâm	\$7.00
Buddhism Of Wisdom And Faith	\$7.00
Niệm Phật Viên Đốn	Minh Lễ	\$6.00
Nét Đẹp Đông Phương (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Nữ Thể Quán mỗi quyển	\$4.00
Nẻo Vào Thiền Học	Nhất Hạnh	\$7.00
Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$12.00
Người Muốn Thuở	Thích Đức Niệm	\$8.00
Người Đẹp Và Bóng Hạnh Phúc	Cát Tường & Thể Quán	\$3.00
Ngu Ngôn	\$5.00
Nhân Quả Nghiệp Và Luân Hồi	Thích Thiện Hoa	\$4.00
Nhị Khóa Hiệp Giải	Thích Khánh Anh	\$10.00
Như Thế Mà Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Những Mùa Vu Lan	Thích Đức Niệm	\$7.00
Những Đóng Góp To Lớn Của Các Học Giả Anh Quốc	Thích Trí Chơn	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 10 quyển - 12 khóa)	Thích Thiện Hoa mỗi quyển	\$5.00
Phật Học Phổ Thông (Trọn bộ 2 tập, bìa dày)	Thích Thiện Hoa	\$80.00
Phật Học Từ Điển (Trọn bộ 3 quyển)	Đoàn Trung Còn	\$63.00
Phật Học Tinh Yếu (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Thiền Tâm	\$20.00
Phật Pháp (Chương trình gia đình Phật-tử)	Minh Châu, Thiên Ân, Chơn Trí, Đức Tâm	\$7.00
Phật Pháp Yếu Nghĩa	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phật Pháp Con Đường Giải Thoát	Jagdish Kasyapa	\$5.00
Phật Pháp Khái Luận	Án Thuận Đạo Sư	\$7.00
Phật Và Thánh Chúng	Cao Hữu Đỉnh	\$6.00
Phật Giáo Chánh Tín	Thích Thánh Nghiêm	\$6.00
Phật Giáo Vấn Đáp (Việt-Anh)	Thích Trí Chơn dịch	\$7.00
Phật Giáo Dưới Mắt Các Nhà Trí Thức (Việt-Anh).....	Thích Tâm Quang	\$5.00

Phật Giáo Việt Nam Và Hướng Đi Nhân Bản	Trần Thạc Đức	\$5.00
Phật Giáo Với Văn Minh Âu Tây	Bác Sĩ Migot	\$4.00
Pháp Hoa Huyền Nghĩa	Chánh Trí	\$8.00
Pháp Môn Tịnh Độ	Thích Trí Thủ	\$7.00
Pháp Ngữ Lục	Thích Đức Niệm	\$6.00
Phương Pháp Cải Đổi Vận Mạng	Thích Đức Niệm	\$6.00
Quê Hương Cực Lạc	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Qui Sơn Cảnh Sách	Tổ Qui Sơn	\$4.00
Sáu Cửa Thiền Thất	Trúc Thiên	\$6.00
Sống Thiền	Trí Hải dịch	\$5.50
Tại Gia Bồ Tát Giới	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$3.00
Tài Liệu Nghiên Cứu Và Diễn Giảng	Thích Thiện Hoa	\$7.00
Tâm Kinh	Thích Thanh Từ	\$5.00
Tế Điền Tăng	Khánh Vân dịch	\$7.00
Tín Tâm Minh	Tam Tổ Tăng Xán	\$3.00
Tình Người	Tâm Quán	\$5.00
Tịnh Độ Thập Nghi Luận	Thích Thiện Tâm	\$4.00
Pure Land Buddhism	Thích Thiện Tâm	\$7.00
Tịnh Độ Đại Thừa Tư Tưởng Luận	Thích Đức Niệm soạn dịch	\$6.00
Tiểu Thừa Phật Giáo Tư Tưởng Luận (Bìa dày)	Thích Quảng Độ	\$14.00
Tổ Thiện Tông	Thích Thanh Từ	\$6.00
Tọa Thiền Tam Muội	Thích Thanh Từ	\$4.00
Tư Tưởng Phật Học	Trí Hải dịch	\$5.00
What The Buddha Taught	Đại Đức Rahula	\$4.00
Tư Tưởng Xã Hội Trong Kinh Văn Tiểu Thừa	Thích Chơn Trí	\$8.00
Tư Tưởng Phật Giáo Trong Văn Học Thời Lý	Nguyễn Vĩnh Thượng	\$9.00
Thầy Tăng Mở Nước	Nguyễn Quỳnh	\$6.00
Thế Giới Quan Phật Giáo	Thích Mật Thể	\$4.00
Thử Hòa Diệu Sống	Võ Đình Cường	\$5.00
Thiền Căn Bản	Thích Thanh Từ	\$5.00
Thiền Đạo Tu Tập (Bìa dày)	Như Hạnh dịch	\$12.00
Thiền Học Việt Nam	Nguyễn Đăng Thục	\$7.00
Thiền Học Trần Thái Tông (Bìa dày)	Nguyễn Đăng Thục	\$12.00
Thiền Và Phân Tâm Học (Bìa dày)	D.T. Suzuki	\$12.00
Thiền Luận (Trọn bộ 3 quyển, bìa dày)	D.T. Suzuki	\$40.00
Triết Lý Thủ Lăng Nghiêm	Thích Thiện Hoa	\$6.00
Triết Học Phật Giáo	Phan Văn Hùm	\$5.00
The Teaching Of Buddha	\$8.00
The Story Of Buddha (Có phụ hình ảnh đẹp)	\$5.00
Truyện Cổ Phật Giáo (Trọn bộ 3 quyển)	Thích Minh Chiếu ... mỗi quyển	\$4.50
Trực Chỉ Chơn Tâm	D.T. Suzuki	\$6.00
Trao Cho Thời Đại Một Nội Dung Phật Chất (Việt-Anh) ...	Thích Đức Nhuận	\$4.00
Vãng Sanh Luận	Nhất Chơn dịch	\$9.00
Vấn Đề Nhận Thức Trong Duy Thức Học	Nhất Hạnh	\$5.00
Vài Nét Chính Luân Lý Phật Giáo	Thích Thanh Từ	\$5.00
Việt Nam Phật Giáo Sử Lược	Thích Mật Thể	\$6.50
Vô Ngã Là Niết Bàn	Thích Thiện Siêu	\$7.50
Vết Nhạ Lưng Trời	Huỳnh Trung Chánh	\$7.00
Xuân Trong Cửa Thiền (Trọn bộ 2 quyển)	Thích Thanh Từ mỗi tập	\$5.00
Em Mơ Người Hoang Đảo	Thích Nữ Thể Quán	\$4.00
→ Bộ Tranh Lịch Sử Đức Phật 32 tấm từ Sơ-Sanh đến Niết-Bàn (cỡ 21 x 39) màu sắc trang nhã tuyệt đẹp ...		\$96.00
→ Cờ Phật Giáo bằng giấy (10 x 17 inches)	(mỗi lá cờ)	\$0.95

NHỮNG PHẬT CỤ CẦN THIẾT CHO HÀNH GIẢ

Chuỗi Bồ-Đề Minh-Nguyệt, Chuỗi Trầm 108 hạt, mỗi xâu \$9.00 ⇨⇨⇨	Chuỗi đeo tay	\$4.50	
Chuông Mõ gia trì 16 inches và 23 inches cho các Chùa Viện hành trì			
Chuông-Mõ cỡ lớn 5 inches ... \$86.00	⇨⇨⇨ Chuông-Mõ cỡ nhỏ 3 inches	\$70.00	
Băng Thuyết Pháp	\$1.50	⇨⇨⇨ Khánh Dẫn Lễ	\$40.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại thường)			\$46.00
Tấm Đà-La-Ni đắp người lâm chung (loại Hoa Sen)			\$95.00

VÀI NÉT VỀ PHẬT-HỌC-VIỆN QUỐC-TẾ

Phật-Học-Viện Quốc-Tế thành lập trong tâm nguyện đào tạo nhân tài chân tu thật học để phụng sự chánh pháp, duy trì và phát triển văn hóa đạo đức truyền thống của tổ tiên dân tộc. Với mục đích đó, trong suốt hơn mười lăm năm qua cũng như hiện nay, dù gặp phải bao khó khăn, Phật-Học-Viện vẫn không ngừng thực hiện tâm nguyện của mình. Song song với việc đào tạo nhân tài, hoằng pháp lợi sanh, Phật-Học-Viện còn cố gắng in hàng ngàn kinh sách giá trị cung cấp khắp nơi, nhất là các trại tị nạn và gởi về tặng các chùa ở Việt-Nam.

Ngoài ra, giảng sư Phật-Học-Viện cũng đã liên tục đi hoằng pháp khắp đó đây, trong cũng như ngoài Hoa-Kỳ, nơi nào có Chùa, có Hội Phật-Giáo hay Cộng-Đồng Phật tử thỉnh mời thuyết pháp, thì giảng sư Phật-Học-Viện đến tận nơi, chân tình hướng dẫn tu tập đúng như chánh pháp. Nơi nào cần, chúng tôi đến ; hết cần, chúng tôi đi. Đến đi như gió thoảng cành trúc, nhận qua mặt hồ, không ý đồ thanh thế lợi danh, không vương bận ân tình thân sơ.

Cánh cửa Phật-Học-Viện luôn luôn rộng mở tiếp đón những người tâm thành chánh tín thuận chơn cầu tu học đạo giác ngộ. Kinh sách Phật-Học-Viện phổ cập khắp bốn phương. Con người Phật-Học-Viện lúc nào cũng trang trải tình thương, kiên tâm vững chí với lý tưởng phục vụ văn hóa, đạo pháp và dân tộc xứ sở.

Chương trình tu học của Phật-Học-Viện luôn luôn cập nhật hóa, nhưng vẫn duy trì truyền thống thiền môn quy củ. Tăng Ni sinh sáng chiều chuyên tâm kinh kệ, bái sám, tham thiền, phát nguyện sống đời thanh tịnh lực hòa, chan chứa tình huynh đệ, tạo nguồn an lạc trong đời sống để phục vụ nhân sinh.

Mỗi đầu tháng Viện có tổ chức khóa tu Tịnh Nghiệp cho những người nhiếp tâm chánh niệm cầu sanh Cực-Lạc. Hằng tháng Bó-Tát hai lần. Đặc biệt mỗi sáng Chủ Nhật, từ lúc 6 giờ trời còn mờ sương, Phật tử khắp bốn phương vân tập về Phật-Học-Viện thành tâm lễ Sám Hồng-Danh với sự hướng dẫn tận tình của chư Tăng, tiếp theo nghe Thầy giảng kinh, sau đó ra vườn công quả. Đến 11 giờ vân tập quá đường thọ trai, kinh hành niệm Phật. Mỗi chiều Chủ Nhật vào lúc 2 giờ rưỡi, Phật-Học-Viện cử hành lễ cầu nguyện cho thập phương bá tánh, tiếp theo đó thuyết pháp và giải đáp tường tận những chỗ nghi ngờ của những Phật tử có tâm thành cầu thấu hiểu đạo lý và pháp môn tu tập.

Đặc biệt, bộ tranh lịch sử Phật gồm 32 tấm từ đản sanh đến nhập niết-bàn, khổ lớn (21 x 39) inches, màu sắc tuyệt đẹp, dưới mỗi bức tranh có chú thích ý nghĩa bằng Việt-Anh rõ ràng dễ hiểu, mà từ xưa đến nay chưa có bộ tranh Phật nào trang nhã tuyệt đẹp và ghi chú đầy đủ như vậy. Đây là kết quả công trình của Hòa-Thượng Thích-Đức-Niệm trải bao chục năm mang tâm nguyện sưu tầm nay mới hoàn thành. Có thể nói đây là bộ tranh Phật đầy đủ tuyệt đẹp đầu tiên trong lịch sử Phật-Giáo vậy.

Thưa quý vị ! Khi tâm thần bất an, đọc kinh sách Thánh Hiền, ngắm nhìn hình ảnh Phật sẽ thấy lòng thanh thản an vui, cũng là dịp bất nhịp cầu cảm thông với tư tưởng Thánh Hiền. Đọc kinh sách, ngắm nhìn tranh ảnh Phật là phương cách tốt nhất để an định tâm thần, khai thông trí huệ, thánh thiện hóa thân tâm, sống gần đạo giác ngộ giải thoát. Thiết tưởng mỗi chùa viện, mỗi gia đình nên có tủ kinh sách, bộ tranh Phật, để làm phương tiện khai triển trí huệ, xây dựng hạnh phúc, thánh thiện hóa đời mình và con cháu. Tiền của vô thường. Kinh sách chan chứa lời Thánh Hiền đạo đức còn đời đời.

Có dịp, xin mời quý vị hoan hỷ một lần quá bước đến Phật-Học-Viện, trước lễ Phật sau viếng cảnh thanh sơ, kết thiện duyên Bồ-Đề tình con Phật từ bi trong tình đồng hương viễn xứ, để lòng được tĩnh lặng thanh thản trong những ngày còn sống tha hương.

- 1/. Quý vị hoan hỷ chuyển bản thư mục này đến thân quyến bạn hữu với lời khuyến khích, tức là quý vị góp phần công đức trong việc hoằng pháp lợi sanh, hướng thiện người tu tâm dưỡng tánh.
- 2/. Ngoài bản thư mục này, Phật-Học-Viện không có ấn hành kinh sách nào khác.
- 3/. Phật-Học-Viện in kinh sách đều có chọn lọc kỹ, chỉ có khả năng in một lần, và luôn luôn đổi mới.

Thư từ ngân phiếu xin đề : **Phật-Học-Viện Quốc-Tế**
9250 Columbus Ave.
North Hills, CA 91343 - U.S.A.
Tel. (818) 893-5317 ; Fax. (818) 891-0827



TỦ SÁCH GIA ĐÌNH KHÔNG THỂ THIẾU:

CÁC TÁC PHẨM CÓ GIÁ TRỊ, CÔNG PHU,
TRUNG THỰC VÀ KHOA HỌC
DO Đ.Đ THÍCH-TÂM-QUANG SOẠN DỊCH:

1. - **LÀM SAO THỰC HÀNH LỜI PHẬT DẠY**
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
2. - **LÀM SAO ĐỂ TRÁNH SỢ HẢI VÀ LO LẮNG**
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
3. - **PHẬT GIÁO DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TRÍ THỨC**
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
4. - **PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI**
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
5. - **3000 NĂM MỘT KIẾP LUÂN HỒI**
\$8.00 + \$1.50 C.P
6. - **NHỮNG CHUYỆN LUÂN HỒI HIỆN ĐẠI (HẾT)**
\$9.00 + \$1.50 C.P
7. - **HẠNH PHÚC LỬA ĐÔI**
\$5.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
8. - **NỀN TẢNG CỦA ĐẠO PHẬT** - dày 300 trang (Hết)
\$10.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)
9. - **CHẾT CÓ THẬT ĐÁNG SỢ KHÔNG ?**
\$7.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)

Đón Đọc: 10. - **VÌ SAO TIN PHẬT** (Cuốn 1)
\$10.00 + \$1.50 C.P (song ngữ ANH-VIỆT)

Nơi phát hành: **CHÙA-TAM-BẢO**

P.O. BOX 1903., FRESNO, CA 93701

Điện thoại: (209) 264-2728

PHẬT-HỌC-VIỆT QUỐC-TẾ

9250 Columbus Ave., North Hills, CA 91343 - U.S.A.

Điện thoại: (818) 893-5317

PHÒNG MẠCH - CHÂM CỨU - THUỐC BẮC - TRẬT ĐẢ TOÀN KHOA

Bác Sĩ NGUYỄN THIÊN Y, O.M.D., L.Ac., Ph.D.

838 N. Broadway, Suite A, Los Angeles, CA 90012

(Chinatown, kế Bank of America, Trước Lido center)

Tel. (213) 680-0888 — Fax. (213) 628-8530

Bác Sĩ Thiên Y, Đông Y gia truyền, đã chữa cho các Đạo diễn, tài tử điện ảnh Hollywood. Chữa được hàng trăm chứng bệnh, từ thông thường đến nan y mà các danh sư khác không chữa được, được đồng bào khen tặng là “Diệu Thủ Hồi Xuân”, Bác Sĩ mát tay, chữa 1 hay 2 lần sẽ thấy kết quả và hết bệnh.

CHUYÊN TRỊ: NAM PHỤ LÃO ẤU, CÁC BỆNH ĐAU NHỨC VÀ NAN Y

CHÂM CỨU: TRỊ ĐAU NHỨC, TẮT CẢ CÁC BỆNH, KẾT QUẢ NGAY LẤN ĐẦU.

TRẬT ĐẢ: TRỊ SAI KHỚP XƯƠNG, BONG GÂN TẠI ĐẦU GỐI, MẮT CÁ, TRỌNG QUAI HÀM, CỤP XƯƠNG SỐNG ...

DƯỢC THẢO CỦA BÁC SĨ Y (HERBAL. Y)

BÁN ĐỦ CÁC LOẠI THUỐC BẮC THƯỢNG HẢO HẠNG. NHẬN GỬI THUỐC ĐI KHẮP HOA-KỲ VÀ NGOẠI QUỐC.

CHĂM MẠCH QUÁ ĐIỆN THOẠI.

⇒ 101.- Thần dược trị đau bao tử và hệ thống tiêu hóa, loét bao tử, ruột. Đau bao tử lâu năm trị dứt, không tái phát. 102.- Cố thần trị đau lưng, đau cổ, đau gối, phong thấp v.v... 103.- Thần dược phục hồi sức khỏe trị kiệt sức, quá mệt mỏi lâu năm, dễ ngất xỉu. 104.- Thuốc làm tăng trí nhớ, thần kinh suy nhược rất tốt cho sinh viên và người lớn tuổi. 105.- Thần dược trị tiểu đường, làm giảm điều hòa đường trong máu, trong nước tiểu. 106.- “Siêu cường dương bổ thận” (Rượu hay viên). Trị liệt dương yếu sinh lý, xuất tinh sớm, phong tê nhức mỏi, uống càng lâu càng tăng cường sinh lực, ăn ngon ngủ khỏe, ngừa phong thấp. 252.- Thuốc trị xuất tinh sớm. 253.- Thuốc bột hòa với sữa cho trẻ em xanh xao biếng ăn, đổ mồ hôi đầu, mình, người ốm yếu v.v... 301.- Thuốc dưỡng da, giảm vết nhăn, đẹp da trắng hồng, đẹp hơn lên, người trẻ lại. 302.- Thuốc trị da mặt nám. 303.- Thuốc trị da mặt xanh xao thiếu máu. 304.- Trị rụng tóc hói đầu, làm mọc tóc, đen tóc, tóc óng mượt. 306.- Trị phong ngứa, nổi mề đay, ngừa dị ứng bởi thực phẩm hay hóa chất. 307.- Trị phong độc, ghẻ độc (psoriasis) bị ngứa hay không ngứa. 308.- Trị mụn ở mặt và lưng. 309.- Trị nổi gân xanh ở mặt, tay, chân. 106.- Trị viêm gan (Hepatitis A, B, C...), gan độc, chai gan, cứng gan (cirrhosis), sưng mắt, vàng da, đen da hoặc đã đến thời kỳ nguy hiểm. 107.- Thuốc tăng và giảm cân. 109.- Thuốc phong thấp, đau lưng, nhức mỏi. 110.- Thuốc tế trị phong thấp, giúp người già ăn ngon ngủ khỏe. 111.- Thuốc trị đau nhức các ngón tay, ngón chân (arthritigout). 112.- Trị đổ mồ hôi tay chân, phong thấp lâu năm trị dứt. 113.- Thuốc xông cảm. 108.- Thuốc cảm cúm. 114.- Thuốc trật đả trị té ngã. 115.- Thuốc trị mất ngủ. 116.- Thuốc trị tiêu chảy. 117.- Trị táo bón. 118.- Trị áp huyết cao. 119.- Trị áp huyết thấp. 120.- Trị mỡ trong máu. 121.- Viêm mũi, dị ứng “allergy” kinh niên. 122.- Trị run tay chân. 123.- Cai thuốc lá, cai rượu. 125.- Trị choáng váng đầu mặt. 126.- Trị ù tai, điếc tai. 127.- Trị bệnh trĩ (trĩ nội & ngoại). 128.- Trị sa ruột, sa tử cung (uống & xông). 129.- Trị sưng hàm (mumps). 130.- Trị phù thũng, chân giữ nước, đi nặng nề. 131.- Trị nhức đầu kinh niên. 132.- Trị nhức đầu một bên (migrainheadache) kinh niên. 133.- Trị chảy nước mắt sống. 134.- Trị đau mắt bỏ mắt. 135.- Trị sốt rét quanh năm, sợ nước, sợ gió. 136.- Trị ớn lạnh xương sống. 137.- Trị suyễn. 139.- Trị ho lâu năm. 140.- Trị bệnh tim, yếu tim, khó thở. 141.- Trị nghẽn van tim, uống một thời gian, tim thông không cần mổ. 142.- Trị bí tiểu, khó đi tiểu. 143.- Trị tiểu đêm nhiều lần. 144.- Trị sạn thận. 145.- Trị sạn mật. 146.- Trị chảy máu cam. 147.- Trị tê chân, tê tay. 148.- Trị lạnh chân, lạnh tay, làm tay chân ấm lại. 149.- Trị ói mưa khi đi máy bay, thuyền. 150.- Trị khó cổ họng. 151.- Trị giun sán. 152.- Trị méo miệng, bán thân hay toàn thân bất toại (châm cứu sẽ hết nhanh hơn). 153.- Trị ban đêm ngủ hay co giật. 201.- Trị đàn bà lãnh cảm, không thích gần gũi, yếu sinh lý. 202.- Trị kinh nguyệt không đều, có kinh đau bụng. 203.- Trị kinh ra hoài không dứt. 204.- Trị không kinh, trễ kinh. 205.- Thuốc trị hiếm muộn, muốn có con. 206.- Thuốc ngừa sẩy thai, khi đang có thai trong những tháng đầu. 207.- Thuốc muốn chọn sanh con trai hay con gái. 208.- Thuốc dưỡng thai. 209.- Thuốc làm dễ sanh con, sanh con không đau, có thể không cần mổ. 210.- Thuốc xổ lỏng ngừa sốt nhao, sau khi sanh làm người mẹ khỏe lại. 212.- Thuốc trị hậu sản, sau khi sanh nám mặt yếu người. 213.- Trị đàn bà hết kinh, nóng mặt khó chịu. 214.- Thuốc trị huyết trắng. 254.- Thuốc trị giang mai, lậu, các bệnh hoa liễu. 310.- Thuốc trị đau răng, xoa vào răng hết đau, tốt cho răng, nuốt vào cũng không sao, trong thời gian khẩn cấp chờ đi nha sĩ. 311.- Thuốc trị dễ chảy máu nướu răng. 312.- Thuốc trị lở nướu răng (gum disease) làm hôi miệng (uống và xoa vào miệng). 314.- Thuốc trị lở miệng, lở lưỡi. 315.- Trị lang ben, ghẻ lác (xoa). 351.- Thuốc trị bướu cổ. 352.- Thuốc trị bướu tử cung và các loại bướu. 353.- Thuốc trị bệnh AIDS/HIV, sốt, làm ốm nhiều, kiệt sức. 354.- Thuốc trị ung thư ngực (breast cancer). 355.- Thuốc trị ung thư máu (leukemia). 356.- Thuốc trị ung thư cổ (cervical cancer). 357.- Thuốc trị ung thư các loại. 402.- Rượu thuốc Trường Xuân tửu. 403.- Rượu thuốc Minh-Mạng hoàng đế toa chính truyền. 404.- Rượu thuốc cho người mới sanh, mạnh gân, ăn ngon, ngủ khỏe. 405.- Rượu thuốc THẤT BẢO MỸ DIÊN.

NHẬN VISA VÀ MASTER CARD — CHÂM CỨU NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM.

Giờ làm việc: THỨ HAI đến CHỦ NHẬT: 10AM đến 6PM. — THỨ SÁU NGHỈ. — FREE PARKING.

ĐỊA LÝ & TỬ VI THIÊN CƠ - Ông PHẠM-ĐÌNH-MAI

8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683

Tel: (714) 891-3429 * Fax: (714) 891-4584

• Nhận xem phương hướng nhà ở, cửa tiệm buôn bán, cơ sở làm ăn.

• Yểm trấn ác xạ trong trường hợp cần thiết.

• Sắp xếp lại chỗ ở, nơi làm việc đem an lành cho nhà cửa và phát đạt cho cơ sở thương mại.

Người xưa nói : "Sống cái nhà, già cái mồ", phải chăng đã nhận chân được tầm quan trọng của khoa địa lý về dương cơ và âm phần ? "Già cái mồ", là nói về âm phần. Lúc chết cần có mồ yên mả đẹp. Phải "tiên tích đức, hậu tẩm long", sao cho "mồ" nhằm huyết kết để con cháu phát đạt, phú quý. Huyết kết ở đâu, ở đó phải có tá thanh long, hữu bạch hổ, thủy lưu, tiền án, minh đường. Minh đường phải sâu, thủy phải tụ mới phú. Nhiều táng long hổ mới thành đại huyết quý. Ngày nay tại Mỹ, mọi người chết đều "bình đẳng" ở nghĩa địa với một diện tích bằng nhau, một mộ bia như nhau, có khi hỏa táng, hài cốt bỏ vào hũ sành... nên khoa địa lý âm phần mất chỗ đứng.

Sống cái nhà" đó là lãnh vực dương cơ, thổ trạch của khoa địa lý. Chính vì "cái nhà" ảnh hưởng đến công cuộc làm ăn, thịnh suy, thành bại. An cư mới lạc nghiệp. Kinh đô gắn liền với sự hưng phế của một quốc gia. Do đó Lý-Thái-Tổ mới dời đô ra Thăng-Long. Trưng-Trình Nguyễn Bình-Khiêm mới chỉ cho Nguyễn-Hoàng : "Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân".

- Ngay tại Mỹ, biết bao cơ sở thương mại và nhà ở toa lạc tại một vị trí mà khoa địa lý dương cơ tối kỵ. Do đó dù đổi bao nhiêu chủ rồi cũng lụn bại. Cho nên cần gặp **THIÊN CƠ** trước khi thuê, mua nhà cửa hay khai trương một cơ sở thương mại.

GIÁ BIỂU

* Xem địa lý nhà đất, cửa tiệm, từ \$100 đến \$200

* Đi các tiểu bang, tùy trường hợp.

* Cố vấn địa lý ở xa bằng má FAX \$30

* Tại Việt-Nam: Đến tận chỗ để xem xét nên cải táng hay xây mộ. Cố vấn cách thức xây má cho hợp với thế đất..\$430

CHẤM LÁ SỐ BẰNG COMPUTER VÀ CÓ BĂNG CASSETTE THU LỜI GIẢI ĐOÁN

* Chấm giáng Tử Vi trọn đời, tiên đoán vận hạn thịnh suy, biến cố tốt xấu.

* Giải đáp về năng khiếu trẻ em để chọn môn học và ngành nghề thích hợp.

* Xem tình duyên gia đạo. Số tuổi vợ chồng tốt xấu. Cẩm nang lựa vợ, chồng theo tuổi tác.

* Coi ngày cưới hỏi, khai trương.

* Nói rõ số thọ yếu và năm lâm chung (nếu muốn).

1/. Đã đoán trước cho Chuẩn-tướng **LƯU-KIM-CƯỜNG** (không quân) về đại tiểu hạn trùng phùng năm Mậu Thân 1968 có :

"Tướng quân ngộ Triệt trước miên

Ra đi gặp giặc mình liền tan thân !"

Sau Chuẩn-tướng đã tử trận ở vòng đai phi trường Tân-Sơn-Nhất, trong biến cố Tết Mậu-Thân.

2/. Đã đoán cho ông **NGUYỄN-VĂN-BÔNG** (Viện-Trưởng QGHC) về nguyệt hạn xấu cho tuổi Kỷ Ty của ông, mà rồi vẫn không tránh khỏi tử nạn vì vụ gài bom trên xe, nổ ở đường Phan-Thạnh-Giản Sài Gòn.

3/. Đã lưu ý Đại-tá **BAU** về chức vụ phụ-tá quốc-phòng cho Trung-tướng Trần-Văn-Đôn vào năm 1975 là một chức vụ có tính cách phù du, nguy hiểm vì cách Không Kiếp đặc địa ở Ty của ông (qua ông L.V.L.)

4/. Đã tiên đoán cho Đại-tướng **DƯƠNG-VĂN-MINH** với cách "Tham Vũ đồng hành" sẽ được chính quyền Cộng Sản cho xuất ngoại (qua ông HQP).

5/. Đã được ông Tổng Giám-Đốc Ngân-Hàng VNCT khen là giảng Tử Vi chi tiết, chính xác hơn nữ tiên tri Soleil (Pháp) đã xem cho ông, bằng khoa chiêm tinh Tây-phương.

6/. Đã được Đạo-trưởng Cao-Đài **ĐỖ-VĂN-LÝ** khen là "Có năng khiếu lớn về siêu hình học, chính xác trong việc dẫn chứng (qua Tử Vi của Giáo-Sư Lê-Như-Lễ, Đại-Học UCLA).

7/. Tại Sài Gòn năm 1982, Luật-sư **NGUYỄN-HỮU-DOAN** nhờ tôi đoán Tử Vi cho bé gái 12 tuổi (1969) và anh cô ấy tên Việt, sinh năm 1962 về việc "xuất hành". Tôi cam kết cô bé 12 tuổi đi đến nơi an toàn, dù chuyến đi đầy gian khổ. Sau này là một bác sĩ giỏi nổi tiếng. Còn anh Việt thì bước xuống ghe nào là ghe ấy phải chìm ! Lời giải đoán nghe qua rất vô lý. Khi ông anh dẫn em nhỏ đi, mà em nhỏ tới, anh chìm ! Thế rồi họ xuống Cà-Mau. Cô bé được chủ ghe cho lên tàu trước làm chị nuôi (vì còn nhỏ). Chuyến đi ấy bị hải tặc Thái cướp 6 lần. Lần cuối cùng, bị bắt theo cùng với tất cả các phụ nữ, cô bé đã từ tàu Thái nhảy xuống và được cứu. Còn chiếc "taxi" đưa Việt ra ghe lớn bị chìm ! Rất may, Việt thoát chết, nhưng kẹt lại đến năm 1987 mới đi ODP, nay định cư ở Maryland ĐT : (301) 779-8037. Còn cô bé 12 tuổi dừng cảm năm xưa, nay là **NGUYỄN-THỊ-CÁT-TƯỜNG** một sinh viên lỗi lạc năm thứ 5 được học bổng của Đại-Học Y-Khoa Massachusetts (Brandeis University), ĐT: (617) 736-5191.

8/. Năm 1986, Thiếu-tá **QUÁCH-NGỌC-LÂM** (thủy quân lục chiến) nhờ tôi chấm Tử Vi cho ông và 4 người con, xem có nên nhờ bà chị ở Mỹ bảo lãnh ODP hay không ? Tôi cam kết : "5 cha con ông sẽ ở nước ngoài trong năm 87. Đừng làm hồ sơ ODP mất công !" Thật vậy, 5 cha con ông Lâm vượt biên lọt qua Thái đúng năm 87 và định cư ở California, ĐT : (714) 897-8223.

9/. Vừa đầy tháng Phương-Uyên năm 1977 ở Việt Nam, tôi đã đoán : "Tuổi Đinh-Ty này rất thông minh, học giỏi. Đặc biệt sinh cháu ra, làm gì cha mẹ cũng xuất ngoại và làm ăn phát đạt". Gia đình Phương-Uyên vượt biên

năm 1979, cha mẹ P.U. nay là REAL ESTATE KHÁI-HUYỄNH, một văn phòng địa ốc uy tín nhất OAKLAND, ĐT : (415) 763-9055. Còn bé Phương-Uyên năm nào cũng xếp hạng xuất sắc về học sinh giỏi của Mỹ tại trường Colonial Ecref, S.F.

10 - Ở Việt-Nam tôi đã cam kết với QUỲNH-DAO 2 điều : "Thế nào cô cũng xuất ngoại trong năm 1987 và định cư xong là lấy chồng liền". Dao cười : "Chồng ở mô mà sẵn rứa ?" (Vì lúc ấy cô chưa có ai). Năm 1987 trong khi đang lênh đênh trên bể thì Quỳnh Dao được tàu Nga cứu đưa vào hải phận Thái. Đến Texas, cô đã gửi vé máy bay khứ hồi để mời tôi từ CA qua dự đám cưới của cô vào ngày 6-5-89 vừa qua, ĐT: (713) 580-9401.

11/. ĐH KHANH - ĐT KHOA được một thầy Tử Vi nổi tiếng ở Sài Gòn tiên đoán: "Số phải bị gông cùm, xiềng xích, tù đầy..." Làm các cô chán nản bỏ học. Năm 1976, tôi đã viết rành mạch rằng số hai cô sẽ xuất dương du học (Đại học khoa danh chỉ số) với sự nghiệp rực rỡ, chứ hoàn toàn không có số tù tội. Nhờ đó, hai chị em đã can đảm vượt biên đến Mĩ-Lai năm 1978. Nay cô Khanh vừa tốt nghiệp Master tại Đại-Học Cal State LA năm 1988 và cô Khoa, tốt nghiệp BS cùng Đại-Học trên năm 1986, ĐT: (818) 287-7635.

12/. Năm 1977, đoán cho ĐỖ-T.H.-THANH "số xuất ngoại và học về Business Administration". Thanh vượt biên năm 79 và đã tốt nghiệp business năm 1990 ở Đại-Học Cal State Fullerton, đúng với "năng khiếu" tôi đã đoán 14 năm trước.

* Và hàng ngàn trường hợp ly kỳ khác với các đương sự ở Pháp, Úc, Anh, Canada, Mĩ... mà do vì lý do riêng tư không được phép tiết lộ, nên với khuôn khổ tờ giấy này, tôi chỉ đơn cử một số trường hợp cụ thể như trên mà thôi.

GIÁ BIẾU

- * Chấm giáng Tử Vi trọn đời (lấy hẹn đến xem) \$30
(Kèm lá số Tử Vi chấm bằng Computer và 1 cuốn băng Cassette thu lời giải đoán trọn đời).
- * Truy tầm năm tháng sanh trai gái theo ý muốn \$5
- * Coi ngày cưới hỏi, khai trương \$5
- * Giải Tử Vi gấp cho người ở xa \$42

Thân chủ ở xa gửi năm, tháng, ngày, giờ sinh. Nói rõ âm hoặc dương lịch, nam hay nữ. Kèm money order 42 Mĩ kim để tên Phạm-Đình-Mai, 8742 Westminster Ave., Westminster, CA 92683 U.S.A.

Sẽ được gửi đến tận nhà một lá số Tử Vi chấm bằng computer, kèm băng cassette thu lời giải rõ nghĩa, dùng trọn đời.

Nếu gửi \$32 phải đăng ký vào sổ và chờ đợi theo thứ tự trước sau. Có khi 3 tháng sau mới tới phiên.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Ba - Thứ Sáu : Từ 8 giờ sáng đến 8 giờ tối.

Thứ Bảy - Chủ Nhật và ngày lễ : Từ 8 giờ sáng đến 9 giờ tối. (Xin lấy hẹn trước, và tuyệt đối không dặt theo trẻ em).

DỰ LUẬN TẠI HOA-KỲ NĂM 90

"Muốn trở thành ông thầy Tử Vi giỏi, nghĩa là phải xét đoán chính xác, người học cần có trình độ học vấn càng cao càng tốt. Học vấn cao chừng nào, khả năng hấp

thụ nhanh chừng ấy và độ lượng suy luận sẽ sắc bén hơn, nhờ đó sẽ hiểu được cái phức tạp của Tử-Vi hầu đạt được thành quả mau chóng và giảm mức độ sai lầm xuống con số thấp nhất. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI có đủ yếu tố đó : Tốt nghiệp Đại-Học Luật, thân phụ là thầy giỏi đất Quảng-Nam. PĐM lại chịu khó học hỏi thêm ở nhiều thầy khác. Với bao nhiêu lý do, khiến cũng đủ để người đi xem Tử Vi dù khó tính đến đâu cũng phải hài lòng".

Ký-giả TRẦN-TỬ-CƠ - Báo NANG CALI số 151

(714) 893-0080

"Tôi đã từng tìm tòi và tham khảo với nhiều nhà Tử-Vi dấu-số và thầy địa-lý ; nhưng người khiến cho tôi ngưỡng mộ và khâm phục nhất là Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI. Tôi tìm đến ông sau nhiều rũi ro cùng với những dấu hiệu cho thấy sẽ còn những thất bại nặng nề trong công việc kinh doanh hàng ngày. Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI đã chỉ cho tôi biết nguyên cơ của những suy sụp ngoài trí tưởng tượng bình thường ; đồng thời giúp những phương thức hóa giải dựa trên kinh nghiệm bí truyền của khoa địa lý dương cơ từ thân phụ của ông và khoa học huyền bí do ông dày công nghiên cứu. Ông quả là thiên tài về địa lý và đầy đủ những kiến thức chuyên môn; cùng kinh nghiệm trong việc luận giải Tử Vi dấu số".

Ký giả NGUYỄN-HA - Westminster, CA

(714) 539-0319

"Ở Việt-Nam, tôi có đi coi vài ông thầy có tiếng tăm, nhưng tôi vẫn thấy chưa có ông nào coi hay hơn ông".

Cụ LÊ THÚY, 83 TUỔI - (Sinh năm Mậu-Thân 1908)

11301 Lockhaven Way, Garden Grove, CA 92640

* QUA : = Cưới = Sinh Nhật
= Thôi nôi = Đầy tháng

đem lại "surprise" nhất và được mọi người trân trọng gìn giữ suốt đời.

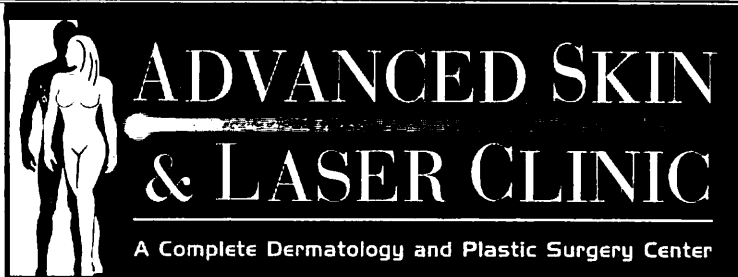
Đó là băng cassette giải đoán Tử-Vi trọn đời của Thiên Cơ PHẠM-ĐÌNH-MAI, được gửi tới địa chỉ của người nhận, theo yêu cầu của người tặng.

Ông THIÊN CƠ

PHẠM ĐÌNH MAI mới đến Mĩ, (trước ở Prairie, Hawthorne) nguyên là:

- * Cựu học sinh đệ nhất C, Phan-Chu-Trinh Đà-Nẵng 1966.
- * Cố vấn thương mại (bằng Tử-Vi) cho thương gia Chợ-Lớn từ 1968.
- * Cử-Nhân Luật-Khoa Sài Gòn 1970.
- * Phó Giám Đốc Ngân Hàng VNCT, Chợ Lớn 1971.
- * Tốt-nghiệp Thủ-khoa Trung-Tâm Huấn-Luyện Chuyên Môn Ngân-Hàng Sài Gòn, 1973.
- * Học viên khóa Chuyên-Viên Thị-Trường Chứng-Khoán Việt-Nam 1974.
- * Phó Hiệu Trưởng ADRA SCHOOL, Thái-Lan 1987.
- * Assistant Teacher / International Catholic Migration Commission Philippines, 1988.

Đời sống con người chẳng khác nào một cuộc vượt biên trôi giạt lênh đênh trên biển Đông. Tử-Vi là tấm hải đồ (chart) rất hữu ích trong chuyến hải hành ấy. Hành trình đã, đang, hay sắp bắt đầu, đều còn dài. Mời quý vị đến gặp Thiên Cơ để xử dụng ngay hải đồ của chính mình.



Nhất Da
Nhi Dáng?
hay
Nhất Dáng
Nhi Da?



Trung Tâm Thẩm-Mỹ Ngoài Da & Giải-Phẫu Thẩm Mỹ Duy-Nhất có:

BÁC-SỸ CHUYÊN KHOA NGOÀI DA
VÀ GIẢI PHẪU NGOÀI-DA
BÁC-SỸ CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU
THẨM-MỸ VÀ TẠO-HÌNH TOÀN KHOA
Hội viên Hội **Giải Phẫu Thẩm-Mỹ**
bằng tia Laser Hoa Kỳ
Giáo sư giảng-huấn tại **UCLA,**
USC Medical Center

CHUYÊN TRỊ BỆNH NGOÀI DA CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRÉ EM:

Mụn, Nám, Ngứa Da, Dị ứng, Chàm da, Vảy Nến, Nám Da, Rụng Tóc, Gàu Tóc, Giải phẫu Nốt Ruồi, Mụn Cóc, Giải phẫu Ung thư da bằng phương pháp **Mohs Micrographic Surgery.**

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH TOÀN KHOA

- **Mắt:** Một mí thành 2 mí, lấy da dư mắt bị sụp, lấy mỡ mí mắt trên và mí mắt dưới
- **Mũi:** Nâng cho cao hoặc sửa cho gọn Chích **Vết nhăn** và **Môi** bằng Collagen, Botox hay Mỡ của chính mình
- **Cằm:** Độn cằm cho thon khuôn mặt
- **Hàm mặt, miệng:** Sửa cho hết hô và móm
- Chích thuốc cho tan **đường gân máu** ở đùi và chân

ĐẶC BIỆT CHUYÊN VỆ

- Dùng tia **Nd. Yag Laser** để xóa vết tàn nhang, vết xăm, bớt bẩm sinh, gân máu đỏ v.v...
- Lột Da Mặt bằng tia **Ultrapulse Laser** để mất vết sẹo, rỗ, vết nhăn (**Skin Resurfacing**)
- **Hút mỡ** bằng phương pháp mới **Tumescent Liposuction** và những phương-pháp mới.
- Cây tóc và lông mày bằng phương pháp **Micrographs**
- Lấy mỡ mí mắt dưới **không phải cắt qua làn da**
- **Sửa ngực** rất tự nhiên
- Căng: da trán da mặt và nâng lông mày **bằng phương pháp Nội-Soi (Endoscopy)**
- Lột Da Mặt bằng nhiều phương pháp

ĐẶC BIỆT CÓ: Chuyên viên **Skin Care** của **Oriki Cosmetic** sẽ đảm trách phần **trị Mụn** và **trị Nám** dưới sự **điều khiển của bác sỹ Ngoài Da.** Hướng dẫn săn sóc da, sử dụng mỹ-phẩm, dạy trang-điểm...

Mọi Tham Khảo ý kiến xin gọi: ANGIE NGUYỄN
(714) 898-9368 ở 1 (800) 88-ORIKI (1-800-886-7454)

Nữ Bác Sĩ PHAN TUYẾT MAI, M.D.

18625 Sherman Way, # 104 - Reseda, CA 91335

(Trong khu bánh mì Ba Lẹ & Nhà Hàng Tuyết Anh)

Tel. (818) 342-8171 ☺ (818) 342-8172

☆ TỐT NGHIỆP NỘI THƯƠNG HOA-KỲ.

☆ HẬU ĐẠI HỌC VỀ CÁC BỆNH NHIỄM TRÙNG VÀ BỆNH AIDS.

☆ HỘI VIÊN HỘI Y SĨ CALIFORNIA.

☆ BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN VALLEY PRESBYTERIAN, VÀ NORTHRIDGE HOSPITAL.

**Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ BỆNH NỘI THƯỜNG CHO
NGƯỜI GIÀ, NGƯỜI LỚN, ĐÀN BÀ VÀ TRẺ EM**

NHẬN BẢO HIỂM HMO :

AETNA

BLUE CROSS

BLUE SHIELD

CIGNA

CARE AMERICAN

HMO CALIFORNIA

FHP FOUNDATION

HEALTH NET

MAXICARE

PACIFIC CARE

TAKE CARE

ONE HEALTH PLAN

- **THẦN KINH:** Nhức đầu, chóng mặt, động kinh, phòng ngừa tai biến mạch máu não.
- **TIM MẠCH:** Cao máu, suy tim, hồi hộp, tức ngực, khó thở.
- **HỒ HẤP:** Suyễn, viêm phổi, ho lao.
- **TIÊU HÓA:** Viêm loét bao tử, ăn không tiêu, đi cầu ra máu.
- **BỆNH VẾ MÁU:** Thiếu máu, ung thư máu.
- **TUYẾN NỘI TIẾT:** Tiểu đường, bướu cổ
- **THẬN:** Nhiễm trùng đường tiểu, viêm thận, tiểu ra máu.
- **DỊ ỨNG:** Viêm mũi, ngứa.
- **BỆNH HOA LIỄU:** Giang mai, lậu, AIDS.
- **CÁC BỆNH PHỤ NỮ:** Huyết trắng, đau bụng khi hành kinh, rối loạn kinh nguyệt và thử PAP'S SMEAR.
- **BỆNH PHONG THẤP:** Đau khớp, sưng khớp.
- **BỆNH NGOÀI DA:** Các loại mụn, ghẻ ngứa.
- **TRUY TẮM UNG THƯ:** Ruột già, vú, tử cung, nhiếp hệ tuyến.
- **THỬ MÁU:** Tiền hôn nhân.
- **CHÍCH NGỪA:** Trước khi du lịch.

Xin vui lòng gọi lấy hẹn trước

GIỜ LÀM VIỆC:

THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00AM - 6:00PM

THỨ BẢY: 9:00AM - 3:00PM

CHỦ NHẬT: Khám bệnh theo hẹn

DỊCH VỤ Y TẾ MIỄN PHÍ

- ♦ Chích ngừa và khám sức khỏe tổng quát cho trẻ em dưới 19 tuổi thuộc gia đình có lợi tức thấp. (C.H.D.P)
- ♦ Truy tẩm ung thư ngực cho quý bà trên 50 tuổi có lợi tức thấp (B.C.E.D.P)
- ♦ Thử thai miễn phí và cấp thẻ Medical tạm (nếu hội đủ điều kiện).

NHẬN MEDICAL — MEDICARE — BẢO HIỂM — HMO

Giá đặc biệt cho những người trả tiền mặt.

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa Gia Đình Và Thẩm Mỹ

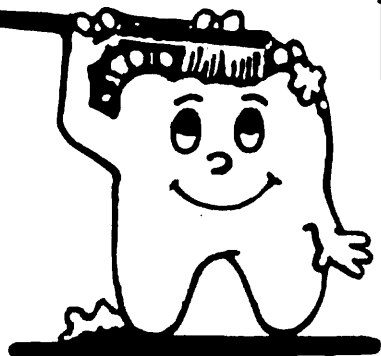
BÙI VĂN ANH, D.D.S.

LA PICO PLAZA - RESEDA

17709 Saticoy St., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 757-0017

Tốt Nghiệp Bác Sĩ Nha Khoa Tại UCLA 1988,
Hội Viên American Dental Association,
California Dental Association,
Los Angeles Dental Societ.



ĐẶC BIỆT:

- > Phòng mạch trang bị đầy đủ máy móc nhất để theo dõi sự tiến triển của bệnh nhân.
- > Phòng mạch áp dụng kỹ thuật tân kỳ nhất để chống nhiễm trùng cho bệnh nhân.

*Tận Tâm và Thành Tín như một Bác Sĩ Gia Đình,
Nhẹ nhàng với những trẻ em khó tính.*

CHUYÊN VỀ:

Nha Khoa Thẩm Mỹ, chữa răng bằng Porcelain đẹp như răng thật.
Tẩy răng trắng.
Làm răng giả các loại.
Phòng ngừa sâu răng cho trẻ em bằng Sealants và Fluoride.
Trám, nhổ, lấy gân máu, chữa bệnh nướu răng.
Khám răng tổng quát và định kỳ.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ BA - TƯ - NĂM:

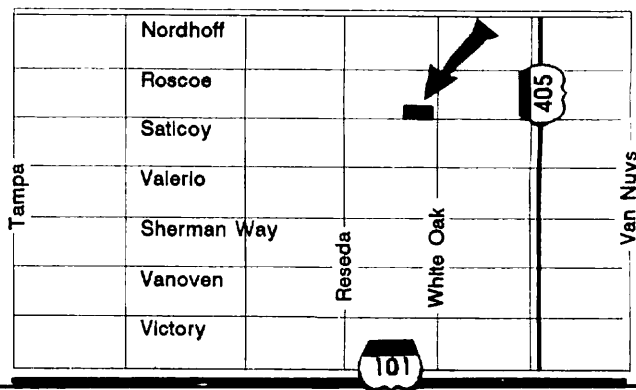
9:00am - 7:00pm

Thứ SÁU: 9:00am - 5:00pm

Thứ BẢY: 9:00am - 4:00pm

NGHỈ: CHỦ NHẬT - THỨ HAI

NHẬN MEDICAL - BẢO HIỂM

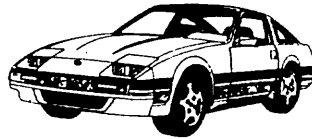


USA GENERAL AUTO REPAIR

Honda - Toyota - Mazda - Datsun

7444 Reseda Blvd. Suite D, Reseda, CA 91335

Tel: (818) 996-4926



Mở cửa 6 ngày trong tuần từ **THỨ HAI** đến **THỨ BẢY** : 8:30 AM - 6:00 PM

Chúng tôi có kinh nghiệm 18 năm tại Mỹ và ở Việt-Nam.
Chúng Tôi Nhận :

--> **REBUILT:**

- TRANSMISSION
- PISTON ENGINE
- ROTARY ENGINE
- DIFFERENTIAL



--> **ENGINE TUNE-UP**

- > **FUEL INJECTION SERVICE**
- > **CARBURATOR SERVICE**
- > **AIR CONDITIONING SERVICE**
- > **STARTER SERVICE**
- > **ALTERNATOR SERVICE**
- > **RADIATOR SERVICE**
- > **BRAKE SYSTEM SERVICE**
- > **CLUTCH TRANS. SERVICE**

Nhận VISA, MASTERCARD

	Nordhoff			
	Roscoe			
	Saticoy		UNIT D	
	Valerio			
Tampa	Sherman Way	Reseda		Fwy 405
	Vanoven			Van Nuys
	Victory			

REPLACE TIMING BELT

- => 4 cylinder s/cam shaft **\$110.00**
- => 6 cylinder s/cam shaft **\$150.00**

REPLACE FRONT BRAKE : \$49.00

- => Check front wheel bearing
- => Check front rotor for most car



REPLACE REAR BRAKE : \$49.00

- => Check rear wheel bearing
- => Check rear rotor for most car

OIL FILTER CHANGE : \$15.00

- => Include : 5Qt Oil + Oil Filter +
Check Tire Pressure + All Fluid Levels

- Quý vị muốn biết thêm về **XE HƠI**, xin liên lạc **HUỖNH TRẦN & TOM**
- Chúng tôi sẵn sàng check xe cho quý bạn để quyết định trước khi mua, sau này khỏi gặp trở ngại.

VAN'S TIỆM BÁNH BAKERY

121 E. Valley Blvd.
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 571-5845
(Cạnh siêu thị Hawaii)

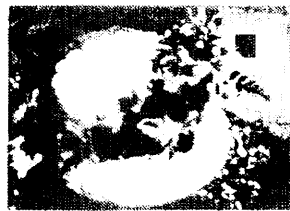
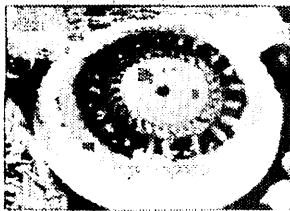
140 W. Valley Blvd. #120
San Gabriel, CA 91776
Tel. (818) 288-7272
(Trong khu chợ 99)

9211 Bolsa Ave. #125
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 898-7065
(Cạnh siêu thị 99 Market)

14346 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 839-1666

1824 E. Tully Rd.
San Jose, CA 95122
Tel. (408) 270-2222

**Tiệm Bánh Được Sự Ủng Hộ Của Quý Vị Đồng Hương Nhất Tại Cali.
CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI BÁNH PHÁP - VIỆT NAM - TRUNG HOA**



- Pâté CHAUD
- Croissant đủ loại
- Các loại bánh ngọt
- Bánh Trung Hoa
- Bánh bao
- Bánh gan
- Bánh khoai môn
- Quầy Food To Go hấp dẫn và tất cả các loại chè



*Bánh đặt tại
Van's Bakery
trình bày thật long lâu
hương vị thơm ngon
sẽ làm tăng thêm
phần sang trọng trong
Tiệc Cưới
Sinh Nhật.*

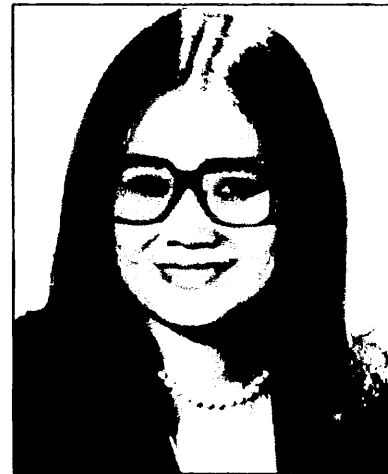
Ana Funding

Ana Real Estate

10900 WESTMINSTER AVENUE, SUITE 10 - GARDEN GROVE, CA 92643

(714) 636-2299 / 1-800-675-7786

- Hơn 10 năm phục vụ cộng đồng.
- Thành tín và tận tâm.
- Là một văn phòng mà quý vị có thể tin tưởng trong các dịch vụ về Địa ốc và Tài Trợ Địa ốc.
- Nhiều kinh nghiệm để giải quyết những trường hợp khó khăn khi mượn tiền.



AN NGUYỄN
Broker

- Mua bán nhà
- Apartments
- Shopping center
- Các cơ sở thương mại
- Leasing
- Property management
- Chuyên mua bán nhà của nhà băng và của HUD
- Mượn tiền mua nhà và refinance
- Mượn Equity loan để làm business, trả nợ credit card, mua xe...
- Thủ tục dễ dàng và nhanh chóng
- Lệ phí nhẹ



VINA PHARMACY

18541 Sherman Way # 103., Reseda, CA 91335

Tel. (818) 345-6534

(Trong khu Donags Plaza, cạnh Cà-Phê Lục-Huyền-Cấm, sau lưng chợ BANGLUCK)

- * Bán thuốc theo toa Bác-Sĩ,
- * Bán đầy đủ các loại thuốc thông thường,
- * Dược-Sĩ đích thân chỉ dẫn cách dùng thuốc tường tận.

Mở cửa 7 ngày trong tuần

Mon = Friday: 9:30AM - 7:00PM

Saturday: 9:30AM - 3:00PM

COPIES \$.05

Nhận MEDICAL và CÁC LOẠI BẢO HIỂM

TÍN NHIỆM ★ AN CẦN ★ TẬN TÂM
NHANH CHÓNG ★ GIÁ CẢ NHẹ NHÀNG

Dược Sĩ THÁI-QUANG-ĐOÀN

Express Bakery

Cafe and Bistro - French & Vietnamese Food

9035 Reseda Blvd., Northridge, CA 91324

Tel. (818) 349-9135

*Giờ Mở Cửa:
6 ngày trong tuần
Chủ Nhật nghỉ*

Đặc biệt các món ăn:

Mì - Bún riêu - Hủ tiếu - Cơm và nhiều món ăn khác nhau.

Ngoài ra lò còn có sản xuất:

Pâté chaud, Croissant, Choux crème v.v...

Đặc Biệt: - Bánh Sinh Nhật - Bánh Cưới - Bánh Ngọt.



NHÀ THUỐC TÂY

HADO PHARMACY

7241 RESEDA Blvd., RESEDA, CA 91335

(Cạnh chợ Bangluck Market, khu Phố Số 1)

NHÀ THUỐC GIA ĐÌNH TÍN NHIỆM NHẤT CỦA QUÝ ĐỒNG HƯƠNG

- > Bán thuốc theo toa Bác-sĩ.
- > Bán các loại thuốc bổ đặc biệt.
- > Bán các loại thiệp, quà tặng.
- > Bán các loại sách truyện Việt-Nam chọn lọc.
- > Nhận MEDICAL và Bảo-Hiểm.
(Giá đặc biệt cho quý vị không có Bảo-Hiểm)

- > Ngoài ra chúng tôi hân hạnh phục vụ Quý Đồng-Hương qua các dịch vụ:
 - Điện thư (FAX)
 - Gửi thuốc về Việt-Nam.

Với Phương Châm:

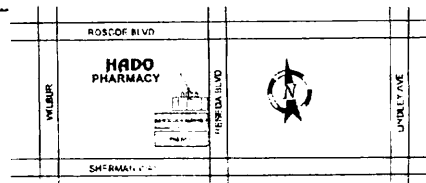
Thành Thật * Ân Cần * Tín cẩn

(818) 342-9333

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:30 PM

Thứ Bảy: 10:00 AM - 2:30 PM



BÁC SĨ NHA KHOA

LÊ THÀNH HÒA



- > Khám răng tổng quát định kỳ.
- > Trị các bệnh về răng miệng.
- > Làm răng giả các loại

Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM

ALHAMBRA

407 W. MAIN STREET
ALHAMBRA, CA 91801
Tel. (818) 281-6642

GIỜ LÀM VIỆC:

**THỨ HAI ĐẾN THỨ BẢY:
9AM - 6PM**

BÁC SĨ NHA KHOA

THÁI QUỲNH QUANG



VAN NUYS

6900 VAN NUYS., Suite # 14
VAN NUYS, CA 91405
Tel. (818) 904-0224
(cùng Building với Phan's Pharmacy)

GIỜ LÀM VIỆC:

**THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU: 9AM - 6PM
THỨ BẢY: 9AM - 5PM**

LONG BEACH

Bác Sĩ

MAI THANH HỒNG, M.D



CHUYÊN MÔN KHOA NHI ĐỒNG TẠI LONG BEACH

2146 E. ANAHEIM St., LONG BEACH, CA 90804

Tel (310) 439-7227 • 24hrs.

-> American Board of Neonatology Diplomate American Board of Pediatrics

-> Cựu Nội Trú Bệnh Viện Nhi Đồng Sài Gòn, Bác Sĩ Điều Trị Bệnh Viện Nhi Đồng, Quảng Đông.

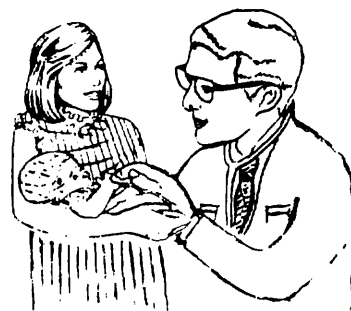
CHUYÊN MÔN BỆNH TRÉ SƠ SINH CẤP CỨU NEONATOLOGY & BỆNH NHI ĐỒNG (Pediatrics)

Bệnh Thanh Thiếu Niên

-> *Bác Sĩ Điều Trị Tại St. Mary Medical Center, Long Beach Memorial, Long Beach Community Hospital, Huntington Memorial Pasadena.*

-> *Cộng tác chương trình bóng sữa WIC*

-> *Đích thân săn sóc trẻ sơ sinh tại bệnh viện.*



Giờ Làm Việc:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30 AM - 6:00 PM

Thứ Tư đến Thứ Bảy: 10:00 AM - 1:00 PM

Bác Sĩ NHA KHOA

HUỲNH THỊ HẠNH, D.D.S.

LƯU HẠNH KHUÊ, D.D.S.

- ✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Saigon
- ✧ Nguyên Giảng Viên Đại-Học Nha-Khoa Minnesota Bộ môn Trám-Răng và làm Răng-Glả.

- ✧ Tốt nghiệp Đại-Học Nha-Khoa Minnesota từ năm 1989.

Giờ Làm Việc:

Thứ Hai - Thứ Bảy: 10 AM - 6 PM

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn Trước

14571 MAGNOLIA St., SUITE 202
WESTMINSTER, CA 92683

Tel. (714) 897-9985

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- ✧ Khám răng định kỳ
- ✧ Trám, Nhổ răng, lấy Gân máu
- ✧ Chuyên làm răng giả đủ các loại
- ✧ Chữa trị các loại bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.

NHA KHOA THẨM MỸ

- ✧ Tẩy răng trắng
- ✧ Làm khít răng thưa
- ✧ Vá răng sút mẻ ...

*Tận Tâm, Chu Đáo, Kỹ Lượng,
Chữa Răng Nhe Nhàng Theo Tiêu Chuẩn Hoa-Kỳ,
Trang Bị Hoàn Toàn Máy Móc Tối Tân.*

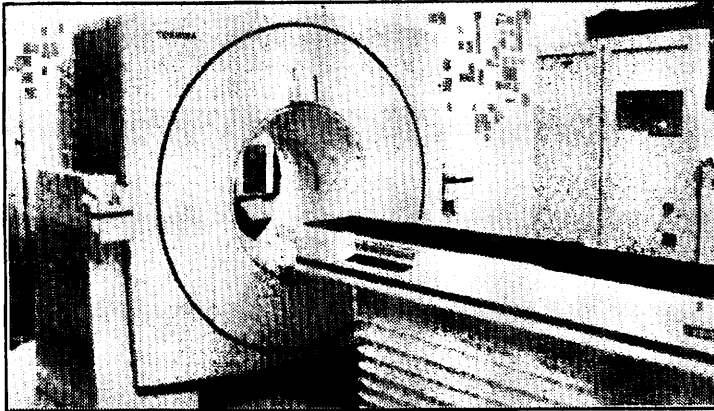
MAGNOLIA MEDICAL IMAGING CENTER, INC.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN MAGNOLIA

14571 MAGNOLIA St., Suite #101 ✪ WESTMINSTER, CA 92683

TEL (714) 893-1915

Bác Sĩ **PHÙNG GIA THANH**



- X - RAY
- MRI
- CAT SCAN
- ULTRASOUND
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

**CÓ MÁY
CAT SCAN TẠI CHỖ**

GIỜ MỞ CỬA:

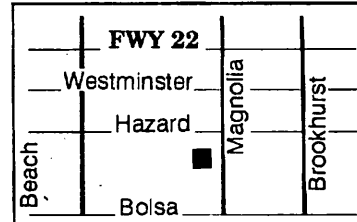
THỨ HAI - THỨ SÁU: 9:00 AM - 6:00 PM

THỨ BẢY: 9:30 AM - 3:00 PM

ĐẶC BIỆT

CHỤP VÚ DO NỮ

CHUYÊN VIÊN ĐẢM NHIỆM



DISCOUNT

*Exotic
Fresh & Silk*



Kamala Flower And Music

(Tiệm Bông Liên-Hoa)

Complete Floral Services • Original Quality Design
Live Classical Piano Music For Weddings & Parties

**Private & Group Piano Lessons
All Ages & Levels**

* *Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa*

- *Cho mượn thùng hơi thổi bong bóng*

* *Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ*

- *Giao hoa khắp mọi nơi*

* *Bán bong bóng có in hình Phật Dẫn-Sanh cho lễ*

Phật-Dẫn và hình Mục-Kiền-Liên cho lễ Vu-Lan

- *Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu-Lan.*



Professional
Instruction

14044 Magnolia * Suite 128

Westminster, CA 92683

(corner Westminster Blvd.)

Tel: (714) 891-8130 ** Pager: (714) 571-6483

Free: 1-800-700-4443

VISA
MASTER CARD



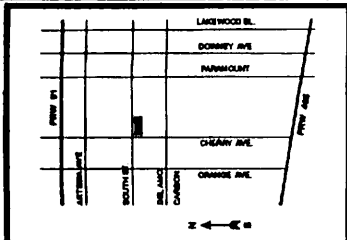
NỮ BÁC SĨ STEPHANIE THU LE, D.C.

- Nguyên sinh viên Y-khoa Sài Gòn
- Tốt nghiệp Bác-Sĩ chuyên khoa Chính xương tại Đại-Học Chiropractic of Los Angeles
- Diplomate National and States Boards of Chiropractic Examiners
- California State Radiography X Rays supervisor and Operator



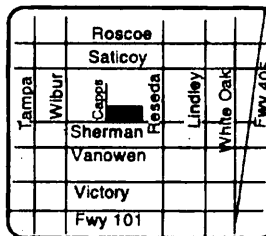
CHUYÊN TRỊ:

- Đau lưng, cụt xương sống, đau thần kinh tọa, vẹo xương sống
- Đau cứng cổ, đau nhức bả vai, đau và tê tay chân
- Nhức đầu cấp tính và kinh niên, mỏi mệt, mất ngủ
- Đau nhức và sai trật khớp xương, phong thấp, bong gân, vẹo bẻ
- Các chứng bệnh đau nhức liên quan đến cột xương sống, hệ thống thần kinh và bắp thịt



TRỊ LIỆU:

Xử dụng X-Ray và đầy đủ các dụng cụ. Y-Khoa vật lý trị liệu tối tân nhất hiện nay. Điều chỉnh cột xương sống, bắp thịt, hệ thống thần kinh làm hết đau và phục hồi lại chức năng của cơ thể. Hướng dẫn về dinh dưỡng và thể dục.



NHÂN:

- ✓ Auto Accident
- ✓ Insurance
- ✓ Worker's Comp
- ✓ Medicare
- ✓ Có chương trình đặc biệt cho bệnh nhân có tài chánh khó khăn.

LONG BEACH CHIROPRACTIC CLINIC

2150 S. South St., Suite 104
Long Beach, CA 90805
Tel. (310) 790-8209

(gần đường Cherry + South, đối diện Food 4 Less)

Y-Khoa chính xương.

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10AM - 6PM

RESEDA CHIROPRACTIC CLINIC

18625 Sherman Way., Suite 109.. Reseda, CA 91335
(Trong khu Plaza Calco cạnh bãi xe Ba-Lé)
Tel. (818) 345-0999

LƯU Ý: Từ nay quý đồng hương không phải đi xa để khám bệnh vì đã có Nữ Bác Sĩ Stephanie Thu Lê ở vùng San Fernando Valley

Giờ làm việc: Thứ Hai đến Thứ Bảy: 10AM - 7PM



Trường Thẩm Mỹ THÁI BÌNH DƯƠNG

PACIFIC BEAUTY COLLEGE

15436 Brookhurst St., Westminster, CA 92683

(góc Mc Fadden)

TEL. (714) 839-1276

Đào tạo chuyên viên làm TÓC và NAIL đi khắp 50 Tiểu bang
và có chương trình huấn luyện cho quý đồng bào ở ngoài nước Mỹ.

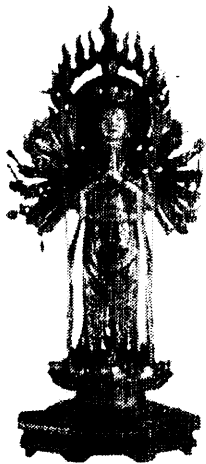
NAIL CARE CĂN BẢN: 400 GIỜ
NAIL CARE CAO CẤP: 200 GIỜ
COSMETOLOGY: 1600 GIỜ

**CÓ CHƯƠNG TRÌNH UYỂN CHUYỂN THÍCH HỢP
CHO MỌI HOÀN CẢNH**

DAVIDO INC. ĐẠI VIỆT CÔNG TY

Oriental Rosewood Furniture Art + Galleries
The Shop (in China Town)

861 N. Spring ST. # 204-205-206
Los Angeles, CA 90012
Tel. (213) 626-1868



* Bốn hiệu chúng tôi có bán đủ tất cả các loại đồ sứ, đồ cổ từ Trung-Hoa, đẹp và quý.
* Có đủ tất cả đồ thờ phượng: tượng Phật, bình hoa, chậu kiếng, lư hương, nhang đèn...

XIN MỜI QUÝ KHÁCH CHIẾU CỐ, GIÁ RẺ, AN CẦN TIẾP ĐÃI



BÁC SĨ NHA KHOA

胡文富牙醫博士



HỒ VĂN PHÚ, D.D.S. HỒ NHƯ MAI, D.D.S.

- ☺ Nha Khoa Gia Đình.
- ☺ Khám Răng Định Kỳ.
- ☺ Làm Răng Giả Đủ Loại.

- ☺ Trám, Nhổ, Chữa Tủy Răng.
- ☆ Nha Khoa Phòng Ngừa.
- ☆ Sửa Răng Thẩm Mỹ.

SOUTH BAY CENTER

15024 Prairie Ave.
Hawthorne, CA 90250

☎ TEL. (310) 978-8993

Giờ làm việc:

Thứ ba, năm: 9:00am = 6:00pm
Thứ bảy: 9:00am = 4:00pm

CHINATOWN CENTER

625 W. College St., # 104
Los Angeles, CA 90012

☎ TEL. (213) 617-0096

Giờ làm việc:

Thứ hai - Thứ tư, Thứ sáu
9:00am = 6:00pm

XIN VUI LÒNG ĐIỆN THOẠI LẤY HẸN TRƯỚC
Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

Bác Sĩ **TRẦN TIẾN SUM**

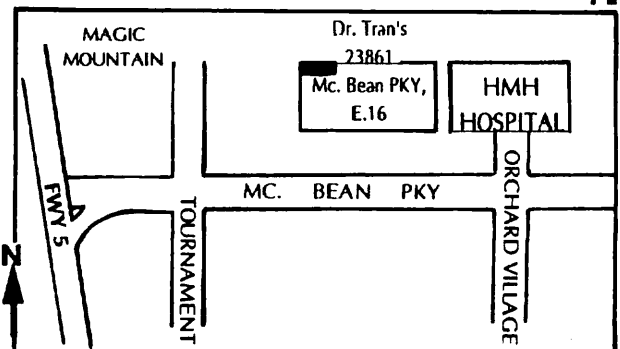
GIẢI PHẪU THẨM MỸ

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt. Sinai Hospital New York, Hoa-Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á-Đông tại Viện Đại-Học Showa, Tokyo - Nhật-Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C. và Fresno V.M.C. (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu

- => *Mắt hai mí Đông-phương và độn mũi*
- => *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da, làm mờ sẹo rỗ*
- => *Sửa mí mắt, mũi, sửa và độn cằm, sửa tai vĩnh*
- => *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- => *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser:*
 - Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v...*
- => *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- => *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ vì ung thư*
- => *Cắt bỏ các bướu ung thư của da*
- => *Tái tạo và sửa chữa các tật bẩm sinh ở mặt*
- => *Tẩy các vết sẹo*
- => *Tái tạo các chức phận của bàn tay, gây thần kinh, gân và xương.*

Nhận
Visa, Master Card,
American Express



THAM KHẢO VÀ LẤY HẸN Ở ĐỊA CHỈ MỚI:

23861 MC. BEAN PKY, SUITE # E.16
VALENCIA, CA 91355
Tel. (805) 253-2211 (24 hours)

Toll Free: 1-800-540-2340 1-805-253-3755

Á CHÂU TANG NGHI QUÁN

Á CHÂU FUNERAL HOME

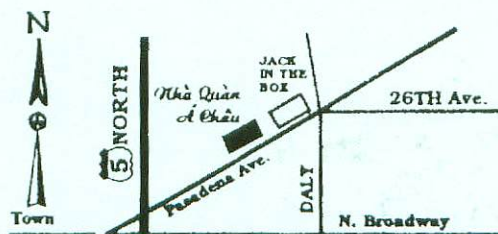
**Nhà Quàn Đầu Tiên
Do Người Việt Thành Lập
Và Đảm Trách**

CHÚNG TÔI CÓ DỊCH VỤ CHUYÊN CHỞ THI HẢI VỀ VIỆT-NAM

- Nhằm mục đích giúp đỡ đồng hương, không may có chuyện đau buồn xảy ra.
- Chỉ cần gọi điện thoại cho chúng tôi, quý vị sẽ được tận tình giúp đỡ.
- Sắp xếp mọi nghi thức an táng, hỏa táng và lo mọi thủ tục giấy tờ.
- Quan tài, mồ mả, bia mộ, tang phục đầy đủ.
- Lễ đường khang trang, parkinh rộng rãi, giao thông tiện lợi.
- Nhân viên tận tình phục vụ.
- Thông thạo các nghi lễ cổ truyền và mọi hình thức tôn giáo.

*Chuyên Gia Kinh Nghiệm Dồi Dào.
Tận Tình Chăm Sóc Cho Người Quê Cổ.
Gặp Những Trường Hợp Khó Khăn,
Xin Đừng Ngần Ngại, Gọi Ngay Cho Chúng Tôi.*

**DIỆN THOẠI 24/24:
(213) 222-4868**

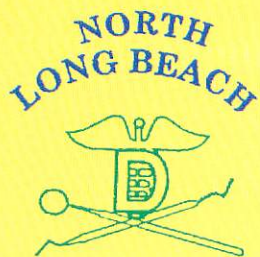


—> Từ Freeway 5, exit Broadway quẹo phải trên đường Broadway tới Daly quẹo trái sẽ gặp ngã 5 quẹo trái trên Pasadena. Á-Châu-Tang-Nghi-Quán ở bên phải, kế nhà hàng Jack In The Box (gần ngã 5 Pasadena & Daly).

—> Từ Monterey Park đi sang 10 West, sang 5 North, theo chỉ dẫn ở trên.

—> Từ Chinatown đi N. Broadway, vừa qua cầu xe lửa gặp Pasadena, cạy theo Pasadena chừng 1/2 mile, gặp Á-Châu-Tang-Nghi-Quán cạnh nhà hàng Jack In The Box.

**2517 Pasadena Ave, Los Angeles, CA 90031
(Trung Tâm Chinatown)
(213) 222-4868 & (213) 222-4778**



TRUNG TÂM NHA KHOA

PHƯƠNG TRINH

2150 E. South St. # 116., Long Beach, CA 90805

(Đối diện chợ Ralph, góc Cherry & South)

(310) 531-9778 *** (310) 531-9779

DTT Dental Group

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN-PHƯƠNG-TRINH, D.D.S

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- * Trám răng, bọc răng, làm các loại răng giả.
- * Chữa trị các bệnh về nướu răng, hôi miệng, chảy máu, lung lay hoặc đau nhức.
- * Lấy gân máu, nhổ răng.

NHA KHOA THẨM MỸ

- * Vá răng mẻ, tái tạo men răng.
- * Làm khít răng thưa, sửa răng mọc lệch.
- * Tẩy răng (răng bị vàng ố, nám đen).

NHA KHOA NHI ĐỒNG

- * Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch lạc, nhổ răng, trám răng.

- * Nhận làm Bác-Sĩ gia đình.
- * Nhận Medical - Medicare và bảo hiểm các loại.

**NHẬN TRẢ GÓP
KHÔNG TIỀN LỜI**
Đặc Biệt Cho Quý Vị
H.O. và O.D.P

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai tới Thứ Bảy:
10:00am đến 7:00pm
đau nhức khẩn cấp
không cần lấy hẹn trước.

PHÒNG MẠCH TRANG BỊ MÁY MÓC TỐI TÂN

CHU ĐÁO - TẬN TÂM - KỸ LƯỢNG



NHÀ HÀNG SAIGON EXPRESS

ORIENTAL CUISINE

18515 Roscoe Blvd., Northridge, CA 91324

(Góc đường Reseda sau lưng El Pollo Roco)

Tel. (818) 882-3028

Fax. (818) 882-3875



 Stir Fried Tender Beef
In Oyster Sauce



 Deluxe Stir Fried Vegetarian



 Deep Fried Shrimps

AND MANY MANY MORE !!!!!

We provide catering for all occasions arrangement can be made for after hour KARAOKE PARTY

Các bạn sẽ được thưởng thức những món ăn thuần túy Việt-Nam như:

- Cơm Hến Đông Ba, Phở Bắc, Bún Bò Huế, Bún Măng Vịt
- Bánh Xèo, Chạo Tôm, Nem Nướng, Bánh Hời
- Bò Nướng Lá Nho (nước chấm đặc biệt của Saigon Express)
- Càng Cua Bách Hoa

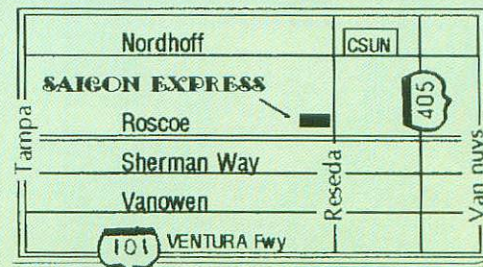
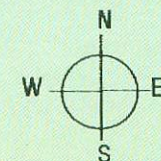
SAIGON EXPRESS

Kính Mời



MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN

**Thứ Hai đến Chủ Nhật:
9 giờ sáng đến 9 giờ đêm**



*Nhà hàng sẽ nhận đặt tiệc,
nhóm bạn, tổ chức sinh nhật,
và Karaoke Party.*



VĂN PHÒNG LUẬT SƯ

ERIC K. CHEN OMD. JD.

ATTORNEY AT LAW

CHUYÊN LO CÁC DỊCH VỤ PHÁP LÝ

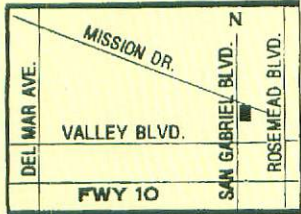
1040 S. San Gabriel Blvd., San Gabriel, CA 91776

THƯƠNG TÍCH CÁ NHÂN

- TAI NẠN XE CỘ
- THƯƠNG VONG
- CHÓ CẢN
- TRƯỢT TẾ
- KHUYẾT ĐIỂM



- TRỊ LIỆU BẤT CẢN
- TRỢ CẤP SSI
- THÀNH LẬP CÔNG TY
- LUẬT DI TRÚ
- ĐỊA ỐC
- THỪA KẾ (LIVING TRUST)



TONY KONSTANTINE KWAN

TEL. (818) 286-3648

Pager: (818) 418-9888 ; Fax: (818) 286-6084

Đặc biệt giúp đỡ cho những vị lớn tuổi thi vào QUỐC-TỊCH
SOCIAL SERVICE REFERRALS

OFFICE HOUR:

MON - FRIDAY:

➤ 9: AM - 5:30 PM

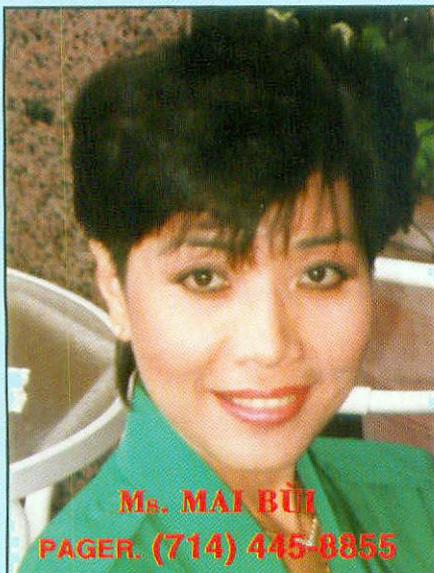
SATURDAY:

➤ 10: AM - 3:00 PM

VĂN PHÒNG CHUYÊN MÔN VỀ DỊCH VỤ IMMIGRATION

Tel. (714) 418-0573

9938 Bolsa Ave # 216., Westminster, CA 92683



Ms. MAI BUI

PAGER. (714) 445-8855

■ **DI TRÚ:** Hơn 10 năm kinh nghiệm với các chương trình tỵ nạn Đông Dương từng cứu xét các hồ sơ Immigrant tại IVA / Hồng Kông.

■ **BUSINESS & STUDENT VISAS:**

- ⇒ Hoàn tất giấy tờ và thủ tục cho sinh viên sang du học tại Mỹ.
- ⇒ Tổ chức các phái đoàn Thương-Mại Việt-Nam tham quan và nghiên cứu thị trường Hoa-Kỳ.

- Bảo lãnh cho vợ chồng không hôn thú bằng Fiance Visa.
- Chứng nhận độc thân công hàm ngoại giao.
- Có sự cộng tác của luật sư Việt-Nam để thủ tục được nhanh chóng.



WU's Import & Export Corporation

Tiệm Phật Cụ BỒ-ĐỀ

BUDDHA STATUES SUPPLIES & GIFTS

1629 S. DEL MAR Ave., San Gabriel, CA 91776

(Đối diện chợ Hawaii, có parking phía sau)

CHUYÊN BÁN SĨ VÀ LỄ - NHẬN GỠ HÀNG KHẮP TIỂU BANG TRONG NƯỚC MỸ:

- Tượng Phật, Bồ-Tát bằng đồng mạ vàng.
- Đèn Dục-Sư, chuông Đại-Hồng-Chung.
- Đồ sứ do điêu khắc gia nổi tiếng ở Đài-Loan tạc.
- Chuông mõ lớn đủ cỡ, các loại Khánh dẫn lễ, Chuông đồng.
- Tràng-phang đủ cỡ, áo-tràng, áo Vạt-khách màu lam, mền Đà-la-ni v.v...
- Đầy đủ nhang đèn, kinh sách, giấy tiền vàng bạc, các lễ vật cúng tế phong thủy v.v...



Có giá đặc biệt cho quý Thầy, Sư Cô và quý Chùa.

☆ Ngoài ra chúng tôi có bán sỉ và lẻ các loại tủ, bàn thờ và bàn ghế kiểu bằng gỗ Cẩm-Lai, điêu khắc rất tinh vi. Giá cả rất phải chăng.

Giá cả nhẹ nhàng. Tiếp đãi ân cần. Chủ nhân thành tín kính mời.

Mở cửa 7 ngày từ : 10am - 7pm

Xin liên lạc: (Tiếng Việt) CÔ PHÓNG - Tel (818) 280-2598

(Tiếng Anh) MR. WU - Tel. (818) 280-7813 ; Fax. (818) 280-4752

NEWPORT SURGERY INSTITUTE

THẨM MỸ VIỆN HOÀN - MỸ

Chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

ĐẶC CHẾ KEM CHO TỪNG LOẠI DA

Đặc biệt: Có Bác-Sĩ Thẩm Mỹ chuyên môn cấy tóc tự nhiên và vĩnh viễn

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ Canada, Mỹ, Nhật có bằng thẩm mỹ, kinh nghiệm hơn 20 năm, từng giải phẫu trên 25,000 trường hợp.

DƯỚI SỰ ĐIỀU KHIỂN CỦA BÁC SĨ
P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. ©

Bà Phương Lan Nguyễn-Gia-Quỳnh

Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ, nhiều năm kinh nghiệm.

Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi cho hợp với khuôn mặt Á Đông.

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA.

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh để bạn chọn lựa theo ý muốn.

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU VÀ KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ.

MAU LẼ, RA VỀ TRONG MỘT NGÀY.

Phương pháp mới nhất dùng chất sụn trong cơ thể bạn để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên và sẽ không sợ phản ứng sau khi sửa.

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(Tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ NGHỈ LẠI



Mrs. Phương Lan Nguyễn-Gia-Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL, SUITE 406 • NEWPORT BEACH, CA 92600

TEL: (714) 759-8276 - Res. 898-6514

1-800-367-9671